

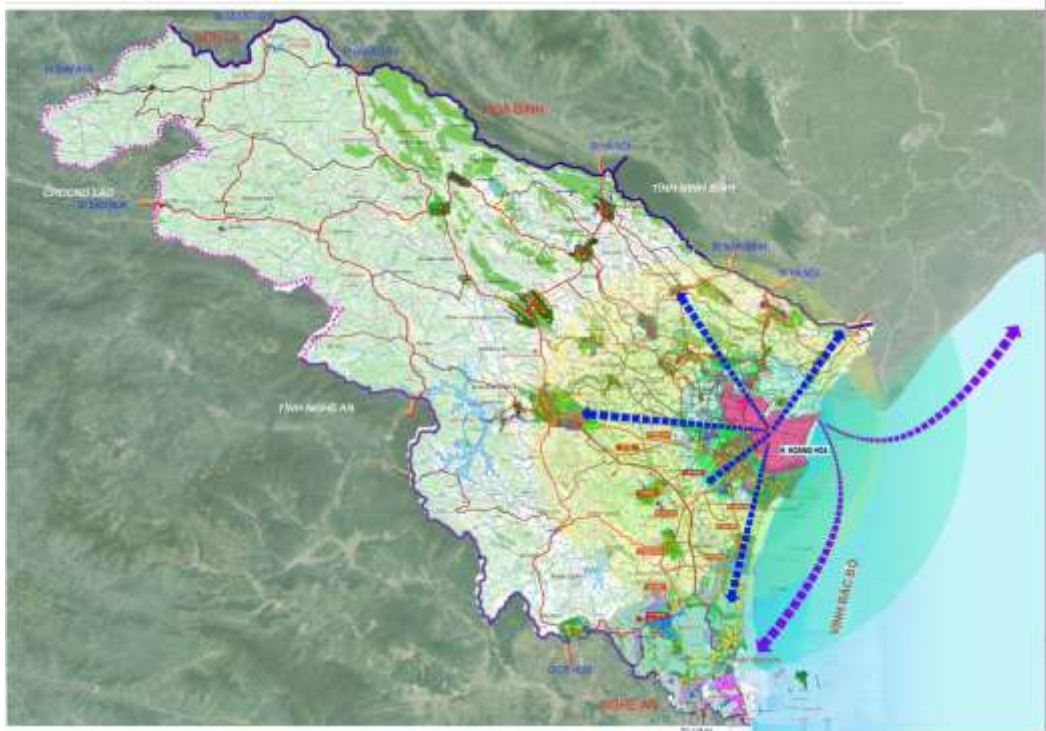
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# THUYẾT MINH

QUY HOẠCH CHUNG

ĐÔ THỊ HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HOÁ, ĐẾN NĂM 2045



Thanh Hoá, năm 2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# **THUYẾT MINH**

**QUY HOẠCH CHUNG**

**ĐÔ THỊ HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HOÁ ĐẾN NĂM 2045**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

**Cơ quan thẩm định  
BỘ XÂY DỰNG**

*Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024*

**Cơ quan trình duyệt  
UBND TỈNH THANH HOÁ**

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Xuân Liêm**

*Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024*

**Cơ quan tổ chức lập quy hoạch  
UBND HUYỆN HOÀNG HOÁ**

**CHỦ TỊCH**

*Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024*

**Cơ quan tư vấn  
VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC  
THANH HÓA  
VIỆN TRƯỞNG**

**Hoàn thành - 2024**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: PHẦN MỞ ĐẦU .....	7
1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch .....	7
1.2. Các căn cứ lập quy hoạch .....	9
1.2.1. Các cơ sở pháp lý, văn bản chỉ đạo .....	9
1.2.2. Các cơ sở bản đồ.....	14
1.3. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch .....	14
1.3.1. Phạm vi lập quy hoạch.....	14
1.3.2. Ranh giới lập quy hoạch .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3.3. Quy mô lập quy hoạch .....	15
1.3.4. Luận chứng về quy mô ranh giới lập quy hoạch.....	15
CHƯƠNG II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG .....	17
2.1. PHÂN TÍCH VỊ TRÍ ĐÔ THỊ HOÀNG HOÁ.....	17
2.2. PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN .....	18
2.2.1. Địa hình địa mạo.....	18
2.2.2. Đặc điểm khí hậu .....	20
2.2.3. Đặc điểm Thủy văn .....	22
2.2.4. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên .....	23
2.2.5. Đặc trưng cảnh quan .....	31
2.3. Đánh giá Hiện trạng đô thị.....	31
2.3.1. Hiện trạng dân số và lao động .....	31
2.3.2. Hiện trạng sử dụng đất .....	37
2.3.3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội .....	40
2.3.4. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật .....	45
2.1.5. Hiện trạng kinh tế - xã hội .....	78
2.4. Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt:..	84
2.4.1. Các quy hoạch chung đô thị đã được duyệt.....	84
2.4.2. Đánh giá chung.....	86
2.4.3. Những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị. ....	87
2.5. Đánh giá hiện trạng đô thị theo các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị.....	88
2.5.1. Đánh giá, so sánh theo các tiêu chí .....	88
2.5.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị .....	103
2.5.3. Giải pháp khắc phục các tiêu chí chưa đạt.....	104
2.6. Đánh giá tổng hợp (SWOT).....	106
2.3. Các phương hướng phát triển .....	108
2.3.1. Các định hướng tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị .....	108
2.3.2. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị. ....	109
CHƯƠNG III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU TÍNH CHẤT, VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	111
3.1. Mục tiêu .....	111
3.2. Tính chất đô thị.....	111
3.3. Động lực phát triển .....	112
3.2. Vai trò đô thị Hoàng Hóa với vùng tỉnh và cả nước.....	113

3.3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch; .....	114
3.3.1. Quan điểm quy hoạch .....	114
3.3.2. Quan điểm phát triển .....	115
3.4. Xác định những vấn đề cần giải quyết chính trong quy hoạch. ....	115
<b>CHƯƠNG IV: TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN ĐÔ</b>	
<b>THỊ</b> .....	117
4.1. Tầm nhìn .....	117
4.2. Chiến lược phát triển: .....	117
4.3. Các dự báo phát triển. ....	119
4.3.1. Các dự báo về phát triển Kinh tế, xã hội .....	119
4.3.2. Dự báo dân số, lao động và nghề nghiệp. ....	120
4.4. Các dự báo phát triển .....	125
4.4.1. Dự báo đất phát triển đô thị.....	125
4.4.2. Các dự báo về chỉ tiêu hạ tầng xã hội. ....	126
4.4.3. Các dự báo về hạ tầng kỹ thuật.....	126
<b>CHƯƠNG V: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÀ THIẾT KẾ ĐÔ</b>	
<b>THỊ</b> .....	128
5.1. Mô hình cấu trúc phát triển .....	128
5.2. Phương án cơ cấu phát triển đô thị.....	128
5.2.1. Các phương án quy hoạch.....	128
5.2.2. Nguyên tắc, tiêu chí để lựa chọn phương án cơ cấu phát triển đô thị .	131
5.2.3. Lựa chọn phương án quy hoạch .....	132
5.3. Định hướng phát triển không gian .....	133
5.3.1. Định hướng phát triển không gian tổng thể .....	133
5.3.2. Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm chức năng .....	135
5.3.3. Định hướng quy hoạch vùng ven biển Hải Tiến .....	138
5.3.4. Định hướng không gian 2 bên sông Cung.....	140
5.3.5. Định hướng quy hoạch cải tạo các khu vực đô thị hiện hữu .....	141
5.3.6. Định hướng phát triển khu vực phát triển đô thị mở rộng .....	142
5.3.7. Định hướng phát triển khu vực nông thôn .....	142
5.3.8. Định hướng quy hoạch không gian biển .....	144
5.3.9. Định hướng quy hoạch tầng cao.....	144
5.3.10. Định hướng phát triển không gian công cộng, không gian xanh .....	145
5.3.11. Định hướng quy hoạch không gian, hạ tầng ngầm.....	146
5.4. Định hướng các khu vực Nội thị, ngoại thị theo các giai đoạn.....	149
5.5. Định hướng phát triển các phân khu chức năng đô thị: .....	153
<b>CHƯƠNG VI: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT</b> .....	156
6.1. Quan điểm sử dụng đất .....	156
6.2. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	156
6.3. Định hướng Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn.....	156
6.3.1. Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 .....	157
6.3.2. Quy hoạch sử dụng đất đến 2045 .....	158
6.4. Quy định quản lý sử dụng đất .....	159
<b>CHƯƠNG VII: ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI.</b>	166
7.1. Định hướng quy hoạch Công nghiệp .....	166
7.1.1. Quan điểm chung về phát triển Công nghiệp.....	166
7.1.2. Định hướng phân bố các khu công nghiệp: .....	168

7.2.	Định hướng quy hoạch Dịch vụ thương mại và Du lịch.....	170
7.2.1.	Nguyên tắc chung .....	170
7.2.2.	Dự báo phát triển .....	171
7.2.3.	Định hướng phát triển hệ thống trung tâm thương mại và chợ .....	171
7.2.4.	Định hướng phát triển du lịch.....	173
7.3.	Định hướng phát triển hạ tầng xã hội.....	178
7.3.1.	Định hướng phát triển hệ thống cơ quan, công sở .....	178
7.3.2.	Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục .....	179
7.3.3.	Định hướng phát triển hạ tầng y tế .....	180
7.3.4.	Định hướng phát triển hạ tầng văn hóa – thể dục thể thao .....	181
7.3.5.	Định hướng phát triển hạ tầng an sinh xã hội.....	183
7.3.6.	Định hướng phát triển nhà ở.....	183
7.3.7.	Định hướng quy hoạch quốc phòng - an ninh .....	185
7.3.8.	Định hướng đô thị xanh, thông minh và bền vững .....	186
<b>CHƯƠNG VIII: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....</b>		<b>188</b>
8.1.	Định hướng quy hoạch Giao thông: .....	188
8.1.1.	Cơ sở thiết kế và căn cứ pháp lý .....	188
8.1.2.	Nguyên tắc tổ chức giao thông .....	188
8.1.3.	Quan điểm thiết kế hệ thống giao thông .....	189
8.1.4.	Giải pháp thiết kế.....	190
8.2.	Định hướng phòng chống thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu.....	199
8.2.1.	Các kịch bản biến đổi khí hậu : .....	199
8.2.2.	Nguy cơ tai biến thiên tai .....	202
8.2.3.	Giải pháp phòng chống thiên tai: .....	202
8.3.	Định hướng quy hoạch cao độ nền, thoát nước mặt:.....	206
8.3.1.	Cơ sở thiết kế.....	206
8.3.2.	Nguyên tắc thiết kế.....	206
8.3.3.	Giải pháp cao độ nền xây dựng .....	207
8.3.4.	Giải pháp thoát nước mưa .....	209
8.3.5.	Hệ thống hồ điều tiết nước mưa và biện pháp kiểm soát dòng chảy. ....	217
8.3.6.	Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư .....	220
8.4.	Định hướng Quy hoạch cấp nước .....	221
8.4.1.	Cơ sở thiết kế: .....	221
8.4.2.	Nguyên tắc thiết kế.....	221
8.4.3.	Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng nước .....	221
8.4.4.	Nguồn nước:.....	222
8.4.5.	Giải pháp cấp nước: .....	225
8.4.6.	Yêu cầu khoảng cách ly bảo vệ nguồn nước .....	227
8.5.	Định hướng quy hoạch cấp điện:.....	228
8.5.1.	Cơ sở thiết kế: .....	228
8.5.2.	Nguyên tắc thiết kế.....	228
8.5.3.	Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng điện .....	228
8.5.4.	Định hướng cấp điện.....	229
8.6.	Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông:.....	231
8.6.1.	Cơ sở thiết kế.....	231
8.6.2.	Quan điểm phát triển .....	232
8.6.3.	Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu dịch vụ viễn thông.....	232

8.6.4. Định hướng phát triển.....	233
8.6.5. Định hướng hạ ngầm hệ thống thông tin liên lạc .....	237
8.7. Định hướng Quy hoạch hệ thống thoát nước thải.....	238
8.7.1. Cơ sở thiết kế.....	238
8.7.2. Nguyên tắc thiết kế .....	238
8.7.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu thoát nước thải .....	240
8.7.4. Giải pháp thiết kế hệ thống thoát nước thải .....	241
8.8. Định hướng quy hoạch chất thải rắn.....	245
8.8.1. Cơ sở thiết kế.....	245
8.8.2. Nguyên tắc thiết kế .....	246
8.8.3. Chỉ tiêu và dự báo lượng phát thải chất thải rắn .....	247
8.8.4. Định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn .....	248
8.9. Định hướng hệ thống nghĩa trang .....	250
8.9.1. Nguyên tắc thiết kế .....	250
8.9.2. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang .....	250
8.9.3. Giải pháp quy hoạch quản lý nghĩa trang .....	251
CHƯƠNG IX: GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	252
9.1. Cơ sở pháp lý:.....	252
9.2. Xác định các mục tiêu bảo vệ môi trường cho quy hoạch.....	252
9.3. Các giải pháp bảo vệ môi trường:.....	253
9.3.1. Giải pháp về kỹ thuật .....	253
9.3.3. Giải pháp về quản lý .....	255
a.3. Đối với môi trường đất:.....	259
9.3.4. Phân vùng bảo vệ môi trường .....	260
9.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường.....	263
9.5. Kết luận về kiến nghị bảo vệ môi trường .....	264
CHƯƠNG X: ĐỀ XUẤT DANH MỤC QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN	
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.....	267
10.1 . Phân kỳ thực hiện quy hoạch .....	267
10.2. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư .....	268
10.3. Đề xuất nguồn vốn, nguồn lực thực hiện quy hoạch .....	271
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	274
Kết luận:.....	274
Kiến nghị: .....	275

## Chương I: PHẦN MỞ ĐẦU

### Dẫn nhập

- Hoàng Hóa là vùng đất khoa bảng, có truyền thống học nổi tiếng của xứ Thanh, vang danh cả nước. Qua các triều đại phong kiến, huyện có 48 người đỗ tiến sĩ được ghi danh bia ở Quốc Tử Giám; toàn huyện có 16 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và 77 di tích cấp tỉnh
- Vị trí địa lý Hoàng Hoá nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Mã. Đất đai rộng (203,8km<sup>2</sup>) bằng phẳng, có đường bờ biển dài, thoải, cát mịn thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, đặc biệt là dịch vụ du lịch.
- Định hướng QH tỉnh Thanh Hoá khẳng định Hoàng Hoá nằm trong vùng đô thị trung tâm, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, phát triển đô thị, động lực thúc đẩy sự phát triển chung của cả tỉnh Thanh Hoá. Theo quy hoạch tỉnh Thanh Hoá huyện Hoàng Hoá có gần 1.500ha đất phát triển công nghiệp với 02 Khu công nghiệp và 6 cụm công nghiệp, là huyện có diện tích đất phát triển công nghiệp lớn nhất tỉnh (không tính đất công nghiệp trong Khu KT Nghi Sơn). Nguồn nhân lực dồi dào với dân số 238.048 người, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo lớn nhất trong các huyện. Các chỉ số cơ cấu kinh tế của Hoàng Hoá tiệm cận với hình thái kinh tế đô thị với Công Nghiệp xây dựng và dịch vụ Du lịch chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế. Quy mô nền kinh tế, GRDP/người trong 5 năm gần đây thuộc Top 5/27 huyện, TX, TP trong tỉnh Thanh Hoá.

**Đây là những xuất phát điểm quan trọng nhất để hình thành đô thị Hoàng Hoá trước năm 2025 và thành lập thị xã trước năm 2030.**

#### 1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Nghị Quyết 58 NQ/TW ngày 5/8/2020, Bộ chính trị đã ban hành về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Mục tiêu là “Xây dựng tỉnh Thanh Hoá trở thành một cực tăng trưởng mới của khu vực và cả nước với công nghiệp nặng, nông nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao là nền tảng; các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn”.

Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023; Hoàng Hóa là thị xã cửa ngõ vùng liên huyện số 1 - Vùng

liên huyện trung tâm theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa (gồm: Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, các huyện Hoàng Hóa Quảng Xương, Đông Sơn).

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa mục tiêu tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2025 và 2030 lần lượt là 41% và 50%. Quy hoạch vùng huyện Hoàng Hóa dự báo tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 và 2040 lần lượt là 50% và 70%. để thực hiện mục tiêu theo định hướng của quy hoạch vùng huyện và quy hoạch tỉnh, ngoài việc hình thành và mở rộng thị trấn Bút Sơn, đô thị Hải Tiến thì cần phải hình thành các khu vực phát triển đô thị khác theo định hướng tại Quyết định 3975/QĐ-UBND.

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh: Khu công nghiệp Phú Quý diện tích 845 ha (giai đoạn 1 là 531ha); khu công nghiệp Bắc Hoàng Hóa với diện tích 273,8 ha. Khi hình thành các KCN này, cùng với 6 cụm công nghiệp đã QH với tổng diện tích 334ha sẽ mở ra cơ hội phát triển mạnh mẽ cho huyện Hoàng Hóa trong tương lai gần, tạo tiền đề cơ sở hết sức quan trọng để hình thành đô thị Hoàng Hóa.

Thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 và Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ chính trị; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Hóa, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 – 2025, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Ngày 30/11/2020, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Hóa đã ban hành Quyết định số 93-QĐ/HU về Chương trình phát triển công nghiệp, đô thị huyện Hoàng Hóa giai đoạn 2020-2025 và Chương trình hành động thực hiện số 16-CTr/HU ngày 10/6/2021, Ban Thường vụ Huyện ủy có Kế hoạch số 96-KH/HU ngày 22/6/2022 thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, theo đó đến năm 2025 Hoàng Hóa được công nhận đô thị loại IV, trở thành thị xã trước năm 2030.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 xác định: Đến năm 2030, toàn huyện đạt tiêu chí đô thị loại IV. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định: Phấn đấu đến năm 2025 là huyện trong top dẫn đầu của tỉnh và trở thành thị xã trước năm 2030.

Quy hoạch đô thị với mục tiêu là xây dựng Hoàng Hóa theo hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị (giao thông, cấp thoát nước, môi trường; năng lượng; hệ thống thu gom và xử lý rác thải...) thông minh, hiện đại, đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025, nâng cấp lên thị xã trước năm 2030. Cải tạo chỉnh trang các khu vực đô thị, nông thôn theo hướng đô thị, xác định các khu vực cần cải tạo chỉnh



trang; khu vực phát triển mới; khu vực cảnh quan thiên nhiên; khu vực bảo tồn và khu vực đặc thù. Định hướng các hình thức kiến trúc cho các trục đường chính, các công trình điểm nhấn đô thị.

Từ những lý do trên, để thực hiện mục tiêu đề ra nêu trên, việc lập Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 là cần thiết, làm cơ sở pháp lý để quản lý, đầu tư xây dựng công trình, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, quản lý quá trình xây dựng và phát triển đô thị, tạo động lực thu hút đầu tư, khai thác các lợi thế của huyện để phát triển kinh tế xã hội bền vững.

## **1.2. Các căn cứ lập quy hoạch**

### ***1.2.1. Các cơ sở pháp lý, văn bản chỉ đạo***

#### *a/ Các Văn bản của Đảng*

Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 17/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Nghị quyết số: 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Kế hoạch 57-KH/TU ngày 30/3/2022 của Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Hóa lần thứ XXVII nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 93-QĐ/HU ngày 30/11/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Hóa về việc ban hành Chương trình phát triển công nghiệp, đô thị huyện Hoàng Hóa giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 96-KH/HU ngày 22/6/2022 thực hiện

Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 278-TB/HU ngày 03/10/2022 về Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, của Ban Thường vụ Huyện ủy Hoàng Hóa.

*b/ Các Văn bản của Quốc Hội, Chính phủ*

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về Phân loại đô thị.

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 của Quốc hội ngày 18/6/2009.

- Luật đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 t/ 11/ 2006 của Quốc hội;

- Luật Phòng chống thiên tai số: 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội;

- Luật Thủy lợi số: 08/2017/QH14 ngày 19 / 6 / 2017 của Quốc hội;

- Luật Lâm Nghiệp số: 16/2017/QH14 ngày 15 /11/2017 của Quốc hội;

- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023 của Quốc hội;

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH4 của Quốc hội;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 của Quốc hội;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội;
- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 của Quốc hội;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội ngày 29/11/2013;
- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030; về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình một số dự án luật.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số: 148/2020 NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.
- Thông tư số: 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

- Thông tư số: 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”.
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về thiết kế đô thị.
- Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Bộ Xây dựng ban hành Định mức khảo sát xây dựng.
- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an;
- Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin truyền thông về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;
- Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông";
- Thông tư số: 12/2023/TT-BXD ngày 20/11/2023 của Bộ xây dựng ban hành Quy định về phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.
- Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 7/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam thời kỳ 2021-2030;

- Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030;

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030;

- Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030.

- Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực du lịch trong tình hình mới”;

*c/ Các văn bản cấp tỉnh*

- Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.

- Quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện;

- Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Kế hoạch số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 40% trở lên.

- Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 12/04/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022.

Căn cứ Văn bản số 18145/UBND-CN ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

### **1.2.2. Các cơ sở bản đồ.**

- Hồ sơ QH tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045.
- Hồ sơ QH xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040.
- Hồ sơ Quy hoạch các đô thị; các xã;
- Các dự án, quy hoạch chi tiết, các quy hoạch ngành có liên quan.
- Các tài liệu, số liệu có liên quan.
- Khai thác, sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia tỷ lệ 1/10.000 để phục vụ nhiệm vụ lập Quy hoạch.

### **1.3. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch**

#### **1.3.1. Phạm vi lập quy hoạch**

Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Hoàng Hóa, bao gồm 37 đơn vị hành chính (36 xã và 01 thị trấn)<sup>1</sup>

Phạm vi nghiên cứu bao gồm cả khu vực ven biển phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng an ninh.

Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch quy hoạch chung đô thị Hoàng Hoá cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp: Biển Đông.
- + Phía Tây giáp: Thành phố Thanh Hóa; huyện Thiệu Hóa.
- + Phía Nam giáp: Thành phố Thanh Hóa; thành phố Sầm Sơn.
- + Phía Bắc giáp: Huyện Hậu Lộc

Phạm vi nghiên cứu bao gồm cả khu vực vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội: như nuôi trồng thủy hải sản, dịch vụ - du lịch và quốc phòng an ninh.

- Thời hạn quy hoạch

---

<sup>1</sup> Số liệu về xã đến hết năm 2024, từ 1/1/2025 Hoàng Hoá còn 35 xã và 01 thị trấn. Do xã Hoàng Phương sát nhập vào xã Hoàng Giang theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2025. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2025.

Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

### 1.3.3. Quy mô lập quy hoạch

- Diện tích khoảng: 203,8 km<sup>2</sup> <sup>(2)</sup>
- Tỷ lệ bản đồ lập quy hoạch: 1/10.000

### 1.3.4. Luận chứng về quy mô ranh giới lập quy hoạch

Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa theo hướng lập quy hoạch đô thị toàn huyện, định hướng hình thành thị xã trước năm 2030. Tên gọi đô thị lấy theo tên huyện Hoàng Hóa hiện nay. Việc xác định tên gọi sau khi hình thành đô thị sẽ do các cấp có thẩm quyền quyết định theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 đã xác định, đô thị Hoàng Hoá thuộc vùng đô thị hóa phía Bắc thuộc cụm đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa gồm thành phố Thanh Hóa - thành phố Sầm Sơn - đô thị Quảng Xương - đô thị Hoàng Hóa. Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển công nghiệp - dịch vụ tại cửa ngõ phía Bắc cụm đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa; phát triển kinh tế biển, với thế mạnh về dịch vụ thương mại, du lịch và thủy, hải sản; phát triển hạ tầng đô thị và nhà ở; phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp nông nghiệp truyền thống, đảm bảo phục vụ các vùng đô thị và du lịch ven biển.

Về quy mô nghiên cứu, diện tích tự nhiên của huyện Hoàng Hoá là 203.8km<sup>2</sup>, đảm bảo các yêu cầu đô thị loại IV và đơn vị hành chính cấp thị xã.

Về Tiêu chuẩn đô thị loại IV: Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Hiện nay, huyện Hoàng Hoá là đơn vị hành chính cấp huyện, dân số hiện trạng 238,046 người, diện tích tự nhiên 203,8 km<sup>2</sup>, tỷ lệ số thị trấn trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã 1/37<sup>3</sup>. Trên cơ sở các phân tích trên, việc xác định phạm vi lập quy

---

<sup>2</sup> Nguồn số liệu: Niên giám thống kê – cục thống kê Thanh Hoá - 2023

<sup>3</sup> Từ 1/1/2025. Theo Nghị quyết số 1238/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 – 2025. Huyện Hoàng Hoá còn 36 đơn vị hành chính cấp xã

hoạch chung đô thị trên toàn bộ địa giới hành chính của huyện Hoàng Hoá đảm bảo điều kiện diện tích và dân số tối thiểu để đảm bảo tiêu chí đô thị loại IV và thành lập thị xã đến năm 2030; cần nghiên cứu xác định ranh giới nội thị và ngoại thị đảm bảo số đơn vị hành chính dự kiến thành phường chiếm tỷ lệ trên 50%.

Một số tiêu chuẩn của đơn vị hành chính thị xã:

+ Quy mô dân số: 100.000 người trở lên;

+ Quy mô diện tích: 200km<sup>2</sup> trở lên;

+ Đơn vị hành chính trực thuộc:

Số đơn vị cấp xã trực thuộc: 10 đơn vị trở lên

Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 50% trở lên

Như vậy, quy mô nghiên cứu lập quy hoạch đô thị Hoàng Hóa với diện tích 203,8km<sup>2</sup>; 37 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đảm bảo các tiêu chuẩn cơ bản của đơn vị hành chính thị xã.



## CHƯƠNG II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG

### 2.1. Phân tích vị trí đô thị Hoàng Hoá

Hoàng Hóa là một huyện đồng bằng ven biển nằm ngay cửa ngõ phía Bắc thành phố Thanh Hóa, huyện còn có 15,18 km đường Quốc lộ 1A và trục đường sắt xuyên Việt chạy ngang qua từ phía Bắc xuống phía Nam đi qua địa phận 6 xã (Hoàng Quý, Hoàng Quý, Hoàng Phú, Hoàng Kim và Hoàng Trung và Hoàng Trinh). Đây là một trong những trục đường giao thông quan trọng nhất Việt Nam. Không chỉ có những thuận lợi trong giao thông đường bộ, đường sắt, Hoàng Hóa còn nằm bên cạnh con sông Mã, là một lợi thế rất lớn trong giao lưu đường thủy.

Từ phía Bắc đến phía Nam khoảng cách xa nhất của huyện là 12 km, phía Đông đến phía Tây là 21 km. Huyện Hoàng Hóa với hình dáng như hình cánh cung, một nhánh trái là bờ biển Đông và cửa Lạch Hới nhánh còn lại dọc theo con sông Mã chạy từ khúc giao với sông Lèn đến xã Hoàng Quý và một phần giáp các xã, phường ven sông Mã của thành phố Thanh Hóa Và với bờ biển dài, Hoàng Hóa là một trong những huyện có tiềm năng về kinh tế biển, đồng thời là huyện có vị trí trọng yếu về Quốc phòng - An ninh của tỉnh Thanh Hóa.



*Vị trí huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa*

## 2.2. Phân tích đặc điểm tự nhiên

### 2.2.1. Địa hình địa mạo

Hoàng Hóa là một vùng châu Thổ được bồi đắp bởi sự bào mòn của nền đất cũ, của hiện tượng biển lùi và của sự lắng đọng phù sa do sông Mã, sông Chu tạo nên. Là một huyện đồng bằng ven biển địa hình của huyện Hoàng Hóa tương đối bằng phẳng, nhưng bị chia cắt mạch bởi rất nhiều sông lạch. Hai con sông lớn là sông Lạch Trường và sông Cung chia huyện Hoàng Hóa thành ba vùng tự nhiên có địa hình tương đối khác nhau: vùng ven biển, vùng nằm giữa con sông Cung và sông Lạch Trường và vùng ở bên kia phía Tây con sông Lạch Trường.

\* Vùng 1: vùng ven biển có 8 xã gồm: Hoàng Trường, Hoàng Yên, Hoàng Hải, Hoàng Ngọc, Hoàng Thanh, Hoàng Đông, Hoàng Phụ và Hoàng Tiến.

Đặc điểm chính của địa hình vùng này là hình lượn sóng nơi thấp, nơi cao được hình thành bởi dòng hải lưu xuôi ngược dọc bờ biển, bởi các đợt sóng nhào, bởi phù sa sông Mã,... Độ cao của nền địa hình dao động từ 1,2 đến 3,8 m. Nơi cao là những dải cồn cát còn nơi trũng bao gồm những dải đất hẹp hơn là những ruộng lúa. Với địa hình như vậy độ màu mỡ của đất trong vùng cũng không đều. Những vùng đất càng gần mép biển đất đai càng nhiều cát chỉ trồng được khoai, vùng, ngược lại phía trong giáp với con sông Cung thì đất đai khá màu mỡ phù hợp với nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày cho năng suất cao.

Hầu hết các dải cồn cát gần giáp biển đều nằm trên cấp địa hình rất cao, diện tích còn lại của vùng ở cấp địa hình vùn và vùn thấp. Vùng ven biển không phải bao la chỉ là những dải cồn cát mà còn có dãy núi Linh Trường chạy dọc ven theo sông Lạch Trường như hình rồng bay hướng ra biển Đông nằm trên địa phận 2 xã Hoàng Trường và Hoàng Yên. Dãy núi này bao gồm 7 ngọn nằm liền kề nhau. Độ cao của chúng dao động từ 76 m - 202 m và có chiều hướng nghiêng dần về phía Tây Nam. Đây là dãy núi lớn thứ 2 của huyện Hoàng Hóa sau dãy núi Sơn Trang nằm trên địa phận 3 xã Hoàng Trung, Hoàng Xuân ở phía Tây Bắc của huyện.

\* Vùng 2: vùng nằm giữa sông Cung và sông Lạch Trường

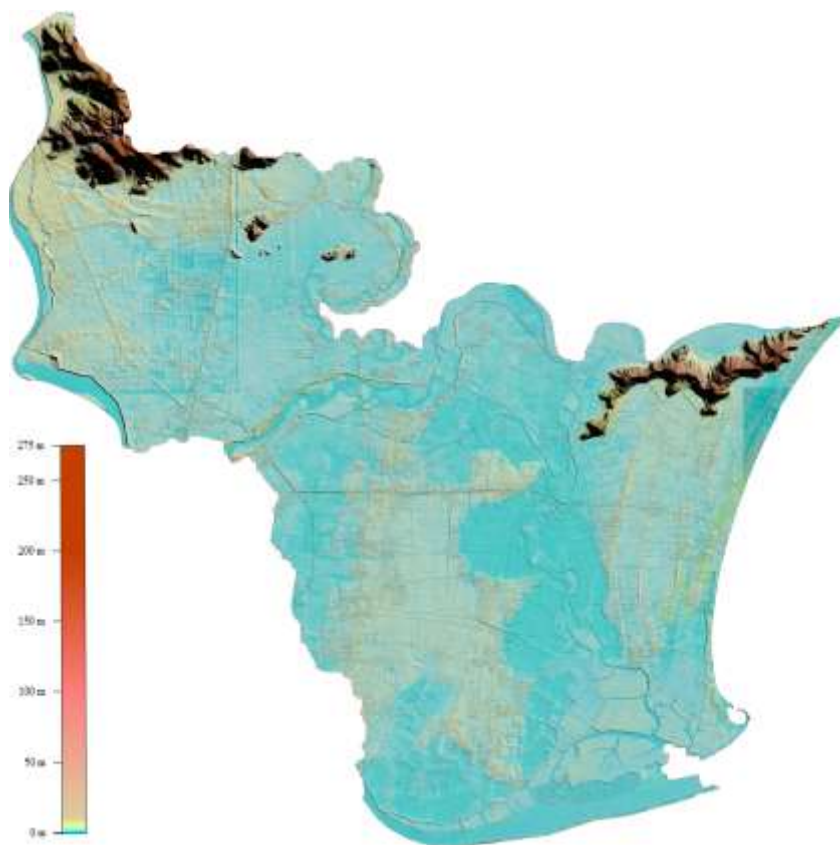
Sự hình thành và phát triển của địa hình vùng này cũng tương tự như vùng ven biển. Nó chỉ khác là hình thành trước và tác động trực tiếp của phù sa sông Mã khi chưa có đê ngăn trước sông Mã từ nguồn đổ về. Đây là một vùng được bao bọc bởi sông Cung phía Đông, sông Lạch Trường ở phía Tây và phía Bắc, sông Mã phía Nam. Địa hình này được phân rõ qua việc sắp xếp các làng mạc hiện nay của các xã. Khu dân cư đều nằm trên địa hình có độ cao trên 3 m, đặc biệt các xã, Hoàng Lộc, Hoàng Thái, thị trấn Bút Sơn (xã Hoàng Vinh cũ), Hoàng Thành,

Hoàng Thắng, Hoàng Đông độ cao của nền địa hình trên 4,2 m. Đây cũng là các xã có những cánh đồng màu lớn nhất huyện.

Cấp địa hình của toàn vùng này đều nằm cấp địa hình vùn cao, trừ xã nằm trên cấp địa hình trũng đó là Hoàng Đông.

\* Vùng 3: vùng phía Tây sông Lạch Trường bao gồm 13 xã.

Đặc trưng lớn nhất địa hình của vùng này là hầu hết các cánh đồng của vùng đều nằm trên địa hình trũng và vùn thấp. Độ cao trung bình của nền địa hình dao động ở 1,5 - 1,8 m. Trong vùng có rất nhiều ao hồ đầm trấu được tạo nên do nạn vỡ đê sông Mã trước đây. Đây là một vùng đồng bằng nhưng các núi của huyện Hoàng Hóa đều nằm trên tiểu vùng này. Phía Tây Bắc của vùng là dãy núi Sơn Trang kéo dài từ ngã Ba Bông thuộc địa phận xã Hoàng Xuân đến xã Hoàng Trung. Dãy núi có rất nhiều ngọn trùng điệp nối liền nhau, ngọn cao nhất 278,6 m ranh giới giữa 2 xã Hoàng Trung và Hoàng Xuân. Độ cao của dãy núi nghiêng dần từ Bắc xuống Nam. Ngoài ra trên địa phận xã Hoàng Sơn có 2 ngọn núi nằm liền kề nhau có độ cao không quá 50 m và ở xã Hoàng Trinh có ngọn núi Cửi độ cao 81,5 m.



Bản đồ cao độ địa hình khu vực huyện Hoàng Hoá

*Nhận xét, đánh giá:*

- Địa hình huyện Hoàng Hóa tương đối bằng phẳng nhưng bị chia cắt mạnh bởi rất nhiều sông lạch. Toàn huyện có thể chia làm 3 vùng có địa hình khác nhau đó là vùng ven biển có địa hình lượn sóng của những dải cồn cát và những ruộng lúa; vùng đồng bằng đất trũng nằm bên tả ngạn sông Lạch Trường và vùng đồng màu trên địa hình có độ cao lớn hơn và chủ yếu có cấp địa hình rất cao đến vùn thấp.

- Nhìn chung địa hình Hoàng Hóa được thiên nhiên ưu đãi, có núi, có sông, có đồng bằng được phù sa của dòng sông Mã và các sông khác ở Thanh Hóa bồi đắp. Địa hình, địa mạo huyện Hoàng Hóa thể hiện những nét chung của kiến tạo địa hình Việt Nam nói chung, tỉnh Thanh Hóa nói riêng: nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và ở một trong ba dạng cơ bản là đồng bằng ven biển.

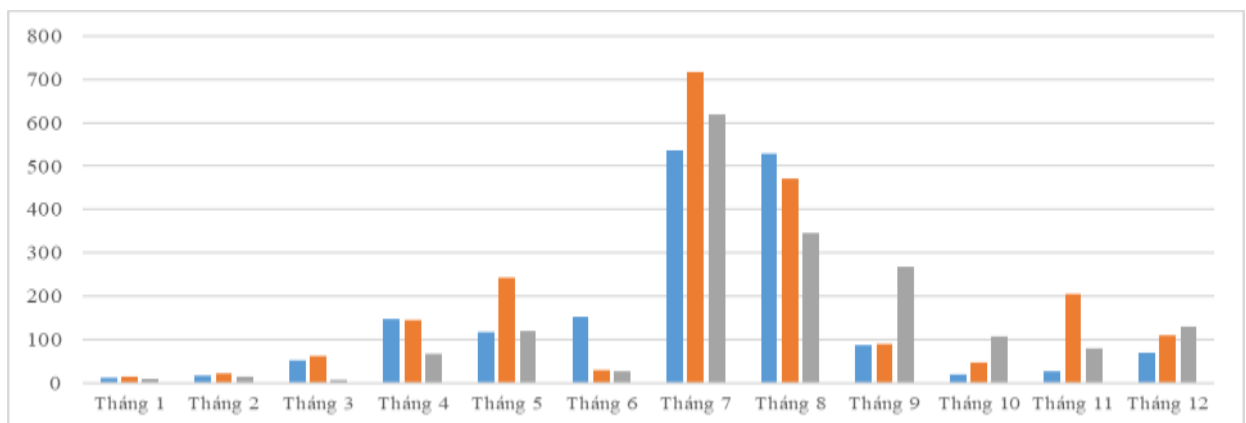
Tóm lại, Hoàng Hóa chia thành 3 tiểu vùng rõ rệt tạo nên sự phát triển kinh tế toàn diện, đa dạng mang tính hàng hoá cao. Tuy địa hình tương đối bằng phẳng nhưng bị chia cắt bởi rất nhiều sông lạch nên gây khó khăn trong sản xuất nông, lâm nghiệp và giao thông nội vùng.

**2.2.2. Đặc điểm khí hậu**

Hoàng Hoá thuộc vùng khí hậu ven biển mang đậm đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng ven biển miền Bắc Trung Bộ.

Về mưa lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.432-2.329 mm, mỗi năm có khoảng 90-130 ngày mưa và thường tập trung từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm. Độ ẩm tương đối từ 82% đến 87%, số giờ nắng bình quân khoảng 1.279-1.817 giờ.

*Biểu đồ lượng mưa hàng năm tỉnh Thanh Hoá*



*Nguồn: Tổng hợp từ NGTK tỉnh Thanh Hóa 2023*

Trung bình hàng năm có khoảng 4 - 5 trận bão tác động đến địa phận huyện Hoằng Hóa. Sức gió của những cơn bão thường có cường độ từ cấp 7 đến cấp 9, thậm chí có những trận bão lên đến cấp 12 hoặc cấp 13. Hoằng Hóa là một vùng ven biển nên thường phải chịu sự phá hoại nặng nề của những trận bão lớn. Các cơn bão này thường kèm theo mưa lớn và hay gây ra ngập úng trên địa phận toàn huyện. Hoằng Hóa nằm ở vùng châu thổ của con sông Mã có nhiều con sông cùng đồng thời đổ về sông Mã trước đó nên về mưa bão thường có nguy cơ gây ra vỡ đê. Không những thế những xã ven biển thường gặp phải những trận gió to, cuộc xoáy, nước dâng. Nhiều khi đó là một thảm họa thiên nhiên đe dọa tính mạng hàng ngàn con người, phá hủy mùa màng, cơ sở hạ tầng và làm nhiễm mặn cả một vùng rộng lớn.

Do ở hạ lưu con sông Mã nằm trên địa bàn huyện không có mưa nhưng vẫn xảy ra ngập lụt. Bởi vì mưa nguồn nước trên thượng lưu đổ về với lưu lượng lớn. Khi đó hoa màu của các xã dọc hai bên bờ sông Mã, sông Lạch Trường thường bị hư hại nặng.

Về gió: Hàng năm thường chịu ảnh hưởng của 3 luồng gió chính. Gió mùa Đông Bắc thổi trong thời gian từ tháng 11 tới tháng 3 năm sau. Gió mùa Tây Nam thổi từ vịnh Bengan tràn qua lục địa luôn qua các dãy núi phía Tây, đặc biệt là dãy núi Trường Sơn thổi qua. Từ tháng 6 đến tháng 7 trung bình mỗi năm có 18 đến 20 ngày gió mùa Tây Nam rất khô và nóng, nhân dân thường gọi là gió Lào. Và mùa gió Đông Nam mát mẻ thổi vào từ biển Thái Bình Dương.

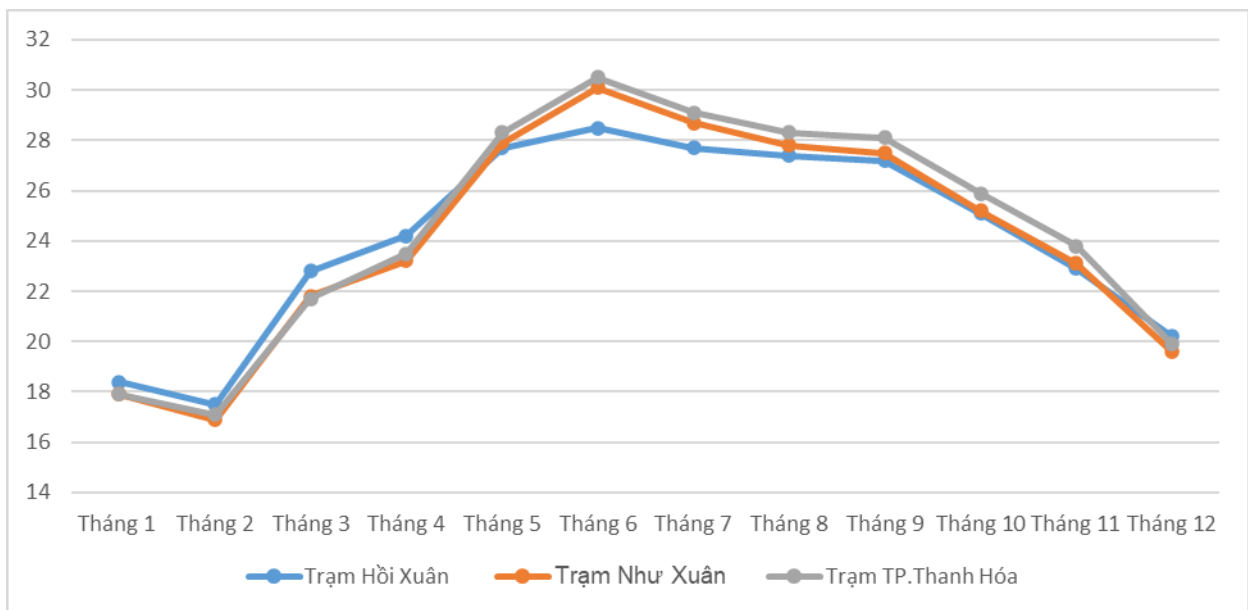
Trung bình hàng năm có khoảng 4 - 5 trận bão tác động đến địa phận huyện Hoằng Hóa. Sức gió của những cơn bão thường có cường độ từ cấp 7 đến cấp 9, thậm chí có những trận bão lên đến cấp 12 hoặc cấp 13. Hoằng Hóa là một vùng ven biển nên thường phải chịu sự phá hoại nặng nề của những trận bão lớn. Các cơn bão này thường kèm theo mưa lớn và hay gây ra ngập úng trên địa phận toàn huyện. Hoằng Hóa nằm ở vùng châu thổ của con sông Mã có nhiều con sông cùng đồng thời đổ về sông Mã trước đó nên về mưa bão thường có nguy cơ gây ra vỡ đê. Không những thế những xã ven biển thường gặp phải những trận gió to, cuộc xoáy, nước dâng. Nhiều khi đó là một thảm họa thiên nhiên đe dọa tính mạng hàng ngàn con người, phá hủy mùa màng, cơ sở hạ tầng và làm nhiễm mặn cả một vùng rộng lớn.



Do ở hạ lưu con sông Mã nằm trên địa bàn huyện không có mưa nhưng vẫn xảy ra ngập lụt. Bởi vì mưa nguồn nước trên thượng lưu đổ về với lưu lượng lớn. Khi đó hoa màu của các xã dọc hai bên bờ sông Mã, sông Lạch Trường thường bị hư hại nặng.

Nhiệt độ: Khí hậu Hoàng Hóa cùng như vùng ven biển phía Bắc miền Trung chia làm 2 mùa rõ rệt; mùa nóng và mùa lạnh. Mùa nóng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình 240 - 250C, mùa hè thường nắng nóng, gặp những ngày có gió Lào nhiệt độ lên tới 39 - 40 °C. Mùa lạnh thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đặc điểm của mùa này là khô và lạnh. Trong các tháng mùa đông, các điều kiện thời tiết như sương mù, hoặc bầu trời u ám nặng kéo theo mưa phùn nhẹ là phổ biến và có thể kéo dài đến nhiều ngày liên tục. Mùa đông có gió Đông bắc gây ra hiện tượng giá rét kèm theo mưa phùn; mùa hè có gió Đông và Đông nam gây mưa lớn và các hiện tượng khí hậu cực đoan như lốc, bão, mưa đá, Ngoài ra, mùa hè còn có gió Tây Nam gây ra hiện tượng thời tiết khô hanh.

*Biểu đồ nhiệt độ không khí trung bình tại các trạm quan trắc*



*Nguồn: Tổng hợp từ NGTK tỉnh Thanh Hóa 2023*

### **2.2.3. Đặc điểm Thủy văn**

Huyện Hoàng Hóa nằm trong vùng thủy văn Sông Mã. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 5, kết thúc vào tháng 10 và có thể muộn hơn tùy từng năm; là vùng mưa lớn, lượng mưa trung bình hàng năm (1.500 - 1.900) mm/năm, bao gồm các sông: Sông Mã, Sông Lạch Trường, Sông Cùg và rất nhiều các con sông nhỏ khác, thường bắt nguồn từ Sông Mã chảy về phía Đông.

Về thủy văn, huyện Hoàng Hóa có những thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn. Bao đời nay, nhân dân trong huyện đã không ngừng lao động để khắc phục những khó khăn, trên địa bàn huyện có một số con sông chính như:

- Con sông quan trọng nhất của Hoàng Hóa là sông Mã. Sông Mã chảy ở phía Tây Nam huyện và là ranh giới của huyện Hoàng Hóa với các huyện Thiệu Hóa, Yên Định, thành phố Thanh Hóa và huyện Quảng Xương. Bắt đầu vào đất Hoàng Hóa ở ngã Ba Bông sông Mã chảy ra đến cửa Hới thuộc xã Hoàng Phụ dài 34,5 km. Chiều rộng của con sông từ 300 m trở lên và được đặc trưng bởi những bãi cát rộng giữa dòng sông.

- Con sông lớn thứ 2 - sông Lạch Trường là con sông nước lợ ở phía Bắc huyện, con sông là ranh giới với huyện Hậu Lộc dài 12,3 km. Đến cuối xã Hoàng Đạt con sông Lạch Trường chia làm 2 nhánh. Một nhánh chảy ở phía Đông 2 xã Hoàng Xuyên, Hoàng Cát ra cầu Tào và nối vào con sông Mã dài 13 km. Nhánh kia tiếp tục làm ranh giới với huyện Hậu Lộc và qua 2 xã Hoàng Xuyên và cuối cùng là Hoàng Sơn dài gần 8 km.

- Con sông thứ 3 đề cập đến trong phần này là sông Cung. Con sông này nối liền hai con sông Mã với sông Lạch Trường Vì nối liền 2 con sông ở ngay gần cửa biển nên thủy triều thường dâng lên và dẫn theo nước mặn đổ vào con sông này.

Phía Tây Bắc của huyện Hoàng Hóa còn rất nhiều các con sông nhỏ khác thường bắt nguồn từ con sông Mã chảy về phía Đông. Nước ở các con sông này là nước ngọt. Đây chính là nguồn cung cấp nước tưới cho đồng ruộng của huyện. Tổng chiều dài của tất cả các con sông này khoảng 45 km.

#### **2.2.4. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên**

##### **2.2.4.1. Tài nguyên đất**

Theo kết quả đánh giá đất trên địa bàn huyện Hoàng Hóa, đất được phân thành 6 nhóm đất chính bao gồm:

##### **a. Nhóm cồn cát và đất cát biển:**

- Cồn cát trắng vàng: Được phân bố thành dải hẹp kéo dài từ Hoàng Trường đến Hoàng Phụ dọc bờ biển chủ yếu nằm trên cấp địa hình vùn cao. Cồn cát trắng điển hình được sử dụng trồng đai rừng chắn gió (chủ yếu là phi lao) và làm đất thổ cư.

- Đất cát biển chưa điển hình: Loại đất cát biển chưa điển hình phân bố tập chung ở địa hình cao và vùn cao thuộc các xã Hoàng Lộc, Hoàng Thành, Hoàng Thắng, Hoàng Lưu, Hoàng Thái, Hoàng Hải, Hoàng Trường, Hoàng Thanh, Hoàng

Phụ. Nhóm đất này được hình thành do sự bồi đắp của phù sa biển, thành phần cơ giới từ trên xuống toàn là cát, càng xuống dưới cát càng thô. Lớp mặt do tác động canh tác của con người nên mịn hơn. do đó chỉ thích hợp với các giống cây trồng chịu hạn như khoai lang, lạc, đậu, ngô, vừng,...

*b. Nhóm đất mặn:*

- Đất mặn nhiều: Phân bố ven dọc sông Trường Giang, sông Cung và sông Mã đoạn gần cửa sông đổ ra biển Đông thuộc địa giới các xã Hoàng Đạt, Hoàng Yên, Hoàng Hà, Hoàng Đạo, Hoàng Thắng, Hoàng Phong, Hoàng Châu, Hoàng Phụ. Đây là những vùng đất đang có xu hướng chuyển sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng cói.

- Đất mặn trung bình và ít:

Đất mặn trung bình và ít cơ giới nhẹ: Phân bố cũng ở một số xã nêu ở phần trên nhưng nằm ở phía bên trong đất mặn nhiều cách xa sông hơn.

Đất mặn trung bình và ít Glây nông (M - gl) Diện tích 564 ha phân bố ở các xã ven sông Cung như Hoàng Đông, Hoàng Ngọc, những vùng trong đê. Nhóm đất này đã đưa vào cấy lúa và trồng cói.

*c. Nhóm đất phèn:*

Phân bố ở các xã Hoàng Phụ, Hoàng Sơn, Hoàng Lương. Đặc điểm của vùng đất này là vừa bị mặn vừa bị chua nên bất lợi cho sự sinh trưởng của cây trồng. Loại đất này phần lớn đã đưa vào sử dụng cấy lúa nhưng năng suất thấp do chưa được cải tạo tốt, hiện còn một số diện tích bị bỏ hoang. Muốn đạt năng suất cao phải cải tạo mặn và cạo chua bằng biện pháp thủy lợi với bón vôi. Những nơi còn hoang hóa hoặc năng suất lúa thấp nên đưa vào nuôi trồng thủy sản.

*d. Nhóm đất phù sa:*

- Đất phù sa trung tính ít chua: Phân bố ở các xã ven sông Mã kéo dài từ Hoàng Xuân xuống đến Cầu Tào và ven sông Lạch Trường. Đây là loại đất trẻ có độ phì khá, dễ canh tác quay vòng nhiều vụ trong một năm đầu tư ít nhưng thu nhập cao. Đất phù sa trung tính ít chua cơ giới nhẹ hầu hết được sử dụng vào sản xuất nông nghiệp. Hệ số sử dụng đất 3 - 4 vụ/năm.

- Đất phù sa trung tính ít chua điển hình phân bố hầu hết ở các xã vùng lúa (Từ tả ngạn sông Trường Giang đến xã Hoàng Xuân) và một số xã vùng màu dọc bên hữu ngạn Sông Trường Giang như Hoàng Minh, Hoàng Phúc. Loại đất này được hình thành do sự bồi đắp của các sông, nhưng từ khi có đê vùng đất này không được tiếp tục bồi đắp phù sa nữa phần diện đất đã thay đổi tính chất theo sử



dụng của con người. Loại đất này thường nằm ở vị trí tương đối cao để thoát nước. Toàn bộ diện tích này được sử dụng trồng lúa, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

- Đất phù sa chua: Phân bố ở các xã Hoàng Thịnh, Hoàng Phong, Hoàng Thắng, Hoàng Lương, Hoàng Quý, Hoàng Khê vv ... Đất có nguồn gốc hình thành giống như loại đất phù sa trung tính ít chua điển hình, không Glây hoặc Glây yếu nhưng nằm ở vị trí thấp hơn và thường xuyên được tưới bằng hệ thống nông giang để cấy 2 vụ lúa/năm. Do đó trong phần diện đất đã xuất hiện tầng Glây trung bình hoặc mạnh. Độ phì tương đối khá về mùn và đạm nhưng nghèo lân và bị chua.

*e. Nhóm đất xám:*

Đất xám Feralit điển hình phân bố ở các xã Hoàng Yên, Hoàng Trường và Hoàng Hải. Đất được hình thành và phát triển trên sản phẩm phong hóa của đá phiến sét. Đất có thành phần cơ giới trung bình hoặc nặng, chua và nghèo chất dinh dưỡng. Số lượng lớn diện tích đã được trồng rừng, diện tích còn lại là đất trống đồi núi trọc.

*f. Đất tầng mỏng chua:*

Phân bố ở các xã Hoàng Xuân, Hoàng Trung và Hoàng Trinh, đất có nguồn gốc hình thành là đất vàng trên đất sét, do bị khai phá hết rừng, đất bị trơ trọi, xói mòn mạnh, tầng đất mỏng dưới 30 cm có lẫn nhiều sỏi đá, không còn giá trị trong nông nghiệp. Cải tạo loại đất này chủ yếu phải phục hóa bằng các giống cây lâu năm như: thông, Bạch đàn.

Nhận xét chung về tài nguyên đất đai huyện Hoàng Hóa

- Hoàng Hóa là một huyện có tài nguyên đất khá đa dạng, toàn huyện có 6 nhóm đất chính, bao gồm các loại đất ven biển, đồng bằng và gò đồi. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển Nông - Ngư - Lâm nghiệp.

- Huyện có diện tích đất phù sa rất lớn chiếm trên 49% diện tích đất tự nhiên. Đây là loại đối tượng chính để sản xuất lương thực thực phẩm và các loại cây trồng hàng hóa xuất khẩu. Tài nguyên loại đất này là điều kiện đảm bảo an toàn lương thực cho huyện.

*2.2.4.2. Tài nguyên nước*

*\* Nước mặt*

Huyện Hoàng Hóa được thiên nhiên ưu đãi về tài nguyên nước. Sự dồi dào về nguồn nước mặt chủ yếu là do sự hiện diện của con sông Mã, chảy vòng quanh phía Tây Nam huyện Hoàng Hóa rồi ra biển, cùng với lượng mưa trung bình hàng

năm tương đối cao (11.744,9 mm/năm).

Trong địa phận Hoàng Hóa còn có một hệ thống sông lạch chằng chịt nối với nhau. Con sông lớn nhất trong số đó là sông Lạch Trường. Sông Lạch Trường có một phần nằm ở phía Bắc huyện Hoàng Hóa có cửa sông đổ ra biển gọi là cửa Lạch Trường. Con sông Cung nối liền giữa 2 con sông Lạch Trường và con sông Mã. Dòng chảy của con sông này phụ thuộc vào chế độ thủy triều và lượng nước đầu nguồn con sông Mã đổ về. Do vậy, nước ở con sông là nước lợ. Ngược lại, phía Tây song song với con sông Lạch Trường còn có con sông Gòng chảy qua thị trấn Bút Sơn, Hoàng Đạo, Hoàng Đạt và Hoàng Hà và nối với sông Cung. Sông Gòng là một con sông tiêu thủy cho những cánh đồng của các xã cạnh nó. Nhìn chung nguồn nước ở hệ thống sông lạch này đều bị nhiễm mặn. Phía Tây của đường Quốc lộ 1A có nhiều con sông bắt nguồn từ sông Mã như sông Trà Giang, sông Áu,... Những con sông này ít bị nhiễm mặn và đây cũng là nguồn nước ngọt chính cung cấp cho đời sống và sản xuất của cư dân Hoàng Hóa.

Là một huyện hay bị lũ lụt tàn phá nên trên địa phận Hoàng Hóa có rất nhiều ao, đầm, hồ được tạo thành và giờ đây nó trở thành những nơi dự trữ nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ hạn hán và vùng để nuôi cá nước ngọt.

Tóm lại, Hoàng Hóa có nguồn nước mặt dồi dào do có con sông Mã chảy ở phía Tây Nam và lượng mưa hàng năm tương đối cao, trong vùng lại có rất nhiều ao, hồ, đầm. Tuy nhiên, hệ thống sông lạch trong lòng huyện Hoàng Hóa hầu như bị nhiễm mặn nhất là những con sông nằm ở phía Tây đường Quốc lộ 1A. Mặc dù vậy, nếu được điều tiết tốt lượng nước trong vùng có thể thỏa mãn nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng.

#### *b. Nước ngầm*

Ngoài những nguồn nước mặt, bên dưới huyện Hoàng Hóa có những tầng ngậm nước có khối lượng lớn. Theo điều tra của ngành Địa chất khí tượng thủy văn thì tầng nước ngầm ở huyện Hoàng Hóa là một vùng giàu nước không đều (đã được điều tra khảo sát tại xã Hoàng Xuân và lên bản đồ địa chất thủy văn). Việc cung cấp nước sinh hoạt ở nông thôn huyện Hoàng Hóa hầu như hoàn toàn dựa vào tầng nước ngầm. Hệ thống nước ngầm ở đây có 2 tầng chủ yếu:

- Tầng ngậm nước các trầm tích dạng Holocene.
- Tầng ngậm nước trong các trầm tích Pleistocene.

Các giếng đào của nhân dân chủ yếu sử dụng nước ở tầng ngậm nước các trầm tích dạng Holocene có độ dày thay đổi từ một vài mét đến 30 m. Đây là tầng

nước có lưu lượng ít và hay bị nhiễm bẩn, vì vậy tầng nước này không có ý nghĩa trong việc cung cấp nước ở mức độ lớn. Trong một số vùng nước ở tầng này chứa nhiều sắt làm cho việc sử dụng bị hạn chế rất nhiều. ở các xã ven biển tầng nước này có nhiều nơi còn bị nhiễm mặn.

Tầng nước thứ 2 là tầng nước ở độ sâu hơn gọi là tầng ngậm nước trong các trầm tích Pleistocene. Chất lượng nước ở tầng này là rất tốt trên các xã của huyện Hoàng Hóa đặc biệt các xã vùng phía Tây đường Quốc lộ 1A.

Qua thăm dò nước ngầm của một số vùng thuộc tỉnh Thanh Hóa và nhiều nơi tìm thấy mỏ nước khoáng và có khả năng khai thác đưa vào kinh doanh trong giai đoạn tới. Tại ga Nghĩa Trang thuộc địa phận xã Hoàng Trung huyện Hoàng Hóa đã thăm dò và xác định được rằng: Diện tích của mỏ nước khoáng khoảng 5 km<sup>2</sup>. Trữ lượng mỏ nước khoáng này có thể cho chúng ta khai thác ở mức độ khoảng 1000 m<sup>3</sup>/ngày. Đây là loại nước khoáng nóng trên 30<sup>0</sup>C có chất lượng tốt.

Như vậy, khả năng nước ngầm sẵn có của huyện Hoàng Hóa không những đủ để cung cấp cho nhu cầu của cư dân trong huyện phục vụ đời sống sinh hoạt mà còn có những mỏ nước khoáng (đã được điều tra khảo sát) có khả năng khai thác thương mại trong tương lai.

#### 2.2.4.3. Tài nguyên rừng

Hoàng Hóa là một huyện đồng bằng nên tài nguyên rừng của Hoàng Hóa hoàn toàn là rừng trồng phòng hộ. Rừng trồng chỉ tập trung ở một số xã có núi như: Hoàng Xuân, Hoàng Trung, Hoàng Trinh, Hoàng Sơn, Hoàng Yên, Hoàng Trường. Cây trồng chủ yếu là phi lao, bạch đàn, thông, keo.

Một số xã vùng ven biển chủ yếu là trồng rừng trên những bãi cát bồi để chắn sóng, chắn bụi cát biển và cải tạo đất. Cây trồng chủ yếu là phi lao. Diện tích đất lâm nghiệp có rừng của huyện ngày một tăng, diện tích đất rừng trồng được tăng nhanh từ khi đất lâm nghiệp được giao cho hộ quản lý với độ che phủ rừng là 5,45%.

#### 2.2.4.4. Tài nguyên biển

Huyện Hoàng Hóa có một đường bờ biển dài 12 km. Đặc điểm của khu vực bờ biển là:

- Có 2 cửa sông lớn cụ thể là sông Lạch Trường và sông Mã.
- Nằm giữa 2 cửa biển nên vùng biển có rất nhiều phù du sinh vật và thức ăn cho cá, tôm từ đất liền do 2 con sông tuôn ra.
- Hai cửa biển có điều kiện rất thuận lợi để xây dựng các cảng cá và hình

thành xây dựng khu đô thị nghề biển (công nghiệp chế biến, bảo quản, cung cấp dịch vụ hậu cần,...).

Về mặt vật lý, đất đai các xã ven biển biến động lớn do tác động của phù sa bồi đắp, biển lùi,... tạo ra vùng đất mới. Tài nguyên đất vùng ven biển Hoàng Hóa có những xã biển ăn vào (Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Phụ) kém thuận lợi hơn so với các xã khác trong huyện. Đất ở các xã này chủ yếu là đất chua, nhiễm mặn và tương đối kém màu mỡ.

Vùng biển Hoàng Hóa không sâu, cách xa bờ 20 km độ sâu khoảng 20 m, cách xa bờ 40 km độ sâu khoảng 25 m, ra đến 140 km độ sâu cũng chỉ có 33 m. Do biển không sâu nên diện tích bãi triều của tất cả 5 xã ven biển rộng. Diện tích này theo tính toán khoảng 1.225 ha. Đây cũng là một yếu tố rất thuận lợi để xây dựng cơ sở nuôi trồng nước lợ như: tôm sú, tôm he, cua, rong câu và các nhuyễn thể hai vỏ (Ngao, sò,...). Những năm gần đây sản lượng khai thác hàng năm đều có chiều hướng năm sau cao hơn năm trước.

Bờ biển Hoàng Hóa bằng phẳng có thể xây dựng những khu nghỉ mát lý tưởng để nhân dân trong vùng cũng như các nơi khác đến du lịch tắm biển.

#### 2.2.4.5. Tài nguyên khoáng sản

Hoàng Hóa là một huyện được coi là một vùng nghèo tài nguyên khoáng sản. Trên địa bàn huyện chưa phát triển những mỏ kim loại với trữ lượng có thể khai thác được. Ngành địa chất đã tìm kiếm thăm dò và có tài liệu về loại khoáng sản là vật liệu diêm hóa Felspat. Địa điểm thăm dò tại xã Hoàng Trường có tọa độ địa lý: 19°52' 31" vĩ độ Bắc và 105°55' 05". Mặt khác, đã phát hiện và khai thác nhiều đá thạch anh được dùng trong công nghiệp gốm sứ, thủy tinh cũng tại xã Hoàng Trường, Hoàng Yên. Titan cũng là một khoáng sản được tìm thấy trên địa phận Hoàng Hóa ở một số xã ven biển nhưng trữ lượng và chất lượng không đáng kể.

Các mỏ ở Hoàng Hoá được quy hoạch gồm 04 mỏ đất làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích khoảng 24.79ha, tổng trữ lượng khoảng 686.146m<sup>3</sup> (4)

#### 2.2.2.6. Tài nguyên xã hội và nhân văn

Tên huyện Hoàng Hóa được nhắc đến lần đầu từ năm Thuận Thiên thứ nhất đời nhà Lê (1428) thuộc phủ Hà Trung<sup>5</sup>. Từ thời tiền sử, khu khảo cổ Quỳ Chử

<sup>4</sup> Theo QH Tỉnh Thanh Hoá, Hoàng Hoá có 4 mỏ đất gồm: 2 vị trí tại xã Hoàng Phương có thể khai thác đất sét làm gạch; 2 vị trí tại núi Hoàng Trường (xã Hoàng Hải và xã Hoàng Trường) làm đất đắp đê.

<sup>5</sup> Nguồn dẫn: Dư địa chí huyện Hoàng Hoá. NXB Khoa học xã hội

được khai quật với quy mô lớn vào cuối năm 1978 cho chúng ta thấy người Việt cổ đã đến đây sinh sống từ cuối thiên niên kỷ thứ II trước công nguyên tức là cách đây trên 3500 năm. Ngoài ra các cụm di tích bên hai bờ sông Dọc cổ. Những di vật tìm thấy ở Quỳ Chử cũng cho thấy nền kinh tế lúc đó là nông nghiệp, chăn nuôi, đan lát, dệt của người Việt cổ trên đất Hoàng Hóa phát triển ở mức độ cao.

Hoàng Hóa là vùng đất khoa bảng của xứ Thanh “địa linh, nhân kiệt”, quê hương cách mạng tiêu biểu. Qua các triều đại phong kiến, huyện có 48 người đỗ tiến sĩ được ghi danh bia ở Quốc Tử Giám; là vùng quê giàu truyền thống văn hóa và cách mạng với 16 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và 77 di tích cấp tỉnh

Trong công cuộc dựng nước và giữ nước, lao động và sản xuất mảnh đất Hoàng Hóa đã sản sinh ra rất nhiều những nhân vật nổi tiếng như:

- Lê Phụng Hiểu: người làng Xuân Sơn xã Hoàng Sơn có công giữ nguyên bờ cõi phía Nam, duy trì triều Lý.

- Nguyễn Tuyên xã Hoàng Lộc giúp vua Lý Bình Chiêm.

- Nguyễn Quỳnh xã Hoàng Lộc là nhân vật trào phúng trong truyện Trạng Quỳnh.

- Lương Đắc Bằng xã Hoàng Phong (Thầy dạy của Nguyễn Bình Khiêm).

- Nhữ Bá Sĩ nổi tiếng thế kỉ XIX (1785 - 1867) người Hoàng Cát là một bác học nổi tiếng thế kỉ XIII. Ông có nhiều tác phẩm như Đại học đồ thuyết, Đan Trai thi tập, Nghi âm học vv...

- Lê Bạc Triệu xã Hoàng Phong là người có nhiều tác phẩm hài hước châm biếm rất nổi tiếng đầu thế kỉ XX.

- Nguyễn Xiển hay còn gọi là Xiển Bột đầu thế kỉ XX, ông là người thầy thuốc giỏi để lại chuỗi Truyện Xiển Bột đả kích thực dân pháp và tay sai của chúng.

- Lê Đoái Trạch người xã Hoàng Phong, đầu thế kỉ XX là người nổi tiếng hay chữ, được người đời gọi là Thặng Châu kị sĩ có tập bình luận văn thơ Bút Hoa danh tập.

Ngoài ra từ thờ Trần cho đến hết đời Lê huyện Hoàng Hóa có 48 người đỗ đại khoa và hàng trăm người đỗ trung khoa.

Hoàng Hóa có một quần thể kiến trúc nghệ thuật khá đậm đặc để thờ phụng các vị thần linh, để tôn vinh các nhân vật lịch sử, các danh nhân văn hóa gọi là đền, chùa, và đình làng nơi sinh hoạt văn hóa chung của dân cư trong làng xã. Trong số đó có thể kể ra đây một vài di tích đền, chùa, đình như sau:

\* Về đền có thể kể ra một số đền:

- Đền thờ ông Bung: thờ Lê Phụng Hiểu, đời Lý ở xã Hoàng Sơn.
- Đền thờ Thánh Tên, thờ Lê Phụng Hiểu, đời Lý ở làng Ích Hạ xã Hoàng Quý.
- Đền thờ Tô Hiến Thành: ở xã Hoàng Tiến.
- Nghè Trinh Nga thờ Triệu Quang Phục.

\* Về chùa có:

- Chùa Gia đến nay vẫn còn sụ trụ trì, ở làng Gia xã Hoàng Phương.
- Chùa Độ Mạt và Hoàng Môn ở Hoàng Đạt chỉ còn một số tượng.
- Chùa Diên Khánh ở thôn Nghĩa Trang xã Hoàng Kim.
- Chùa Kim Quy ở thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim.

\* Về đình làng:

Hầu như ở huyện Hoàng Hóa xã nào làng nào cũng có đình làng. Đình làng là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng chung. Có thể kể ra đây một số đình làng tiêu biểu như:

- Đình Bảng Môn ở xã Hoàng Lộc.
- Đình Hóa Lộc ở xã Hoàng Châu, nơi xảy ra cuộc chiến đấu chống giặc Nhật đàn áp cách mạng tháng 8.
- Đình Phú Khê hay còn gọi là Đình Thượng xã Hoàng Phú.

#### 2.2.2.7. Tài nguyên du lịch

Huyện Hoàng Hóa được thiên nhiên ưu đãi với bờ biển dài, bờ cát thoải thuận lợi cho phát triển du lịch biển và nền văn hoá, văn hiến đặc sắc.

*Về tài nguyên du lịch biển:*

Đặc điểm của khu vực bờ biển là:

- Có 2 cửa sông lớn cụ thể là sông Lạch Trường và sông Mã. Nằm giữa 2 cửa biển nên vùng biển có rất nhiều phù du sinh vật và thức ăn cho cá, tôm từ đất liền do 2 con sông tuôn ra. Nói 2 cửa biển là sông Cung, có điều kiện rất thuận lợi để xây dựng các cảng cá và hình thành các khu đô thị du lịch

Vùng biển Hoàng Hóa có bờ biển dài 12 km, không sâu, cách xa bờ 20 km độ sâu khoảng 20 m, cách xa bờ 40 km độ sâu khoảng 25 m, ra đến 140 km độ sâu cũng chỉ có 33 m. Do biển không sâu nên diện tích bãi triều của tất cả 5 xã ven biển rộng. Diện tích này theo tính toán khoảng 1.225 ha.

Bờ biển Hoàng Hóa bằng phẳng có thể xây dựng những khu nghỉ mát lý tưởng để nhân dân trong vùng cũng như các nơi khác đến du lịch tắm biển.

*b/ Về tài nguyên du lịch văn hoá*

Hoàng Hóa có một quần thể kiến trúc nghệ thuật khá đậm đặc để thờ phụng các vị thần linh, để tôn vinh các nhân vật lịch sử, các danh nhân văn hóa gọi là đền, chùa, và đình làng nơi sinh hoạt văn hóa chung của dân cư trong làng xã.

Toàn huyện có 93 di tích, trong đó có 16 di tích quốc gia và 77 di tích cấp tỉnh<sup>6</sup>. Trong đó, 25 di tích đã được đầu tư trùng tu, tôn tạo như đền Mả Nhón thuộc xã Hoàng Đạo, đền thờ Tô Hiến Thành thuộc xã Hoàng Tiến, chùa Hội Long thuộc xã Hoàng Thanh, đền thờ Lê Trung Giang thuộc xã Hoàng Ngọc.

Các hoạt động văn hóa truyền thống nổi tiếng của huyện trước đây, nay cũng đang được khôi phục và bảo tồn như: hát chèo tại xã Hoàng Phương, xã Hoàng Đạo, thị trấn Bút Sơn; đánh trống hội cung đình ở xã Hoàng Phú, điệu múa Sanh Ngô khơi dậy lòng yêu đất nước ở xã Hoàng Thắng, múa đèn tại xã Hoàng Trạch, nấu cơm thi chạy thề tại xã Hoàng Trung, cơm thi, cá giải tại xã Hoàng Quỳnh,...

**2.2.5. Đặc trưng cảnh quan**

Ngoài các khu vực tập trung dân cư, huyện Hoàng Hóa có một số khu vực có cảnh quan đặc trưng như:

- Cảnh quan khu vực ven biển: Không chỉ bao la là những dải cồn cát mà còn có dãy núi Lạch Trường chạy dọc ven theo sông Lạch Trường như hình rồng bay hướng ra biển Đông nằm trên địa phận 2 xã Hoàng Trường và Hoàng Yên tạo nên cảnh quan đặc trưng cho khu vực ven biển.

- Cảnh quan ven sông: Được bao bọc bởi sông Cung phía Đông, sông Lạch Trường ở phía Tây và phía Bắc, sông Mã phía Nam với những cánh đồng màu lớn tạo nên cảnh quan đặc trưng của khu vực.

- Cảnh quan vùng đồng: Với các cánh đồng lúa tập trung nằm trên địa hình trũng và thấp. Tuy là một vùng đồng bằng nhưng các dãy núi của huyện Hoàng Hoá đều nằm trên tiểu vùng này tạo nên nét đặc trưng rất riêng cho vùng.

**2.3. Đánh giá Hiện trạng đô thị**

**2.3.1. Hiện trạng dân số và lao động**

*a/ Thành phần dân cư*

Dân số trung bình năm 2023 là 238.043 người<sup>7</sup>, trong đó thành thị có 15.490 người (chiếm 6,5%).

<sup>6</sup> Nguồn dẫn: B/c sở văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá 2022. Phụ lục kèm theo

<sup>7</sup> Nguồn số liệu: Niên giám thống kê, cục thống kê Thanh Hoá - 2023

Tốc độ tăng dân số tự nhiên của huyện trong giai đoạn 2020-2023 đạt khoảng 0,6%. Dân số của huyện trong những năm qua có xu hướng giảm chậm ở khu vực thành thị và tăng không nhiều ở nông thôn.

Trên địa bàn huyện chủ yếu là người dân tộc Kinh, một số ít người dân tộc khác nhưng không đáng kể.

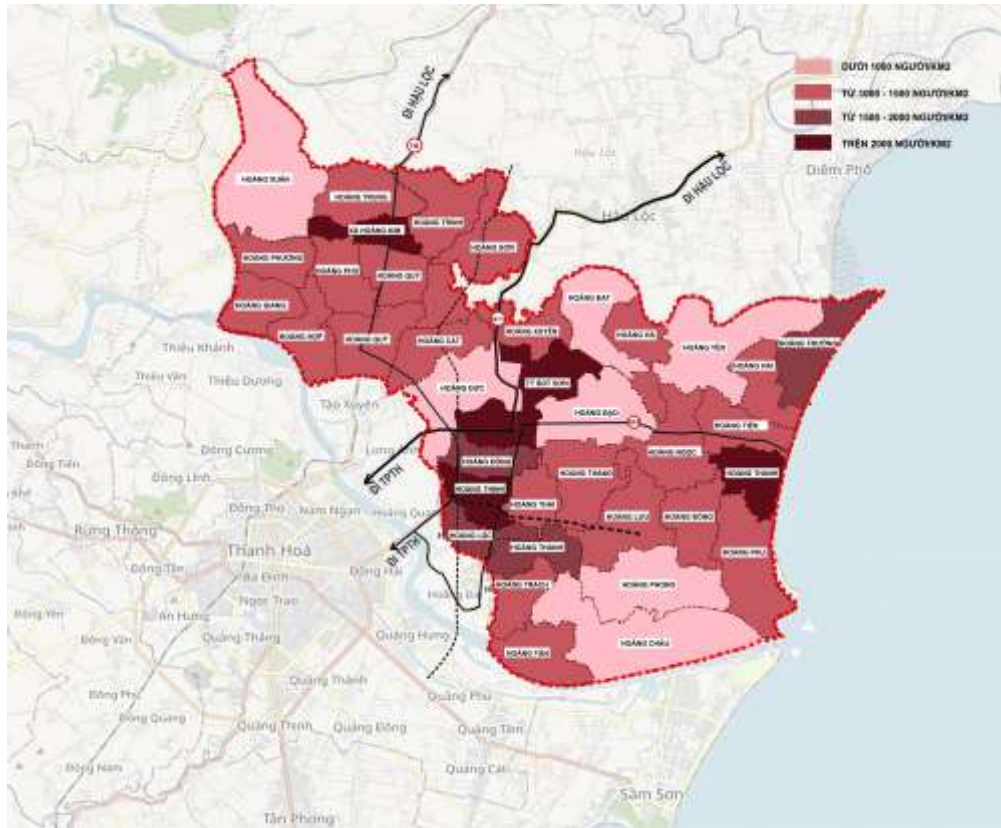
	Diện tích (Km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (Người)	Mật độ dân số (Người/km <sup>2</sup> )
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>203,87</b>	<b>238.043</b>	<b>1.167,6</b>
<i>Phân theo xã/phường/thị trấn</i>			
Thị trấn Bút Sơn	7,7	15.490	2.002,54
Xã Hoàng Giang	3,6	4.610	1.266,73
Xã Hoàng Xuân	13,5	7.434	552,29
Xã Hoàng Phụng	3,9	5.065	1.297,09
Xã Hoàng Phú	4,1	5.056	1.244,08
Xã Hoàng Quý	3,6	4.384	1.223,25
Xã Hoàng Kim	2,8	6.301	2.253,30
Xã Hoàng Trung	4,9	5.052	1.028,24
Xã Hoàng Trinh	5,7	6.243	1.091,66
Xã Hoàng Sơn	5,7	6.751	1.185,13
Xã Hoàng Xuyên	6,1	6.294	1.039,06
Xã Hoàng Cát	4,4	5.783	1.308,52
Xã Hoàng Quý	5,1	6.697	1.300,49
Xã Hoàng Hợp	4,4	5.499	1.256,41
Xã Hoàng Đức	7,4	6.388	859,12
Xã Hoàng Hà	4,3	4.370	1.023,45
Xã Hoàng Đạt	5,9	4.671	793,94
Xã Hoàng Đồng	2,9	4.467	1.517,74
Xã Hoàng Thịnh	3,3	7.224	2.168,56
Xã Hoàng Thái	2,8	4.236	1.486,56
Xã Hoàng Lộc	2,5	5.019	1.977,93
Xã Hoàng Thành	3,6	5.436	1.513,54
Xã Hoàng Trạch	3,5	4.612	1.303,21
Xã Hoàng Phong	9,1	7.151	786,45
Xã Hoàng Lưu	5,9	5.895	1.007,09
Xã Hoàng Châu	12,4	8.560	692,99
Xã Hoàng Tân	4,7	4.947	1.047,95
Xã Hoàng Thắng	6,0	7.804	1.295,84
Xã Hoàng Đạo	6,9	5.931	860,58
Xã Hoàng Yên	9,9	4.283	432,23
Xã Hoàng Tiến	4,3	6.184	1.433,97
Xã Hoàng Hải	3,8	4.800	1.261,89
Xã Hoàng Ngọc	5,8	6.957	1.192,51
Xã Hoàng Đông	4,3	5.290	1.219,12
Xã Hoàng Thanh	4,1	11.208	2.751,13
Xã Hoàng Phụ	9,0	10.531	1.169,54
Xã Hoàng Trường	5,8	11.420	1.980,63

Nguồn số liệu: Niên giám thống kê, cục thống kê Thanh Hoá - 2023



b/ Phân bố dân cư

Mật độ dân số trung bình 1.131 người/km<sup>2</sup> cao gấp 3 lần mật độ dân số tỉnh Thanh Hóa (378 người/km<sup>2</sup>) và gấp hơn 4 lần mật độ dân số vùng Bắc Trung Bộ (Việt Nam là 313 người/km<sup>2</sup>). Dân cư phân bố không đồng đều theo đơn vị hành chính, chủ yếu tập trung ở thị trấn, các xã ven biển và các khu trung tâm của các xã. Mật độ dân số cao nhất là xã Hoàng Thanh (2.846 người/km<sup>2</sup>), tiếp đến là xã Hoàng Kim (2.223 người/km<sup>2</sup>). Thấp nhất là xã Hoàng Xuân (572 người/km<sup>2</sup>).



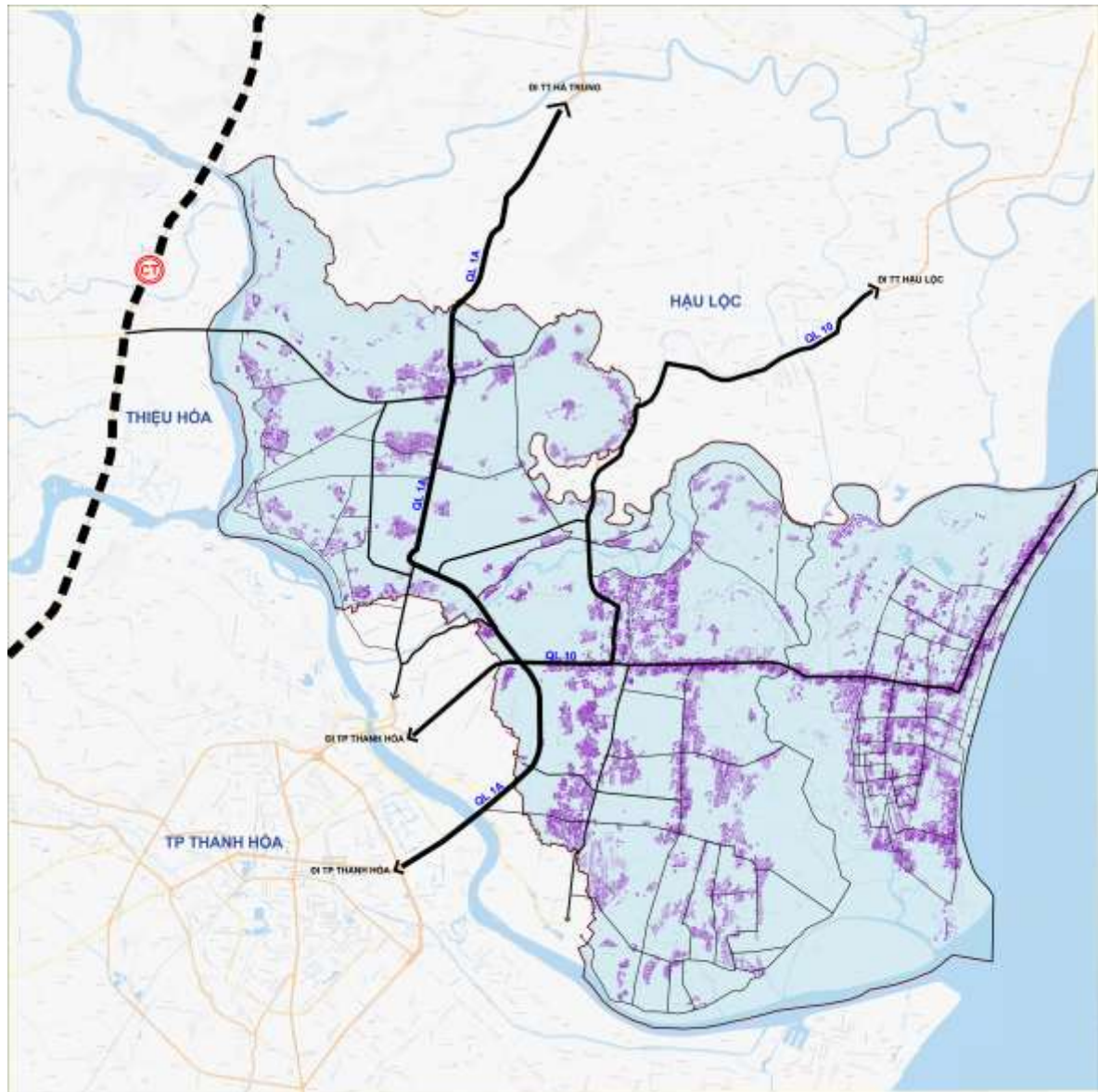
Sơ đồ mật độ dân cư huyện Hoàng Hoá

Dân cư khu vực chia thành 3 vùng phân bố dân cư đặc trưng:

- Vùng ven biển (gồm các 05 xã: Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Phụ) là vùng tập trung đông dân cư và mật độ cao nhất huyện. Mật độ dân số dao động khoảng 1150-2846 người/km<sup>2</sup>; riêng xã Hoàng Thanh là 2.751,13 người/km<sup>2</sup>

- Dân cư dọc Quốc lộ 10: phân bố dọc theo hai bên đường Quốc lộ 10. Đây là khu vực có mật độ dân cư dao động từ 1100-2000 người/km<sup>2</sup>.

- Dân cư vùng phía Tây (các xã còn lại): chủ yếu bám dọc theo tuyến Quốc lộ 1A. Đây là khu vực có mật độ dân cư dao động khoảng 572-2200 người/km<sup>2</sup>. Trong đó thấp nhất là xã Hoàng Xuân (552,29 người/km<sup>2</sup>).



Sơ đồ phân bố dân cư huyện Hoàng Hoá

*Phân bố dân cư thành thị - Nông thôn*

Dân số đô thị Hoàng Hoá năm 2023 là: 15.490 người/238.043 người toàn huyện. Đạt tỷ lệ 6.51%.

Năm	Tổng dân số (người)	Khu vực	Dân số phân theo khu vực (người)	Cơ cấu (%)
Năm 2020	235.024	Thành thị	12.347	5,25
		Nông thôn	222.677	94,75
Năm 2021	236.415	Thành thị	12.857	5,44
		Nông thôn	223.558	94,56
Năm 2022	236.673	Thành thị	13.972	5,90
		Nông thôn	222.701	94,10
Năm 2023	238.043	Thành thị	15.490	6,51
		Nông thôn	222.553	93,49

Nguồn số liệu: Niên giám thống kê – cục thống kê Thanh Hoá -2023

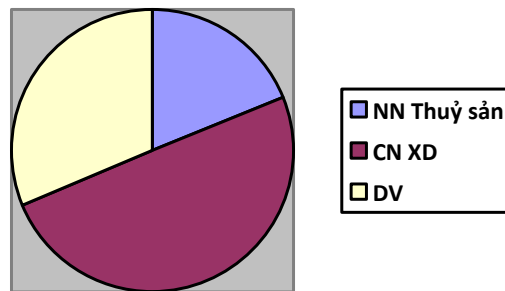
*c/ Hiện trạng lao động*

Là huyện có dân số tương đối trẻ và thuộc loại đông nhất nhì trong tỉnh nên nguồn nhân lực của Hoàng Hóa khá dồi dào. Theo thống kê các năm gần đây, dân số trong độ tuổi lao động của huyện chiếm khoảng gần 61,2% tổng dân số; tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi tham gia hoạt động kinh tế cũng ở mức khá, số người thiếu việc làm giảm dần qua từng năm.

Cơ cấu lao động theo ngành nghề có chuyển biến theo hướng giảm tỷ trọng số lao động hoạt động trong ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng số lao động trong các ngành phi nông nghiệp.

Năm 2023:

- + lao động ngành nông nghiệp chiếm 18,9%,
- + lao động làm việc trong khu vực dịch vụ chiếm khoảng 31,48%,
- + khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 49,62%<sup>8</sup>.



*Biểu đồ cơ cấu lao động theo ngành nghề huyện Hoàng Hoá – 2023*

***Nhận xét, đánh giá nguồn nhân lực Hoàng Hoá***

***Thuận lợi***

Huyện Hoàng Hóa có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên, nguồn nhân lực, về truyền thống văn hóa giúp cho huyện đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế.

- Vị trí địa lý của huyện Hoàng Hóa thuận lợi hơn một số huyện khác của tỉnh Thanh Hóa cho việc phát triển kinh tế xã hội. Nằm ngay cửa ngõ phía bắc thành phố Thanh Hóa và có con đường Quốc lộ 1 A, đường sắt xuyên Việt, quốc lộ 10

<sup>8</sup> Nguồn dẫn: Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá Về việc công bố kết quả Điều tra lao động, việc làm và thu nhập bình quân đầu người cấp huyện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

chạy qua tạo cơ hội thuận lợi để Hoàng Hóa thu hút nguồn lao động từ các huyện lân cận như Nga Sơn, Hậu Lộc, Hà Trung...; thuận lợi giao lưu kinh tế - khoa học - văn hóa với bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Là huyện có dân số tương đối trẻ và thuộc loại đông nhất nhì trong tỉnh nên nguồn nhân lực của Hoàng Hóa khá dồi dào, dân số trong độ tuổi lao động của huyện chiếm tỷ lệ lớn, khoảng gần 61,2% tổng dân số.

- Con người Hoàng Hóa hiếu học, cần cù trong lao động, năng động trong công việc làm, hoạt bát trong ứng xử, thông minh trong học hành, thoáng đãng trong ăn ở, nghĩa tình trong cách sống, thắm thiết với quê hương. Đó là nguồn lực quan trọng nhất trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Người dân trong vùng cũng thể hiện khả năng tiết kiệm khi thu nhập tăng lên để tái đầu tư, điều đó tạo cơ sở cho việc hình thành vốn bền vững trong tương lai.

#### *Khó khăn – thách thức*

- Mật độ dân cư huyện Hoàng Hóa tương đối cao. Bình quân đất nông nghiệp trên một lao động thấp. Điều này dẫn đến lao động bị dư thừa trong nông thôn huyện Hoàng Hóa cao gây sức ép quá lớn trong việc giải quyết công ăn việc làm trong hiện tại và tương lai. Tỷ lệ dân số đông ở nông thôn lớn, chủ yếu sống dựa vào nông nghiệp, quá trình đô thị diễn ra khá mạnh trong giai đoạn tới khi mà các khu thị tứ thị trấn phát triển làm diện tích đất nông nghiệp đầu người giảm xuống nhanh nhất là ở khu đô thị mới, trong khi việc chuẩn bị cho việc thay đổi nghề nghiệp của lao động còn hạn chế.

- Mặc dù lực lượng lao động dồi dào, song trình độ chuyên môn tay nghề của người lao động còn thấp.

#### *Một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực*

Để thực hiện được nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới, cần tập trung vào những vấn đề cơ bản sau:

- *Thứ nhất, nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục và đào tạo:* Giáo dục và đào tạo được coi là khâu then chốt, quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Xuất phát từ vị trí, vai trò của giáo dục và đào tạo đối với tiến trình bồi dưỡng nguồn nhân lực, cần thiết phải mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các trường nghề đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhân lực trong thời kỳ mới. Bên cạnh đó, cần chuẩn hoá chương trình và giáo trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu của thực tiễn xã hội, xác định ngành nghề mũi nhọn nhằm đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao.

- Thứ hai, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực: Đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân luồng trong đào tạo, hướng nghiệp cho học sinh, qua đó tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, phù hợp với nhu cầu của phát triển kinh tế xã hội của huyện trong giai đoạn tới; sử dụng triệt để và hiệu quả lực lượng lao động đã qua đào tạo.

- Thứ ba, tăng cường công tác dự báo nguồn nhân lực: Cần nghiên cứu đánh giá thực trạng cơ cấu nhân lực hiện có cũng như dự báo về nhu cầu nhân lực ở các ngành, lĩnh vực khác nhau nhằm chủ động tránh tình trạng thừa và thiếu nhân lực.

### **2.3.2. Hiện trạng sử dụng đất**

Theo số liệu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Hoàng Hoá năm 2022, tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Hoàng Hóa là 20.380,50 ha (203,8 km<sup>2</sup>). Trong đó:

a/ Diện tích đất nông nghiệp là 13.551,54 ha, chiếm 66,47% Tổng diện tích tự nhiên

Trong đó:

- Đất trồng lúa là 7.667,66 ha. Đất chuyên trồng lúa nước là 6.780,11 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác là 1.309,56 ha;
- Đất trồng cây lâu năm là 931,28 ha;
- Đất rừng phòng hộ là 157,72 ha;
- Đất rừng sản xuất là 1.096,21 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản là 2.278,64 ha;
- Đất nông nghiệp khác là 110,46 ha

b/ Đất phi nông nghiệp: Diện tích đất phi nông nghiệp là 6.594,31 ha chiếm 32,35% Tổng diện tích tự nhiên

Cụ thể các loại đất như sau:

- Diện tích đất quốc phòng là 66,69 ha
- Diện tích đất an ninh là 0,94 ha
- Diện tích đất khu công nghiệp: 0ha. Các khu công nghiệp hiện mới đang trong giai đoạn nhà đầu tư nghiên cứu lập hồ sơ, đến nay đang triển khai thu hồi đất GPMB thực hiện dự án.
- Diện tích đất cụm công nghiệp là 57,11 ha. Một số cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền Quyết định thành lập cụm công nghiệp, đến nay đang triển khai thu hồi đất GPMB thực hiện dự án.
- Diện tích đất thương mại, dịch vụ là 227,49 ha



- Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 148,32 ha

- Diện tích đất phát triển hạ tầng: là 2.933,65 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất giao thông là 1.912,27 ha

+ Diện tích đất thuỷ lợi là 576,49 ha

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 40,31 ha. Một số dự án đất cơ sở văn hóa tại các xã đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng đang trong quá trình giải phóng mặt bằng.

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 17,27 ha. Các dự án mở rộng bệnh viện đa khoa Hải Tiến, mở rộng bệnh viện đa khoa Hàm Rồng đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa giải phóng mặt bằng xong do khó khăn trong việc thỏa thuận mức giá bồi thường hộ trợ cho các hộ gia đình có đất thuộc phạm vi dự án.

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 90,76 ha. Một số dự án đất cơ sở giáo dục đào tạo tại các xã chưa bố trí được nguồn vốn đầu tư để thực hiện.

+ Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 40,99 ha. Đất thể dục thể thao trong các khu đô thị mới đưa vào quy hoạch sử dụng đất nhưng đang trong giai đoạn nhà đầu tư nghiên cứu lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 5,76 ha. Các dự án di tích lịch sử văn hóa đưa vào quy hoạch đang tổ chức triển khai thực hiện.

+ Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 12,71 ha. Dự án nhà máy xử lý rác tại xã Hoàng Xuân đưa vào quy hoạch nhưng chưa thu hút được nhà đầu tư thực hiện dự án.

+ Diện tích đất cơ sở tôn giáo là 12,27 ha. Các dự án cơ sở tôn giáo đưa vào quy hoạch đang tổ chức triển khai thực hiện.

+ Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 206,44 ha. Một số dự án đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Diện tích đất chợ là 15,46 ha. Một số dự án chợ đưa vào quy hoạch nhưng chưa kêu gọi được nhà đầu tư.

- Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 42,41 ha. Các mặt khu dân cư có bố trí quỹ đất cho khu vui chơi giải trí công cộng nhưng chưa thực hiện.

- Diện tích đất ở tại nông thôn là 1.897,76 ha. Các dự án trong khu dân cư đang trong quá trình lập quy hoạch chi tiết 1/500, trình có thẩm quyền quyết định

chủ trương đầu tư, ghi vốn đầu tư công là cơ sở để trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận danh mục cho phép thu hồi đất và đưa vào kế hoạch sử dụng đất để triển khai thực hiện.

- Diện tích đất ở tại đô thị là 108,89 ha. Các dự án trong khu dân cư đang trong quá trình lập quy hoạch chi tiết 1/500, trình có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, ghi vốn đầu tư công là cơ sở để trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận danh mục cho phép thu hồi đất và đưa vào kế hoạch sử dụng đất để triển khai thực hiện.

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 27,46 ha. Đất trụ sở cơ quan của các xã đưa vào quy hoạch để đảm bảo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện.

- Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 8,43 ha. Đất trụ sở của trung tâm phát triển nông nghiệp nông thôn Thanh Hóa tại xã Hoàng Kim ... chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện.

- Diện tích đất tín ngưỡng là 17,06 ha. Các dự án cơ sở tín ngưỡng đưa vào quy hoạch đang tổ chức triển khai thực hiện.

- Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 1.028,79 ha

- Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 26,15 ha

Đất chưa sử dụng: 241,40 ha chiếm 1.18% Tổng diện tích tự nhiên

Bảng hiện trạng sử dụng đất huyện Hoàng Hoá 2023

STT	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%) (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>	<b>20.387,24</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>13.551,54</b>	<b>66,47</b>
1.1	Đất trồng lúa	7.667,66	
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	6.780,11	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1.309,56	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	931,28	
1.4	Đất rừng phòng hộ	157,72	
1.5	Đất rừng đặc dụng	0,00	
1.6	Đất rừng sản xuất	1.096,21	
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	417,47	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	2.278,64	
1.8	Đất làm muối	0,00	
1.9	Đất nông nghiệp khác	110,46	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>6.594,31</b>	<b>32,35</b>
2.1	Đất quốc phòng	66,69	

2.2	Đất an ninh	0,94	
2.3	Đất khu công nghiệp	0,00	
2.4	Đất cụm công nghiệp	57,11	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	227,49	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	148,32	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,00	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,16	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.933,65	
-	Đất giao thông	1.912,27	
-	Đất thuỷ lợi	576,49	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	40,31	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	17,27	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	90,76	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	40,99	
-	Đất công trình năng lượng	1,74	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	1,18	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	0,00	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	5,76	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	12,71	
-	Đất cơ sở tôn giáo	12,27	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	206,44	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	0,00	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	0,00	
-	Đất chợ	15,46	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	0,00	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,00	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	42,41	
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.897,76	
2.14	Đất ở tại đô thị	108,89	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	27,46	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	8,43	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	0,00	
2.18	Đất tín ngưỡng	17,06	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.028,79	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	26,15	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>241,40</b>	<b>1,18</b>

### 2.3.3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội

#### a/. Hiện trạng về Giáo dục:

Hệ thống giáo dục huyện Hoàng Hóa hiện có 78 cơ sở giáo dục, gồm:



+ Cấp vùng: 06 trường trung học phổ thông (4 trường công lập, 1 trường tư thục và trung tâm giáo dục thường xuyên huyện)<sup>9</sup>;

*Bảng hiện trạng đất dành cho cơ sở giáo dục cấp vùng huyện Hoàng Hoá*

TT	Tên trường	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I. Các trường THPT hiện trạng</b>		<b>128.3000</b>	
1	Trường THPT Lương Đắc Bằng	25.990	
2	Trường THPT Hoàng Hóa 2	15.340	
3	Trường THPT Hoàng Hóa 3	21.000	
4	Trường THPT Hoàng Hóa 4	20.000	
5	Trường THPT Hoàng Hóa	26.500	
6	Trung tâm GDTX	12.000	
7	Trường THPT Lê Viết Tạo	16.600	Dự kiến sát nhập TT GD TX
8	Trường THPT Lưu Đình Chất	12.200	Loại khỏi QH

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%; tốt nghiệp THCS, THPT, BTTHPT đạt 99% trở lên; tỷ lệ học sinh đậu Đại học trên 50%. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được nâng cao, trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 75%. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng tiên tiến, hiện đại như: máy chiếu, ti vi, phòng học Tiếng Anh chuyên dụng...

Hiện tại mạng lưới giáo dục phân bố đều trên địa bàn huyện và có bán kính phục vụ đảm bảo, cơ sở vật chất được cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học trên địa bàn. Trong tương lai cần dành quỹ đất để mở rộng quy mô khi có sự phát triển về dân số, kinh tế, xã hội.

Về giáo dục thường xuyên: Hiện trạng trên địa bàn huyện Hoàng Hoá có 1 trung tâm giáo dục thường xuyên. Quy mô cụ thể: diện tích: 12.000 m<sup>2</sup>; với 24 lớp học; số học sinh năm học 2023-2024 là 1.040 học sinh.

***Nhận xét:***

*Hiện tại mạng lưới giáo dục phổ thông phân bố đều trên địa bàn huyện và có bán kính phục vụ đảm bảo, cơ sở vật chất được cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học trên địa bàn. Trong tương lai, khi hình thành đô thị và tiến tới thành lập thị xã cần dành quỹ đất để mở rộng quy mô khi có sự phát triển về dân số, kinh tế, xã hội. Ưu tiên các loại hình trường liên cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế.*

<sup>9</sup> Báo cáo phòng giáo dục huyện Hoàng Hoá – 2024; các QHC đô thị Phú Quý; Hải Tiến, Bút Sơn đã được phê duyệt.

*b/ Hiện trạng Y tế<sup>10</sup> :*

Huyện Hoàng Hoá có 40 cơ sở y tế, trong đó có 37 trạm y tế cấp xã, thị trấn và 03 Bệnh viện đa khoa trong đó 01 Bệnh viện công lập 340 giường và 02 Bệnh viện tư nhân với 339 giường. Trên địa bàn có 01 trung tâm Y tế huyện.

*Bảng hiện trạng đất dành cho cơ sở Y tế cấp vùng huyện Hoàng Hoá*

TT	Tên cơ sở Y tế	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I. Các cơ sở hiện trạng</b>		<b>37.500</b>	
1	Bệnh viện ĐK huyện	25.100	BV Công lập
2	Bệnh viện ĐK hàm Rồng	6.500	
3	Bệnh viện ĐK Hải Tiến	5.900	
<b>II. Các cơ sở Y tế đã QH mới</b>		<b>127.900</b>	
1	Bệnh viện ĐK Phú Quý	32.100	Theo QHC đô thị Phú Quý
2	Bệnh viện ĐK Bút Sơn	38.800	Theo QHC đô thị Bút Sơn
	Bệnh viện ĐK Hải Tiến MR	25.000	Theo QHC xã Hoàng Ngọc
3	Bệnh viện ĐK Thịnh Lộc	32.000	Theo QHC đô thị Thịnh Lộc
<b>TỔNG (I+II)</b>		<b>165.400</b>	

Tổng số Y Bác sỹ là 624 người, trong đó 153 Bác sỹ và 471 Y sỹ<sup>11</sup>, điều dưỡng, hộ sinh... Số bác sỹ/vạn dân là 6,65 thấp hơn so với trung bình cả nước (8,4 bác sỹ/ 1 vạn dân).

Chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, số lượng nhân dân đến khám chữa bệnh tại bệnh viện Đa khoa và các trạm y tế tăng.

*Công tác khám chữa bệnh*

- Đẩy mạnh việc thực hiện các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng mới theo phân tuyến kỹ thuật, đồng thời xem xét thực hiện thêm một số kỹ thuật vượt tuyến để phục vụ người bệnh; Số kỹ thuật mới đã triển khai trong năm là 33 kỹ thuật.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy chế của bệnh viện trong khám, chữa bệnh, hạn chế thấp nhất các sai sót;

- Thường xuyên thực hiện các giải pháp để nâng cao năng lực trong khám bệnh, chữa bệnh tăng cường phẫu thuật nội soi, các kỹ thuật cao, các xét nghiệm mới thực hiện tại bệnh viện;

- Thường xuyên kiểm tra đánh giá việc thực hiện các quy chế chuyên môn và các chỉ đạo của cấp trên về chuyên môn, hạn chế tối đa các sai sót; theo dõi và

<sup>10</sup> Nguồn số liệu: Niên Giám thống kê- Cục thống kê Thanh Hóa 2023; Báo cáo kết quả công tác Y tế năm 2023, định hướng năm 2024 – TT Y tế huyện Hoàng Hoá

<sup>11</sup> Nguồn số liệu: Niên giám thống kê, cục thống kê Thanh Hoá - 2023

báo cáo đầy đủ các sự cố, sai sót chuyên môn ở cấp khoa và toàn bệnh viện. Nếu có sai sót đáng kể phải báo cáo, tổng hợp phân tích nguyên nhân và có biện pháp phòng ngừa kết hợp với việc thực hiện các tiêu chí chất lượng bệnh viện về chuyên môn;

- Các khoa lâm sàng tiếp nhận người bệnh, khám, chỉ định cấp cứu, điều trị trong thời gian nhanh nhất. Chất lượng chẩn đoán, điều trị được nâng lên.

- Xây dựng đầy đủ bảng kiểm tuân thủ quy trình kỹ thuật chuyên môn trong hội đồng điều dưỡng. Kiểm tra - đánh giá định kỳ việc tuân thủ quy trình kỹ thuật của điều dưỡng- hộ sinh- kỹ thuật viên, trong đó 42,8% đạt loại giỏi, 57,2% đạt loại khá. Tỷ lệ điều dưỡng trưởng có trình độ Đại học, sau đại học: 12/13 đạt 92,3%.

- Tình hình trang thiết bị y tế tuy có nhiều các trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh nhưng do được đầu tư đã lâu, công suất sử dụng nhiều nên một số máy có đã xuống cấp, hoạt động không ổn định như: máy CT Scanner, hệ thống máy phẫu thuật nội soi, siêu âm,...

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2023: Tổng số khám bệnh 122148/118000 (đạt 103,5%); bệnh nhân điều trị nội trú 22.638/25.400 (đạt 89,1%); ngày điều trị trung bình 5,8 ngày (giảm 0,1 ngày so với kế hoạch); bệnh nhân phẫu thuật 2579/2200 (đạt 117,2%).

*Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.* Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm đơn vị đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát về vệ sinh an toàn thực phẩm với số đoàn được thành lập là 08 đoàn; Phối hợp tham gia đoàn thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho 40 cơ sở.

- Tổng số cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm là 872, số cơ sở được kiểm tra, giám sát là 138 cơ sở, tăng 31 cơ sở so với cùng kỳ là 107 cơ sở, nhắc nhở 138 cơ sở. Thực hiện công tác giám sát ngộ độc thực phẩm, tổng số ca mắc là 1.022 ca tăng 335 ca so với cùng kỳ là 687 ca.

### **Nhận xét:**

*Mạng lưới Y tế cấp xã và cấp huyện cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, cơ sở vật chất được trang bị hiện đại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên số lượng Y bác sỹ còn thấp hơn so với trung bình cả nước.*

*Bệnh viện đa khoa huyện có quy mô nhỏ, một phần do các các cơ sở y tế quan trọng và lớn nhất của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đều nằm gần huyện (gồm bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện phụ sản, bệnh viện nhi, trạm vệ sinh phòng dịch, viện mắt Trung ương, viện lao phổi Thanh Hóa...). Tuy nhiên trong tương lai cần nâng cao quy mô giường bệnh hoặc bố trí thêm cơ sở mới để đảm bảo bán kính phục vụ và đáp ứng nhu cầu chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong tình hình mới theo chủ trương của Đảng.*

**c/ Hiện trạng Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và du lịch**

Cụm trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện đã được đầu tư xây dựng quy mô, tập trung ở thị trấn Bút Sơn, bao gồm các công trình như: trung tâm hội nghị, trung tâm văn hóa thông tin - thể dục thể thao, nhà truyền thống, nhà thi đấu đa năng, sân vận động....

Các công trình thiết chế văn hóa đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa và luyện tập thể dục thể thao cho người dân tại các xã, thị trấn, tại các cơ quan, trường học hàng năm tổ chức hàng loạt các hoạt động thể dục thể thao. Hoạt động du lịch diễn ra sôi động, thu hút nhiều khách du lịch. Hạ tầng kỹ thuật tiếp tục được đầu tư xây dựng mới, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ;

Hoàng Hóa 470 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 16 di tích cấp Quốc gia (chiếm tỷ lệ khoảng 10,7% so với cả tỉnh); 77 di tích cấp tỉnh (chiếm tỷ lệ khoảng 10,9% so với cả tỉnh).

Duy trì tốt các hoạt động thư viện - bảo tàng; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin. Chỉ đạo Trung tâm viễn thông Hoàng Hóa, Trung tâm Viettel Hoàng Hóa và Bưu điện huyện chuẩn bị tốt kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc trong PCTT trên địa bàn huyện.

**Nhận xét:**

*Hoàng Hóa là một trong những huyện có các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp huyện được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh, quy mô nhất trong tỉnh. Phong trào, hoạt động thể dục thể thao được diễn ra sôi nổi, đều đặn hàng năm, các giải thi đấu lớn trong và ngoài tỉnh đều tham gia và đạt thành tích cao. Các hoạt động văn hóa đa dạng với sự tham gia đông đủ và nhiệt tình của người dân.*

*Các công trình văn hóa thể thao cấp huyện quy mô diện tích đã đảm bảo, tuy nhiên cần hoàn thiện thiết chế văn hóa thể thao tại các xã để đạt được các tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025 và thành lập thị xã trước năm 2030.*

**d/ Hiện trạng Nhà ở:**

Trên địa bàn huyện Hoàng Hóa phần lớn là nhà ở kiên cố, một phần nhà bán kiên cố và nhà tạm chiếm tỷ lệ không đáng kể: tỷ lệ nhà ở kiên cố chiếm 75,5%, nhà bán kiên cố chiếm 24,0%, nhà tạm chiếm 0,5%.

Chỉ tiêu diện tích đất ở trên đầu người trung bình: 80m<sup>2</sup>/người (khoảng 320m<sup>2</sup>/hộ).

Trong đó: thấp nhất ở khu vực thị trấn Bút Sơn 61,0m<sup>2</sup>/người (khoảng 244m<sup>2</sup>/hộ); cao nhất ở khu vực xã Hoàng Tiến: 112,7m<sup>2</sup>/người (khoảng 450

m<sup>2</sup>/hộ).

Một số xã khác có chỉ tiêu đất ở trên đầu người thấp như các xã: Hoàng Thanh (68,8m<sup>2</sup>/người), Hoàng Trinh (64,3m<sup>2</sup>/người) Hoàng Trường (67,0m<sup>2</sup>/người). Đây là các khu dân cư sống tập trung và các khu vực các xã ven biển có quỹ đất hạn chế.

**Nhận xét:** Nhìn chung, chất lượng nhà tương đối tốt với phần lớn là nhà kiên cố và diện tích đất ở lớn, tuy nhiên một số khu vực có chất lượng ở chưa cao, đặc biệt là tại các xã ven biển với quỹ đất ở hạn hẹp, nhà ở chủ yếu bán kiên cố và chịu ảnh hưởng trực tiếp của các điều kiện thời tiết bất lợi, hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư.

#### 2.3.4. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

##### a/ Hiện trạng giao thông

Huyện Hoàng Hóa phát triển đa dạng nhiều loại hình giao thông: đường bộ; đường thủy; đường sắt. Trong đó đường bộ đang được đầu tư rất lớn để nâng cấp các tuyến đường hiện trạng, xây dựng các tuyến đường mới đáp ứng nhu cầu phát triển của Huyện và đi lại của người dân.

\* Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ

- Hiện nay, địa bàn toàn huyện có tổng chiều dài đường bộ là: 1.561 km.

- Đã cứng hóa 100% đường huyện, đường xã.

- Chi tiết mạng lưới giao thông đối ngoại:

- **Quốc lộ:** Có 2 tuyến Quốc lộ 1 và Quốc lộ 10 tổng chiều dài 23,7 Km, đã nhựa hóa 100%.

+ Quốc lộ 1: Là tuyến đường kết nối theo hướng Bắc Nam xuyên suốt Việt Nam. Tuyến đường vừa được nâng cấp, cải tạo, xây dựng, đoạn qua huyện Hoàng Hóa dài 15,18Km; đạt đường cấp III, tối thiểu 2 làn xe.

Đoạn đi qua đô thị Hoàng Hóa từ xã Hoàng Trinh đến xã Hoàng Quý có chiều dài 7,58Km, đảm bảo tiêu chuẩn là đường cấp III, 4 làn xe.

Đoạn đi qua đô thị Hoàng Hóa (tiểu dự án 2) từ xã Hoàng Quý đến xã Hoàng Lộc có chiều dài 7,60Km đảm bảo tiêu chuẩn là đường cấp III, 4 làn xe.

+ Quốc lộ 10: Là tuyến đường kết nối theo hướng Bắc Nam kết nối các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa đoạn qua huyện Hoàng Hóa dài 8,52Km; đạt đường cấp III, tối thiểu 2 làn xe.

- **Đường tỉnh:** Có 3 tuyến dài 33,1Km, đã nhựa hóa 100% gồm:

+ Đường tỉnh ĐT509 (Nghĩa Trang-chợ Phủ) dài 5,20Km đường cấp V.

+ Đường tỉnh ĐT510 (Hoàng Thành-Ngã tư Gòng-Chợ Vực) chiều dài

12,90Km; trong đó đường phố chính thứ yếu 4 làn xe dài 7,6Km; còn lại đường cấp V, cấp VI dài 5,3Km.

+ Đường tỉnh ĐT510B (Hoàng Trường-Hoàng Phụ) có chiều dài 15,0Km; trong đó đường phố chính đô thị thứ yếu 4 làn xe dài 3,5Km, đường cấp IV dài 4,5Km, đường cấp V dài 7,0Km.

- *Hiện trạng về tuyến đường huyện, đường nội bộ:*

- *Đường huyện, liên xã:* 44 tuyến với tổng chiều dài 203,96 Km, đã nhựa hóa, bê tông hóa 100%; trong đó: đường cấp VI dài 70,35Km, đường cấp V dài 72,10Km, đường cấp IV dài 34,43Km, đường cấp III dài 3,86Km, đường phố chính thứ yếu 4 làn xe dài 19,2Km.

- *Đường xã, liên thôn:* Tổng chiều dài 139,36Km, đã nhựa hóa, bê tông hóa 100%; trong đó đường cấp B dài 84,35Km, đường cấp VI dài 29,66Km, đường cấp V dài 22,95Km, đường cấp IV dài 2,4Km.

- *Đường ngõ, xóm:* Tổng chiều dài 553,37Km, đã nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%; trong đó: đường GTNT cấp D dài 143,08Km, đường cấp C dài 185,82Km; đường cấp B dài 150,32Km; đường cấp A (cấp VI) dài 62,89Km; đường cấp V dài 7,02Km; đường cấp IV dài 4,24Km.

- *Đường nội đồng:* Tổng chiều dài 483,37 Km, đã nhựa hóa, bê tông hóa đạt 76,71%; trong đó: đường cấp D dài 152,48Km; đường cấp C dài 145,24Km; đường cấp B dài 85,95Km; đường cấp A dài 0,33Km; đường đất dài 99,37Km, chiếm 23,29%.

- *Đường nội thị:* Tổng chiều dài 16,30Km, trong đó 100% đạt tiêu chuẩn đường phố nội bộ.

- *Đường chuyên dùng:* Tập trung phục vụ vận chuyển đi lại của một số cơ quan tổ chức, các nhà máy, cụm công nghiệp, khu du lịch, ... do các Nhà đầu tư thực hiện khoảng 28,4km. Quy mô mặt đường từ 3,5m - 10,5m; Vĩa hè 2x1m đến 2x4,5m.

- Đường các khu mặt bằng mới: 80 km có Bm từ 7,5m trở lên.

- Toàn huyện có khoảng 221km đường có Bm $\geq$ 7m; có gần 300km đường được thảm bê tông nhựa.

- Cầu, cống: Trên địa bàn huyện hiện có 142 cầu, 582 cống các loại tổng chiều dài 4.256m, cầu vượt sông Lạch Trường hiện có 02 cầu hạng trung, bê tông cốt thép gồm cầu Hoàng Đức và cầu Bút Sơn. Những năm qua hệ thống cầu, cống đã được nâng cấp mở rộng, xây mới đảm bảo an toàn giao thông, thoát nước, phù hợp với cấp đường quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế-xã hội.

- Về bến, bãi đỗ xe: Hiện nay trên địa bàn huyện có 01 Bến xe tại thị trấn Bút Sơn: quy mô đạt loại 4 (diện tích tối thiểu 6.000 m<sup>2</sup>); Ngoài ra theo quy hoạch trên địa bàn huyện còn có 6 vị trí (Khu đô thị Hải Tiến 2 vị trí, đô thị Phú Quý 1 vị trí, khu đô thị Thịnh Lộc 1 vị trí, Khu Ngọc Thanh 1 vị trí, xã Hoàng Phụ 1 vị trí)

từng bước được hình thành theo nhu cầu phát triển vận tải.

*Tổng hợp hiện trạng giao thông đường bộ*

TT	Số hiệu đường	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (km)	Cấp đường hiện tại	Vị trí của tuyến
			Điểm đầu	Điểm cuối			
	<b>A</b>	<b>Đường Trung ương:</b>		<b>23,7</b>	<b>16,1</b>		
1		Quốc lộ 1A	H. Trinh	H. Quỳ	7,58	III	H. Trinh, H. Trung, H. Kim, H. Quý, H. Phú, H. Quỳ.
2		Quốc lộ 1A (Tiểu dự án 2)	H. Quỳ	H. Lộc	7,6	III	H. Quỳ, H. Cát H. Đức, H. Đồng, H. Thịnh, H. Lộc
3		Quốc lộ 10	H. Xuyên	H. Đức	8,52	IV	H. Xuyên, H. Đức, Thị trấn Bút Sơn.
	<b>B</b>	<b>Đường tỉnh:</b>			<b>33,1</b>		
1		ĐT 509 (Nghĩa trang-chợ Phú)	QL1A-H. Kim	H. Sơn	5,2	V	H. Kim, H. Trinh, H. Sơn (Quốc lộ 10).
2		ĐT 510 (H. Thành-Ngã tư Gòng-Chợ vực)	H. Thành	H. Ngọc (Chợ Vực)	12,9	IV-VI	H. Thành, H. Lộc, H. Thịnh, H. Thái, H. Đồng, TT Bút Sơn, H. Đạo, H. Ngọc.
3		ĐT 510B (H. Trường-H. Phụ)	H. Trường	H. Phụ	5	V	H. Trường, H. Hải, H. Tiến, H. Ngọc, H. Đông, H. Phụ.
	<b>C</b>	<b>Đường huyện</b>			<b>46,83</b>		
1	ĐH-HH.02	H. Trung - H. Xuân	QL1A H.Trung	H. Xuân	6	VI	H. Trung (Quốc lộ 1A), H. Xuân.
2	ĐH-HH.03	H. Kim - H. Giang - H. Hợp	QL1A H.Kim	H. Hợp	10,2	VI*-V	H. Kim (Quốc lộ 1A), H. Phú, H. Phương, H. Giang, H. Hợp.
3	ĐH-HH.04	H. Kim - H. Xuân	ĐH-HH.03 (H.Kim)	Đê tả SMã H.Xuân	4,5	VI-V	H. Kim, H. Xuân
4	ĐH-HH.05	H. Trinh - H. Cát (Bút Trinh)	TL 509 H.Trinh	H.Cát	5,1	V	H. Trinh (TL509), H. Sơn, H. Xuyên, H. Cát.
5	ĐH-HH.06	H. Quý - H. Phương	H.Quý	H.Phương	7,5	VI*-V	H. Quý (QL1A), H. Phú, H. Phương.
6	ĐH-HH.07	H. Quý - H. Xuyên	QL1A H.Quý	H.Xuyên	2,5	VI*	H. Quý(QL1A), H. Xuyên.

Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045

7	ĐH- HH.08	H. Sơn	TL 509 H.Xuyên	ĐH 05 H. Xuyên	4,8	VI*	H. Sơn, H. Xuyên.
8	ĐH- HH.11	H. Quỳnh - H. Hợp - H. Giang	QL1A H.Quỳnh	ĐH 03 H.Giang	6,5	VI	H. Quỳnh (QL1A), H. Hợp, H. Giang.
9	ĐH- HH.12	Đường tránh QL10	QL10 H.Đức	QL10 TT Bút Sơn	2,7	IV (Đô thị)	H. Đức (QL10), TT Bút Sơn (QL10).
10	ĐH- HH.13	Thị trấn Bút Sơn - H. Trường	QL10 TT BSơn	H.Trường	10,5	VI-V	TT Bút Sơn (QL10), H. Đạt, H. Hà, H. Yên, H. Hải, H. Trường
11	ĐH- HH.13b	H. Ngọc - H. Tiến - H. Yến	ĐH 13 H.Ngọc	H.Tiến	4,2	VI	H. Ngọc (Cầu Cách), H. Tiến, H. Yên.
12	ĐH- HH.15	Đường Cán Cờ	QL10 H.Đức	X.H. Đức	0,58	IV	H. Đức (QL10)
13	ĐH- HH.16	H. Vinh - H. Lưu - H. Đạo	QL10 TT Bút Sơn	TL 510 H.Đạo	20,4	VI-IV	TT Bút Sơn (QL10), H. Đồng, H. Thịnh, H. Lộc, H. Thành, H. Trạch, H. Tân, H. Châu, H. Phong, H. Lưu, H. Thắng, H. Đạo(TL510).
14	ĐH- HH.17	TT Bút Sơn - H. Đạt - H. Hà	TT Bút Sơn	ĐH 13 H.Hà	9	VI*	TT Bút Sơn, H. Đạt, H. Hà.
15	ĐH- HH.17b	Ngọc Đình - H. Đạo	Ngọc Đình	TL510 H.Đạo	2,3	VI	H. Hà, H. Đạo (TL510).
16	ĐH- HH.18	Thị trấn Bút Sơn - H. Đạo	QL10 TT Bút Sơn	H.Đạo	2,8	VI*	TT Bút Sơn, H. Đạo.
17	ĐH- HH.18b	Đường Bắc Kênh Nam	Ngã tư Gồng	Đạo Ninh H.Đạo	3	VI*	TT Bút Sơn (QL10), H. Đạo.
18	ĐH- HH.19	TT Bút Sơn- H. Đạo	ĐH 17 H.Đạo	ĐH 18 H.Đạo	1,5	VI*	TT Bút Sơn, H. Đạo.
19	ĐH- HH.22	H. Tiến - H. Thanh - H. Phụ	H.Tiến	H.Phụ	4,6	VI-V	H. Tiến, H. Thanh, H. Đông, H. Phụ
20	ĐH- HH.24	H. Trường - H. Phụ	H.Tiến	H.Phụ	8	VI	H. Trường, H. Hải, H. Tiến, H. Thanh, H. Đông, H. Phụ
21	ĐH- HH.25	H. Lộc - H. Lưu	H. Lộc	H.Lưu	6,15	VI-V	H. Lộc, H. Thành, H. Lưu.
22	ĐH- HH.26	H. Thắng - H. Thịnh - H. Lộc	H.Thắng	H.Lộc	3,6	VI	H. Thắng, H. Thái, H. Thịnh, H. Lộc (TL 510).



23	ĐH- HH.27	Đường TT Bút Sơn-H. Đức	Đường tránh QL10	H. Đức	0,6	IV-III	Thị trấn Bút Sơn, H. Đức.
24	ĐH- HH.28	Đường H. Yến - H. Trường	Cầu Cách (H. Yến)	Xóm 1 H. Yến	5,6	VI	H. Yến, H. Trường.
25	ĐH- HH.30	Đường H. Thành-H. Châu	H. Thành	H. Châu	3,9	VI(*)	H. Thành, H. Châu.
26	ĐH- HH.31	Đường H. Xuyên-Đê tả Sông Mã	H. Xuyên	Đê Sông Mã	3,5	VI	H. Xuân.
27	ĐH- HH.32	Đường H. Thắng-H. Luu	H. Thắng	H. Luu	2,3	VI	H. Thắng, H. Luu.
28	ĐH- HH.33	Đường H. Đạo-H.Tiến	H. Đạo TL510	H. Tiến TL510b	2,2	IV	H. Đạo, H. Ngọc, H. Tiến.
29	ĐH- HH.34	Đường H. Ngọc- H.Thanh	Tỉnh lộ 510b, H. Ngọc	H. Thanh	2,3	VI	H. Ngọc, H. Thanh

**\* Hiện trạng đường sắt:**

Tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua 06 xã (Hoàng Trung, Hoàng Trinh, Hoàng Kim, Hoàng Quý, Hoàng Phú, Hoàng Quý) có chiều dài 7,6Km. Có 01 ga tránh tàu tại xã Hoàng Trung (ga Nghĩa Trang).

**\* Hiện trạng đường thủy:**

Trên địa bàn huyện có 2 tuyến sông, 1 tuyến kênh với tổng chiều dài 70,3 Km, do cấp trên quản lý. Cụ thể:

- Sông Mã:

+ Tuyến từ phao số 0 cửa Lạch Hới đến xã Hoàng Trạch: dài 12,7Km, do Cục Hàng Hải quản lý.

+ Tuyến từ xã Hoàng Hợp đến Ngã ba Bông xã Hoàng Xuân: dài 13,7Km, do Cục đường thủy nội địa quản lý.

- Sông Tào:

+ Tuyến từ Phao số 0 (Lạch Trường) đến ngã ba xã Hoàng Hà, dài 14,5Km, do Cục đường thủy nội địa quản lý.

+ Tuyến từ Ngã ba Hoàng Hà đến xã Hoàng Đức, dài 14,4Km, do cục đường thủy nội địa quản lý.

- Kênh Choán: Tuyến từ Ngã ba Hoàng Hà đến Ngã ba Hoàng Phụ, dài 15 Km, do cục đường thủy nội địa quản lý.

- Bãi biển: Huyện Hoàng Hóa có 12 Km bãi biển kéo dài qua các xã Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh và Hoàng Phụ.

**- Bến thủy nội địa:**

+ Bến Lạch Trường xã Hoàng Trường (sông Tào);

+ Bến dịch vụ vận tải hành khách du lịch Hải Tiến, xã Hoàng Tiến đang xây dựng.

**- Đò ngang, phà:** Hiện nay, trên địa bàn huyện có 05 đò ngang, 01 phà đang hoạt động đưa, đón khách ngang sông trên các sông Mã và sông Lạch Trường đó là: Đò Vàng xã Hoàng Xuân; Đò Phụng (Đò chùa gia) xã Hoàng Phụng; Đò Cống mới xã Hoàng Châu; Đò Lạch Hới xã Hoàng Phụ; Đò Giàng xã Hoàng Giang và Phà Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa-Hòa Lộc, Hải Lộc, huyện Hậu Lộc.

Đò Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa-hải Lộc, huyện Hậu Lộc đã được 2 huyện đình chỉ hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

- Các tuyến du lịch đường thủy tại Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoàng Hoá.

- Bến dịch vụ vận tải hành khách du lịch Hải Tiến, xã Hoàng Tiến đang xây dựng.

**\* Hiện trạng về hoạt động vận tải :**

**- Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của tỉnh Thanh Hóa được triển khai từ 01/7/2007, theo Đề án xe buýt của tỉnh và được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ VI phê duyệt tại Nghị quyết số 49/2005/NQ-HĐND ngày 28/7/2006 về việc trợ giá cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại thành phố Thanh Hóa và các vùng phụ cận.

Từ 3 tuyến trợ giá ban đầu (giai đoạn 2007-2011) với số lượng 23 xe, quãng đường xe buýt hoạt động dài nhất là 40Km; đến nay đã có 16 tuyến xe buýt hoạt động không trợ giá, với 1132 chuyến/ ngày; bình quân khoảng 34.000 lượt khách/ngày, phục vụ 20 huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh gồm:

**Bảng .** Thống kê các tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt qua khu vực huyện Hoàng Hóa

TT	Tên tuyến	Lộ trình
1	<b>Tuyến số 05:</b> Bim Sơn - Đại học Hồng Đức <b>Đơn vị khai thác:</b> Công ty TNHH Hoa Dũng <b>Cự ly tuyến:</b> 50 km	Đại học Hồng Đức – Cầu cóc – Chợ vườn hoa – Bru điện tỉnh – QL1A – Cầu Hoàng Long – Cầu Tào – Ga nghĩa Trang - Đò Lèn – Chợ Bim Sơn – Nhà máy xi măng Bim Sơn và ngược lại.

TT	Tên tuyến	Lộ trình
2	<b>Tuyến số 06:</b> TP Thanh Hóa – Hoàng Phụ ( Hoàng Hóa) <b>Đơn vị khai thác:</b> Công ty TNHH Vĩnh Quang <b>Cự ly tuyến:</b> 38 km	Cầu Quán Nam – Bệnh viện tỉnh – Ngã ba voi – Nguyễn Trãi – Bến xe phía Tây – Ga – Cầu Hạc – Hoàng Long – Hoàng Quang – TT Bút Sơn – Chợ Vực – Hoàng Phụ và ngược lại
3	<b>Tuyến số 07:</b> TP Thanh Hóa - Hà Trung - Nga Sơn <b>Đơn vị khai thác:</b> Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc. <b>Cự ly tuyến:</b> 55 km	Cầu Quán Nam - Bến xe phía Nam – Bến xe phía Bắc – Ngã 3 Nghĩa Trang – Thị trấn Lèn – Hà Trung – Nga Liên (Nga Sơn) và ngược lại
4	<b>Tuyến số 08:</b> TP Thanh Hóa - Hà Trung- Vĩnh Lộc- Thạch Thành <b>Đơn vị khai thác:</b> Công ty TNHH Hoa Dũng <b>Cự ly tuyến:</b> 70 km	Đại học Hồng Đức – Trường THPT chuyên Lam Sơn – Cầu cóc - Chợ vườn hoa - Bưu điện tỉnh – Bến xe phía Bắc cũ – Tào xuyên – Ga Nghĩa Trang – Đò Lèn – Xã Hà Đông – Xã Hà Lĩnh – Vĩnh Hùng – TT Vĩnh Lộc – Thị trấn Kim Tân (huyện Thạch Thành) và ngược lại.
5	<b>Tuyến số 11:</b> TP Thanh Hóa - Hậu Lộc <b>Đơn vị khai thác:</b> Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc <b>Cự ly tuyến:</b> 39 km	Cầu Quán Nam - Bến xe phía Nam – Bến xe phía Bắc – Ngã 3 Nghĩa Trang – Thị trấn Hậu Lộc – Minh Lộc – Đa Lộc (Hậu Lộc) và ngược lại

Hoạt động của xe buýt đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ, các tuyến xe buýt đã hoạt động ổn định ngày càng thu hút được nhiều người dân tham gia; làm giảm phương tiện giao thông cá nhân tham gia giao thông, hạn chế ùn tắc giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường và văn minh đô thị; góp phần tích cực trong việc giải tỏa khách trong dịp Lễ, Tết, hè Sầm Sơn, trong các kỳ thi tuyển sinh vv.. Nhiều nhân dân, cán bộ, công nhân, học sinh đã lựa chọn xe buýt là phương tiện đi lại thường xuyên.

Phương tiện xe buýt đã được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, đổi mới; 100% số phương tiện có niên hạn sử dụng dưới 10 năm.

Các điểm dừng xe buýt đã bố trí tương đối hợp lý, thuận tiện cho nhân dân, kết nối với các phương thức vận tải khác qua nhà ga, bến xe; kết nối với các khu dân cư, bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại.

Về việc thực hiện cơ chế chính sách phát triển VTHK bằng xe buýt

Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được tổ chức trong phạm vi nội tỉnh theo hình thức hợp đồng đặt hàng và cam kết chất lượng.

+ Về cơ chế miễn tiền thuê đất (theo Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg): Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh đều đã được bố trí đất làm văn phòng, xây dựng ga ra,

bãi đỗ xe...; được miễn tiền thuê đất theo quy định.

+ Về cơ chế chính sách về quy hoạch, đầu tư hạ tầng (theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt):

Tỉnh Thanh Hóa đã bố trí kinh phí cho công tác nghiên cứu lập quy hoạch phát triển mạng lưới xe buýt trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2013-2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 15/4/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Đầu tư hạ tầng: Tỉnh đã bố trí kinh phí cho công tác đầu tư và quản lý hạ tầng xe buýt, bao gồm: Điểm dừng đón trả khách, vạch sơn, biển báo, nhà chờ với tổng số tiền từ năm 2007 đến năm 2017 là 7,237 tỷ đồng, kinh phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng xe buýt là 24,123 tỷ đồng. Tuy nhiên bên đầu, cuối chưa được đầu tư theo đúng quy định làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ phục vụ hành khách; không đảm bảo trật tự an toàn giao thông; một số nhà chờ đặt tại các siêu thị, trung tâm văn hóa, quảng trường, khu đô thị... chưa đạt yêu cầu về thẩm mỹ, cảnh quan đô thị.

+ Về Cơ chế chính sách về đầu tư phương tiện vận tải (theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 2015): hiện chưa có doanh nghiệp nhập khẩu phụ tùng thay thế, chưa có doanh nghiệp đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch và tỉnh Thanh Hóa chưa ban hành mức hỗ trợ lãi suất.

+ Về cơ chế hỗ trợ hoạt động khai thác vận tải (theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015): Các doanh nghiệp xe buýt đã cam kết miễn vé cho trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; giảm giá vé tháng học sinh, sinh viên, nhưng chưa có sự thống nhất cao và triển khai thực hiện chưa đồng bộ trên các tuyến xe buýt.

+ Về việc thành lập Trung tâm điều hành vận tải hành khách công cộng (theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 2015): Thanh Hóa chưa thành lập được Trung tâm quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tuy nhiên từ năm 2007 đến năm 2017 ngân sách tỉnh đã bố trí 26,630 tỷ đồng cho công tác quản lý hoạt động xe buýt.

*Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:*

Bên cạnh những hiệu quả về mặt xã hội mà xe buýt mang lại, hoạt động của xe buýt vẫn còn một số tồn tại:

(i) Lượng khách đi lại bằng xe buýt còn thấp và có chiều hướng giảm; lượng cán bộ, công nhân, học sinh đi lại thường xuyên bằng xe buýt còn thấp so với nhu cầu thực tế.

(ii) Xe cũ nhưng không được đầu tư thay thế; một số doanh nghiệp đầu tư ban đầu loại xe chất lượng chưa cao, sau một thời gian hoạt động đã bộc lộ yếu điểm

đó là; xe hay bị hư hỏng đột xuất, hiệu quả khai thác thấp, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện biểu đồ chạy xe.

(iii) Cơ sở hạ tầng xe buýt còn hạn chế; đường giao thông xuống cấp, đường hẹp, tốc độ lưu thông chậm; chưa có bến đầu, bến cuối đảm bảo tiêu chuẩn, thuận tiện, an toàn cho hoạt động xe buýt; một số điểm lưu lượng khách đông nhưng không có quỹ đất để lắp đặt nhà chờ; chưa có quỹ đất để bố trí bãi đỗ xe, gara. Chưa có bản đồ luồng tuyến xe buýt, bản đồ trực tuyến tìm buýt,... để tạo thuận lợi cho người dân đón xe thuận tiện.

(iv) Về hoạt động trên các tuyến xe buýt

- Dừng đỗ đón trả khách không đúng nơi quy định, chạy ẩu; thực hiện biểu đồ xe chạy chưa nghiêm; tác phong, thái độ phục vụ có lúc chưa lịch sự; còn xảy ra tình trạng bán vé không đúng giá quy định; tần suất hoạt động của xe chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc còn để khách chờ lâu; còn tình trạng nhồi nhét khách vào những giờ cao điểm; một số phương tiện chất lượng kém, vệ sinh chưa sạch sẽ, có điều hòa nhưng ít hoạt động; một số tuyến còn hạn chế bán vé tháng cho hành khách có nhu cầu.

- Còn có hiện tượng xe trá hình xe buýt, tranh giành khách gây mất trật tự an toàn giao thông nhưng chưa xử lý dứt điểm được.

- Tính kết nối của mạng lưới xe buýt còn hạn chế, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xe buýt còn nhiều bất cập.

- Các điểm đầu, cuối của các tuyến xe buýt chưa được đầu tư xây dựng, doanh nghiệp phải tự thuê để bố trí Văn phòng, kho bãi, nơi đậu đỗ xe tạm thời, không đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, tiện nghi phục vụ.

- Giá vé cao nên không thu hút được khách hàng

(v) Việc tuyên truyền, giáo dục, xây dựng văn hóa trong hoạt động xe buýt còn hạn chế, nên tình trạng các phụ xe có tác phong, thái độ không lịch sự với hành khách còn xảy ra; tình trạng hành khách mang súc vật, hàng hôi tanh lên xe, khách yêu cầu lái xe dừng lên xuống ở vị trí không phải điểm dừng xe buýt; không nhường và giúp đỡ người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai, trẻ em... còn xảy ra.

**- Vận tải hành khách đô thị bằng taxi, xe điện:**

Khối lượng vận chuyển hành khách bằng taxi cũng tăng nhanh theo số hãng và số xe taxi. Tuy nhiên, do số lượng và số hãng cũng tăng mạnh nên hệ số chở khách đã giảm xuống so với trước.

Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi phát triển khá nóng, từ gần 430 xe (5 hãng) vào năm 2012 tới nay đã có hơn 2.500 xe (17 hãng), tăng trưởng số lượng xe bình quân là hơn 34,6%/năm. Hoạt động vận tải taxi có sự cạnh tranh giữa các hãng xe, với các hình thức vận tải khác như xe buýt, tuyến cố định nội tỉnh...

Để siết chặt quản lý đối với hoạt động taxi, từ năm 2016 đến nay, Sở GTVT

đã ngừng cấp phép mới giấy phép kinh doanh hoạt động vận tải taxi cho đơn vị đăng ký. Tuy nhiên việc quản lý, giám sát ngày càng gặp nhiều khó khăn khiến chất lượng phục vụ hoạt động này ngày càng đi xuống, đặc biệt đối với những đơn vị kinh doanh và lái xe theo hình thức thương quyền.

**Bảng . So sánh số lượng taxi giữa tỉnh Thanh Hóa và 1 số địa phương khác**

TT	Nội dung	Hà Nội	Hải Phòng	Đà Nẵng	Hồ Chí Minh	Cần Thơ	Nghệ An	Thanh Hóa
1	Số xe Taxi (xe)	19.141	2.807	1.130	10.955	407	1400	<b>2.500</b>
2	Số taxi/1000 dân	2,51	1,42	1,1	1,33	0,3	0,45	<b>0,71</b>

**\* Nhận xét chung về hiện trạng hệ thống giao thông Huyện:**

Trong những năm gần đây, hệ thống giao thông đường bộ huyện Hoàng Hóa đã được quan tâm đầu tư xây dựng đồng bộ hơn giai đoạn trước đó. Các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị đã được nhựa hóa 100%; tỷ lệ cứng hóa các tuyến đường huyện, đường xã tăng nhanh.

Tuy nhiên, hệ thống giao thông của huyện Hoàng Hóa cơ bản kết nối tốt theo hướng Bắc Nam với trục giao thông chính là QL1A và QL10; Các hướng liên kết vùng huyện theo các hướng Đông Tây khá yếu, chủ yếu kết nối khu vực phía Đông, phía Tây theo đường tỉnh 510. Nhìn chung, hệ thống giao thông còn hạn chế do sự ngăn cách của hệ thống sông, chưa đáp ứng tốt các nhu cầu vận tải và sự đi lại của nhân dân. Đây cũng là vấn đề quan trọng, cần được giải quyết trong quy hoạch nhằm xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, tạo động lực phát triển cho toàn huyện.

Hệ thống giao thông đường thủy nội địa có điều kiện phát triển rất thuận lợi, song tốc độ phát triển chưa tương xứng. Nguyên nhân chủ yếu là do sự kết nối giữa vận tải đường thủy nội địa với các tuyến giao thông đường bộ trên địa bàn huyện còn rất hạn chế, chưa tạo được tính cơ động, lan tỏa cho phát triển.

**b/ Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật**

Là một huyện đồng bằng ven biển, Hoàng Hóa có địa hình tương đối bằng phẳng, cao ở phía Tây Bắc và thấp dần xuống Đông Nam. Địa hình bị chia cắt mạnh bởi hai con sông lớn là sông Lạch Trường và sông Cung, chia huyện Hoàng Hóa thành ba tiểu vùng tự nhiên có địa hình tương đối khác nhau:

- Tiểu vùng I: Gồm 13 xã phía Tây Bắc con sông Lạch Trường. Hướng dốc chính từ Tây sang Đông:

+ Dạng địa hình núi, đồi: Phân bố chủ yếu khu vực phía Tây Bắc thuộc các xã Hoàng Xuân và Hoàng Trung; cao độ thay đổi từ 6.0m (khu vực chân núi) tới 278,60m (khu vực đỉnh núi cao nhất); Ngoài ra trên địa phận xã Hoàng Sơn có hai

ngọn núi nằm liền kề nhau có độ cao không quá 50m và ở xã Hoàng Trinh có ngọn núi cao 81,5m. Độ dốc khu vực tương đối lớn; không thuận lợi xây dựng.

+ Khu vực dân cư hiện trạng và ruộng màu: Địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ địa hình biến thiên không lớn, độ dốc thuận tiện cho xây dựng; Hướng dốc chủ yếu là Tây Bắc xuống Đông Nam, cao độ địa hình trung bình  $3.00 \div 6.00m$ .

+ Khu vực ruộng trũng, mặt nước: Là các khu vực canh tác nông nghiệp hiện trạng, cao độ địa hình trung bình  $1.5 \div 4.0m$ . Hướng dốc chủ yếu là từ Tây sang Đông.

- Tiểu vùng II: Gồm 15 xã và thị trấn Bút Sơn nằm giữa sông Cung và sông Lạch Trường. Đây là vùng Tam tổng được bao bọc bởi sông Cung ở phía Đông, sông Lạch Trường ở phía Tây và phía Bắc, sông Mã ở phía Nam. Hướng dốc chủ yếu là từ Tây Bắc xuống Đông Nam:

+ Khu vực dân cư hiện trạng và ruộng màu: Hướng dốc chung là từ Bắc xuống Nam, cao độ địa hình trung bình  $2.00 \div 4.00m$ . Trong đó, cao độ nền dân cư hiện trạng ở xã Hoàng Tân là thấp nhất, cao độ trung bình  $1.80 \div 2.00m$ .

+ Khu vực ruộng trũng, mặt nước: Hướng dốc chung là từ Tây Bắc xuống Đông Nam, cao độ địa hình trung bình  $0.00 \div 1.50m$ . Trong đó, trũng nhất là ở các khu vực dọc sông Cung và dải đất ven cửa sông Mã, cao độ trung bình chỉ ở  $0.00 \div 0.50m$ .

- Tiểu vùng III (vùng ven biển): Gồm 8 xã Hoàng Trường, Hoàng Yên, Hoàng Hải, Hoàng Ngọc, Hoàng Thanh, Hoàng Phụ. Địa hình vùng này không đồng đều được hình thành bởi dòng hải lưu xuôi ngược dọc bờ biển, bồi phù sa sông Mã...

+ Dạng địa hình núi, đồi: Phân bố chủ yếu khu vực phía Bắc; cao độ thay đổi từ 2.0m (khu vực chân núi) tới 190.0m (khu vực đỉnh núi); độ dốc khu vực tương đối lớn; không thuận lợi xây dựng.

+ Khu vực dân cư hiện trạng: Địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ địa hình biến thiên không lớn, độ dốc thuận tiện cho xây dựng, cao độ địa hình trung bình  $2.50 \div 4.50m$ .

+ Khu vực ruộng trũng, mặt nước: Là các khu vực canh tác nông nghiệp hiện trạng, cao độ địa hình trung bình  $1.0 \div 2.0m$ .

Nhìn chung, Vùng ven biển của huyện Hoàng Hoá thuộc kiểu bờ biển bồi tích - mài mòn, mài mòn - bồi tích, bờ biển với sản phẩm bồi tích chủ yếu là cát, các mảnh vỡ, lượng phù sa không đáng kể.

Tóm lại, địa hình Hoàng Hóa chia thành 3 tiểu vùng rõ rệt tạo nên sự phát triển kinh tế toàn diện, đa dạng mang tính hàng hoá cao. Tuy địa hình tương đối

bằng phẳng nhưng bị chia cắt mạnh bởi rất nhiều sông lạch nên gây khó khăn trong sản xuất nông, lâm nghiệp và giao thông nội vùng.

### ***Thoát nước mặt và đề điều phòng chống lũ lụt***

- Huyện Hoàng Hóa nằm trong 02 vùng tiêu thuộc vùng Bắc Sông Mã, trong đó:

+ Khu vực các xã phía Bắc sông Lạch Trường nằm trong vùng tiêu số 5 kẹp giữa sông Mã, sông Lèn và sông Lạch Trường .

+ Khu vực các xã phía Nam sông Lạch Trường nằm trong vùng tiêu số 6 kẹp giữa sông Mã và sông Lạch Trường.

#### **❖ Phân vùng tiêu:**

Căn cứ đặc điểm rhiaj hình tự nhiên và quy hoạch thủy lợi chi tiết vùng Bắc sông Mã – tỉnh Thanh Hóa (theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh), chia huyện Hoàng Hóa thành 05 lưu vực thoát nước chính, cụ thể:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc kênh Bắc trạm bơm Hoàng Khánh có diện tích khoảng 1.063 ha. Nước mưa hiện đng được tiêu tự chảy qua cống Trà La và cống Đại Điền ra sông Mã.

+ Lưu vực 2: Giới hạn bởi kênh Bắc, đê tả sông Mã và đê tả sông Lạch Trường thuộc hệ thống tiêu cống Bộ Đầu, có diện tích khoảng 5.000 ha. Nước mưa được tiêu tự chảy ra các trục tiêu chính cấp 2 kênh Phượng Quý - Kim Quý- Giang Quý - Hợp Khê, kênh Quý Khê, Lý Cát, sông Ấu, rồi được thoát ra trục tiêu chính là sông Trà Giang về cống Bộ Đầu ra sông Lạch Trường.

+ Lưu vực 3: Giới hạn bởi đê hữu sông Lạch Trường, phía Bắc Kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh và phía Tây kênh N20 thuộc vùng tiêu Tam Tổng, có diện tích khoảng 2.159 ha. Nước mưa được tiêu tự chảy ra các trục tiêu chính kênh Lộc Vinh, Long Minh, Quang Minh rồi được thoát ra trục tiêu chính là sông Gòong qua cống Ngọc Đình ra sông Cung.

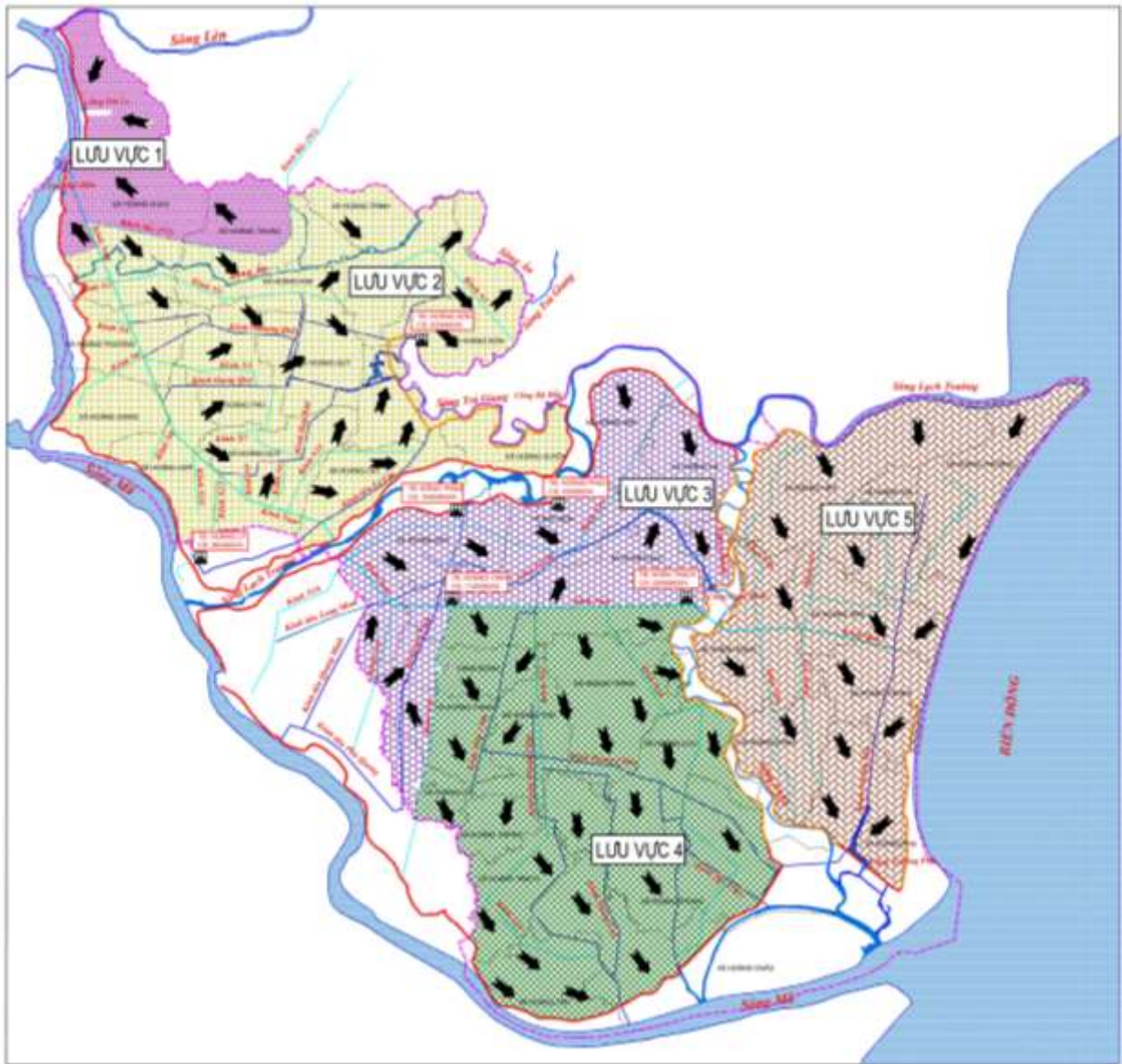
+ Lưu vực 4: Giới hạn phía Nam kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh, phía đông kênh N20 và phía Tây Sông Cung, có diện tích khoảng 4.546 ha. Nước mưa tiêu tự chảy ra hồ các trục tiêu chính Thành Châu, Phong Châu, Thái Vinh, Thắng Lưu, Hội Triều rồi được tiêu trực tiếp ra sông Mã qua các cống dưới đê sông Mã và đê Tây sông Cung.

+ Lưu vực 5: phía Đông sông Cung (khu vực 8 xã ven biển), có diện tích khoảng 3.980 ha. Nước mưa thoát ra kênh nội đồng và kênh tiêu Trường Phụ sau đó thoát qua cống qua đê Đông sông Cung, cống Trường Phụ ra sông Mã và một phần trực tiếp thoát ra Biển.



**Bảng. Bảng phân vùng tiêu chính**

TT	Lưu vực chính	Lưu vực phụ	F tiêu (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Tiêu tự chảy ra sông Mã	Tiêu ra cống Trà La, cống Đại Điền	1.063	2/3 X. Hoàng Xuân, 1/3 X. Hoàng Trung	Khu vực tiêu tự chảy
2	Hệ thống tiêu ra cống Bộ Đầu: Trục tiêu chính là sông Trà Giang về cống Bộ Đầu ra sông Lạch Trường	Các trục tiêu cấp 2: kênh Phụng Quý - Kim Quý - Giang Quý - Hợp Khê. - kênh Quý Khê, Lý Cát, Sông Âu	5.000	1/3 X. Hoàng Xuân, 2/3 X. Hoàng Trung, X. Hoàng Phụng, X. Hoàng Kim, X. Hoàng Trinh, X. Hoàng Sơn, X. Hoàng Quý, X. Hoàng Giang, X. Hoàng Phú, X. Hoàng Hợp, X. Hoàng Quý, X. Hoàng Đạt, X. Hoàng Xuyên.	Khu vực tiêu tự chảy. Nước mưa chảy ra các trục tiêu cấp 2: kênh Phụng Quý - Kim Quý - Giang Quý - Hợp Khê, đổ dồn về kênh Quý Khê, Lý Cát, Sông Âu, các kênh đổ dồn ra trục tiêu chính là sông Trà Giang về cống Bộ Đầu ra sông Lạch Trường.
3	Vùng tiêu Tam Tổng: Trục tiêu chính là sông Goòng, cửa tiêu chính là cống Ngọc Đình thuộc Đê Tây Sông Cùng	Kênh tiêu Long Minh, Quang Minh, Lộc Vinh	2.159	X. Hoàng Đức, X. Hoàng Đạt, X. Hoàng Hà, 4/5 TT Bút Sơn, 1/4 X. Hoàng Lộc, 1/3 X. Hoàng Thịnh, 1/3 X. Hoàng Đồng, 2/3 X. Hoàng Đạo.	Khu vực tiêu tự chảy. Nước mưa chảy ra các kênh tiêu nhánh gồm Lộc Vinh, Long Minh, Quang Minh ra trục tiêu chính là Sông Goòng về cống Ngọc Đình ra Sông Cùng.
4	Sông Mã và Sông Cùng	Kênh Thành Châu, Phong Châu, Thái Vinh, Thắng Lưu, Hội Triều	4.546	1/5 TT Bút Sơn, 1/3 Xã Hoàng Đạo, 3/4 X. Hoàng Lộc, 2/3 X. Hoàng Thịnh, 2/3 X. Hoàng Đồng, X. Hoàng Thắng, X. Hoàng Thái, X. Hoàng Thành, X. Hoàng Trạch, X. Hoàng Lưu, X. Hoàng Phong, X. Hoàng Tân, X. Hoàng Châu.	Khu vực tiêu tự chảy. Nước mưa chảy ra các trục tiêu Kênh Thành Châu, Phong Châu, Thái Vinh, Thắng Lưu, Hội Triều sau đó tiêu trực tiếp ra Sông Mã và sông Cùng qua các cống dưới đê Sông Mã và Đê Tây Sông Cùng.
5	Kênh tiêu Trường Phụ	Tiêu ra cống Trường Phụ	4.006	X. Hoàng Trường, X. Hoàng Yên, X. Hoàng Hải, X. Hoàng Tiến, X. Hoàng Ngọc, X. Hoàng Thanh, X. Hoàng Đông, X. Hoàng Phụ.	Khu vực tiêu tự chảy. Nước mưa chảy ra kênh tiêu Trường Phụ và một số kênh nội đồng sau đó đổ ra biên qua cống Trường Phụ.



Sơ đồ phân chia lưu vực thoát nước

**Hiện trạng công trình Thủy lợi:**

+ *Hiện trạng hệ thống sông, kênh chính trong khu vực:*

Hoàng Hóa là một vùng châu thổ được bồi đắp bởi sự bào mòn của nền đất cũ, của hiện tượng biển lùi và của sự lắng đọng phù sa do sông Mã, sông Chu tạo nên. Là một huyện đồng bằng ven biển, nhưng bị chia cắt mạnh bởi rất nhiều sông, lạch. Hai con sông lớn là sông Lạch Trường và sông Cung chia huyện Hoàng Hóa thành ba vùng tự nhiên có địa hình tương đối khác nhau: vùng Ven Biển, vùng nằm giữa con sông Cung và sông Lạch Trường và vùng 16 xã ở bên kia phía Tây Bắc con sông Lạch Trường.

- *Sông Mã:* Hệ thống sông Mã bắt nguồn từ huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên và chảy qua Sơn La, CHDCND Lào, Hòa Bình, đi vào Thanh Hóa tại Mường Lát

và đổ ra biển Đông tại cửa Hới. Đây là con sông cung cấp chính về nguồn nước và phù sa cho vùng Bắc sông Mã. Đối với vùng Bắc sông Mã, dòng chính sông Mã bao bọc phía Tây và Nam tính từ Vĩnh Hùng đến cửa Hới. Đoạn sông này dài 40,4km, hoàn toàn mang tính chất sông đồng bằng và đồng bằng ven biển và bị ảnh hưởng của chế độ thủy triều. Sông Mã có 2 phân lưu chính: Là sông Lạch Trường và sông Lèn. Trong đó, chảy qua địa phận Hoàng Hóa có sông Lạch Trường.

- *Sông Lạch Trường*: Là một nhánh phân lưu lớn của sông Mã bắt nguồn từ Ngã ba Tuần chảy qua Hoàng Hoá, Hậu Lộc và đổ ra biển tại cửa Lạch Trường. Chiều dài sông khoảng 25km. Đoạn sông này hẹp và nông, về mùa kiệt hầu như không lấy được nguồn từ sông Mã do sông bị mặn hoàn toàn và chịu ảnh hưởng thủy triều.

Về mùa lũ, một phần lượng nước từ sông Mã phân vào sông Lạch Trường và đổ ra biển tại cửa Lạch Trường. Vì sông Lạch Trường ngắn và bị ảnh hưởng triều mạnh nên có tác dụng tiêu tranh thủ rất tốt cho phần diện tích nằm giữa Nam sông Lèn, Đông sông Mã, Bắc Lạch Trường và Tây kênh De.

- *Sông Áu, sông Trà Giang*: Nằm trong huyện Hoàng Hoá, Hậu Lộc, 2 con sông này nhập vào nhau tại hạ lưu đập Bệnh Viện và đổ vào sông Lạch Trường tại cống Bộ Đầu. Hiện nay 2 con sông này đã được tách riêng bởi đập Bệnh Viện. 2 con sông này đều nông, cao độ đáy sâu nhất là -2,5m.

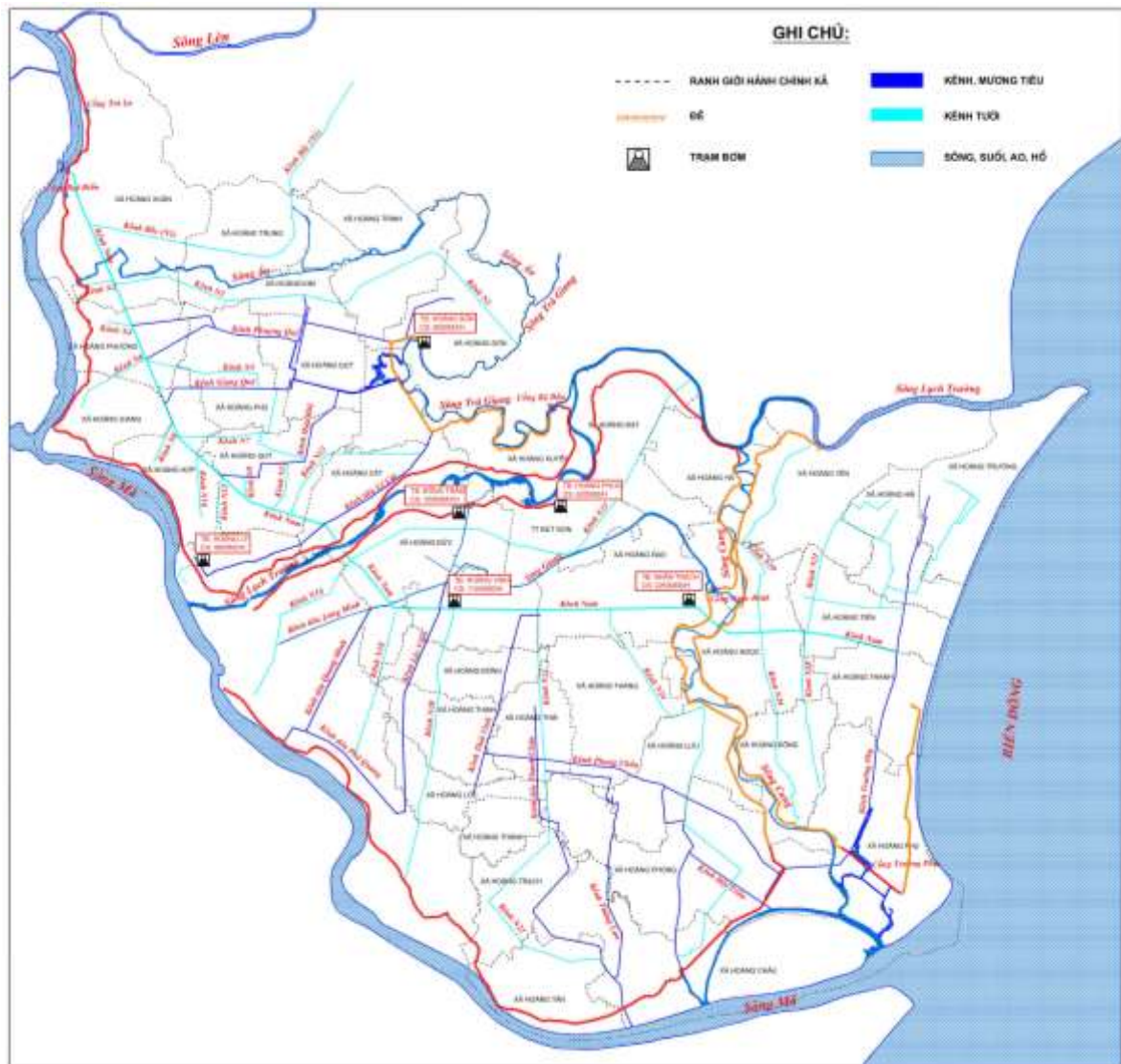
Sông Áu chảy từ Hoàng Xuân giáp sông Mã, theo hướng Tây - Đông, đoạn sông này hẹp và nông từ cao độ đáy -0,5 đến -1,0m, hai bên có bờ bao chống lũ. Từ Cầu Phủ đến Bộ Đầu sông uốn lượn nhiều. Do nhu cầu tưới, nhân dân đã xây dựng đập Cẩm Lũ để giữ nước. Lưu lượng cơ bản của sông này trong mùa kiệt chủ yếu là nước hồi quy của hệ thống Hoàng Khánh xuống.

- *Sông Trà Giang*: Bắt đầu từ sông Lèn bị khống chế bởi cống Lộc Động, cao độ đáy -1,5m. Sông vẫn có dòng chảy thường xuyên do sông Lèn cấp vào mùa kiệt, hiện nay sông này đang được sử dụng để tưới, tiêu kết hợp.

- *Sông Gòong*: Chảy từ Hoàng Anh qua vùng trũng Tam Tổng khu Nam Hoàng Hoá đổ vào sông Cùng tại Nhân Trạch. Lưu lượng cơ bản của sông về mùa kiệt do lượng nước hồi quy của trạm bơm Hoàng Khánh mà có.

- *Sông Cùng*: Là sông nối liền giữa sông Mã, sông Lạch Trường. Hệ thống sông này phân chia vùng thành tiểu khu ven biển rõ rệt. Nhiệm vụ chính của sông là vận tải thủy, tuy nhiên do nhu cầu lấy nước tưới vẫn phải tranh thủ lấy mỗi ngày từ 2-6 tiếng vì sông bị mặn thường xuyên.

- Ngoài ra, còn các trục tiêu cấp 2 như: K. Phượng Quý - Kim Quý- Giang Quý - Hợp Khê, Quý Khê, Lý Cát, Lộc Vinh, Thành Châu, Phong Châu, Thái Cinh, Thăng Lưu, Hội Triều...



Sơ đồ mạng sông, kênh chính trong khu vực

Bảng: Hiện trạng kênh tiêu

T T	Tên kênh	Kích thước kênh			F tiêu (ha)	Khu tiêu	Cửa tiêu
		L (m)	B (m)	H (m)			
1	Sông Âu	11,50	12	3	3076	Liên xã	S. Trà Giang
2	Sông Âu 1	1,44	8	1,6	428	Liên xã	S. Âu
3	Sông Âu 5	2,46	6,5	1,75	250	Liên xã	S. Âu
4	Sông Âu 7	1,15	7	1,75	950	Liên xã	S. Âu
5	Quý Khê	2,60	7,5	1,5	2330	Hoàng Quý- Hoàng Khê	S. Trà Giang
6	Kim Quý	1,70	2	1,5	338	Hoàng Kim- Hoàng Quý	K. Quý Khê

T T	Tên kênh	Kích thước kênh			F tiêu (ha)	Khu tiêu	Cửa tiêu
		L (m)	B (m)	H (m)			
7	Phượng Quý	3,10	4	1,2	515	Hoàng Phượng- Hoàng Quý	K. Quý khe
8	Giang Quý	4,00	4	1,3	695	Hoàng Giang- Hoàng Quý	K. Quý khe
9	Hợp Khê	3,05	4	1,3	567	Hoàng Hợp- Hoàng Khê	K. Quý khe
10	Giang Hợp	3,37	1,5	1	250	Hoàng Giang- Hoàng Hợp	K. Hợp khe
11	S.Trà Giang	36,3	14	4,25	4399	Liên xã	S. Lạch Trường - S. Lèn
12	Kim Sơn	2,17	2,4	0,86	262	Hoàng Kim- Hoàng Sơn	S Trà Giang
13	Lý Cát	5,17	2,4	1,5	780	Hoàng Lý- Hoàng Cát	S Trà Giang
14	Sông Goòng	8,24		2,22	4198	Liên xã	S. Cùng
17	Lộc Vinh	4,26		1,3	842	Hoàng Lộc- Hoàng Vinh	S. Goòng
18	Thái Vinh	3,86		1	280	Hoàng Thái- Hoàng Vinh	S. Goòng
19	Lưu Đạo	4,00			520	Hoàng Lưu- Hoàng Đạo	S. Goòng
20	Hà Đạt	2,32		1,2	470	Hoàng Hà- Hoàng Đạt	S. Goòng
21	Đồng Trâm			1,3	560	Hoàng Đồng	S.Goòng + TB
22	Lộc Vinh - HQ2	1,21		1,3	850	Hoàng Lộc- Hoàng Vinh	S.Goòng + TB
23	KT Tế Độ	150		1	206	Liên xã	S.Goòng + TB
24	Thành Châu	8,19		1,45	1720	Hoàng Thành- Hoàng Châu	S.Goòng + TB
25	Thành Châu -1	3,66		1,05	340	Hoàng Thành- Hoàng Châu	Thành Châu
26	Thành Châu - 2	2,46		1,1	495	Hoàng Thành- Hoàng Châu	Thành Châu
27	Phong Châu	6,78		1,7	730	Hoàng Phong- Hoàng Châu	S. Mã
28	Hội Triều	1,85		1,2	572	Liên xã	S. Mã
29	Sông Vưa	1,50		1	446	Liên xã	S. Cùng
30	Trường Phụ	3,60		1,75	2720	Hoàng Trường- Hoàng Phụ	Biển

**+ Công trình tiêu động lực:**

Hiện vùng có 5 trạm bơm hỗ trợ tiêu động lực là trạm bơm TB tưới tiêu kết hợp Hoàng Sơn II (2 máy 2500 m<sup>3</sup>/h) tiêu cục bộ đổ ra sông Trà Giang; TB tiêu Nhân Trạch được xây dựng năm 1990 tại xã Hoàng Đạo có quy mô 9x2500m<sup>3</sup>/h tiêu cho 1.498ha ra sông Cùng; TB. Hoàng Vinh 1 là trạm bơm tưới tiêu kết hợp



được xây dựng năm 1973 với quy mô 8 máy x 1400m<sup>3</sup>/h tiêu cho 450ha ra sông Goòng; TB.Hoàng Phúc được xây dựng năm 1999 có quy mô 3 x1400m<sup>3</sup>/h tiêu cho 206ha xã Hoàng Phúc ra sông Lạch Trường; TB.Đồng Trâm được xây năm 1992 có quy mô 4x2500m<sup>3</sup>/h tiêu cho 560ha xã Hoàng Đức ra sông Lạch Trường.

Bảng . Hiện trạng trạm bơm tiêu động lực

TT	Tên công trình	Vị trí	Năm XD	Khu tiêu	Tiêu nước ra	Quy mô công trình			F tiêu (ha)
						Máy bơm			
						Số lượng	Q1 máy (m <sup>3</sup> /h)	Động cơ (Kw)	
<b>I</b>	<b>Trạm bơm tiêu</b>								
1	Đồng Trâm	H. Đức	1992	Hoàng Đức	S. Lạch Trường	4	2500	37	560
2	Hoàng Phúc	H. Phúc	1999	Hoàng Phúc	S. Lạch Trường	3	1400	33	206
<b>II</b>	<b>Trạm bơm tưới tiêu kết hợp</b>								
1	Hoàng Sơn 2	H.Son	1989	Hoàng Sơn	S. Trà Giang	2	2500	37	180
2	Hoàng Vinh 1	H.Vinh	1973	Hoàng Vinh	S. Goòng	8	1400	33	450
3	Nhân Trạch	H. Đạo	1990	Hoàng Đạo	S. Cùng	9	2500	37	1498

+ **Hiện trạng đê Thủy lợi:**

- Đê sông:

+ *Đê tả sông Mã:* Đoạn từ K28+000 đến K39+150 (xã Hoàng Khánh, Hoàng Xuân, Hoàng Phương, Hoàng Giang, Hoàng Hợp) đoạn đê cấp I dài 11,15km, bề rộng mặt đê từ 5,0÷6,0m, cao trình mặt đê từ 9,01÷10,59m. Đoạn từ K52+080 đến K55+800 (xã Hoàng Trạch và Hoàng Tân) đoạn đê cấp II dài 3,72km, bề rộng mặt đê là 6,0m, cao trình mặt đê từ 5,06÷5,85m. Đoạn từ K62+500 đến K65+000 (xã Hoàng Phụ) đoạn đê cấp IV dài 2,5km, bề rộng mặt đê từ 3,0÷5,0m, cao trình mặt đê từ 2,5÷4,0m.

+ *Đê hữu sông Lạch Trường:* Đoạn từ K2+000 đến K14+600 (xã Hoàng Đức, TT. Bút Sơn, Hoàng Đạt, Hoàng Hà) đoạn đê cấp III dài 12,60km, bề rộng mặt đê từ 4,0÷9,0m, cao trình mặt đê từ 4,69÷6,90m.

+ *Đê tả sông Lạch Trường:* Đoạn từ K1+300 đến K8+740 (xã Hoàng Cát và Hoàng Xuyên) đoạn đê cấp II dài 7,44km, bề rộng mặt đê là 5,0÷6,0m, cao trình mặt đê từ 4,17÷6,70m.

+ *Đê Tây sông Cùng:* Đoạn từ K0+000 đến K10+000 (xã Hoàng Hà, Hoàng Đạo, Hoàng Thắng, Hoàng Lưu) đoạn đê cấp IV dài 10,0km, bề rộng mặt đê từ 3,5÷6,0m, cao trình mặt đê là 4,0m.

+ *Đê Đông sông Cùng:* Đoạn từ K0+000 đến K12+900 (xã Hoàng Yên, Hoàng Ngọc, Hoàng Đông) đoạn đê cấp IV dài 12,90km, bề rộng mặt đê là 4,0÷5,0m, cao trình mặt đê từ 3,7÷4,0m.

- **Đê biển:** Đê biển Hoàng Hoá dài 4.960m, gồm 2 đoạn:

+ *Đê biển xã Hoàng Thanh, Hoàng Phụ:* Chiều dài 4.060m, hiện tại đê kè ổn định.

Đoạn K0 - K1+760: là đoạn đê kết hợp đường giao thông, được củng cố, tu bổ từ năm 1994 - 1999 theo dự án PAM 4617, cao trình đỉnh đê (+4.00), chiều rộng mặt đê B= 4m, hệ số mái mb=md= 2/1, mặt đê được rải nhựa bán thâm nhập, phía biển trồng phi lao chắn sóng rộng 100 - 200m.

Đoạn K1+760 - K3+060, chiều dài 1.300m, thuộc xã Hoàng Phụ: Thi công năm 2007-2008, thân đê đắp bằng đất núi, cao trình đỉnh đê (+4,50), chiều rộng mặt đê B= 6m, gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20cm. Mái đê phía biển mb= 4,0 kết cấu bằng CKBTĐS, chân kè gia cố chống xói bằng ống buy BTĐS có đường kính ngoài 1m, cao 1,5m, trong ống buy xếp đá học. Mái đê phía đồng md= 2,0 trồng cỏ, riêng đoạn từ K2+760 - K3+ 060: mái phía đồng làm kè lát mái bằng đá học, chân kè là kênh BTCT.

Đoạn K3+060 - K4+053, chiều dài 993m, thuộc xã Hoàng Thanh, xây dựng năm 2008 - 2009, thân đê đắp bằng đất núi, cao độ đỉnh đê (+4,50), chiều rộng mặt đê B= 6m gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20cm. Mái đê phía biển mb= 4,0 kết cấu bằng CKBTĐS, chân kè gia cố chống xói bằng ống buy BTĐS có đường kính ngoài 1m, cao 1,5m, trong ống buy xếp đá học. Mái đê phía đồng md= 2,0, đoạn K3+060 - K3+760: Mái phía đồng lát đá học chít mạch dày 30cm, chân kè là kênh BTCT, đoạn còn lại trồng cỏ.

*Về cống dưới đê:* Tuyến đê biển Thanh - Phụ có 4 cống: 1 cống trạm bơm thủy sản và 3 cống tiêu.

+ *Đoạn đê biển xã Hoàng Trường:*

Đoạn đê dài 900m, được đắp đã lâu, hiện tại đê nhỏ và thấp, cao trình đỉnh đê (+4.00), chiều rộng mặt đê B = 2m - 2,5m, độ dốc mái đê: Phía biển  $m \geq 2,0$ , phía đồng  $m = 2,0$ , phía ngoài đê là bãi biển trồng phi lao rộng 20m - 30m.

*Về cống dưới đê:* Đoạn đê Hoàng Trường có 1 cống là cống Phúc Ngự.

### **c/ Hiện trạng cấp nước**

#### **\* Nhà máy nước:**

*Nhà máy nước sạch Hoàng Vinh:*

- Công suất nhà máy nước hiện tại:  $Q = 2.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$

- Nguồn nước cấp cho nhà máy: nguồn nước mặt lấy từ Kênh Nam được cấp từ trạm bơm Hoàng Khánh.

- Hiện trạng cấp nước: 12 xã bao gồm: xã Hoàng Cát, Hoàng Xuyên, Hoàng Lộc, Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Thành, Hoàng Thái, Hoàng Thắng, Hoàng Đạo, Hoàng Đức, Hoàng Hà, Hoàng Đạt và thị trấn Bút Sơn.

(\*) Nhận xét, đánh giá:

- Với công suất hiện tại về khả năng cấp nước lâu dài là không đảm bảo lưu lượng nước cho sinh hoạt sản xuất.

- Tương lai để nâng công suất nhà máy nước sạch cần có giải pháp mở rộng Kênh Nam đảm bảo nguồn nước thô cấp nước cho nhà máy.

*Nhà máy nước sạch Hoàng Xuân:*

- Công suất nhà máy nước hiện tại:  $Q= 2.000m^3/n.đêm$

- Nguồn nước cấp cho nhà máy: nguồn nước mặt lấy từ Kênh Nam được cấp từ trạm bơm Hoàng Khánh.

- Hiện trạng cấp nước: 10 xã bao gồm: xã Hoàng Kim, Hoàng Xuân, Hoàng Xuân, Hoàng Trung, Hoàng Trinh, Hoàng Phượng, Hoàng Quý, Hoàng Phú, Hoàng Quý, Hoàng Hợp, Hoàng Giang.

(\* Nhận xét, đánh giá:

- Với công suất hiện tại về khả năng cấp nước lâu dài là không đảm bảo lưu lượng nước cho sinh hoạt sản xuất.

- Tương lai để nâng công suất nhà máy nước sạch cần có giải pháp mở rộng Kênh Nam đảm bảo nguồn nước thô cấp nước cho nhà máy.

*Nhà máy nước sạch Hoàng Tiến:*

- Công suất nhà máy nước hiện tại:  $Q= 2.000m^3/ng.đêm$

- Nguồn nước cấp cho nhà máy: nguồn nước thô D400 từ nhà máy nước Hoàng Vinh.

- Hiện trạng cấp nước phục vụ cho trên 10.000 dân bao gồm các xã: 08 xã bao gồm: xã Hoàng Ngọc, Hoàng Đông, Hoàng Yên, Hoàng trường, Hoàng Hải, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Phú.

(\* Nhận xét, đánh giá:

- Với công suất hiện tại về khả năng cấp nước lâu dài là không đảm bảo lưu lượng nước cho sinh hoạt sản xuất.

- Tương lai để nâng công suất nhà máy nước sạch cần có giải pháp nguồn nước thô cấp nước cho nhà máy hiện tại đang lấy nước thô từ nhà máy nước Hoàng Vinh.

*Nhà máy nước sạch Hoàng Đông:*

- Công suất nhà máy thiết kế:  $Q=6.500m^3/ng.đêm$ .

- Nguồn nước cấp cho nhà máy: nguồn nước mặt lấy từ Kênh Nam được cấp từ trạm bơm Hoàng Khánh.

- Hiện trạng cấp nước: 07 xã: xã Hoàng Quang, Hoàng Đại, Hoàng Trạch, Hoàng Lưu, Hoàng Phong, Hoàng Tân, Hoàng Châu và phụ cận 2 xã Tp Thanh Hoá.



(\*) Nhận xét, đánh giá:

- Với công suất hiện tại về khả năng cấp nước lâu dài là không đảm bảo lưu lượng nước cho sinh hoạt sản xuất.

- Tương lai để nâng công suất nhà máy nước sạch cần có giải pháp nguồn nước thô cấp nước cho nhà máy.

**\* Hiện trạng mạng lưới đường ống và các công trình trên mạng**

*Nhà máy nước Hoàng Vinh:*

- Vật liệu tuyến ống hiện đang sử dụng: ống gang, HDPE, PVC

- Tổng chiều dài tuyến ống chính cấp nước trong khu vực có đường kính D400, D315, D250... đã được đầu tư xây dựng.

- Hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn và phân phối: Ống HDPE đường kính D90-D400 với tổng chiều dài: 34.947m

- Ống HDPE đường kính từ D32-D75 với chiều dài 29.387m được lắp đặt trên tất cả các tuyến đường giao thông thuộc địa bàn của thị trấn và vùng lân cận.

- Hiện tại hệ thống tuyến ống chính D400-D90 mới được cải tạo nâng cấp nên chất lượng và khả năng vận chuyển đảm bảo cung cấp nước sạch cho hiện tại.

*Nhà máy nước Hoàng Đồng:*

- Trong khu vực vận hành đồng thời hai mạng lưới cấp nước của hai nhà máy nước, mạng lưới đường ống sử dụng ống thép và ống nhựa HDPE. Ống cấp nước bố trí dọc các tuyến đường giao thông.

- Đường ống chính gồm các loại D315, D280, D250, D225 bố trí trên trục giao chính, Quốc lộ 10, Đường tỉnh 510 và các trục liên xã.

- Đường ống phân phối: Gồm các loại D160, D140, D125, D110 từ các đường ống chính cấp cho các khu vực.

- Đường ống dịch vụ: Gồm các loại D63, D50, D32 cấp cho các đối tượng tiêu thụ

Hiện nay, hệ thống cấp nước trong khu vực cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước. Mạng lưới cấp nước được các công ty cấp nước thường xuyên nâng cấp, thay mới, đảm bảo cấp nước ổn định, liên tục.

*Nhà máy nước Hoàng Tiến:*

Mạng lưới ống truyền dẫn và phân phối: Ống HDPE đường kính từ D90-D400 với tổng chiều dài: 34.947m được lắp đặt từ trạm bơm nước thô xã Hoàng Vinh về trạm xử lý Hoàng Tiến và trên các trục đường liên thông, liên xã trên địa bàn của 8 xã nêu trên.

Đường ống nước thô D400, L=8000m.

Ống HDPE đường kính từ D32-D75 với chiều dài: 179.387m được lắp đặt trên tất cả các tuyến đường giao thông thuộc địa bàn của 8 xã.

**Bảng .** Thống kê hiện trạng mạng lưới cấp nước NMN Hoàng Tiến

TT	Đường kính (mm)	Tuyến ống nước sạch					Tổng chiều dài (m)
		Hoàng Hải	Hoàng Trường	Hoàng Tiến	Hoàng Thanh	Hoàng Phụ	
1	D32	8.770	8.912	10.361	13.784	10.736	<b>52.563</b>
2	D40	7.816	9.870	7.564	15.516	15.965	<b>56.731</b>
3	D50	4.000	5.760	4.661	11.113	8.867	<b>34.401</b>
4	D63	1.919	5.923	5.723	4.553	6.188	<b>24.306</b>
5	D75	1.753		6.935	444	2.254	<b>11.386</b>
6	D90		1.185	2.724	981	1.628	<b>6.518</b>
7	D110	1.215	1.398	1.165	498	396	<b>4.672</b>
8	D125					1.690	<b>1.690</b>
9	D140		2.950	2.225	1.421	408	<b>7.004</b>
10	D160			1.610	1.178	2.515	<b>5.303</b>
11	D180			1.744			<b>1.744</b>
12	D200	1.035	1.759	556			<b>3.350</b>
13	D225	593					<b>593</b>
14	D250			755			<b>755</b>
15	D280			1.574			<b>1.574</b>
16	D400			1.744			<b>1.744</b>
		<b>Tổng cộng</b>					<b>214.334</b>

Hiện nay, hệ thống cấp nước trong khu vực cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước. Mạng lưới cấp nước được các công ty cấp nước thường xuyên nâng cấp, thay mới, đảm bảo cấp nước ổn định, liên tục.

*Nhà máy nước Hoàng Xuân:*

- Trong khu vực vận hành mạng lưới cấp nước của nhà máy nước, mạng lưới đường ống sử dụng ống thép và ống nhựa HDPE. Ống cấp nước bố trí dọc các tuyến đường giao thông.

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn phân phối D110-

D300 từ nhà máy nước Hoàng Xuân chạy dọc các tuyến đường liên thông, liên xã trên địa bàn.

- Đường ống dịch vụ: Gồm các loại D63, D50, D32 cấp cho các đối tượng tiêu thụ.

- Hiện nay, hệ thống cấp nước trong khu vực cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước. Mạng lưới cấp nước được các công ty cấp nước thường xuyên nâng cấp, thay mới, đảm bảo cấp nước ổn định, liên tục.

**\* Hiện trạng sử dụng nước:**

- Tổng công suất các nhà máy nước sạch Hoàng Vinh, Hoàng Xuân, Hoàng Tiên, Hoàng Đồng hiện tại:  $Q=12.500\text{m}^3/\text{n.đêm}$

***Đánh giá tổng quát hiện trạng cấp nước:***

Khả năng cung cấp nguồn nước thô:

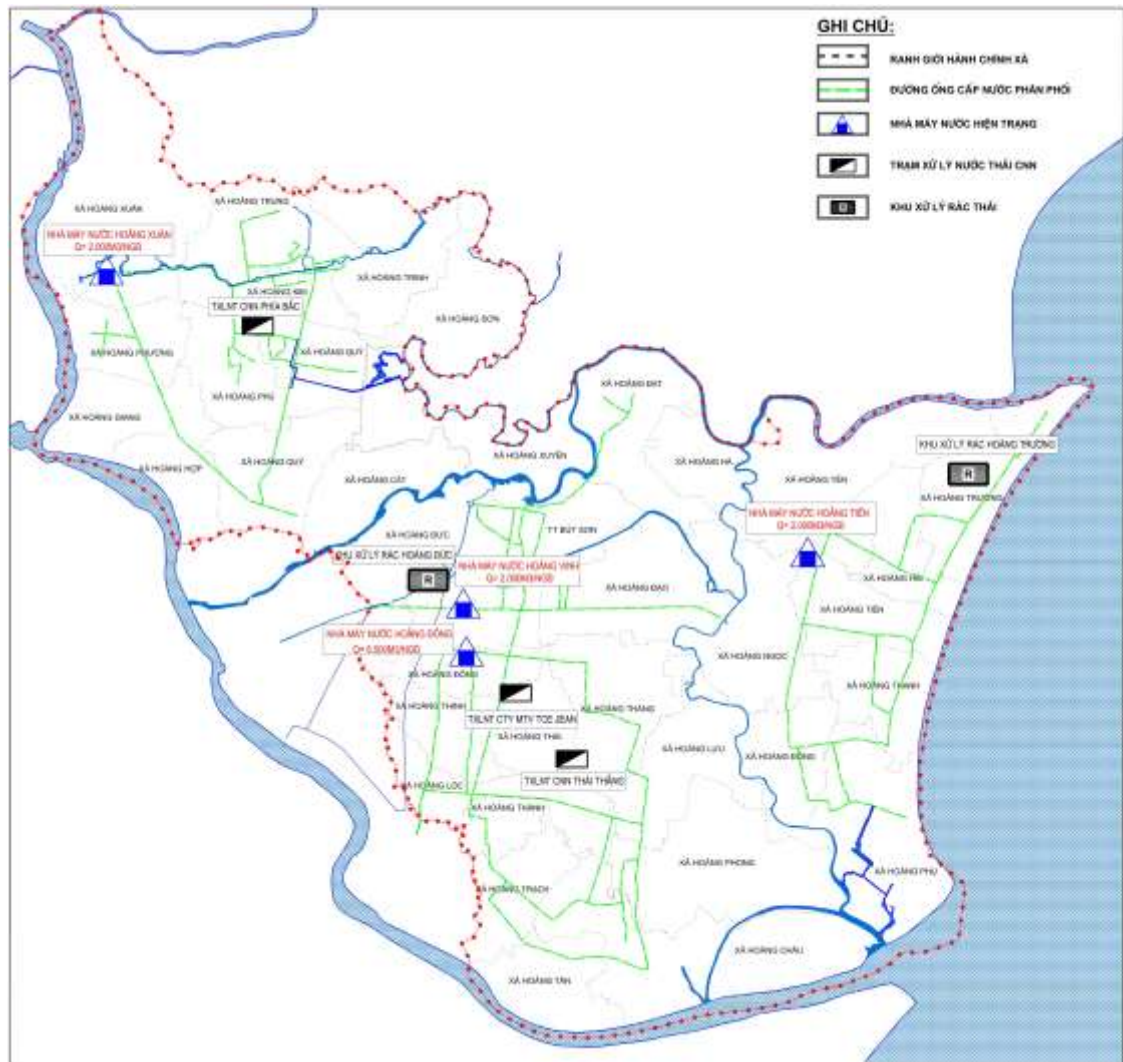
- Sông Mã: dòng chảy năm trung bình trên lưu vực sông Mã ước tính khoảng 18 tỷ m<sup>3</sup> nước tương ứng với lưu lượng trung bình nhiều năm là 570m<sup>3</sup>/s. Về trữ lượng và chất lượng nước cấp ổn định, vào mùa mưa lượng phù sa lớn và mùa khô mực nước sông làm giảm khả năng cung cấp nước sạch của nhà máy không đáng kể. Đáp ứng nhu cầu nước thô cho quy hoạch nâng công suất nhà máy nguồn nước thô lấy từ sông Mã.

- Kênh Nam: Bơm trực tiếp lấy nước từ sông Mã được trạm bơm Hoàng Khánh bơm lên dẫn về chảy qua nhiều xã của huyện Hoàng Hóa có trữ lượng và chất lượng đảm bảo cung cấp nguồn nước thô cho nhà máy. Hiện tại là kênh hở, đoạn kênh Nam qua xã Hoàng Đạo đang đối mặt với tình trạng rác thải ảnh hưởng chất lượng nước và môi trường sống của người dân, lấn chiếm hành lang kênh mương. Để bảo vệ và duy trì kênh Nam là nhiệm vụ quan trọng, nhằm đảm bảo nguồn nước sạch và môi trường sống cho người dân.

Lưu lượng và chất lượng cấp nước:

- Chất lượng nguồn nước cấp: đảm bảo chất lượng nước cấp cho sinh hoạt.

- Các tuyến ống chính cũ hiện tại đảm bảo truyền tải nước, nhưng các tuyến ống phân phối hiện tại được xây dựng từ lâu sử dụng ống kẽm gây thất thoát.



Sơ đồ Hệ thống cấp nước sinh hoạt

**d/ Hiện trạng cấp điện**

\* Nguồn cung cấp điện năng

Nguồn cung cấp điện năng:

Hiện tại các phụ tải điện của huyện Hoàng Hóa được cấp điện từ 3 trạm biến áp 110KV 223MVA gồm:

Trạm biến áp 110KV Hoàng Hóa E9.14 công suất: 2x40MVA

Trạm biến áp 110KV Hậu Lộc E9.18 công suất: 2x40MVA

Trạm biến áp 110KV KCN Hoàng Long E9.39 công suất: 63MVA

Và trạm biến áp 110kV Hoàng Hóa 2 công suất 40MVA

Bảng . Thông số kỹ thuật mang tải TBA110KV

Tt	Hạng mục	Công suất	Điện áp	Pmax	Mang tải
		MVA	KV	MW	%
1	Trạm biến áp 110KV Hoàng Hóa E9.14	40	110/35/10	32,8	82,0%
		40	110/35/22	28,3	70,8%
2	Trạm biến áp 110KV Hậu Lộc E9.18	40	110/35/10	37,2	59,0%
		40	110/35/22	32,8	82,0%
3	Trạm biến áp 110KV KCN Hoàng Long E9.39	63	110/35/22	28,6	45,4%
4	Trạm biến áp 110KV Hoàng Hóa 2	40	110/35/22	-	-

Hiện tại huyện Hoàng Hóa có 01 trạm biến áp trung gian Hoàng Ngọc công suất (2x6300)KVA-35/22kV. Cấp điện cho 8 xã ven biển bao gồm: xã Hoàng Yên, Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Ngọc, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Đồng, Hoàng Phụ.

Bảng . Thống kê trạm biến áp trung gian

Hạng mục	Công suất KVA	Điện áp KV	Đơn vị	Số lượng
Trạm BA trung gian Hoàng Ngọc	T1:1X6300KVA	35/22KV	Trạm	1
	T2:1X6300KVA			

*Đánh giá về nguồn cung cấp điện năng:*

Các trạm biến áp 110KV vẫn đảm bảo cấp điện cho các phụ tải huyện Hoàng Hóa, căn cứ vào thông số kỹ thuật mang tải của các trạm biến áp 110KV cho thấy nguồn cung cấp điện cho huyện có độ dự phòng cung cấp điện cao.

Theo quy hoạch phát triển Điện lực thành huyện Hoàng Hóa trạm 110kV Hoàng Hóa 2 đang được xây dựng và san tải cho trạm trung gian Hoàng Ngọc cấp điện cho 8 xã ven biển.

*\* Lưới điện:*

Lưới điện của huyện Hoàng Hóa gồm: Lưới điện cao áp, lưới điện trung áp và lưới điện hạ áp. Lưới điện cao áp gồm: 110KV; lưới điện trung áp gồm: 35KV, 22KV. Và đường dây 500kV mạch 3 đi qua khu vực huyện Hoàng Hóa.

*Đường dây 500KV:*

Đường dây 500kV mạch 3 đi qua xã Hoàng Xuân đảm bảo hành lang an toàn.

*Lưới điện 110KV:*

Các trạm biến áp 110KV cấp điện cho các phụ tải huyện Hoàng Hóa được nhận nguồn cung cấp từ các lộ đường dây 110KV như sau:

Trạm biến áp 110KV Hoàng Hóa được cấp điện từ đường dây 110kV Lộ 171E9.4 Hà Trung – 171 E9.14 Hoàng Hóa.

Trạm biến áp 110KV KCN Hoàng Long được cấp điện từ đường dây 110kV Lộ 172E9.39 KCN Hoàng Long – 171 E9.1 Núi Một.

Trạm biến áp 110KV Hoàng Hóa 2 được cấp điện từ đường dây 110kV Lộ-171 E9.11 Sầm Sơn

Bảng . Thông số kỹ thuật mang tải ĐDK 110KV

TT	Tên đường dây	Tiết diện MM2	Mang tải	Idm	Imax
			%	A	A
1	Đường dây 110kV Lộ 171E9.4 Hà Trung – 171 E9.14 Hoàng Hóa.	ACSR 315	58,7%	610	358
2	Đường dây 110kV Lộ 172E9.39 KCN Hoàng Long – 171 E9.1 Núi Một.	ACSR 240	48,0%	242	610
3	Đường dây 110kV Hoàng Hóa 2	ACSR 300	-	-	-

*Lưới điện trung áp:*

Lưới điện trung áp trên địa bàn huyện Hoàng Hóa đang vận hành ở 2 cấp điện áp: 35KV, 22KV từ các trạm 110kV, 110kV KCN Hoàng Long và trạm 110kV Hậu Lộc.

*Lưới điện 35KV, 22 KV:*

Lưới điện trung áp 35KV dây dẫn là dây nhôm lõi thép có tiết diện 120,95,70,50 mm<sup>2</sup> cấp điện chủ yếu cho các khu công nghiệp cụm công nghiệp.

Lưới điện trung áp 22KV dây dẫn là dây nhôm lõi thép có tiết diện 120,95,70,50 mm<sup>2</sup> lưới điện này được duy trì và phát triển khu vực phát triển dân cư.

Hiện nay Điện lực Hoàng Hóa đang quản lý và vận hành 1 trạm biến áp trung gian gồm 2 máy biến áp với công suất (2x6.300)kVA; 571 trạm biến áp phụ tải với tổng dung lượng 213.183 kVA; 18 lộ đường dây trung áp với tổng chiều dài 378,29km; trải rộng trên địa bàn 37 xã, thị trấn của huyện Hoàng Hóa và một số phường, xã của TP Thanh Hóa và huyện Hậu Lộc.

Bảng . Tổng hợp khối lượng đường dây mạng lưới cấp điện

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Đường điện cao áp 110KV	Km	19.8
2	Đường điện trung áp 35KV, 22 KV	Km	378.29





Sơ đồ mạng lưới điện

*Đánh giá về lưới điện:*

Căn cứ vào bảng thông số kỹ thuật và mang tải của lưới điện 110KV, các tuyến đường dây vận hành ở mức vừa và non tải, Hiện tại hành lang an toàn của ác tuyến điện 110KV vẫn đảm bảo.

Lộ đường dây 10kV từ trạm 110kV Hoàng Hóa và trạm biến áp trung gian đã được cải tạo sang vận hành lưới điện 22kV làm giảm tình trạng quá tải.

Hiện tại có một số tuyến điện trung áp không đi đúng theo quy hoạch, các tuyến điện này cần được di chuyển đến đúng vị trí quy hoạch đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

Tốc độ ngầm hóa lưới điện trung áp hiện tại chưa cao chỉ tập trung khu dân cư, khu đô thị mới và một số khu vực trung tâm, các lưới điện 22KV và 35KV trên địa bàn huyện Hoàng Hóa đã hình thành các mạch vòng nâng cao khả năng hỗ trợ cấp điện giữa các lộ đường dây và các trạm biến áp 110KV.

\* Điện chiếu sáng đô thị:

Hiện tại các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Hoàng Hóa đã được đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, phù hợp với quy mô và tính chất của từng tuyến đường đáp ứng được nhu cầu sử dụng và đảm bảo chiếu sáng.

***e/ Hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông***

Hiện trạng hạ tầng bưu chính, viễn thông: hiện trên địa bàn huyện có 47 điểm phục vụ bưu chính viễn thông (01 bưu cục cấp II tại thị trấn Hoàng Hóa và các điểm bưu điện văn hóa xã), 178 vị trí cột BTS (470 trạm).

Trong những năm gần đây hạ tầng viễn thông được đầu tư nâng cấp, trên địa bàn huyện có 04 mạng di động, phủ sóng di động 100% các xã, phường, thị trấn, số thuê bao 0,85 thuê bao/100 dân, số điện thoại/dân đạt 48 máy/100 dân.

*Hiện trạng Công nghệ thông tin;*

- Mạng nội bộ kết nối internet băng thông rộng của Cơ quan nhà nước cấp huyện đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cấp độ 2 theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. (Ngày 19/07/2023, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định 562/QĐ-STTTT về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin nội bộ UBND huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

- Hệ thống phòng họp trực tuyến: duy trì hiệu quả phòng họp trực tuyến tại huyện đến xã gồm 39 điểm cầu (trong đó có 01 điểm cầu ở trụ sở UBND huyện, 01 điểm cầu tại Trung tâm Hội nghị huyện và 37/37 điểm cầu tại xã, thị trấn); hệ thống hội nghị trực tuyến đảm bảo kết nối liên thông từ huyện đến tỉnh, Sở, ban, ngành, đến điểm cầu Trung ương và từ huyện đến cấp xã. Có 19 điểm cầu 1 chiều (cấp thôn) đang phát huy hiệu quả, tạo môi trường hội họp hiện đại, thuận tiện, tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, đảm bảo triển khai các cuộc họp nhanh chóng, nhất là trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống dịch bệnh, bão lụt, thiên tai....

- Triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng mô hình "Camera an ninh, trật tự" trên địa bàn 37/37 xã, thị trấn tại huyện Hoàng Hóa giai đoạn 2022 – 2026. Huyện Hoàng Hóa đã triển khai xây dựng xong 01 trung tâm thông tin chỉ huy kết nối với 60 mắt (trong đó có 10 mắt camera nhận diện biển số phương tiện giao thông). Triển khai mô hình “Camera với an ninh trật tự” tại 37/37 xã, thị trấn (Đạt 100%) với hơn 800 điểm lắp đặt, 1034 mắt camera (tăng 181 mắt camera so với năm 2022) góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo dõi, giám sát tuyến, địa bàn, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; kịp thời phát hiện, xử lý những tình huống, vụ việc liên quan xảy ra trên địa bàn.



- Hạ tầng viễn thông: hệ thống mạng cáp quang, mạng 3G/4G phủ sóng đến 100% các thôn, tiểu khu trên địa bàn huyện.

- Tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức đạt 01 máy tính/01 cán bộ công chức (100%) đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn, tham mưu văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; 100% máy tính của CBCC trên địa bàn huyện được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền.

- 100% các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp xã đã có mạng LAN nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao phục vụ công tác.

- Duy trì và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ sở dữ liệu do Bộ, ngành triển khai như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ; cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính; cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; khai báo và quyết toán từ tabmis; Cổng/Trang thông tin điện tử huyện, các xã, thị trấn;...

- Tình hình ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tại huyện dưới dạng số hoá dữ liệu gồm có: 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định) được thực hiện trên môi trường mạng; Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt trên 99%; văn bản điện tử đã thay thế hoàn toàn văn bản giấy trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Đã xây dựng Hệ thống Phòng họp không giấy tại cơ quan Huyện ủy, UBND huyện; xây dựng hệ thống truyền hình trực tuyến từ xã đến thôn; đài ứng dụng CNTT-VT; phần mềm quản lý công chức, viên chức; phần mềm quản lý giáo án điện tử, học bạ điện tử...

- Đang sử dụng các ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện đặc biệt là phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin một cửa điện tử, thư điện tử công vụ....

- Triển khai phần mềm quản lý Công chức, viên chức.

- Triển khai phần mềm TDoffice cho các trường học trên địa bàn huyện.

- 100% số văn bản trao đổi dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật) được trao đổi với các cơ quan nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử sử dụng chữ ký số (trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng) tại UBND cấp huyện đạt tỷ lệ 100%; 37/37 đơn vị cấp xã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100% theo quy định; thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản đến cấp xã đạt 100% số đơn vị kết nối, liên thông gửi nhận văn bản giữa UBND huyện với các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc,

UBND các xã, thị trấn qua phần mềm Quản lý văn bản & Hồ sơ công việc.

- Thiết bị chứng thư số chuyên dùng Chính phủ được sử dụng tại 100% các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện; chứng thư số cá nhân được cấp 100% đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và công chức cấp xã.

- Hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã được triển khai thực hiện và hoạt động có hiệu quả. Hệ thống giao ban trực tuyến được đầu tư hoàn thành tại 37 điểm cầu vệ tinh của 37/37 xã, thị trấn, đáp ứng yêu cầu phục vụ các cuộc họp từ tỉnh đến các xã, thị trấn. Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên cổng/trang thông tin điện tử được triển khai thực hiện theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- *Hiện trạng An toàn thông tin*

Hiện nay, trên địa bàn huyện Hoàng Hoá có 41/41 hệ thống thông tin do UBND huyện quản lý đã được rà soát phân loại và được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ (37 xã, thị trấn; 3 đơn vị trực thuộc và UBND huyện). Hoàn thành thực hiện triển khai các phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt. Máy chủ của cơ quan UBND huyện đã được cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Hệ thống tập trung của tỉnh ; 100% máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Hệ thống tập trung của tỉnh. Đã xây dựng hệ thống mạng đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Hiện trạng hệ thống Phát thanh và Truyền hình: Tại trung tâm huyện có 01 đài truyền thanh; 100% số xã có đài truyền thanh cơ sở, đáp ứng các nhu cầu truyền tải các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến toàn thể nhân dân trên địa bàn.

**Đánh giá, nhận xét về hiện trạng hạ tầng viễn thông:**

***Những mặt đạt được:***

Hiện trạng tầng viễn thông trên địa huyện Hoàng Hóa đến nay về cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển. Các nhà mạng viễn thông đầu tư hệ thống hạ tầng, hệ thống các trạm BTS, hạ tầng mạng truyền dẫn, mạng truy nhập bằng cáp quang đã được triển khai rộng khắp tới 100% trung tâm các xã, thị trấn đảm bảo khả năng cung cấp các dịch vụ viễn thông cố định chất lượng cao (điện thoại, Internet băng thông rộng, truyền hình IPTV...) tới đại bộ phận dân cư của huyện Hoàng Hóa, là cơ sở để triển khai cung cấp các dịch vụ viễn thông mới trong tương lai.

Các điểm cung cấp dịch vụ công cộng không người phục vụ bố trí tại các khu vực công cộng, bước đầu thể hiện được tính hiệu quả, đem lại sự thuận tiện trong việc sử dụng cho người dân.

Các hạ tầng không còn phù hợp với xu thế phát triển đã được ngừng sử dụng (các điểm cung cấp viễn thông có người phục vụ, các trạm bột điện thoại dọc đường), điều này giúp giảm chi phí đầu tư và vận hành.

### ***Những hạn chế cần khắc phục:***

Hệ thống hạ tầng viễn thông vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục, nhằm đáp ứng tốt hơn nữa về khả năng cung cấp dịch vụ viễn thông đến người sử dụng, đến môi trường và cảnh quan, cụ thể:

- Hệ thống trạm BTS: Hiện nay các trạm BTS vẫn sử dụng chủ yếu loại trạm A2 (trạm BTS cồng kềnh) vừa thiếu an toàn, lại gây mất mỹ quan đô thị, đặc biệt là khu vực trung tâm huyện Hoàng Hóa.

- Hệ thống các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ: Chưa đáp ứng được yêu cầu mong muốn. Việc phủ sóng wifi miễn phí tại các khu vực công cộng như nhà ga, quảng trường, công viên... vẫn còn rất hạn chế.

- Hiện trạng mạng cáp viễn thông: Mạng cáp viễn thông hiện nay, tỷ lệ sử dụng cáp treo vẫn rất lớn, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị.

- Hiện trạng sử dụng chung hạ tầng viễn thông giữa các nhà mạng: Hiện nay Chính phủ đã có Nghị định số 71/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, tuy nhiên việc thực hiện sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Hoàng Hóa chưa thực hiện được nhiều. Các doanh nghiệp viễn thông về cơ bản vẫn sử dụng hạ tầng riêng, gây lãng phí không gian hạ tầng, lãng phí chi phí đầu tư.

- Hiện trạng đầu tư: Thời gian qua chứng kiến sự bùng nổ về công nghệ thông tin, nhu cầu dịch vụ viễn thông. Các nhà mạng đầu tư xây dựng khối lượng rất lớn hạ tầng viễn thông, phát triển nóng trong giai đoạn vừa qua để đáp ứng các yêu cầu về vùng phục vụ, thời gian triển khai cung cấp dịch vụ tới các thuê bao, công thêm yếu tố cạnh tranh giữa các doanh nghiệp viễn thông đã để lại nhiều hệ quả tác động tới xã hội như vấn đề vận hành, quản lý chưa được đảm bảo, sự đồng bộ trong hạ tầng viễn thông với các hạ tầng khác...

- Ảnh hưởng của quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đến phát triển hạ tầng viễn thông: Hiện nay các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã có nội dung quy hoạch hạ tầng viễn thông, tuy nhiên nội dung chưa đáp ứng được với nhu cầu phát triển dịch vụ thông tin, hạ tầng viễn thông đi kèm. Các nội dung đồ án chưa lấy ý

kiến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, ý kiến Sở quản lý chuyên ngành do vậy vẫn chưa có sự động bộ giữa nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và định hướng phát triển hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp.

### ***f/ Hiện trạng quản lý CTR và nghĩa trang***

*\* Nước thải sinh hoạt:*

- Hiện trạng thoát nước thải và thoát nước mặt thoát chung cùng hệ thống.
- Chưa có hệ thống thoát nước thải riêng, thoát nước thải thoát chung với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sau khi được thu gom thoát ra sông, kênh gây mất vệ sinh môi trường và ô nhiễm nguồn nước.

*\* Nước thải công nghiệp, y tế:*

*- Nước thải các khu công nghiệp:*

- + Hiện tại các KCN đã có khu xử lý nước thải tập trung.
- + Hệ thống thoát nước thải thoát riêng với hệ thống thoát nước mưa.

*\* Nước thải bệnh viện:*

Hiện tại các bệnh viện đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

*\* Hiện trạng chất thải rắn*

*Nguồn phát thải*

Nguồn phát sinh CTR trên địa bàn Hoàng Hóa chủ yếu bao gồm:

- + Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ các hoạt động, sinh hoạt thường ngày.
- + Chất thải rắn công nghiệp: Phát sinh từ hoạt động sản xuất từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất.
- + Chất thải rắn y tế: Phát sinh lượng rác thải lớn từ các cơ sở y tế trên địa bàn Hoàng Hóa khi tại đây có bệnh viện Đa khoa huyện và Trung tâm Y tế huyện. Tuy nhiên hiện nay, chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý riêng trong các cơ sở y tế.
- + CTR xây dựng: Hiện nay, chưa có số liệu thống kê cụ thể lưu lượng phát thải CTR xây dựng trên địa bàn Hoàng Hóa. Tuy nhiên quá trình đô thị hóa và các hoạt động xây dựng trên phạm vi Hoàng Hóa diễn ra nhanh, nên khối lượng phát thải CTR xây dựng lớn.

***Hiện trạng thu gom, vận chuyển***

- CTR trên địa bàn Hoàng Hóa thu gom và vận chuyển và được tổ chức 100% trên địa bàn các phường, xã.
- + Các xã Hoàng Hóa: Đã kí hợp đồng thu gom, các đơn vị đủ chức năng, điều kiện để thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi chôn lấp tại xã Hoàng Đức
- Khu vực các xã: CTR được thu gom và tập kết của xã, sau đó vài ngày được

vận chuyển về nơi xử lý. Thời gian lưu giữ CTR tại các điểm tập kết từ một đến vài ngày. Thông thường các xã có một hoặc nhiều điểm tập kết bố trí xa khu dân cư.

*\* Công tác thu gom CTR công nghiệp:*

- Đối với các khu công nghiệp:

CTR trong các khu công nghiệp trên địa bàn hiện tại đã được phân loại thành CTR thông thường và CTR nguy hại. Việc thu gom và xử lý đã được thực hiện riêng. Các doanh nghiệp hoặc tự tổ chức thu gom và vận chuyển, hoặc thuê các công ty dịch vụ môi trường thu gom và vận chuyển đi xử lý.

- Cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Công tác phân loại, thu gom CTR chưa được thực hiện triệt để. CTR vẫn thu gom chung và xử lý chung.

*\* Công tác thu gom CTR xây dựng:*

CTR xây dựng phát sinh về cơ bản thường được tận dụng làm vật liệu san lấp. Một số ít hiện nay được xả ra môi trường.

Hiện nay trên địa bàn khu vực chưa có giải pháp thu gom, xử lý và quản lý CTR xây dựng.

***Xử lý chất thải rắn (CTR):***

*CTR sinh hoạt:*

Hiện nay, CTR sinh hoạt trên địa bàn Hoàng Hóa được thu gom, vận chuyển về khu xử lý tại 02 cơ sở sử dụng lò đốt:

+ Lò đốt rác thị trấn Bút Sơn của công ty cổ phần thương mại và đầu tư Ecotech trong khuôn viên bãi chôn lấp thị trấn Bút Sơn, diện tích 0,5ha, gồm 1 lò do Việt Nam chế tạo công suất 750 kg/giờ và 1 lò BM-CN 1000-1500 công suất 1.000 kg/giờ.

+ Cơ sở tại xã Hoàng Trường: Gồm 01 lò đốt BD-Anpha công suất 1.000 kg/h do UBND huyện Hoàng Hóa quản lý và vận hành.

Một phần được vận chuyển đưa về khu xử lý CTR Đông Nam tại xã Đông Nam, TP. Thanh Hóa và khu xử lý CTR tại phường Đông Sơn, TX. Bim Sơn

*CTR công nghiệp:*

- CTR công nghiệp thông thường: Hiện được thu gom cùng với CTR sinh hoạt.

- CTR công nghiệp nguy hại: Được thu gom và xử lý riêng.

**\* Đánh giá, nhận xét về hiện trạng quản lý CTR**

*Ưu điểm:*

Hiện trạng quản lý CTR trên địa bàn Hoàng Hóa về cơ bản đã được thực hiện tương đối tốt. CTR sinh hoạt, công nghiệp đã được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo theo quy định.

**Hạn chế:**

- Công tác phân loại CTR còn hạn chế. Việc phân loại CTR ngay tại nơi phát thải như hộ gia đình, cơ sở sản xuất gây khó khăn cho công tác thu gom và xử lý, đặc biệt đối với CTR nguy hại.

- Thời gian lưu giữ CTR: Tại một số xã trên địa bàn, CTR được thu gom về điểm tập kết nhưng không được vận chuyển ngay đến khu xử lý, còn lưu giữ tại điểm tập kết nhiều ngày, CTR bốc mùi, bọ, ruồi ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh.

- CTR xây dựng: Hiện chưa được tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý phù hợp. Việc thu gom, xử lý vẫn mang tính tự phát, thường do chủ đầu tư công trình, dự án chịu trách nhiệm. Trên địa bàn hiện chưa có điểm tập kết, thu gom CTR xây dựng.

**\*/ Hiện trạng nghĩa trang:**

Hầu hết các nghĩa trang trên địa bàn huyện không có mặt bằng quy hoạch chi tiết, không có ranh giới phân định rõ đất nghĩa trang và đất nông nghiệp, không có nhà tiếp linh, không có hệ thống thoát nước, mặt bằng nghĩa trang không đồng nhất do việc đào đắp khi táng, không có đường nội bộ trong nghĩa trang, để cỏ mọc cao, việc chăn thả trâu bò diễn ra trong hầu hết các nghĩa trang. Nhiều nghĩa trang nằm sát khu dân cư, gần nguồn nước sinh hoạt của dân đã và đang gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của nhân dân.

**2.1.5. Hiện trạng kinh tế - xã hội**

Năm 2024 Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, quy mô kinh tế của huyện xếp thứ 4 toàn tỉnh<sup>12</sup>; tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh) 14.933 tỷ đồng đạt 97,5% KH; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất là 12,2% CK<sup>13</sup> (trong đó Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5,9%; Công nghiệp – XD tăng 12,1%; Dịch vụ tăng 17,3%); tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) 24.144 tỷ đồng (trong đó: Nông – Lâm - Thủy sản 3.525 tỷ đồng; CN-XD 12.845 tỷ đồng; Dịch vụ 7.774 tỷ đồng)

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch cơ bản đúng hướng, có tính đột phá, tỷ trọng Nông Lâm nghiệp giảm sâu (11.2%), Công nghiệp đáng kể trong cơ cấu GDP, mang hình thái kinh tế đô thị rõ nét

---

<sup>12</sup> Đứng sau TP Thanh Hóa, Thị xã Bim Sơn, Thị xã Nghi Sơn.

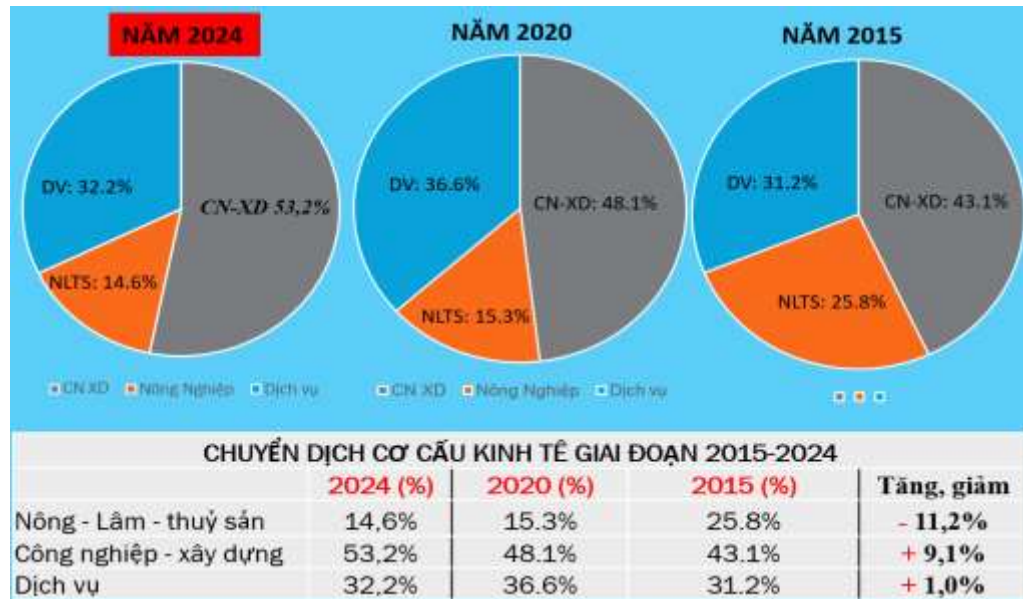
<sup>13</sup> Tốc độ tăng giá trị sản xuất theo số liệu Cục Thống kê tỉnh tạm tính là: 3,77% (Trong đó: Nông lâm thủy sản tăng 5,23%; công nghiệp, xây dựng tăng 1,73%; dịch vụ tăng 7,76%); huyện tính là 12,2% và một số chỉ tiêu khác có sự chênh lệch với số liệu của Cục Thống kê, nguyên nhân do Cục Thống kê thay đổi mô hình tính toán, loại bỏ các giá trị trùng của những đơn vị hạch toán toàn ngành, các đơn vị ngoài huyện và công bố số liệu GRDP từ phân tán sang mô hình tập trung

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế năm 2024 so với năm 2015 <sup>14</sup>:

+ Công nghiệp - Xây dựng chiếm 53,2% tăng 9,1% so với 2015,

+ Dịch vụ chiếm 32,2% tăng 1,0% so với 2015,

+ Nông, lâm, thủy sản chiếm 14,6% giảm 11,2% so với 2015,



Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 66,2 triệu đồng.



## Các ngành kinh tế

<sup>14</sup> Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025; UBND huyện Hoàng Hoá: Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024.

*\*/ Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới*

- Trồng trọt: Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt ước đạt 94.100 tấn. Các mô hình sản xuất công nghệ cao được duy trì và phát triển ở nhiều xã như: Trồng dưa kim hoàng hậu, dưa chuột baby trong nhà màng, nhà lưới tại các xã Hoàng Đạt, Hoàng Đạo, Hoàng Thắng, Hoàng Hợp, Hoàng Thái, Hoàng Lưu; vùng sản xuất rau sạch theo tiêu chuẩn VIETGAP tại Hoàng Giang, Hoàng Hợp, Hoàng Kim, Hoàng Trinh, Hoàng Đạo,... liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm như: Khoai tây, bí xanh, bí đỏ, ớt xuất khẩu, măng tây, ngô ngọt, lúa thuần... tiếp tục được duy trì và mở rộng sản xuất, cho hiệu quả kinh tế cao.

- *Chăn nuôi - Thú y*: Phát triển ổn định, tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện ước đạt 1.360.128 con

- *Thủy sản*: Tổng sản lượng thủy sản đạt 27.800 tấn, tập trung tuyên truyền, hướng dẫn các chủ phương tiện khai thác, lắp đặt hệ thống thiết bị hành trình; thành lập và đưa vào hoạt động các Tổ giám sát cộng đồng, tổ tuyên truyền và tổ xử lý vi phạm về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU).

- *Thủy lợi, đê điều*: Công tác phòng, chống thiên tai được thực hiện nghiêm túc. Các đơn vị đã rà soát, xây dựng các phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm tại chỗ để chủ động, sẵn sàng ứng phó với tình huống xảy ra; nạo vét kênh mương, giải toả hành lang đê điều<sup>15</sup>.

- ***Lâm nghiệp***: tỷ lệ che phủ rừng đạt 5,3%, bằng 101,9%KH; trên địa bàn huyện không xảy ra cháy rừng.

- *Xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và thôn kiểu mẫu, Chương trình OCOP và 145*.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm chỉ đạo. Đến hết năm 2023 có 2 xã được tỉnh công nhận xã NTM kiểu mẫu (*Hoàng Tân, Hoàng Giang*); 01 xã NTM kiểu mẫu (*Hoàng Thái*); 26 thôn, 02 tổ dân phố đạt chuẩn kiểu mẫu; hiện nay, UBND huyện đã trình hồ sơ đề nghị xét công nhận xã NTM cho 2 xã (*Hoàng Châu,*

---

<sup>15</sup> Nạo vét, khơi thông dòng chảy: đào đắp, nạo vét 1.290 m<sup>3</sup> đạt 129% chỉ tiêu tỉnh giao; vớt bèo, dọn cỏ 478.739 m<sup>2</sup> đạt 173% chỉ tiêu tỉnh giao; Phát quang mái đê: tổng chiều dài đê được phát quang 52.294 km, tổng diện tích mái đê được phát quang 136.035 m<sup>2</sup>; Chuẩn bị vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai: Đất 2.430 m<sup>3</sup>, Đá hộc 260 m<sup>3</sup>, Đá dăm 150 m<sup>3</sup>, Cát 135 m<sup>3</sup>, Tre cây 10.350 cây, Cọc tre 15.550 cọc, Rọ 1.566 cái, Bao tải 44.150 cái,...



*Hoàng Quy*) và 01 xã NTM kiểu mẫu (*Hoàng Tiến*). Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 19/8/2023 về thực hiện xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu, thôn, tổ dân phố kiểu mẫu, gắn với nâng cao chất lượng môi trường, gìn giữ cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn huyện, giai đoạn 2023-2025<sup>16</sup>.

*\*/ Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng.*

Tuy phải đối mặt với những biến động khó lường từ thị trường trong tỉnh, trong nước, thế giới, ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng và giá trị sản xuất công nghiệp của huyện; song, các doanh nghiệp đã nỗ lực khắc phục khó khăn về nguồn nguyên, vật liệu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm, một số sản phẩm công nghiệp có giá trị lớn, truyền thống vẫn duy trì sản xuất ổn định, một số doanh nghiệp đã tìm kiếm đơn hàng mới như công ty Delta, TCE Jeans, may DHA... và có thêm một số nhà đầu tư mới đầu tư cụm công nghiệp Thăng Thái (cụm CN Thăng Thái thu hút nhà đầu tư Hồng Kông với dự án dật len, tổng mức đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng và dự án Sakurai hơn 1.150 tỷ đồng tại cụm CN Bắc Hoàng Hóa nên sản xuất công nghiệp vẫn tiếp tục phát triển.

Các ngành nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp như: mộc, mây tre đan, sửa chữa và gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, nước mắm... tiếp tục thu hút thêm lao động và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, công khai các quy hoạch; công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý trật tự xây dựng được quan tâm thực hiện ngày càng chặt chẽ. Trong năm huyện đề xuất và được tỉnh bổ sung CCN Phú Quý và Khu công nghiệp Bắc Hoàng Hóa với diện tích 273,8 ha vào Quy hoạch tỉnh. Hoàn thành phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hải Tiến, Quy hoạch chung thị trấn Bút Sơn; Phê duyệt Quy hoạch chung khu công nghiệp Phú-Quý, đô thị Thịnh-Lộc; phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được 9 đồ án; phê duyệt Nhiệm vụ Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đồ án được 04 nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác thẩm định, cấp phép xây dựng; trong năm đã phát hiện và xử phạt 04 trường hợp vi phạm hành chính về trật tự xây dựng, phạt 325 triệu đồng và đã giải tỏa xong hàng quán khu vực bờ kè khu du lịch biển Hải Tiến.

---

<sup>16</sup> Kết quả: toàn huyện đã quét vôi ve tường rào được 182.097 m<sup>2</sup>; trồng cây bóng mát được 26.917 cây; trồng đường hoa được 35,1 km; mua mới thêm thùng đựng rác được 9.597 thùng, nâng tổng số thùng đựng rác hiện có trên địa bàn 61.710 thùng.

***\*/ Dịch vụ - Thương mại:***

Các hoạt động dịch vụ - thương mại tuy gặp nhiều khó khăn vào những tháng đầu năm, nhưng vẫn duy trì ổn định và phát triển trở lại. Các hoạt động bán lẻ và một số hoạt động dịch vụ khác tiếp tục phát triển đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Hoạt động tín dụng ngân hàng tiếp tục phát triển (*Tổng huy động vốn lũy kế đến năm 2023: 5.588.285 trđ, trong đó thực hiện năm 2023: 783.453 trđ; dự nợ cho vay lũy kế đến năm 2023: 5.014.582 trđ, trong đó thực hiện trong năm 2023: 544.245 trđ*). Ngành dịch vụ du lịch phục hồi tốt, trong năm thu hút gần 2 triệu lượt khách, tổng doanh thu du lịch ước đạt 2.195 tỷ đồng. Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và gian lận thương mại được tăng cường; đã kiểm tra 48 cơ sở, xử lý 40 trường hợp vi phạm, phạt 113,75 triệu đồng. Tổ chức ký cam kết với 60 cơ sở kinh doanh tại khu du lịch Hải Tiến.

***\*/ Huy động vốn cho đầu tư phát triển***

Tổng huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn năm 2023 ước đạt 7.603 tỷ đồng đạt 101,4% KH đạt 108,4%CK. Trong đó (vốn ngân sách nhà nước chiếm 14,5%; vốn doanh nghiệp chiếm 30,2%; vốn dân cư và các thành phần khác chiếm 55,3%). Nhiều dự án lớn được đẩy nhanh tiến độ: Dự án “Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường”<sup>17</sup>; Cụm công nghiệp Thái-Thắng<sup>18</sup>; Cụm công nghiệp Bắc Hoàng Hóa (gđ 1 (30 ha)<sup>19</sup>; khu dân cư và thương mại chợ Vực Lightland<sup>20</sup>, nhà máy may Sakurai ...

Các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước được triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, giải ngân kịp thời đảm bảo tiến độ mang lại hiệu quả rõ rệt. Một số dự án lớn trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ cả ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư như: dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh Đông

---

<sup>17</sup> Dự án cơ bản hoàn thành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, hệ thống thoát nước) và đưa vào sử dụng.

<sup>18</sup> Dự án đã hoàn thành 99% việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật

<sup>19</sup> Dự án đã hoàn thành san lấp mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đang tiến hành đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật gđ 2 (20 ha) riêng nhà máy Sakurai (tổng diện tích thuê đất 27ha, gđ 1 thực hiện 7ha đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2023 với 01 xưởng sản xuất khoảng 5000m<sup>2</sup>, thu hút 500 lao động địa phương).

<sup>20</sup> Dự án đã hoàn thành đầu tư.

(giai đoạn 1, giai đoạn 2); nâng cấp, cải tạo đường giao thông Hoàng Kim - Hoàng Quý; đường giao thông nối từ đường Gòong- Hải Tiến (trước đền Tô Hiến Thành) đến khu dãy núi Linh Trường xã Hoàng Trường; đường nối từ QL 1A với QL 45 xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa; đường từ Quốc lộ 10 đi Hoàng hải (gđ 1); đầu tư xây dựng khu trung tâm VH TDTT khu vực phía Bắc huyện Hoàng Hóa; xử lý khẩn cấp kè biển Tân Xuân Hoàng Phụ và các mặt bằng khai thác quỹ đất tạo nguồn vốn đầu tư... Trong năm đã tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng 34 công trình vốn ngân sách cấp huyện; Tiến hành các thủ tục khởi công mới 30 công trình vốn ngân sách cấp huyện<sup>21</sup>...

*\*/ Hiện trạng về du lịch*

- Tổng lượng khách du lịch Hoàng Hoá năm 2024 khoảng gần 2 triệu khách du lịch, chủ yếu là khu du lịch biển Hải Tiến. Hiện nay toàn huyện có toàn huyện có 135 cơ sở lưu trú với 7.430 phòng; trong đó khu du lịch Hải Tiến có 103 cơ sở lưu trú với 6.740 phòng<sup>22</sup>. Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, các cơ sở lưu trú đã cơ bản đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách. Nhìn chung chất lượng các cơ sở lưu trú đảm bảo phục vụ khách du lịch. Công suất sử dụng bình quân đạt 65% công suất sử dụng.

- Toàn huyện hiện có 70 nhà hàng thuộc các cơ sở lưu trú phục vụ các món ăn khác nhau đáp ứng nhu cầu của du khách. Các cơ sở ăn uống bên ngoài khách sạn tại các điểm thăm quan du lịch có quy mô nhỏ hơn. Các nhà hàng, quán ăn phát triển mạnh do các khu vực này thu khách một lượng lớn khách du lịch đến thăm quan.

---

<sup>21</sup> Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ 6); Đầu tư xây dựng Trường tiểu học xã Hoàng Thắng; Đầu tư xây dựng Trường mầm non xã Hoàng Đông. Hạng mục nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ven biển Hoàng Tiến - Hoàng Thanh; Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ĐH.HH32 (đoạn qua xã Hoàng Thắng); Sửa chữa, cải tạo trung tâm hội nghị; Xử lý khẩn cấp chống sạt lở, xâm thực bờ biển khu vực cửa Lạch Hới thuộc thôn Tân Xuân, xã Hoàng Phụ; Mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Nga Phú 2, xã Hoàng Xuân; Nâng cấp tuyến đê Đông Sông Cung đoạn từ K3+200 - K5+300 thuộc xã Hoàng Yên, Hoàng Ngọc; Đường từ Quốc lộ 10 đi khu du lịch Hải Tiến(giai đoạn 1); Khu dân cư thôn Đức Thành, xã Hoàng Cát (Mặt bằng QX2); Xây dựng Trường Nhữ Bá Sỹ. Hạng mục: Nhà đa năng, thư viện, hội trường, nhà để xe, thiết bị và các công trình phụ trợ; Xây dựng Trạm bơm Đồng Kênh và nâng cấp các tuyến kênh dẫn nội đồng xã Hoàng Xuân; Điện chiếu sáng và trang trí từ đường Thịnh - Đông đến đình làng Phương Lịch, xã Hoàng Lưu và từ đường Gòong - Hải Tiến đến đền Cao Tư, xã Hoàng Đạo; Nâng cấp các tuyến kênh dẫn nội đồng xã Hoàng Quý; Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang Liệt sỹ; Khu dân cư thôn Đoài Thôn, xã Hoàng Xuyên (Mặt bằng QX3); Nâng cấp kênh dẫn Thành Châu 2 và 13 trường.

<sup>22</sup> Nguồn trích dẫn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024. UBND huyện Hoàng Hoá

- Các cơ sở vui chơi, giải trí: Việc phát triển các cơ sở thể thao, vui chơi giải trí tại các khu du lịch còn rất hạn chế, hầu như mới chỉ dừng ở các hoạt động karaoke, massage, bơi lội, sân tennis. Riêng tại khu du lịch biển Hải Tiến có mô hình hình vui chơi cảm giác mạnh, dù lượn trên đỉnh Linh Trường, ca nô nước...

## **2.4. Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt:**

### **2.4.1. Các quy hoạch chung đô thị đã được duyệt**

Huyện Hoàng Hoá gồm 01 đơn vị hành chính cấp đô thị (thị trấn) và 03 khu vực đã được phê duyệt quy hoạch chung đô thị, đây là công cụ pháp lý quan trọng để quản lý đầu tư và phát triển trên địa bàn huyện Hoàng Hoá.

(1) Đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030:

+ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Bút Sơn (trước đây là xã Hoàng Phúc, Hoàng Vinh và thị trấn Bút Sơn) và xã Hoàng Đức (trước đây là xã Hoàng Minh và xã Hoàng Đức). Với tổng diện tích 1.520 ha,

- Là trung tâm hành chính của huyện, đã đạt chuẩn đô thị loại V.

Quy mô dân số:

Dự báo dân số đô thị : Đến năm 2025 khoảng 38.000 người;

Đến năm 2030 khoảng: 57.500 người.

+ Về vị trí, thị trấn Bút Sơn nằm gần như tại trung tâm của huyện, trên giao lộ QL 10 và ĐT 510 và là cửa ngõ quan trọng hướng phía bắc của TP Thanh Hoá.

+ Về các hoạt động kinh tế, hoạt động chủ yếu là thương mại - dịch vụ và có ảnh hưởng quan trọng đối với giao lưu kinh tế khu vực trung tâm huyện cũng như các huyện lân cận như Hậu Lộc; tuy nhiên hiện nay các khu chức năng có tính đầu mối, phát luồng (trung tâm và khu thương mại, siêu thị...) vẫn chưa hình thành tại địa bàn; các hoạt động thương mại chính chủ yếu tại khu vực chung quanh ngã tư Bút Sơn.

+ Về các kết cấu hạ tầng đô thị, về cơ bản thị trấn Bút Sơn đã được phân khu chức năng khá rõ ràng, trong đó khu chức năng công sở, công trình công cộng được quy hoạch và xây dựng mới tạo bộ mặt khang trang cho đô thị. Hệ thống giao thông được trải nhựa, hệ thống cấp thoát nước cũng đã hình thành các trục cơ bản, khu hành chính và các công trình giáo dục - y tế - văn xã được bố trí với cấu trúc hợp lý với kết

cấu hạ tầng tương đối đồng bộ và nhiều khoảng xanh đô thị. Đặc biệt trong giai đoạn qua đã đầu tư và xây dựng đồng bộ các dự án nhà ở tạo bộ mặt khang trang cho đô thị; hiện tại UBND huyện ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, trong đó có công viên thị trấn sẽ góp phần tạo diện mạo mới cho đô thị và là nơi tổ chức hoạt động văn hóa, thể dục thể thao cho người dân trong khu vực.

*(2) Quy hoạch chung đô thị mới Phú Quý:*

Đô thị Phú Quý nằm về phía Tây Bắc huyện Hoàng Hóa, Thuộc địa giới hành chính 4 xã: Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý

+ Quy mô đô thị:

- Quy mô diện tích: Diện tích tự nhiên: 1.535,59 ha (gồm: xã Hoàng Trung: 491,16 ha; xã Hoàng Kim : 279,63 ha; xã Hoàng Phú : 406,41 ha, xã Hoàng Quý 358,39 ha).

- Quy mô dân số:

Dân số đến năm 2030: 30 000 người;

Dân số đến năm 2040: 40 000 người.

+ Tính chất đô thị:

Là đô thị loại V, có vai trò thúc đẩy dự phát triển kinh tế - xã hội của xã Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý cũng như của huyện Hoàng Hoá. Là đô thị có tính chất chức năng tổng hợp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục và là đầu mối giao thông của xã Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý cũng như của huyện Hoàng Hoá.

+ Về các hoạt động kinh tế, hoạt động chủ yếu là thương mại - dịch vụ phục vụ cho dân cư tại chỗ và dân cư của các khu, cụm công nghiệp đã và đang phát triển trong khu vực.

+ Về các kết cấu hạ tầng đô thị, các phát triển chủ yếu theo tuyến QL.1A; một số công trình công cộng, cơ quan công sở đan xen trong khu dân cư, chưa hình thành rõ nét khu hành chính đô thị. Hệ thống giao thông trục chính tuy đã hình thành nhưng như đường Kim Quy, đường nối QL 1A với cao tốc.

*(3) Đô thị Thịnh Lộc*

+ Quy hoạch chung đô thị mới Thịnh lộc bao gồm toàn bộ địa giới hành chính các xã: Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Thành, Hoàng Lộc

+ Về vị trí, đô thị Thịnh Lộc nằm phía Tây Nam huyện, được xem là cửa ngõ,

giáp với TP Thanh Hoá.

+ Quy mô đô thị:

Quy mô diện tích: Tổng diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.525,3ha.

Quy mô dân số:

- Dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 35.000 người.

- Dân số dự báo đến năm 2040 khoảng 45.000 người.

+ Đô thị Thịnh Lộc được xác định Là đô thị loại V, có chức năng tổng hợp bao gồm: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục) và là đầu mối giao thông khu vực của huyện Hoàng Hóa.

+ Về các hoạt động kinh tế, hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển chủ yếu xung quanh khu vực chợ Quãng và vẫn chưa xứng tầm một đô thị loại V.

+ Về các kết cấu hạ tầng đô thị, do đô thị sinh thái phát triển lan tỏa từ trung tâm là khu vực chợ Quãng kết nối với qua tuyến TL 510, chưa có công trình công cộng quan trọng.

*(4) Đô thị mới Hải Tiến:*

Quy hoạch chung đô thị mới Hải Tiến bao gồm toàn bộ các xã Hoàng Tiến, Hoàng Hải, Hoàng Trường và một phần các xã Hoàng Thanh, Hoàng Phụ, Hoàng Phong, Hoàng Đông.

+ Quy mô đô thị

Quy mô diện tích: Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 2.600 ha.

Quy mô dân số:

Dân số hiện trạng khoảng 28.000 người;

Dự báo dân số đô thị đến năm 2030 khoảng 60.000 người.

+ Tính chất đô thị Hải Tiến: Là đô thị loại V, một trong những trọng điểm du lịch biển tỉnh Thanh Hóa với các loại hình du lịch nghỉ mát, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí; Là trung tâm dịch vụ thương mại, đánh bắt, chế biến thủy hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với làng nghề truyền thống.

#### **2.4.2. Đánh giá chung**

(1) Ngoài thị trấn Bút Sơn là thị trấn huyện lỵ, hiện nay cả 3 đô thị mới (Phú Quý, Thịnh Lộc và Hải Tiến) đều chưa hình thành đô thị (chưa được công nhận loại đô thị), quy mô diện tích nhỏ (chỉ hơn diện tích tối thiểu thị trấn) ; chưa hình thành rõ

các phân khu chức năng, chưa hình thành các cơ sở có tính đầu mối, phát luồng (trung tâm và khu thương mại, siêu thị, các khu phố dịch vụ chuyên đề...); trong thực tế các hoạt động thương mại vẫn tập trung chính tại các khu vực chợ, dọc các tuyến quốc lộ. Nếu không sớm xác định việc mở rộng quy mô, phân khu chức năng, phát triển các khu đô thị vệ tinh mới, tình trạng phát triển tự phát các khu dân cư và dịch vụ sẽ dẫn đến tác động nghiêm trọng về mặt trật tự và môi trường đô thị.

(2) Các khu vực đất dân cư nằm rải rác, manh mún. Do đó việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tốn kém và chưa thực sự hiệu quả; bán kính phục vụ các công trình hạ tầng chưa đảm bảo theo quy chuẩn; một số xã dự kiến khu vực nội thị có quy mô diện tích nhỏ (có xã dưới 50% tiêu chí như Hoàng Lộc).

(3) Các đồ án Quy hoạch chung quá đi sâu vào chi tiết, mất đi tính định hướng và tầm nhìn chung, gây khó khăn cho việc triển khai các đồ án quy hoạch quy hoạch chi tiết cho từng khu vực vì tính chất cố định của vị trí các chức năng. Nên nhiều tuyến trục chính đô thị khi triển khai dự án trên thực tế khác tìm tuyến, lộ giới so với quy hoạch dẫn đến việc khó khăn trong công tác quản lý đất đai, khớp nối các dự án theo khung giao thông và tính đồng bộ giữa các đồ án QHCT 1/500, dẫn đến phải điều chỉnh cục bộ QHC rất nhiều lần.

### ***2.4.3. Những vấn đề tồn tại chính trong quá trình thực hiện quản lý, phát triển đô thị.***

Việc phát triển một đô thị mới như đô thị Hoàng Hóa sẽ mất nhiều thời gian và cần nguồn vốn đầu tư lớn. Việc tạo dựng môi trường sống và làm việc nhằm thu hút dân cư từ nơi khác chuyển đến sinh sống và làm việc cũng là một thách thức lớn. Cần xác định tầm nhìn và mô hình phát triển cho Đô thị mới Hoàng Hóa phù hợp với tiềm năng và phát huy được các giá trị bền vững, tạo động lực phát triển vùng và quốc gia;

Là huyện phát triển nhất của tỉnh Thanh Hóa, nhiều vùng có cơ sở để hình thành phát triển đô thị, thị trấn (Hoàng Kim; Hoàng Phú; Hoàng Quý; Hoàng Thịnh; Hoàng Lộc; Hoàng Ngọc; Hải Tiến...), nhưng Hoàng Hóa đến nay vẫn chỉ có 1 thị trấn huyện lỵ Bút Sơn. Tỷ lệ đô thị hoá rất thấp năm 2023 chỉ đạt 5,9%. Đây là vấn đề quan trọng cần giải quyết trong việc Hoàng Hoá đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025 và thị xã trước năm 2030 theo định hướng quy hoạch tỉnh.

Cơ sở hạ tầng Hoàng Hóa phát triển so với cấp huyện, nhưng với các yêu cầu của đô thị loại IV và thị xã thì cần phải đầu tư lớn, tập trung, đồng bộ trong thời gian ngắn (đến năm 2030), trong khi nguồn lực có hạn, cần phải phát triển hệ

thống cơ sở hạ tầng với lộ trình phù hợp để tạo động lực phát triển và phát huy các giá trị trong tương lai.

Vị trí địa lý Hoàng Hóa nằm gần thành phố Thanh Hóa và thành phố Sầm Sơn cũng như các huyện lân cận trong vùng liên huyện số 1 đang phát triển mạnh mẽ tạo ra khó khăn cho huyện trong cạnh tranh thu hút đầu tư.

Hạ tầng kỹ thuật của huyện chưa đồng bộ, phân bố không đồng đều, đặc biệt là khu vực phía Tây Quốc lộ 1A.

Một số xã, thị trấn được coi là vùng phát triển của huyện chuyển sang thành phố Thanh Hóa theo chủ trương của tỉnh ảnh hưởng nhiều đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, tuy nhiên tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp thấp nhất trong các huyện, nhưng vẫn chiếm tỷ lệ 22,06%, tạo áp lực trong giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp đáp ứng yêu cầu về phát triển nhanh nền kinh tế của huyện trong thời gian tới.

## **2.5. Đánh giá hiện trạng đô thị theo các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị**

### **2.5.1. Đánh giá, so sánh theo các tiêu chí**

#### *(1) Tiêu chí về vị trí, chức năng vai trò của đô thị*

- Đánh giá vị trí Hoàng Hóa:

Huyện Hoàng Hoá được Quy hoạch tỉnh xác định Là vùng đô thị hóa phía Bắc thuộc cụm đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa gồm thành phố Thanh Hóa - thành phố Sầm Sơn - đô thị Quảng Xương - đô thị Hoàng Hóa.

- Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển công nghiệp - dịch vụ tại cửa ngõ phía Bắc cụm đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa; phát triển kinh tế biển, với thế mạnh về dịch vụ thương mại, du lịch và thủy, hải sản; phát triển hạ tầng đô thị và nhà ở; phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp nông nghiệp truyền thống, đảm bảo phục vụ các vùng đô thị và du lịch ven biển.

Huyện Hoàng Hóa có vị trí chiến lược, nằm ngay cửa ngõ phía Bắc khu vực trung tâm tỉnh (theo định hướng Quy hoạch tỉnh), có Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10 và đường ven biển và trục đường sắt xuyên Việt chạy ngang qua. Đây là những trục trung tâm nằm trong hành lang kinh tế Bắc Nam, hành lang kinh tế ven biển quan trọng nhất của tỉnh cũng như Việt Nam. Phía Đông giáp biển Đông với bờ biển dài khoảng 12km, có khu Du lịch biển Hải Tiến bãi biển đẹp, bờ cát thoải và phong



cảnh thiên nhiên phong phú đang mở rộng mạnh về phía Bắc (Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Linh Trường, xã Hoàng Trường) cũng như phía Nam (quy hoạch Quần thể đô thị nghỉ dưỡng Nam Hải Tiến), hàng năm thu hút hàng triệu lượt khách du lịch tới thăm quan tắm biển

- Về chức năng, vai trò đô thị:

Căn cứ Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023, theo đó huyện Hoàng Hóa được định hướng trở thành thị xã trước năm 2030. Xác định huyện Hoàng Hóa: Là vùng đô thị phía Bắc thuộc cụm đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa gồm thành phố Thanh Hóa – thành phố Sầm Sơn – đô thị Quảng Xương – đô thị Hoàng Hóa. Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển công nghiệp – dịch vụ tại cửa ngõ phía Bắc cụm đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hóa, phát triển kinh tế biển, với thế mạnh về dịch vụ và thủy, hải sản; phát triển hạ tầng đô thị và nhà ở; phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp nông nghiệp truyền thống, đảm bảo phục vụ các vùng đô thị và du lịch ven biển.

Do đó, đánh giá tiêu chuẩn vị trí, tính chất và vai trò của Hoàng Hóa trong hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đạt 5,0/5,0 điểm.

(2) *Về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội*<sup>23</sup>

- Cân đối thu chi ngân sách: Hiện nay huyện chưa tự cân đối được ngân sách mà đang hưởng trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 66,2 triệu đồng/người/năm, bằng 1,11 lần so với trung bình cả nước (thu nhập bình quân cả nước năm 2023 là 59,52 triệu đồng/người/năm).

- Chuyên dịch cơ cấu kinh tế năm 2023: Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng là 3,1% và dịch vụ là 7,31%.

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình của ba năm 2021 ÷ 2023 đạt 6,01%

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023 trên địa bàn Hoàng Hóa còn 1,66%.

- Tỷ lệ tăng dân số năm 2023 là 0,4 %

(3) *Tiêu chí về dân số và mật độ dân số*

---

<sup>23</sup> Nguồn số liệu: Niên Giám Thống kê, cục thống kê Thanh Hoá; Phòng lao động – UBND huyện Hoàng Hoá

### Quy mô dân số

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt	Ghi chú
1	Dân số toàn đô thị (1.000 người)	50- 100	1,5 - 2,0	238.046	2,0	
2	Dân số khu vực nội thị(1.000 người)	20-50	4,5-6,0	198.205	6,0	Là dân số hiện trạng 30 xã trừ 6 xã: Hoàng Giang, Hoàng Xuân, Hoàng Sơn, Hoàng Xuyên, Hoàng Hà, Hoàng Đạt

Dân số trung bình năm 2023 là 238,046 người, dân số tạm trú quy đổi là 13.151 người. Tổng: 251.000 người

Diện tích tự nhiên Hoàng Hóa không bao gồm rừng phòng hộ, mặt nước, núi đá là: 191,748 km<sup>2</sup>.

Do đó, mật độ dân số trung bình toàn đô thị là: 1.307 người/km<sup>2</sup> (cao gấp 4 lần mật độ dân số tỉnh Thanh Hóa (378 người/km<sup>2</sup>) và gấp hơn 4.5 lần mật độ dân số vùng Bắc Trung Bộ (291 người/km<sup>2</sup>).

Tiêu chuẩn đô thị loại IV: 1.200 ÷ 1.400 người/km<sup>2</sup>.

#### (4) Tiêu chí về Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Lao động phi nông nghiệp là lao động thuộc các ngành kinh tế quốc dân không thuộc ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp (lao động làm việc trong khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lao động làm muối, đánh bắt cá, công nhân lâm nghiệp được tính là lao động phi nông nghiệp).

- Hiện nay tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện là 22,5%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 77,5%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực đô thị dự kiến là 77,92%.<sup>24</sup>

<sup>24</sup> Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hoàng Hoá - 2023

**Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (%)	55 - $\geq$ 65	1,0 – 1,5	77,5	1,5
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	70- $\geq$ 80	3,5-4,5	77,92	4,3
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>4,5 - 6</b>		<b>5,8</b>

(5) Tiêu chí về Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

Nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thị

a/ Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội:

\* **Về nhà ở:**

- Diện tích sàn nhà ở bình quân:

+ Tổng diện tích sàn nhà ở tại khu vực nội thị Hoàng Hóa là: 5.710.950 m<sup>2</sup> sàn

+ Tổng dân số Hoàng Hóa tại khu vực nội thị là: 198.205 người

Do đó diện tích sàn nhà ở bình quân đạt: 28,8 m<sup>2</sup> sàn/ người

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố:

+ Tổng số hộ tại khu vực nội thị Hoàng Hóa là: 50.460 hộ

+ Tổng số hộ có nhà ở kiên cố trên địa bàn thị trấn là: 49.450 hộ

Do đó tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt: 98% (Tiêu chuẩn: 85  $\div$   $\geq$  90%).

**Các tiêu chuẩn về nhà ở**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m <sup>2</sup> sàn/người)	28-32	0,75 - 1,0	28,8	0,8
2	Tỷ lệ nhà kiên cố (%)	85-90	0,75 - 1,0	98	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>1,5 - 2,0</b>		<b>1,8</b>

**\* Về công trình công cộng**

- Tiêu chuẩn đất dân dụng:

+ Diện tích đất dân dụng nội thị hiện có:  $42,1 \text{ km}^2 = 42.101.328 \text{ m}^2$ ;

+ Dân số nội thị là: 198.205 người.

Do đó, đất dân dụng đạt bình quân đạt:  $42.101.328/198.205 = 212,4$  ( $\text{m}^2/\text{người}$ ).

Tiêu chuẩn:  $50 \div 80 \text{ m}^2/\text{người}$ .

- Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị

+ Tổng diện tích xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị Hoàng Hóa là  $3.805.317 \text{ m}^2$  ;

Do đó, đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt:

$3.805.317/198.205 = 19,2$  ( $\text{m}^2/\text{người}$ )

Tiêu chuẩn:  $3 \div 4 \text{ m}^2/\text{người}$ ..

- Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở:

+ Diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp khu ở  $501.696 \text{ m}^2$ .

Do đó, đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp khu ở đạt:  $501.696/198.205 = 2,53 \text{ m}^2/\text{người}$

Tiêu chuẩn:  $1,0 \div 1,5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

\* Cơ sở y tế : Huyện Hoàng Hoá có 40 cơ sở y tế, trong đó có 37 trạm y tế cấp xã, thị trấn và 03 Bệnh viện đa khoa trong đó 01 Bệnh viện công lập 340 giường và Bệnh viện đa khoa Hải Tiến 250 giường; BV Đa Khoa Hàm Rồng 278 giường. Trên địa bàn có 01 trung tâm Y tế huyện.

Tổng số giường bệnh cấp đô thị trên địa bàn Hoàng Hóa là 868 giường.

Dân số khu vực nội thị là 198.205 người.

Số giường bệnh của các cơ sở y tế cấp đô thị bình quân đạt:  $868 \times 10.000/198.205 = 43,8$  giường/ 10.000 dân

Tiêu chuẩn:  $25 \div 30$  giường/10.000 dân. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

\* Cơ sở giáo dục - đào tạo:

Hiện nay, tổng số cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị trên địa bàn Hoàng Hóa là 06 cơ sở gồm: Trường THPT Hoàng Hóa, Trường dạy nghề, Trường THPT Lương

Đắc Bằng, Trường TPPT Hoàng Hóa II, THPT Hoàng Hóa III, THPT Hoàng Hóa IV.

Do đó, đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại IV từ 2 đến  $\geq 5$  cơ sở).

**\*/ Công trình văn hóa cấp đô thị**

Hiện trên địa bàn có: 01 trung tâm hội nghị, kết hợp các hoạt động văn hoá, 01 nhà truyền thống kết hợp thư viện (bảo tàng) , 01 sân vận động huyện; 01 tượng đài và 77 di tích lịch sử văn hóa quốc gia, cấp tỉnh

Do đó, đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại IV: từ 2 đến  $\geq 4$  công trình).

**\*/ Công trình thể dục - thể thao cấp đô thị**

Tổng số các công trình thể dục thể thao trên địa bàn là 33 công trình phục vụ dân cư bao gồm: Sân vận động huyện và sân vận động tại 30 xã, thị trấn (khu vực nội thị); Nhà thi đấu huyện; 01 trung tâm văn hóa TDTD khu vực phía Bắc huyện đang thi công xây dựng;

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại IV: từ 2 đến  $\geq 3$  công trình)

**\*/ Công trình thương mại - dịch vụ:**

Hiện tại trên địa bàn toàn huyện có 52 công trình thương mại - dịch vụ đô thị gồm 26 chợ , 01 siêu thị và 31 cửa hàng xăng dầu . Trong đó khu vực nội thị có 43 công trình.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (Yêu cầu đạt điểm của đô thị loại IV: từ 2 đến  $\geq 4$  công trình).

**Các tiêu chuẩn về công trình công cộng**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn DT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Đất dân dụng bình quân đầu người (m <sup>2</sup> /người)	50 - 80	0,75 - 1,0	126,71	1,0
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m <sup>2</sup> /người)	3 - 4	0,75 - 1,0	19,2	1,0
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở (m <sup>2</sup> /người)	1 - 1,5	0,75 - 1,0	2,53	1,0
4	Cơ sở y tế	25 - 30	0,75 - 1,0	43,8	1,0

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	2 - 5	0,75 - 1,0	6	1,0
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	2 - 4	0,75 - 1,0	$\geq 4$	1,0
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	2 - 3	0,75 - 1,0	$\geq 3$	1,0
8	Công trình thương mại- dịch vụ	2 - 4	0,75 - 1,0	$\geq 4$	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>6 - 8</b>		<b>8,0</b>

**b) Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật:**

**\* Các tiêu chuẩn về giao thông:**

- Hoàng Hóa có 15,18 km đường Quốc lộ 1A, 8,52km Quốc lộ 10, 14,7km đường ven biển và trục đường sắt xuyên Việt chạy ngang qua (có Ga Nghĩa Trang), tuyến nối QL1 với Cao tốc Bắc – Nam và QL45 có lợi thế kết nối thuận lợi với đường bộ cao tốc

- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)

+ Tổng diện tích đất giao thông đô thị là 1.642,51 ha; Bao gồm:

+ Tổng diện tích đất xây dựng đô thị là: 4.709,3 ha

Do đó, tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị là:  $1.642,51 \times 100 / 4.709,3 = 34,8\%$

Tiêu chuẩn:  $12 \div 17 \%$ . Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Mật độ đường giao thông (có chiều rộng phần xe chạy  $\geq 7m$ ):

+ Tổng chiều dài các tuyến đường chính trong Hoàng Hóa có bề rộng phần xe chạy  $\geq 7m$  toàn huyện 221,05 km; trong đó khu vực nội thị 192,06 km. Bao gồm các tuyến đường trục chính khu vực và trục chính đô thị.

+ Tổng diện tích đất xây dựng đô thị là: 4.709,3 ha = 47,093 km<sup>2</sup>;

Do đó, mật độ đường khu vực nội thị tính đến đường có bề rộng phần xe chạy  $\geq 7m$  là:  $192,06 / 47,093 = 4,08$  (km/km<sup>2</sup>).

Tiêu chuẩn:  $5 \div 6$  km/km<sup>2</sup>. Chưa đạt điểm.

- Diện tích đất giao thông tính trên dân số

+ Diện tích đất giao thông (số liệu theo kiểm kê đất đai) là: 1.642,51ha =16,43 km<sup>2</sup>.

+ Dân số nội thị là: 198.205 người

Do đó, diện tích đất giao thông tính trên dân số là:  $1.642,51 \times 10.000 / 198.205 = 82,87$  (m<sup>2</sup>/người)

Tiêu chuẩn:  $7 \div 9$  m<sup>2</sup>/người. Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: Hiện tại trên địa bàn có tuyến xe bus chạy qua. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 5%.

Tiêu chuẩn:  $3 \div 5\%$ . Đánh giá 1,0/1,0 đạt điểm.

### Các tiêu chuẩn về giao thông

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Đầu mối giao thông (cảng hàng không- sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách) (cấp)	Vùng tỉnh - vùng liên huyện	0,75-1,0	Vùng tỉnh	1,0
2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị(%).	12 - 17	0,75 - 1,0	38,4	1,0
3	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,0$ m) (km/km <sup>2</sup> )	5 - 6	1,5 – 2,0	4,08	0
4	Diện tích đất giao thông/dân số nội thị (m <sup>2</sup> /người)	7 - 9	0,75 - 1,0	82,11	1,0
5	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	3 - 5	0,75 - 1,0	5	1,0
Trường hợp đô thị có đề án, dự án đầu tư chống ùn tắc giao thông, triển khai thực hiện hiệu quả thì được cộng 0,5 điểm nhưng bảo đảm tổng số điểm của các tiêu chuẩn về giao thông không vượt quá 6 điểm.				Có dự án	0,5
<b>Tổng số điểm</b>			<b>4,5 - 6</b>		<b>4,5</b>

### \* Về cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:

Tổng điện năng sinh hoạt tiêu thụ khu vực nội thị năm 2023 là: 184.727.060 (kwh/năm);

Do đó, tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là: 932 kwh/người/năm.

Tiêu chuẩn:  $400 \div 1.000$  kwh/người/năm. Đánh giá đạt 0,84/1,0 điểm.

- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng:

+ Tổng số trục đường chính toàn huyện (có  $B_m \geq 14$  m là 68,44 km, hệ thống chiếu sáng đã đầu tư được 43,38 km, đạt tỷ lệ đường chính được chiếu sáng là  $43,88/68,44=63,38\%$ . Nếu tính khu vực nội thị số liệu tương ứng là 62,19 km đường; 41,15 km điện, đạt tỷ lệ 65,68%;

Tiêu chuẩn:  $90 \div 95\%$ . Đánh giá chưa đạt.

Nhận xét: Một số tuyến đường quy mô từ 4÷6 làn xe trên địa bàn huyện mới được đầu tư, chưa được đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng như trục đường Quỳnh Xuyên dài 4km; đường Kim Quỳnh dài 5,5 km; đường Quốc lộ 10 đi Hải Tiến dài 5,5 km; Đường Tô Hiến Thành- Hoàng Trường dài 1,3 km; đường Thịnh Đông đ 2 dài 2,5km; 1 số đoạn trên đường Quốc lộ 1A dẫn đến tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng chưa đạt tỷ lệ. Tuy nhiên các dự án đã có hạng mục chiếu sáng, trong thời gian gần, sẽ được đầu tư, do đó sẽ nâng tỷ lệ chiếu sáng

- Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng khu vực nội thị

+ Tổng chiều dài đường ngõ hẻm là 761,18 km;

+ Tổng chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng là 646,7km;

Do đó, tỷ lệ đường ngõ xóm được chiếu sáng là:  $646,7 \cdot 100/761,18=88,1\%$

Tiêu chuẩn:  $50 \div 70 \%$ . Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

### Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2022	Điểm đạt
1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị (kwh/người/năm)	400-1.000	0,75 - 1,0	932	0,97
2	Tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng (%)	90 - 95	0,75 - 1,0	100	1,0
3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng (%)	50 - 70	0,75 - 1,0	88,1	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>2,25 - 3</b>		<b>2,97</b>

\* Về cấp nước:

Trên địa bàn Hoàng Hóa có 04 đơn vị cấp nước sạch (không tính nhà nước



nước sạch Đại Dương Xanh) cung cấp cho toàn đô thị bao gồm: Chi nhánh cấp nước sinh hoạt Hoàng Hóa - tại thị trấn Bút Sơn; Nhà máy nước sạch xã Hoàng Xuân; Nhà máy nước sạch 8 xã Vùng biển; Nhà máy nước sạch Hoàng Hóa tại xã Hoàng Đồng với tổng công suất thiết kế là 33.000m<sup>3</sup>/ng.đ; công suất thực tế đạt khoảng 60%.

Tổng công suất nước khu vực nội thị dự kiến tính trên ngày.đêm = 16.513.400 lít/ngày/đêm.

Dân số khu vực đô thị: 198.205 người.

Cấp nước sinh hoạt trung bình đạt  $16.513.400/198.205 = 83,3$  lít/người/ng.đ

Tiêu chuẩn  $100 \div 120$  nên chưa được đánh giá.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh: đạt 63,5 %

Tiêu chuẩn:  $90 \div 95\%$ ..

#### Các tiêu chuẩn về cấp nước

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày.đêm)	100 - 120	0,75 - 1,0	83,3	0
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	90 - 95	0,75 - 1,0	63,5	0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>1,5 – 2,0</b>		<b>0</b>

\* Về hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin:

- Tổng số thuê bao băng rộng di động là 141.594 thuê bao

Do đó, số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân đạt:  $141.594 \times 100 / 198.205 = 71$  thuê bao/100 dân (Tiêu chuẩn:  $75 \div 100$  thuê bao/100 dân).

Đánh giá đạt 0,7/1,0 điểm.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang:

+ Tổng số hộ dân khu vực nội thị Hoàng Hóa là: 50.460 hộ

+ Tổng số hộ dân có kết nối cấp quang là: 48.395 hộ

Do đó, tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cấp quang là: 96% (Tiêu chuẩn:  $65 \div 100\%$ ). Đánh giá đạt 0,96/1,0 điểm

- Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến là 6.962 (hồ sơ)

Trong đó số hồ sơ dịch vụ công toàn trình là 6.815 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình là:  $6.815/6.962=97,89\%$ .

### Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	75 - 100	0,75 - 1,0	76	0,76
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cấp quang (%)	65 - 100	0,75 - 1,0	96	0,97
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	25 - 60	0,75 - 1,0	97,89	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>2,25 - 3,0</b>		<b>2,73</b>

#### c) Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường:

##### \* Về hệ thống thoát nước và chống ngập úng

- Mật độ đường công thoát nước chính:

+ Hệ thống thoát nước toàn huyện với tổng chiều dài 609,9 km. (chi tiết tại biểu cột 39,40 phụ lục 1); trong đó nếu tính vùng nội thị là 527,03km.

Diện tích xây dựng nội thị là 4.709,3ha= 47,09 km<sup>2</sup>.

Do đó, mật độ đường công thoát nước chính là  $527,03/47,09=11,19$  (km/km<sup>2</sup>).

Tiêu chuẩn:  $3 \div 3,5$  km/km<sup>2</sup>. Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

- Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng là 100%. (Tiêu chuẩn:  $10 \div 20\%$ ). Trên địa bàn Hoàng Hóa đều có các giải pháp để xử lý các điểm ngập úng, một số điểm chỉ xảy ra cục bộ khi trời mưa to, liên tục kéo dài dẫn đến các điểm thu nước (rãnh thoát nước, hố ga) không thu kịp; tuy nhiên đều được xử lý, không để xảy ra tình trạng ngập úng thường xuyên trên diện rộng.

**Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km <sup>2</sup> )	3 - 3,5	1,5 - 2,0	11,19	2,0
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục (%)	10 - 20	0,75 - 1,0	100	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>2,25 - 3,0</b>		<b>3,0</b>

**\* Về thu gom, xử lý nước thải, chất thải**

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Đạt khoảng 40%.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy:

+ Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn Hoàng Hóa là 15,84 tấn/năm (bao gồm chất thải nguy hại từ y tế và chất thải công nghiệp)

+ Tổng lượng chất thải nguy hại được thu gom, xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy là 15,84 tấn/năm

Do đó, tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt: 100% (Tiêu chuẩn: 70 ÷ 85%).

Hiện toàn bộ chất thải rắn nguy hại do các hoạt động sản xuất công nghiệp, y tế đều được các doanh nghiệp thu gom vận chuyển đúng quy định đến khu xử lý chất thải rắn công nghiệp nguy hại đảm bảo chất thải nguy hại trên địa bàn thị trấn được xử lý đạt tiêu chuẩn;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom:

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 34.675 tấn/năm

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt được thu gom: 33.981,5 tấn/năm.

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là: 33.981,5 tấn/ năm

Do đó, tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom đạt: 98% (Tiêu chuẩn: 80 ÷ 90%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 98%: (Tiêu chuẩn: 65 ÷ 70%).

**Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa-tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn (%)	15 -30	1,5 – 2,0	40%	2
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	70 - 85	0,75 - 1,0	100	1,0
3	Tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	80 - 90	0,75 - 1,0	98	1,0
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	65 - 70	0,75 - 1,0	98%	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>3,75 - 5</b>		<b>5,0</b>

**\* Về nhà tang lễ và hỏa táng**

- Số nhà tang lễ huyện : Trên địa bàn huyện chưa có nhà tang lễ nên chưa có điểm

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: 2023 toàn huyện có 1.496 người chết; số người hỏa táng là 582 người; đạt tỷ lệ 38,9%. Đối với khu vực nội thị dự kiến có 1.232 người chết, hỏa táng 497 người đạt 40,34%; tiêu chí từ 10 ÷ 15%

**\* Về cây xanh đô thị:**

- Đất cây xanh toàn đô thị:

+ Diện tích đất cây xanh toàn đô thị là 62,74 ha= 627.400 m<sup>2</sup>.

+ Dân số toàn đô thị đến 2023 là 238.046 người.

+ Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người là 2,64 m<sup>2</sup>/người (627.000/238.046=2,64)

Tiêu chí từ 6÷8 m<sup>2</sup>/ người. Đánh giá chưa đạt

- Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị:

+ Diện tích đất cây xanh công cộng sử dụng khu vực nội thành, nội thị là 42,42 ha= 424.200 m<sup>2</sup>.

+ Dân số toàn đô thị đến 2023 là 198.205 người.

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người là 2,14 m<sup>2</sup>/người (424.200/198.205=2,14)

Tiêu chí từ 4÷5 m<sup>2</sup>/ người. Đánh giá chưa đạt

**Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn ĐT loại IV	Điểm tối đa, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m <sup>2</sup> /người)	6 - 8	1,5 - 2,0	2,64	0
2	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người (m <sup>2</sup> /người)	4 - 5	1,5 - 2,0	2,14	0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>3 - 4</b>		<b>0</b>

**d) Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị:**

- Các quy hoạch chung đô thị trên địa bàn đã được duyệt Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

- Hiện nay trên địa bàn Hoàng Hóa chưa triển khai lập, công nhận tuyến phố văn minh đô thị.

- Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị có nhiều dự án cải tạo chỉnh trang đô thị như: Kè 2 bên bờ sông Gòng, các dự án cải tạo nâng cấp đường giao thông đô thị, điện chiếu sáng (Tiêu chuẩn có 1 ÷ 2 dự án).

- Số lượng không gian công cộng của đô thị là 4 khu, bao gồm: Sân vận động trung tâm huyện; Trung tâm VHTT huyện; Công viên Quảng trường Hoàng Trường, Hoàng Tiến; Nhà truyền thống huyện. (Tiêu chuẩn: 2 ÷ 4 khu).

- Công trình kiến trúc tiêu biểu: Theo thống kê, khu vực nội thị trên địa bàn Hoàng Hóa có 14 di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh được xếp hạng quốc gia, 77 di tích lịch sử cấp tỉnh.

- Công trình xanh: là công trình đã được hệ thống chứng nhận công trình xanh (như LOTUS, LEED, Green Mark...) cấp giấy chứng nhận. Chưa có công trình xanh.

- Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.

Hiện nay trên địa bàn Hoàng Hóa có một số khu đô thị mới được quy hoạch,

thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh như khu đô thị AquaCity, Newhouse City; Sunrice; khu đô thị số 1, số 2 Hoàng Đồng...

**Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị**

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn DT loại IV	Điểm t.đạ, tối thiểu	Năm 2023	Điểm đạt
1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế 75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,5 - 2,0	Chưa ban hành quy chế	0
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	30 -40	1,5 - 2,0	0	0
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	1 - 2	1,5 - 2,0	2	2,0
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	2 - 4	1,5 - 2,0	4	2,0
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu (cấp)	Có công trình cấp tỉnh - Cấp quốc gia	1,5 – 2,0	14 di tích cấp quốc gia, 77 di tích cấp tỉnh	2,0
6	Công trình xanh	01 – 02 công trình xanh cấp giấy chứng nhận	0,75 – 1,0	0	0
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	1 - 2	0,75 – 1,0	4	1,0
	<b>Tổng số điểm</b>		<b>9 - 12</b>		<b>7,0</b>

### 5.5.2. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị

Với những kết quả đánh giá sơ bộ về tình hình thực trạng phát triển đô thị Hoàng Hóa đối chiếu với các tiêu chí của đô thị loại IV được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Hoàng Hoá có 13 tiêu chuẩn không đạt và 16 tiêu chuẩn đạt điểm trên tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa.

Cụ thể:

<b>Tiêu chí 1</b>	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội:	11/18 điểm
<b>Tiêu chí 2</b>	Quy mô dân số	8/8,0 điểm
<b>Tiêu chí 3</b>	Mật độ dân số	6,6/8,0 điểm
<b>Tiêu chí 4</b>	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	5,8/6,0 điểm
<b>Tiêu chí 5</b>	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị. Trong đó	47,5/60,0 điểm
<b>-Tiêu chí 5A</b>	Nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thị	37,5/50 điểm
<b>Tiêu chí 5B</b>	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thị	10/10 điểm

Tổng hợp 63 tiêu chuẩn tương ứng với 05 tiêu chí được chia thành các nhóm sau:

- + Tổng số tiêu chuẩn đạt tối đa: 34 tiêu chuẩn;
- + Tổng số tiêu chuẩn đạt trung bình: 16 tiêu chuẩn;
- + Tổng số tiêu chuẩn đạt tối thiểu: 13 tiêu chuẩn;
- + Tổng số tiêu chuẩn chưa đạt: 13 tiêu chuẩn.

### 5.5.3. Giải pháp khắc phục các tiêu chí chưa đạt

TT	Tiêu chuẩn chưa đạt	Giải pháp
1	Cân đối thu chi ngân sách	<p>- Thu hút mạnh lực lượng lao động, sớm đưa các Khu, cụm công nghiệp (đặc biệt là KCN WHA), các cơ sở du lịch tại Hải Tiến đi vào hoạt động. khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia vào các lĩnh vực kinh tế như thương mại dịch vụ, SX kinh doanh, khai thác quỹ đất tăng nguồn thu ngân sách tạo ra tăng trưởng kinh tế ở mức cao.</p>
2	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	
3	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	
4	Tỷ lệ tăng dân số	<p>Xu hướng chung là tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm, trong những năm tới khi các khu, cụm công nghiệp (WHA), các cơ sở du lịch tại Hải tiến đi vào giai đoạn xây dựng và hoạt động, sẽ gia tăng dân số cơ học có tính đột biến tại Hoàng Hoá..</p>
5	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	<p>Đẩy nhanh việc triển khai các dự án cấp nước sạch theo các quy hoạch chung, quy hoạch xã để đảm bảo được tỉ lệ nước sạch theo tiêu chuẩn, đặc biệt là khu vực các xã được xác định là nội thị</p>
6	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	
7	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,0\text{m}$ )	<p>- Tập trung các nguồn lực, trong đó có cả từ ngân sách cấp trên, các nguồn ngoài ngân sách để xây dựng các tuyến giao thông theo đề án phát triển hạ tầng giao thông huyện đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Rà soát các quy hoạch chi tiết, các dự án đã được đầu tư hạ tầng để nâng tỷ lệ mật độ giao thông khu vực nội thị</p>



8	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khu vực dân cư hiện trạng, vận động nhà nước và nhân dân và doanh nghiệp hỗ trợ cùng xây dựng hệ thống chiếu sáng.</li> <li>- Các khu vực dân cư mới yêu cầu thực hiện xây dựng hệ thống chiếu sáng theo đúng quy hoạch và dự án đầu tư đã được duyệt.</li> <li>- Các tuyến đường chính đô thị, tuyến liên khu vực đầu tư theo dự án.</li> </ul>
9	Số nhà tang lễ khu vực nội thị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khu đất công (trong khuôn viên bệnh viện huyện) để định hướng và đầu tư xây dựng nhà tang lễ.</li> </ul>
10	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát quy hoạch công viên, cây xanh tại các quy hoạch đã được lập (các quy hoạch chung đô thị; các quy hoạch xã; các quy hoạch chi tiết đã lập), xây dựng các công viên mới, đặc biệt là công viên trung tâm huyện như: Công viên thị trấn Bút Sơn (8.4ha); công viên 24/7 (50ha) và tối thiểu mỗi xã đầu tư xây dựng 1 công viên</li> </ul>
11	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người	
12	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sớm ban hành các tiêu chí để tuyên truyền, vận động xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị, đặc biệt tại các khu vực như: TT Bút Sơn; Hải Tiến; Khu vực Hoàng Lộc, Hoàng Thành.</li> </ul>
13	Công trình xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích đầu tư xây dựng theo hướng xanh (vật liệu xanh, năng lượng xanh, hạn chế phát thải...). Một số công trình như Flamingo Hải Tiến có thể đạt tiêu chuẩn Công trình Kiến trúc xanh</li> </ul>

## 2.6. Đánh giá tổng hợp (SWOT)

### Điểm mạnh:

Vị trí cửa ngõ phía Bắc của vùng đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hoá, là bản lề thúc đẩy, lan tỏa phát triển đô thị, kinh tế về phía Bắc; kết nối chiến lược với các huyện, các tỉnh vùng ven biển. Có hệ thống cảnh quan thiên nhiên đồng bằng và vùng ven biển, văn hoá, lịch sử lâu đời, dân trí cao, nguồn lao động dồi dào.

Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, phù hợp để xây dựng các công trình với chi phí thấp, phù hợp để phát triển mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa. Đồng thời, huyện có quỹ đất còn có thể xây dựng lớn, còn nhiều dư địa để phát triển, sắp xếp và phân bố, tổ chức không gian, nhất là các tổ hợp sản xuất, kinh doanh tập trung cần có quỹ đất lớn.

Hệ thống KCN, CCN đã được hình thành tập trung, thuận lợi trong phát triển các cụm ngành liên kết sản xuất, cần tiếp tục hướng sản xuất đến các phân khúc có giá trị gia tăng cao.

Kết nối giao thông mạnh: với tiếp cận đường cao tốc, các tuyến quốc lộ qua huyện: QL 1A; QL.10; đường ven biển, các kết nối giao thông lớn với TP Thanh Hoá và các đô thị lân cận. Các tuyến đường tỉnh, liên kết theo cả chiều ngang và dọc với các tuyến đường huyện đã đẩy mạnh liên kết của huyện ra bên ngoài, mở ra nhiều cơ hội phát triển.

Hạ tầng xã hội được phát triển nhanh, là điểm mạnh ghi nhận của Hoàng Hoá gồm 06 trường THPT, 03 bệnh viện đa khoa, các cơ sở y tế tuyến xã, là những thuận lợi để phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

### Điểm yếu:

Hệ thống giao thông nội huyện khá tốt, nhưng các hệ thống đối ngoại đang trong quá trình đầu tư; Chưa phát triển hệ thống GTCC và thói quen đi bộ.

Tỷ lệ đô thị hoá thấp. Đến nay (2023) Tỷ lệ đô thị hoá của huyện Hoàng Hoá khoảng: **6,5%**<sup>25</sup> (so với cả tỉnh 39,8%)

Cơ cấu kinh tế chênh lệch nhiều, tập trung quá lớn vào lĩnh vực công nghiệp xây dựng (năm 2024 là 53,2%); khu vực dịch vụ - du lịch là thế mạnh của huyện nhưng tỷ lệ trong cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm (năm 2015 là 31.2% đến năm

<sup>25</sup> Nguồn dẫn: Tổng hợp Niên Giám Thống Kê tỉnh Thanh Hoá

2024 là 32.2%)<sup>26</sup>, ảnh hưởng đến tính năng động, linh hoạt và bền vững của nền kinh tế; đồng thời công nghiệp chủ yếu là sản xuất, chế tạo trong các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động, có giá trị gia tăng thấp<sup>27</sup>.

Chất lượng và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động khá tốt so với yêu cầu cấp huyện, cấp tỉnh, nhưng với các ngành có trình độ công nghệ cao, hiện đại, quy mô lớn cần phải có chiến lược về nguồn nhân lực trong thời kỳ phát triển mới.

Thiếu các doanh nghiệp lớn có tính chất đầu tàu, dẫn dắt, tạo hệ sinh thái sản xuất, kinh doanh.

Quy hoạch quản lý các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư còn nhỏ lẻ và manh mún, nhiều dự án chưa phù hợp với định hướng quy hoạch mở rộng đô thị.

Các thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên chưa được khai thác hiệu quả.

Hệ thống giao thông công cộng đô thị, bãi đỗ xe còn yếu và chưa được quan tâm. Hạ tầng xử lý nước thải cho đô thị của huyện chưa có, nước thải sau khi tự xử lý tại các hộ dân được đưa ra môi trường, gây ra nguy cơ ô nhiễm và mất cân bằng sinh thái.

Yếu tố văn hóa, lịch sử chưa khai thác hiệu quả để phát triển kinh tế xã hội, thu hút các hoạt động du lịch. Trong giai đoạn tới cần tập trung nguồn lực, phát huy để xây dựng, đưa yếu tố văn hóa là một đặc trưng của Hoàng Hoá, lợi thế cạnh tranh trong tương lai.

### **Cơ hội:**

- Hoàng Hoá được quy hoạch nằm vùng đô thị trung tâm của tỉnh, với 02 hành lang kinh tế và trục động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh<sup>28</sup>. Hệ thống hạ tầng kết nối của huyện Hoàng Hoá với các huyện và cả tỉnh đều đang được đẩy mạnh đầu tư xây dựng, nổi bật hơn hẳn so với nhiều địa phương khác (đường nối cao tốc; QL 10; đường ven biển; đường nhà đai 3 – TP Thanh Hoá, các tuyến giao thông nội huyện...). Tận dụng tiềm năng về giao thông tiếp cận để tạo cơ hội phát triển ngành logistic hỗn hợp.

---

<sup>26</sup> Nguồn đã dẫn: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024.

<sup>27</sup> Dẫn chứng: Năm 2023 ngành công nghiệp xây dựng Hoàng Hoá đóng góp 53.2% trong cơ cấu kinh tế, nhưng cũng sử dụng đến 49,2% lao động đang làm việc trong nền kinh tế. Nguồn: UBND tỉnh Thanh Hóa - Công bố kết quả Điều tra lao động, việc làm và thu nhập bình quân đầu người cấp huyện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

<sup>28</sup> Hành lang QL 1A và đường ven biển – QH tỉnh

- Quỹ đất thuận lợi xây dựng Hoàng Hoá lớn, sẽ có nhiều cơ hội phát triển các cơ sở hạ tầng và đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đô thị. Phát triển thế mạnh các ngành dịch vụ, du lịch. Kết hợp du lịch, văn hoá, lịch sử cách mạng và cảnh quan sinh thái ven sông Cung, hệ sinh thái nông nghiệp, là điểm đến thu hút khách du lịch, cũng như thu hút các dự án phát triển đô thị và du lịch.

- Xu hướng mở rộng các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong vùng được dự báo khá mạnh mẽ trong thời gian tới, nhất là khi trong khi không còn nhiều quỹ đất có khả năng mở rộng diện tích đất công nghiệp tại TP.Thanh Hoá, mở ra cơ hội thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ cao tại Hoàng Hoá cũng như phát triển hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ xã hội cho lực lượng lao động trong các KCN trọng điểm (ví dụ như cơ sở vật chất và dịch vụ liên quan tới nhà ở, giáo dục, y tế, đào tạo chuyên môn và dạy nghề, vui chơi giải trí...).

- Đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu tìm kiếm ngôi nhà thứ hai ở vùng ven đô ngày càng tăng, nhất là với những địa bàn có quỹ đất sạch, rộng rãi, có hạ tầng đồng bộ, khả năng kết nối tốt, môi trường trong lành và giàu yếu tố bản sắc về văn hoá, lịch sử, các dịch vụ, du lịch phát triển như huyện Hoàng Hoá. Dẫn đến cơ hội cho thị trường bất động sản phát triển nhanh, tạo nguồn thu lớn.

### **Thách Thức:**

Áp lực trong cạnh tranh thu hút đầu tư với các địa phương lân cận nhất là thu hút các ngành công nghệ cao, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của dân cư đô thị (vui chơi giải trí, sức khỏe, du lịch sinh thái...), những địa phương lân cận cũng có lợi thế khá tương đồng (như Quảng Xương, Hậu Lộc).

Khi các khu công nghiệp, các cơ sở Du lịch tại Hoàng Hoá phát triển và đi vào hoạt động, dẫn đến số lượng người nhập cư tăng nhanh + xu thế dịch chuyển từ nông thôn về thành thị từ các địa phương khác đến gây ra thách thức hạ tầng đồng bộ (giao thông, y tế, giáo dục, văn hoá, TDTT...).

Nguồn vốn để đầu tư phát triển hạ tầng của huyện, hạ tầng kết nối đối ngoại là rất lớn, tập trung trong thời gian ngắn (đến năm 2030).

## **2.3. Các phương hướng phát triển**

### **2.3.1. Các định hướng tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và kế hoạch phát triển đô thị theo các chương trình phát triển đô thị**

Theo định hướng nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 1 năm 2022 của Ban chấp hành trung ương Đảng về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị

trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5-1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%.

- Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 - 1.000 đô thị, đến năm 2030 khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị. Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

Định hướng tổng thể hệ thống đô thị theo quy hoạch quốc gia

Về định hướng tổng thể hệ thống đô thị: Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, hình thành hệ thống đô thị, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hình thành và phát triển một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Xây dựng, phát triển các đô thị trung tâm lớn trở thành các đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị; đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực và quốc tế. Ưu tiên phát triển các đô thị gắn với các hành lang kinh tế để trở thành các đô thị trung tâm phù hợp với chức năng của từng vùng, thúc đẩy lan tỏa phát triển.

### ***2.3.2. Phương án quy hoạch tại quy hoạch tỉnh và các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung đô thị.***

Theo định hướng quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, định hướng đến 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023; Hoàng Hóa được xác định là đô thị loại IV đến năm 2025 và thị xã trước năm 2030.

Là huyện đồng bằng, có quỹ đất thuận lợi cho việc xây dựng lớn, nguồn lao động dồi dào, tiếp giáp các tuyến giao thông đối ngoại cấp tỉnh và Quốc gia. Hoàng Hóa đã và đang là điểm đến cho các nhà đầu tư lớn:

+ Về công nghiệp: Dự án quy hoạch Khu công nghiệp Phú Quý diện tích 545ha (dự kiến diện tích sau năm 2030 khoảng 845 ha); khu công nghiệp Bắc

Hoàng Hóa với diện tích 273,8 ha (trong đó bao gồm cụm CN Bắc Hoàng Hóa). 06 cụm công nghiệp diện tích 334 ha (Thái Thắng 50 ha; Phú Quý 74 ha; Hoàng Quý 55 ha; Hoàng Đông 30 ha; Đạt Tài 75ha; Hoàng Sơn 50 ha);

+ Các dự án phát triển đô thị: Quy hoạch chung thị trấn Bút sơn; Quy hoạch chung đô thị Phú quý; Quy hoạch chung đô thị Thịnh Lộc; Quy hoạch chung đô thị Hải Tiến... Các quy hoạch chi tiết đô thị mới: Quần thể đô thị du lịch nghỉ dưỡng Hải Tiến; QHCT Khu dân cư mới Hồng Thái; QHCT Khu đô thị AQUA CITY; QHCT khu đô thị Newhouse City; QHCT khu đô thị Sunrise city; QHCT khu dân cư đô thị tại xã Hoàng Đồng; chung cư Delta tại xã Hoàng Đồng, các khu dân cư nông thôn, các khu DVTM... Các khu vực này hiện đã có nhà đầu tư quan tâm, nghiên cứu lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư, cùng với các cụm công nghiệp, các nhà máy đã có trên địa bàn, trong những năm tới Hoàng Hóa sẽ có phát triển vượt bậc trong ngành Công nghiệp xây dựng, đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

+ Về dịch vụ - du lịch: Các dự án về dịch vụ - du lịch đã và đang triển khai tại Hải Tiến, trong đó đáng kể là các khu du lịch: Plamingo (khu vực phía Bắc, và khu vực phía Nam); dự án Tân Cảng Sài Gòn (Hoàng Trường); khu du lịch Eureka Linh Trường... ; các dự án thương mại dịch vụ dọc QL1A (tiểu dự án 2);

## **CHƯƠNG III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU TÍNH CHẤT, VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

### **3.1. Mục tiêu**

- Cụ thể hoá các định hướng chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để xây dựng và phát triển đô thị Hoàng Hoá trở thành một đô thị phát triển trong vùng trung tâm tỉnh Thanh Hoá.

- Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng và phát triển Hoàng Hóa thành thị xã; đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Du lịch; nông nghiệp - thủy sản; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và văn minh đô thị; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; quốc phòng - an ninh được giữ vững; các tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh;

- Mục tiêu đến năm 2045: Hoàng Hóa là đô thị hiện đại, sinh thái, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; có mức sống cao; kết nối chặt chẽ với thành phố Thanh Hóa và các đô thị trong vùng liên huyện số 1 về không gian đô thị, không gian phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai đô thị nhằm tạo ra nguồn lực phát triển đô thị, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm phát triển hài hoà giữa khu vực đô thị trung tâm và vùng ven, nâng cao điều kiện sống cho dân cư đô thị. Xây dựng không gian đô thị Hoàng Hoá theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, kiểm soát phát triển không gian đô thị, các khu dân cư nông thôn, các khu công nghiệp, khu du lịch và các khu vực chức năng khác; làm cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị

- Làm cơ sở lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung của đô thị theo quy hoạch.

### **3.2. Tính chất đô thị.**

- Là đô thị loại IV trực thuộc tỉnh, là trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về công

ng nghiệp và dịch vụ du lịch. Đô thị phát triển đa ngành, trong đó trọng tâm là phát triển dịch vụ du lịch gắn với kinh tế biển; Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới theo hướng hiện đại, phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; phát triển đô thị, nhà ở, phát triển nông nghiệp công nghệ cao... nhằm hỗ trợ và giảm áp lực về hạ tầng cho thành phố Thanh Hoá, hướng tới đô thị thông minh, sinh thái, phát triển bền vững, thích nghi với các biến động của tự nhiên.

- Là đô thị cửa ngõ phía Bắc của vùng đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hoá bao gồm thành phố Thanh Hoá - thành phố Sầm Sơn - Hoàng Hoá - Quảng Xương, có vị trí quan trọng về Quốc phòng, An ninh.

### 3.3. Động lực phát triển

#### *Về con người:*

- Hoàng Hóa là vùng đất khoa bảng, có truyền thống học nổi tiếng của xứ Thanh, vang danh cả nước<sup>29</sup>. Tiếp nối truyền thống đó, ngày nay Hoàng Hóa có nhiều người thành đạt, đang công tác trong nhiều lĩnh vực ở mọi miền tổ quốc.

- Huyện Hoàng Hóa có dân số khoảng 238,046 người, cơ cấu dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào, mật độ dân số khoảng 1.100 người/km<sup>2</sup>, cao nhất trong các huyện lớn hơn nhiều so với các vùng khác trong tỉnh. Mật độ dân số trung bình 1131 người/km<sup>2</sup> (cao gấp 3 lần mật độ dân số tỉnh Thanh Hóa (378 người/km<sup>2</sup>) và gấp hơn 4 lần mật độ dân số vùng Bắc Trung Bộ (291 người/km<sup>2</sup>). Đây là yếu tố quan trọng để hình thành và phát triển đô thị.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng sơ cấp trở lên đang làm việc trong nền kinh tế của huyện Hoàng Hóa cũng cao nhất trong các huyện chiếm 30,51%<sup>(30)</sup> tổng số lao động.

#### *Về phát triển Kinh tế*

Năm 2023, mức thu nhập bình quân đầu người của huyện Hoàng Hóa đạt 66,2 triệu/người/năm, huyện Hoàng Hóa có mức thu nhập bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung cả tỉnh 55,8 triệu/người/năm.

Lao động đang làm việc trong ngành kinh tế của Hoàng Hóa có cơ cấu theo hướng phát triển rất mạnh về công nghiệp, xây dựng, tỷ lệ lao động Nông, lâm nghiệp thấp. Đây là tiền đề rất để phát triển huyện Hoàng Hóa theo hướng đô thị,

---

<sup>29</sup> Huyện Hoàng Hoá có 66 Tiến sỹ được ghi danh trên văn bia tại Văn Miếu – Quốc tử Giám – Hà Nội – Đu địa chí huyện

<sup>30</sup>: *Nguồn số liệu*: UBND tỉnh Thanh Hóa - Công bố kết quả điều tra lao động, việc làm và thu nhập bình quân đầu người cấp huyện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa



cụ thể: Lao động trong các ngành Công nghiệp – xây dựng và Dịch vụ cao nhất trong các huyện: 81.02% (Công nghiệp Xây dựng: 49,62%; Các ngành dịch vụ: 31,4%). Tỷ lệ này chỉ sau TP Thanh Hóa; TX Bỉm Sơn và TP Sầm Sơn. Lao động trong lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 18,9%, thấp nhất trong các huyện<sup>31</sup>.

Các số liệu về Lao động trong các lĩnh vực kinh tế; Lao động đã qua đào tạo sơ cấp trở lên; Thu nhập bình quân đầu người của huyện Hoàng Hóa đều đứng đầu các huyện trong tỉnh và theo hướng phát triển mạnh về công nghiệp, xây dựng, dịch vụ thương mại. Đây là những tiền đề rất thuận lợi để sớm hình thành đô thị Hoàng Hóa, tiến tới thành lập thị xã trước năm 2030.

*Về cơ sở hạ tầng:*

- Hạ tầng xã hội: là huyện Nông thôn mới, hệ thống hạ tầng xã hội huyện Hoàng Hóa đã được đầu tư đầy đủ từ cấp thôn, xã đến cấp huyện. Hoàng Hóa cũng là cấp huyện có số lượng các di tích lịch sử được xếp hạng nhiều nhất cả tỉnh sau TP Thanh Hóa). Tổng cộng có 93 di tích đã được công nhận và xếp hạng gồm: 16 di tích cấp Quốc gia; 77 di tích cấp Tỉnh đã được công nhận<sup>32</sup>.

- Hạ tầng kỹ thuật: Ngoài các tuyến Quốc lộ; tỉnh lộ đi qua địa bàn huyện hạ tầng giao thông nội huyện trong những năm vừa qua đã được đầu tư, và đang tiếp tục triển khai các dự án giao thông có tính chất kết nối vùng và đảm bảo tiếp cận với các khu, cụm công nghiệp như: đường Quỳnh- Xuyên (4 làn xe), đường Thịnh Đông (6 làn xe), đường Gòng- Quảng (4 làn xe), đường Kim-Quỳnh (6 làn xe); đường ven biển, đường nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 45, đường vành đai phía Đông số 3 nối TP Thanh Hóa và huyện Hoàng Hóa.....

Đây là những tiền đề hết sức quan trọng, là động lực để huyện phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới, tạo cơ sở để sớm hình thành thị xã Hoàng Hóa trước năm 2030.

### **3.2. Vai trò đô thị Hoàng Hóa với vùng tỉnh và cả nước**

Huyện Hoàng Hóa có vị trí địa lý nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Mã. Theo định hướng quy hoạch tỉnh Thanh Hoá đã được Thủ tướng phê duyệt, Hoàng Hoá nằm trong vùng đô thị trung tâm, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế,

---

<sup>31</sup> Nguồn đã dẫn: UBND tỉnh Thanh Hóa - Công bố kết quả điều tra lao động, việc làm và thu nhập bình quân đầu người cấp huyện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

<sup>32</sup> Sở Văn Hóa – Thể thao và Du lịch Thanh Hóa: danh sách di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đã được xếp hạng (Tính đến hết tháng 04 năm 2020)

xã hội, phát triển đô thị, động lực thúc đẩy sự phát triển chung của cả tỉnh.

- Hoàng hoá là cửa ngõ của vùng đô thị trung tâm tỉnh, với những lợi thế về mật độ dân cao, quỹ đất rộng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế và gia tăng các thế mạnh cho huyện, là cơ hội nâng cao năng lực phát triển. Vị thế của Hoàng Hoá sẽ có nhiều thay đổi về cơ hội kêu gọi đầu tư, sự kết hợp, hỗ trợ các chức năng cùng phát triển trong tổng thể của vùng.

Qua huyện có các hệ thống giao thông quốc gia, cấp tỉnh như: tuyến đường sắt Bắc Nam; Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10; Đường ven biển; đường tỉnh 509; 510, 510B... Phía Tây huyện có nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông tại nút giao Thiệu Giang. Hệ thống các sông lớn qua huyện: sông Mã; sông Lèn; sông Tào... cửa lạch Hới, Lạch Trường, tạo điều kiện để giao thương đường thủy nội huyện và liên huyện thuận lợi. Nằm trên nhiều tuyến giao thông trọng yếu quốc gia và tỉnh Thanh Hóa, Hoàng Hóa có vai trò quan trọng đối với vùng tỉnh và cả nước.

Với những tiềm năng, lợi thế và động lực nêu trên là những tiền đề hết sức thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội để xây dựng Hoàng Hóa thành đô thị hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng liên huyện số 1 theo QH tỉnh nói riêng và cả tỉnh Thanh Hóa nói chung.

### **3.3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch;**

#### **3.3.1. Quan điểm quy hoạch**

- Xây dựng và phát triển đô thị Hoàng Hóa phải trên cơ sở bám sát Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Bảo đảm phù hợp với các định hướng, tính đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh; phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực, tính liên tục của nền tảng hệ thống quy hoạch hiện hữu và định hướng không gian phát triển của đô thị Hoàng Hóa.

- Xây dựng đô thị mới Hoàng Hóa phát triển bền vững kinh tế - xã hội và Quốc phòng - an ninh; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch tỉnh Thanh Hóa. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với phát triển Công nghiệp – dịch vụ du lịch là nền tảng; phát triển kinh tế số là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá công nghiệp vùng phía Tây gắn với khu công nghiệp Phú – Quý; khu CN Bắc Hoàng Hóa; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và vùng ven biển.

- Đô thị được xác lập với tầm nhìn hướng về tương lai, tiếp cận, chọn lọc, áp dụng những tiến bộ cũng như xu hướng phát triển mới vào Quy hoạch chung Đô

thị Hoàng Hóa, thoả mãn các tiêu chí đô thị loại IV, định hình tầm vóc một đô thị có sức ảnh hưởng toàn tỉnh.

### **3.3.2. Quan điểm phát triển**

- Phát triển đô thị Hoàng Hóa theo hướng bền vững dựa vào 3 trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với xu thế hợp tác và hội nhập; trên cơ sở đó đề xuất cơ chế chính sách phù hợp.

- Phát triển kinh tế - xã hội đô thị Hoàng Hóa phải đặt trong tổng thể liên kết và gắn bó chặt chẽ trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa, cùng với thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, huyện Quảng Xương tạo thành một tổng thể hài hoà giữa giá trị truyền thống và tương lai, định hình vùng đô thị lớn của tỉnh Thanh Hóa.

- Phát triển đô thị Hoàng Hóa trở thành đô thị hiện đại thông minh – sinh thái, phát triển bền vững dựa trên chuyển đổi xanh và chuyển đổi số

### **3.4. Xác định những vấn đề cần giải quyết chính trong quy hoạch.**

- Cập nhật các nội dung trong các quy hoạch ngành quốc gia liên quan, Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tác động đến việc lập quy hoạch đô thị Hoàng Hóa để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ phù hợp với chủ trương, chính sách và quy hoạch cấp trên.

- Phân tích và làm rõ vai trò, vị trí, chức năng đô thị Hoàng Hóa trong tổng thể vùng liên huyện số 1 theo định hướng QH tỉnh Thanh Hóa,

- Phân tích, làm rõ cơ sở hình thành phát triển của đô thị Hoàng Hóa; nghiên cứu về mô hình phát triển không gian, kiến trúc, môi trường phù hợp với tính chất, chức năng của đô thị; xác định các giai đoạn phát triển, kế hoạch thực hiện, các dự án có tính chất tạo động lực hình thành phát triển đô thị mới và mô hình quản lý phát triển đô thị; đánh giá môi trường chiến lược.

- Rà soát quy hoạch đã được lập, xác định các vấn đề còn tồn tại cần giải quyết, các tiêu chuẩn để đô thị Hoàng Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025, làm cơ sở để hình thành thị xã Hoàng Hóa trước năm 2030. Có luận chứng khoa học, so sánh thực trạng, đối chiếu với các tiêu chuẩn đô thị và đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị

hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

- Phân tích đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng tổng hợp và các nguồn lực phát triển đô thị. Đánh giá tác động của môi quan hệ vùng, tác động của các dự án quốc gia, tỉnh, tác động đến sự phát triển đô thị.

- Xác định quy mô phát triển của đô thị phù hợp với phát triển kinh tế- xã hội của huyện về dân số đất đai cho từng giai đoạn quy hoạch (năm 2030, 2045). Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển đô thị trong tương lai phù hợp định hướng phát triển KT-XH của tỉnh và các quy hoạch ngành có liên quan.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật có liên quan: mức độ sử dụng đất đai, đề xuất các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất bình quân đầu người, quy hoạch chỉ tiêu bình quân đầu người về sử dụng xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, chỉ tiêu bình quân đầu người về nhà ở và chỉ tiêu về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Lập bản đồ quy hoạch định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2045, bao gồm: Không gian đô thị, bảo vệ môi trường và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (Giao thông, Chuẩn bị kỹ thuật, Cấp điện, Cấp nước, Thoát nước bản VSMT, đánh giá tác động môi trường theo đồ án quy hoạch) cho từng giai đoạn quy hoạch trên cơ sở thực trạng và dự báo hướng phát triển đô thị đến năm 2045.

- Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất, xác các giải pháp quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật.

- Xác định các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên.

- Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị.

- Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh khu trung tâm Hành chính - chính trị đến vị trí mới, đáp ứng các yêu cầu phát triển mới trong tương lai.

- Soạn thảo quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

## CHƯƠNG IV: TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC VÀ CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

### 4.1. Tầm nhìn

Tầm nhìn Hoàng Hoá – 2045

Xây dựng Hoàng Hoá trở thành đô thị

“*BỀN VỮNG, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO*”

- Phát triển bền vững trên nền tảng văn hóa, lịch sử và con người Hoàng Hoá
- Phát triển bền vững thích nghi với các biến động của tự nhiên
- Phát triển bền vững không bị lạc hậu, tụt hậu thời kinh tế số

Hoàng Hoá là trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ, khoa học kỹ thuật, du lịch và giáo dục của vùng đô thị trung tâm tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, một đô thị có môi trường sống tốt, gắn với bản sắc văn hóa, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên, với các trung tâm công nghiệp tập trung quy mô lớn cấp tỉnh, cấp vùng, hỗ trợ phát triển liên vùng thông qua hệ thống hạ tầng khung giao thông;

### 4.2. Chiến lược phát triển:

Nhằm khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng khung vùng, quốc gia. Phát triển Hoàng Hoá với vai trò liên kết phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, với các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ, du lịch chất lượng cao... với cơ chế chính sách, môi trường đầu tư thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Để phát triển, huyện Hoàng Hoá cần thiết lập các chiến lược chính như sau:

**Chiến lược 1:** Tăng cường kết nối nội vùng và liên kết vùng, phát huy vị thế vùng trung tâm tỉnh Thanh Hoá tiếp giáp trực tiếp với TP.Thanh Hoá và đường cao tốc Bắc – Nam, đường bộ ven biển

Chiến lược phát triển kết cấu dựa trên kết nối với đường cao tốc và hệ thống các tuyến đường vành đai TP Thanh Hoá (vành đai 3); các tuyến quốc lộ theo quy hoạch, trong đó tuyến QL 10 qua đô thị đề xuất là tuyến đi trên cao để hạn chế giao cắt với các tuyến nội thị của thị xã.

**Chiến lược 2:** Phát triển đô thị - công nghiệp cộng sinh;

- Đến năm 2030 tập trung lan tỏa và lấp đầy KCN được quy hoạch; giai đoạn đến năm 2045 tập trung chuyển dịch ngành công nghiệp sang nhóm ngành có giá trị thặng dư cao, công nghiệp sạch. Kiểm soát và hạn chế ô nhiễm công nghiệp bằng cách áp dụng các yêu cầu tiêu chuẩn môi trường cao cho các khu công nghiệp hiện hữu và trong tương lai.

- Phát triển công nghiệp gắn với hành lang kinh tế QL 1A, đường cao tốc và đường sắt quốc gia để phát triển ngành dịch vụ Logistic, các ngành dịch vụ phụ trợ (các khu vực có chức năng tích hợp như khu vực nghiên cứu và sáng tạo, khu trưng bày sản phẩm, khu vực tích hợp giữa khu công nghiệp và khu đô thị kết nối thông qua những không gian công cộng, hệ thống giao thông công cộng...).

- Ưu tiên quỹ đất lớn gần khu công nghiệp cho việc phát triển các trung tâm hỗn hợp đa chức năng - thương mại dịch vụ. Thúc đẩy đa dạng các ngành kinh tế của Hoàng Hoá nhằm làm cho đô thị trở nên bền vững hơn về kinh tế và môi trường.

- Phát triển mô hình công nghiệp cộng sinh, công nghiệp tuần hoàn giữa các cơ sở trong khu công nghiệp, tạo nên vòng chuyển hóa khép kín về quản lý tài nguyên, vật liệu, năng lượng, đầu ra sản phẩm để cải thiện vấn đề về môi trường và phát triển bền vững.

- Phát triển mô hình đô thị - công nghiệp cộng sinh đa phương diện về chương trình đô thị, liên kết nơi làm việc và sống. Giữ gìn cơ cấu sử dụng đất ngành nông nghiệp và phát triển nông nghiệp sạch – nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng giá trị và thương hiệu sản phẩm địa phương.

**Chiến lược 3:** Phát triển đô thị sinh thái, năng động và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển đô thị theo hướng chủ động thích ứng với các biến đổi khí hậu; các khu đô thị sinh thái, đặc biệt khu vực ven sông Cung, xây dựng nhà ở sinh thái, dành nhiều không gian để tổ chức mặt nước điều hoà, giữ các dải xanh ven sông Cung, sông Tào và sông Mã. Đối với vùng có nguy cơ bị ngập lụt, chuyển hóa thành các công viên sinh thái bán ngập, tăng sức hấp dẫn cho đô thị và đồng thời kiểm soát quá trình đô thị hóa và tạo ra các không gian thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kiểm soát triều cường, nước biển dâng bằng giải pháp xây tuyến đường ven biển Hải Tiến, đóng vai trò là trục kết nối dịch vụ du lịch ven biển, đồng thời bảo vệ khu vực phát triển kinh tế phía Tây.

- Khai thác và khơi thông hệ thống các dòng sông<sup>33</sup> hình thành nên các hành lang xanh trong đô thị, từ đó phát triển đô thị dựa trên khung cấu trúc tự nhiên. Kết nối cảnh quan sông mã, sông Tào và sông Cung liên kết với các hồ cảnh quan kết hợp điều hoà trong khu vực trung tâm hình thành dải xanh mềm mại, tạo yếu tố đặc trưng cho đô thị sinh thái.

**Chiến lược 4:** Bảo tồn và phát triển giá văn hoá, lịch sử

Không gian văn hoá truyền thống Hoàng Hoá trước hết là các kết cấu làng, xã truyền thống cùng với đó là hệ thống 77 di tích lịch sử cấp tỉnh và 16 di tích cấp quốc gia đã được công nhận.

Bảo vệ các di sản đã được xếp hạng, tôn trọng và gìn giữ các di sản cộng đồng, đặc

<sup>33</sup> Các dòng sông trong nội thị: sông Trà Giang, sông Âu, sông Gòong, các trục kênh tiêu

biệt ở các khu dân cư hiện hữu.

### 4.3. Các dự báo phát triển.

#### 4.3.1. Các dự báo về phát triển Kinh tế, xã hội

Căn cứ vào các định hướng kinh tế xã hội cấp trên, Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và căn cứ Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Hoàng Hóa lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ thực tế phát triển và đầu tư khu vực, dự báo Cơ cấu kinh tế đô thị Hoàng Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 sẽ chuyển dịch theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ, du lịch, giảm dần tỷ trọng Nông lâm nghiệp.

Cụ thể sơ bộ dự báo cơ cấu kinh tế các giai đoạn phát triển như sau:

- Năm 2020: Tỷ trọng giá trị sản xuất năm 2020 ngành Công nghiệp - Xây dựng chiếm 48,1%, ngành Dịch vụ chiếm 36,6%, ngành Nông, lâm, thủy sản chiếm 15,3%<sup>34</sup>.

- Hiện trạng năm 2024<sup>35</sup>: Quy mô kinh tế của huyện xếp thứ 4 toàn tỉnh<sup>36</sup>; tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh) 14.933 tỷ đồng đạt 97,5% KH; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất là 12,2% CK<sup>37</sup> (trong đó Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5,9%; Công nghiệp – XD tăng 12,1%; Dịch vụ tăng 17,3%); tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) 24.144 tỷ đồng (trong đó: Nông – Lâm - Thủy sản 3.525 tỷ đồng; CN-XD 12.845 tỷ đồng; Dịch vụ 7.774 tỷ đồng); cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng (Nông-Lâm-Thủy sản 14,6%; CN-XD 53,2%; Dịch vụ 32,2%); thu nhập bình quân đầu người xếp thứ 5 toàn tỉnh.

- Dự báo đến năm 2025:

+ Công nghiệp - Xây dựng 57,12%;

+ Dịch vụ 31,72%.

<sup>34</sup> Nguồn dẫn: Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Hoàng Hóa lần thứ XXVII nhiệm kỳ 2020-2025

<sup>35</sup> Nguồn: Báo cáo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, đại hội đảng bộ huyện khoá XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

<sup>36</sup> Đứng sau TP Thanh Hóa, Thị xã Bim Sơn, Thị xã Nghi Sơn.

<sup>37</sup> Tốc độ tăng giá trị sản xuất theo số liệu Cục Thống kê tỉnh tạm tính là: 3,77% (Trong đó: Nông lâm thủy sản tăng 5,23%; công nghiệp, xây dựng tăng 1,73%; dịch vụ tăng 7,76%); huyện tính là 12,2% và một số chỉ tiêu khác có sự chênh lệch với số liệu của Cục Thống kê, nguyên nhân do Cục Thống kê thay đổi mô hình tính toán, loại bỏ các giá trị tính trùng của những đơn vị hạch toán toàn ngành, các đơn vị ngoài huyện và công bố số liệu GRDP từ phân tán sang mô hình tập trung

+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản 11,16%;

Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 70.0 triệu đồng.

- *Dự báo đến năm 2030*: Các khu công nghiệp Bắc Hoàng Hoá, Phú - Quý ổn định và đi vào hoạt động, tăng trưởng mạnh hơn trong ngành dịch vụ. Dự báo cơ cấu kinh tế đô thị Hoàng Hóa đến năm 2030 sẽ có tỷ trọng:

+ Công nghiệp – Xây dựng: 60%;

+ Dịch vụ 35,0%;

+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản 5%;

Cơ sở dự báo sự gia tăng của lĩnh vực công nghiệp, xây dựng (từ 48.1% năm 2020 lên khoảng 57,12% năm 2025 và đến năm 2030 là khoảng 60%) đó là: Thu hút một số nhà đầu tư nước ngoài lớn tại các khu, cụm công nghiệp như: công ty Sakurai (Nhật Bản); tập đoàn NAN CHEUNG KNITTING FACTORY LIMITED của Hồng Kong, tập đoàn WHA của Thái lan, Tập đoàn BNB, tập đoàn Flamingo... và các nhà đầu tư trong nước về đầu tư các khu đô thị tại Thị trấn, Hoàng Đức, Hoàng Đông, Hoàng Ngọc Hoàng Đông Khu CN Phú – Quý; KCN Bắc Hoàng Hóa và 06 cụm CN trên địa bàn huyện. Cùng với đó là sự phát triển của khu du lịch Hải Tiến đang có nhiều dự án lớn triển khai. Đến năm 2025, Hoàng Hóa đạt mục tiêu đạt tiêu chí đô thị loại IV, do đó ngành xây dựng, thị trường bất động sản sẽ phát triển. Từ những lý do trên dự báo giai đoạn đến năm 2030, tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế sẽ chuyển dịch theo hướng gia tăng mạnh mẽ.

- *Định hướng phát triển đến năm 2045*: Chuyển biến mạnh mẽ mô hình tăng trưởng kinh tế; từ mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng nhờ vào tăng trưởng vốn, lao động và tài nguyên thiên nhiên sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu dựa vào khoa học và công nghệ hiện đại, nâng cao hiệu quả, chất lượng của tăng trưởng; trong đó tập trung vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kinh tế tri thức, sáng tạo, với nguồn nhân lực chất lượng cao hướng hoạt động của nền kinh tế vào các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, chủ động sản xuất và xuất khẩu hàng hóa có dung lượng công nghệ cao, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm tài nguyên trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế của đất nước, thực hiện đồng bộ hóa quá trình khai thác và chế biến sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, cải thiện phúc lợi xã hội...

### **4.3.2. Dự báo dân số, lao động và nghề nghiệp.**

#### **a. Dự báo dân số**



Quy mô dân số đô thị được dự báo dựa trên các dự báo, phân tích khoa học khả năng, điều kiện phát triển thực tế khu vực.

Phương pháp dự báo dân số đô thị được tính toán theo tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên và tỷ lệ tăng dân số cơ học.

*a. Dự báo tốc độ gia tăng dân số:*

Dân số huyện Hoàng Hóa hiện trạng (năm 2023) khoảng: 238,046 người<sup>38</sup>

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên trung bình giai đoạn 2015-2020 là: 0,65%;

- Dự báo tốc độ tăng dân số tự nhiên trung bình:

+ Giai đoạn 2023-2030: 0,60%;

+ Giai đoạn 2031 - 2045: 0,55%;

- Dự báo tốc độ tăng dân số cơ học trung bình:

- giai đoạn 2024- 2030: 1,8%

- giai đoạn 2031- 2045: 2,3%

*Luận chứng dân số tăng cơ học:*

Dân số cơ học Hoàng Hóa tăng phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố quan trọng như: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện; Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương; Các dự án phát triển ngành kinh tế (công nghiệp, thương mại, du lịch dịch vụ...vv); Các trung tâm công cộng, chuyên ngành đô thị và vùng; Điều kiện cơ sở hạ tầng đô thị... Tất cả sẽ tạo nên việc làm, thu nhập và môi trường sống tốt hơn và điều này sẽ quyết định sức hút cơ học đô thị.

Tỷ lệ tăng cơ học sẽ gia tăng nhanh trong các năm tới (giai đoạn đến năm 2030) khi khu công nghiệp Phú – Quý; KCN Bắc Hoàng Hóa và 6 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đã được định hướng quy hoạch phát triển. Khu du lịch Hải Tiến ngày càng hoàn thiện và phát triển, thu hút mạnh mẽ du khách. Các yếu tố về Công nghiệp, thương mại du lịch của Hoàng Hóa sẽ làm gia tăng tỷ lệ dân số cơ học. Do đó dự báo tốc độ tăng dân số cơ học giai đoạn 2024-2030 là: 0,5%.

Trong những năm tiếp theo, sau năm 2030 khi các nhà máy thuộc các khu, cụm công nghiệp hoàn thành và đi vào hoạt động, thu hút lao động lớn từ các địa phương lân cận. Khu du lịch Hải Tiến ngày càng hoàn thiện và phát triển, thu hút mạnh mẽ du khách. Việc gia tăng dân số cơ học sẽ đi vào ổn định. Dự báo tốc

<sup>38</sup> Nguồn số liệu: Đã dẫn: Niên giám thống kê – cục thống kê Thanh Hóa 2023.

độ tăng dân số giai đoạn 2031-2045 là 2,3%.

\* Dự báo dân số tăng tự nhiên và cơ học của đô thị Hoàng Hóa giai đoạn 2023-2030 và giai đoạn 2031-2045.

Theo công thức:  $D_t = D_0(1+r)^t + Q$ .

Trong đó:

+  $D_t$ : dân số năm tính toán

+  $D_0$  là dân số hiện trạng năm tính toán.

+  $r$  là tỷ lệ tăng cơ học và tăng tự nhiên:

- giai đoạn 2024- 2030:  $0,60\% + 1,8\% = 2,40\%$

- giai đoạn 2031- 2045:  $0,55\% + 2,30\% = 2,85\%$

+  $t$  là số năm tính toán,

+  $Q$ : là dân số tạm trú quy đổi.

- Tính toán quy mô dân số giai đoạn 2024- 2030 (Số năm tính toán là 7 năm).

+  $D_8 = D_0(1+r)^t = 238,046 \text{ người} \times (1+2,40\%)^8 = 285.808 \text{ người}$ .

- Tính toán quy mô dân số giai đoạn 2031-2045 (Số năm tính toán là 15 năm).

+  $D_{15} = D_0(1+r)^t = 285.808 \text{ người} \times (1+2,85\%)^{15} = 435.651 \text{ người}$ .

- Dân số tạm trú quy đổi ( $Q$ ) được tính theo công thức

$$Q = \frac{2Q_t \times m}{365}$$

Trong đó:

$Q_t$ : Số lượng khách tạm trú (lượt);

$m$ : Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày).

Dự báo số khách tạm trú đến Hoàng Hóa (chủ yếu là khách đến khu du lịch biển Hải Tiến)

+ Đến năm 2030: là 3 triệu lượt khách trong đó tạm trú là 2 triệu lượt khách, số ngày tạm trú khoảng 1,5 ngày/khách. Vậy dân số tạm trú quy đổi Hoàng Hóa đến năm 2030:  $Q=16.000$  người

+ Đến năm 2045: là 5 triệu lượt khách, trong đó tạm trú là 3 triệu lượt khách, số ngày tạm trú khoảng 1,8 ngày/khách. Vậy dân số tạm trú quy đổi Hoàng Hóa đến năm 2045:  $Q=29.500$  người

Từ các luận chứng, tính toán trên, dự báo quy mô dân số đô thị Hoàng Hóa theo các giai đoạn cụ thể như sau:

- Dân số hiện trạng 2023 khoảng: 238,046 người;
- Dự báo đến năm 2030 khoảng: 285.808 người (trong đó dân số thường trú khoảng: 269.935 người; dân số tạm trú quy đổi khoảng: 16.000 người);
- Dự báo đến năm 2045 khoảng : 435.651 người (trong đó dân số thường trú: 406.344 người; dân số tạm trú quy đổi: 29.500 người);

Dự báo dân số khu vực nội thị, ngoại thị:

**Đến năm 2030:** dự kiến khu vực nội thị gồm 22 xã thị trấn/35 xã thị trấn (trong đó đã dự kiến sát nhập xã Hoàng Lộc) gồm: thị trấn Bút Sơn và các xã: Hoàng Đức; Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý; Hoàng Tiến, Hoàng Hải, Hoàng Trường; Hoàng Đông; Hoàng Thanh; Hoàng Phụ; Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Thành, Hoàng Lộc; Hoàng Cát; Hoàng Quý; Hoàng Đạo; Hoàng Thắng; Hoàng Ngọc; Hoàng Yên.

(1) Các xã thành lập phường nằm trong các đô thị đã có quy hoạch chung được duyệt: 170.300 người

+ đô thị Bút Sơn: 57.500 người. Gồm thị trấn Bút Sơn và xã Hoàng Đức

+ đô thị Phú Quý: 30.000 người; Gồm các xã: Hoàng Trung, Hoàng Kim, Hoàng Phú, Hoàng Quý

+ đô thị Hải Tiến: 52.000 người. Gồm các xã: Hoàng Tiến, Hoàng Hải, Hoàng Trường; Hoàng Đông; Hoàng Thanh; Hoàng Phụ

+ đô thị Thịnh Lộc: 30.800 người. Gồm các xã: Hoàng Đồng, Hoàng Thịnh, Hoàng Thái, Hoàng Thành, Hoàng Lộc.

(2) các xã dự kiến thành lập phường: 53.930 người<sup>39</sup> (dân số hiện trạng 2023 là: 27.241 người)

+ Gồm các xã: Hoàng Cát; Hoàng Quý; Hoàng Đạo; Hoàng Thắng; Hoàng Ngọc;

Như vậy đến năm 2030 dự báo dân số khu vực nội thị Hoàng Hóa khoảng: 224.230 người/285.808 người toàn huyện, đạt tỷ lệ đạt khoảng: 78.40%

**Đến năm 2045:** Khu vực nội thị Hoàng Hóa khoảng 29 xã thị trấn/35 xã phường toàn đô thị, bao gồm 22 xã đã thành lập phường đến năm 2030 và 07 xã dự

<sup>39</sup> Dân số lấy theo Quy hoạch xã đến năm 2030

kiến thành lập phường giai đoạn 2030-2045: Hoàng Hợp; Hoàng Trinh; Hoàng Lưu; Hoàng Phong; Hoàng Châu; Hoàng Trạch; Hoàng Tân;.

Đến năm 2045 Dân số khu vực đô thị khoảng: 385.000 người/435.651 người toàn huyện. Tỷ lệ đô thị đạt khoảng 88,2%.

*b/ Dự báo lao động và nghề nghiệp*

- Lao động trong lĩnh vực Công nghiệp – xây dựng:

Theo định hướng QH tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045, trên địa bàn huyện Hoàng Hóa sẽ có khoảng 1.452ha đất phát triển công nghiệp, với 02 KCN: Khu công nghiệp Phú – Quý (845ha); KCN Bắc Hoàng Hóa (273ha) và các cụm CN (334ha) sẽ thu hút được lao động, đáp ứng việc làm với thu nhập tương đối ổn định.

Ngoài lao động nội tại trên địa bàn huyện, sẽ thu hút được một lượng nhất định lao động từ các vùng lân cận đến làm việc. Ước tính quy mô lao động sử dụng trung bình khoảng 70 -100 lao động/ha với tổng diện tích đất công nghiệp khoảng 1.450ha sẽ đáp ứng cho khoảng 120.000 lao động trong lĩnh vực công nghiệp.

Ngoài ra, các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ, các làng nghề trên địa bàn cũng cần khoảng 50.000 lao động. Như vậy, tổng lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng khoảng 170.000 lao động. Xét trên khoảng cách, quy mô và hạ tầng giao thông vùng trung tâm Thanh Hóa, lao động từ các huyện lân cận đi làm hằng ngày không thường trú (lao động con lấc) sẽ chiếm khoảng 30%; còn lại là lao động nội huyện chiếm khoảng 70% tương đương khoảng 119.000 lao động.

- Lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch:

Hoàng Hóa là vùng trung tâm của khu vực đồng bằng sông Mã, có nhiều tuyến QL, tỉnh lộ đi qua. Theo đó việc phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ sẽ là tất yếu, ngoài ra, các cơ sở buôn bán nhỏ lẻ, các khu vực chợ truyền thống cũng cần lượng lao động dịch vụ nhất định. Mặt khác khu du lịch biển Hải Tiến đã và đang phát triển mạnh, thu hút khách du lịch. Đây sẽ là tiền đề và động lực to lớn nhằm thúc đẩy phát triển dịch vụ thương mại, du lịch.

Dự báo lĩnh vực thương mại dịch vụ, du lịch đến năm 2045 sẽ đáp ứng công việc cả trực tiếp và gián tiếp cho khoảng 110.000 lao động. Lực lượng này chủ yếu sẽ là lao động trên địa bàn huyện (dự báo khoảng 80% tương đương 88.000 lao động)

- Lao động trong lĩnh vực cơ quan sự nghiệp:

Lượng lao động này thuộc các cơ quan quản lý hành chính, cơ quan sự nghiệp, y tế, giáo dục văn hóa - TDTT,.. và các cơ quan quản lý đô thị và ngoài đô thị (cấp vùng, cấp tỉnh cấp trung ương đóng trên địa bàn huyện). Dự báo lao động lĩnh vực cơ quan sự nghiệp khoảng: 25.000 người.

- Lao động nông, lâm, thủy sản:

Lao động trong lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện nay của Hoàng Hóa chiếm 18,9% (năm 2023). Dự báo, đến năm 2045, cơ cấu kinh tế sẽ dịch chuyển mạnh mẽ từ nông, lâm nghiệp sang phi nông nghiệp. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng nhất định trong cơ cấu kinh tế của đô thị. Dự tính lao động trong thành phần nông nghiệp, thủy sản khoảng: 15.000 lao động.

Như vậy, theo tính toán dự báo trên, đến năm 2045 đô thị Hoàng Hóa có khoảng: 247.000 lao động chiếm khoảng 62,9% dân số tính toán đến năm 2045.

Trong đó: Lao động lĩnh vực công nghiệp xây dựng: 119.000 LĐ chiếm 48,1% tổng số lượng lao động. Lao động lĩnh vực dịch vụ thương mại, du lịch: 88.000 LĐ chiếm 35,6% tổng số lượng lao động; Lao động lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản: 15.000 LĐ chiếm 6,07% tổng số lượng lao động Lao động trong lĩnh vực cơ quan sự nghiệp: 25.000 LĐ chiếm 10,1% tổng số lượng lao động.

#### 4.4. Các dự báo phát triển

##### 4.4.1. Dự báo đất phát triển đô thị

Trên cơ sở Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị Hoàng Hóa đến năm 2030 và đến năm 2045.

##### Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị

TT	Loại đất	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Năm 2030		Năm 2045	
			Dự báo quy mô dân số (người)	Dự báo Quy mô đất đai (ha)	Dự báo quy mô dân số (người)	Dự báo Quy mô đất đai (ha)
I	<b>ĐẤT KHU VỰC DÂN DỤNG</b>	<b>50-80</b>		<b>1.358-1.844</b>		<b>2.070-2.810</b>
1.1	Đất đơn vị ở bình quân (tính đất ĐVỞ ở mới, chưa bao gồm đất ĐVỞ hiện trạng và tái định	28-45	285.808	800,6-1.286	435.651	1.220-1.961

	cr)				
1.2	Đất công cộng dịch vụ đô thị	$\geq 4$		$\geq 114,3$	$\geq 174,3$
1.3	Đất công cộng dịch vụ đơn vị ở	$\geq 1,5$		$\geq 42,9$	$\geq 65,3$
1.4	Đất cây xanh đô thị	$\geq 5$		$\geq 142,9$	$\geq 217,9$
1.5	Đất Giao thông	$\geq 9$		$\geq 257,3$	$\geq 392,2$
<b>II</b>	<b>ĐẤT KHU VỰC NGOÀN DÂN DỤNG</b>	<b>55-70</b>		<b>1.567-1.995</b>	<b>2.395-3.049</b>
<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ (I+II)</b>				<b>2.925-3.839</b>	<b>4.422-5.859</b>

Như vậy:

- Dự báo về nhu cầu sử dụng đất:

+ Đến năm 2030, đất xây dựng đô thị khoảng: 2.925ha-3.839ha, trong đó đất khu vực dân dụng khoảng: 1.350ha – 1.850ha;

+ Đến năm 2045 đất xây dựng đô thị khoảng: 4.422ha-5859ha, trong đó đất khu vực dân dụng khoảng: 2.070ha-2.800ha.

#### 4.4.2. Các dự báo về chỉ tiêu hạ tầng xã hội.

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
<b>A. Giáo dục</b>				
1. Trường trung học phổ thông	học sinh /1.000 người	40	m <sup>2</sup> /1 học sinh	10
<b>B. Y tế</b>				
2. Bệnh viện đa khoa	giường/1.000 người	4	m <sup>2</sup> /giường bệnh	100
<b>C. Văn hóa - Thể dục thể thao</b>				
3. Sân thể thao cơ bản			m <sup>2</sup> /người ha/công trình	0,6 1,0
4. Sân Vận động			m <sup>2</sup> /người ha/công trình	0,8 2,5
5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao			m <sup>2</sup> /người ha/công trình	0,8 3,0
6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1.000 người	8	ha/công trình	0,5
7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1.000 người	2	ha/công trình	1,0
<b>D. Thương mại</b>				
8. Chợ	công trình	1	ha/công trình	1,0

#### 4.4.3. Các dự báo về hạ tầng kỹ thuật.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đề án được xác định theo tiêu chí của đô thị loại

IV có xem xét, áp dụng thêm các tiêu chí đặc thù khác.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy hoạch	
			2030	2045
a	Tỷ lệ đất giao thông (không bao gồm giao thông tĩnh) so với đất xây dựng đô thị tối thiểu			
-	Tính đến đường liên khu vực	%	≥6	≥6
-	Tính đến đường khu vực	%	≥13	≥13
-	Tính đến đường phân khu vực	%	≥18	≥18
-	Chỉ tiêu bãi đỗ xe toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	≥4,0	≥4,0
b	Cấp nước sinh hoạt (Qsh) tối thiểu	Lít/ng.ngđ	≥80	≥80
-	Cấp nước công nghiệp tập trung tối thiểu	m <sup>3</sup> /ha.ngđ	≥20	≥20
-	Cấp nước dịch vụ, công cộng	%	≥10% Qsh	≥10% Qsh
c	Lượng nước thải phát sinh		100% Qsh	100% Qsh
	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	%	≥90	≥90
	Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp (xử lý riêng)	%	100	100
d	Lượng chất thải rắn phát sinh			
	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ng/ngày	≥0,9	≥0,9
	Chất thải rắn công nghiệp	tấn/ha	≥0,3	0,3
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	%	≥90	≥95
e	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	1000	1000
	Cấp điện công nghiệp	KW/ha	140-250	140-250

## CHƯƠNG V: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

### 5.1. Mô hình cấu trúc phát triển

Đô thị Hoàng Hoá sẽ phát triển theo mô hình gồm:

#### 03 Vùng:

- *Tiểu vùng 1*: vùng phía Đông (khu vực Hải Tiến);
- *Tiểu vùng 2*: vùng trung tâm (khu vực Bút Sơn – Thịnh Lộc)
- *Tiểu vùng 3*: vùng phía Bắc (khu vực Phú – Quý);

**02 hành lang xanh**: hành lang sông Cung và hành lang sông Tào.  
- Trục Bút Sơn – Hải Tiến và quốc lộ 1 A tiểu dự án 2 là kết nối chính kiên kết 3 vùng.



- *Tiểu vùng I* - vùng phía Đông (khu vực Hải Tiến): Gồm 8 xã ven biển. Địa hình vùng này không đồng đều được hình thành bởi dòng hải lưu xuôi ngược dọc bờ biển, bồi phù sa sông Mã. Khu vực này trọng tâm phát triển về du lịch, nuôi trồng thủy sản, hậu cần biển.

- *Tiểu vùng II* - Vùng trung tâm: Gồm 15 xã và thị trấn Bút Sơn nằm giữa sông Cung và sông Lạch Trường. Đây là vùng được bao bọc bởi sông Cung ở phía Đông và sông Lạch Trường ở phía Tây và phía Bắc, sông Mã ở phía Nam. Là vùng đô thị hiện hữu gắn với khu vực thị trấn Bút Sơn và khu vực lân cận, các chức năng trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa cấp đô thị, trung tâm tổng hợp.

- *Vùng III* - Vùng phía Tây Bắc: Gồm 13 xã phía Tây Bắc sông Lạch Trường (sông Tào). Định hướng chủ đạo là vùng phát triển công nghiệp, đô thị và đầu mối giao thông, cửa ngõ chính đô thị.

Giữa các vùng là khu vực xanh, sinh thái sông Cung và sông Tào, trong đó khu vực sông cung phát triển đô thị dạng sinh thái, dịch vụ du lịch

### 5.2. Phương án cơ cấu phát triển đô thị

#### 5.2.1. Các phương án quy hoạch

**Phương án 1**: Mô hình phát triển **đô thị đa trung tâm**, đồng bộ về kết cấu hạ tầng và kiến trúc cảnh quan.

Cấu trúc phát triển



- Đô thị đa trung tâm là đô thị có mô hình tổ chức không gian với trung tâm chính và các trung tâm chuyên đề, cụ thể các trung tâm:

(1) Khu vực trung tâm đô thị: Phát triển đô thị chính theo mạch đất Bút Sơn – Bái Trạch, đây là khu vực có vị trí trung tâm, địa hình cao ráo. Là trung tâm quần cư từ nhiều thế kỷ của huyện Hoàng Hoá.

Khu vực này bố trí 2 trung tâm phát triển đô thị, trong đó khu vực Bút Sơn bao gồm thị trấn Bút Sơn và xã Hoàng Đức là trung tâm đô thị hành chính. Khu vực này phát triển chính các chức năng:

- + Trung tâm hành chính chính trị đô thị
- + Trung tâm Văn hoá, TDTT; Giáo dục và Y tế
- + Trung tâm dịch vụ thương mại
- + Phát triển các khu đô thị mới

Đầu tư cơ sở hạ tầng, tập trung nguồn lực phát triển mở rộng thị trấn Bút Sơn hiện hữu, ưu tiên phát triển về hướng Tây; gắn với quốc lộ 1A tiểu dự án 2 và trục cảnh quan Bút Sơn - Hải Tiến, đây là 02 tuyến giao thông quan trọng kết nối với vành đai 3 (TP Thanh Hoá và QL 1A tiểu dự án 2 cũng như toàn bộ các trung tâm phát triển của huyện Hoàng Hoá.

Khu vực Thịnh Lộc:

- + Phát triển các đô thị mới
- + Các công trình hạ tầng xã hội cấp khu vực
- + Các công trình dịch vụ, thương mại;
- + Phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Giữa 2 khu vực (Bút Sơn và Thịnh Lộc) hạn chế xây dựng, giữ nguyên các cấu trúc làng xóm cũ, các khu vực cây xanh, mặt nước đồng ruộng để tạo nên hành lang xanh, các khoảng mở giữa khu Thịnh Lộc với vực trung tâm (vùng Bút Sơn).

(2) Khu vực trung tâm du lịch biển

- Gồm các xã ven biển:

- + Phát triển dịch vụ du lịch là trọng tâm
- + Phát triển kinh tế biển với các ngành đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và hậu cần biển

(3) Khu vực phát triển Công Nghiệp

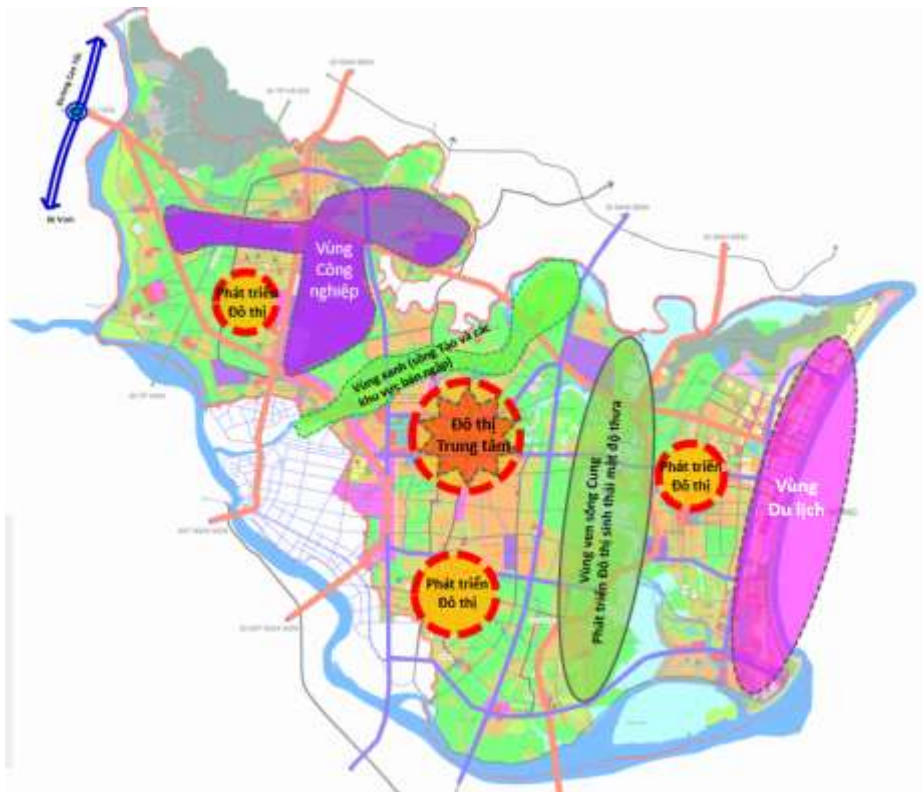
- Gồm các xã phía Bắc sông Tào

+ Phát triển công nghiệp với quy mô lớn gồm 2 KCN và các cụm CN đã được quy hoạch

+ Phát triển đô thị trong đó trọng tâm là các khu nhà ở xã hội cùng với các thiết chế văn hoá công đoàn cho công nhân lao động trong các khu, cụm CN.

+ Phát triển dịch vụ logistic phục vụ các khu, cụm CN

(4) Khu vực ven sông Cung: bố trí các khu ở mới dạng sinh thái



Cơ cấu mô hình phát triển đô thị Hoàng Hoá theo phương án 1

**Phương án 2:** Mô hình phát triển **đô thị tập trung**, đồng bộ về kết cấu hạ tầng và kiến trúc cảnh quan.

Cấu trúc phát triển

- Đô thị tập trung là đô thị có mô hình tổ chức không gian với các trung tâm rõ ràng, riêng biệt được kết nối bằng hệ thống hạ tầng khu mạnh, cụ thể các trung tâm:

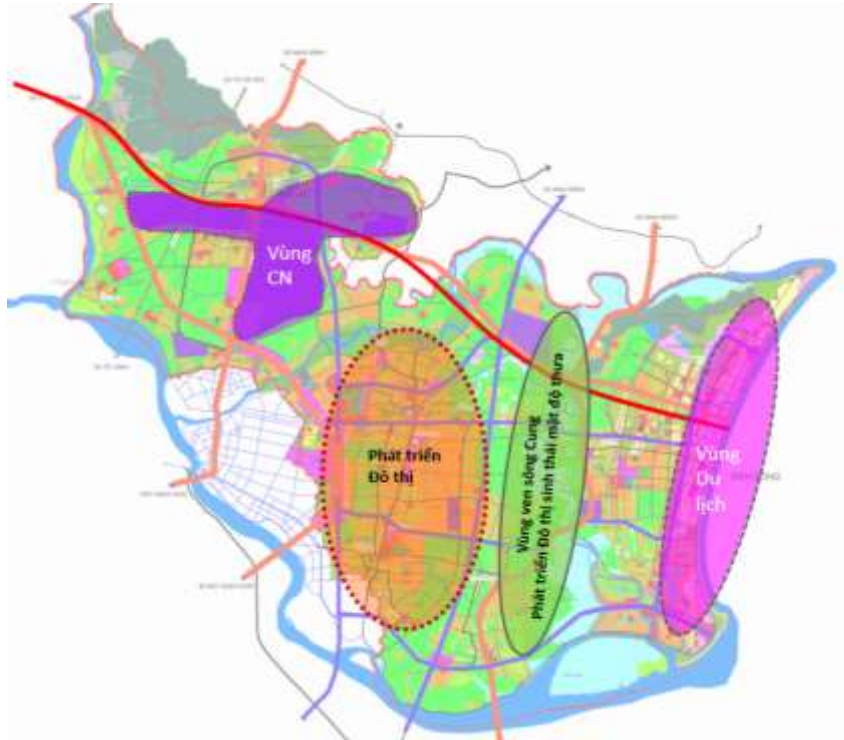
(1) Khu vực trung tâm phát triển đô thị: Phát triển đô thị chính lấy khu vực Bút Sơn – Thịnh Lộc là chính, đây là khu vực có vị trí trung tâm, địa hình cao ráo. Trung tâm đô thị sẽ bố trí khu vực này.

(2) Trung tâm công nghiệp: các xã phía Bắc sông Tào, khu vực này tập trung tối đa đất cho phát triển công nghiệp bao gồm các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch và các khu vực dịch vụ logistic phụ trợ kèm theo. Hạn chế phát triển dân cư mới, ổn định các khu

vực làng xã hiện trạng

(3) Trung tâm du lịch và kinh tế biển: Bao gồm các xã vùng ven biển, tận dụng tối đa ưu thế về tài nguyên du lịch biển, tập trung quỹ đất dọc bờ biển và các nguồn lực để phát triển dịch vụ du lịch. Bố trí các khu vực hậu cần biển để phát triển kinh tế biển.

(4) Khu vực ven sông Cung: bố trí các khu ở mới dạng sinh thái, các khu vực dịch vụ du lịch.



*Cơ cấu mô hình phát triển đô thị Hoàng Hoá theo phương án 2*

### **5.2.2. Nguyên tắc, tiêu chí để lựa chọn phương án cơ cấu phát triển đô thị**

(1) *Nguyên tắc hài hòa giữa bảo tồn và phát triển:* Với điều kiện tự nhiên, cảnh quan sinh thái đặc trưng của Hoàng Hoá gồm: các làng xã truyền thống; khu vực ven biển Hải Tiến, khu vực 2 bên sông Cung ... cần phải được ưu tiên nghiên cứu các giải pháp phát triển mới phải dựa trên nguyên tắc bảo tồn văn hoá cơ bản và hệ sinh thái. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển mới trong các giải pháp quy hoạch, kiến trúc và kỹ thuật.

(2) *Nguyên tắc kế thừa:* Kế thừa và phát huy các nghiên cứu, ý tưởng quy hoạch, giải pháp quy hoạch đã được nghiên cứu đề xuất trong các giai đoạn trước đây, thời kỳ trước, kết nối thành tổng thể, tạo nên giải pháp cho giai đoạn mới. Tránh lựa chọn các giải pháp tác động quá lớn tới quá trình triển khai trước đây, tạo ra xung đột pháp lý cho quá trình phát triển. Tuy nhiên phải lọc và loại trừ các giải pháp phát triển bất lợi với tương lai, với sự phát triển bền vững của đô thị

Hoàng Hoá như hạn chế tối đa tác động đến các làng xã truyền thống vốn rất đặc trưng của Hoàng Hoá, hạn chế tối đa tác động tự nhiên của các khu vực sinh thái tự nhiên như khung vực ven sông Cung, các cửa Lạch Hới, Lạch Trường... tránh việc san gạt địa hình, cải thiện cảnh quan các khu vực.

(3) Nguyên tắc tổng thể: Tạo nên tổng thể thông qua các kết nối hài hòa, sự chuyển tiếp nhịp nhàng và hình ảnh chung cho đô thị Hoàng Hoá trong quá trình phát triển, hướng tới sự phát triển chung, đồng bộ và hiện đại. Đặc biệt việc kết nối hài hòa các khu vực phát triển xung quanh 2 bên sông Cung để tạo nên tổng thể phát triển thống nhất, xây dựng sông Cung trở thành trung tâm kết nối của đô thị Hoàng Hoá với khu vực du lịch Hải Tiến, mở rộng không gian phát triển ra các vùng lân cận thông qua các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy và trực cảnh quan.

(4) Nguyên tắc phát triển chiến lược, đột phá: Tạo nên các giải pháp phát triển chiến lược, đột phá, tạo dấu ấn phát triển đô thị Hoàng Hoá thông qua các thời kỳ, cụ thể hóa chiến lược chung của tỉnh, xây dựng các trung tâm hỗ trợ động lực phát triển kinh tế xã hội của vùng và quốc gia. Tạo nên các không gian động lực, khu vực trọng tâm phát triển, các dự án chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng đô thị trung tâm tỉnh Thanh Hoá nói chung và đô thị Hoàng Hoá nói riêng theo định hướng quy hoạch tỉnh.

### 5.2.3. Lựa chọn phương án quy hoạch

Trên cơ sở phân tích các điểm mạnh, điểm yếu của từng phương án, khả năng áp dụng vào thực tế quản lý phát triển đô thị, đối chiếu với các nguyên tắc, tiêu chí để lựa chọn phương án quy hoạch. Thống nhất lựa chọn phương án 1 là phương án chọn để triển khai thực hiện các giải pháp quy hoạch.

Kinh nghiệm phát triển của các quản lý phát triển đô thị thông minh trên thế giới, với sự biến đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ, kinh tế xã hội, trung bình 3÷5 năm sẽ có thay đổi đột phá về mặt công nghệ, gắn với đó, nhu cầu đầu tư phát triển sẽ khác nhau. Theo đó, công tác quy hoạch không định hướng tổng thể toàn bộ đô thị, mà tách thành các modul đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn 3÷5 năm. Gắn với kế hoạch phát triển 3÷5 năm sẽ xây dựng kế hoạch phát triển theo tổ hợp dự án tập trung, tránh phát triển dàn trải.

Theo dự báo phát triển, trung bình 5 năm, Hoàng Hoá có nhu cầu phát triển khoảng 50.000 người (bao gồm dân thường trú khoảng 70% tương đương 35.000 người, dân số quy đổi khoảng 30% tương đương 15.000 người), Nhu cầu đất xây dựng đô thị mới cần khoảng 200 ÷ 500 ha (chỉ tiêu 100 m<sup>2</sup>/người). Dự kiến bố trí các modul phát triển khoảng 500 ha cho các giai đoạn phát triển 5 năm. Các tổ hợp

dự án tập trung sẽ được thiết kế hoàn chỉnh gồm việc làm, dịch vụ, nhà ở, giải trí và các tiện ích công cộng thiết yếu.

Trước mắt, giai đoạn đến năm 2030, đô thị Hoàng Hoá cần tập trung hoàn thiện các dự án đang triển khai, khai thác tối ưu quỹ đất đã giao cho các dự án, chuẩn bị hạ tầng khung cho các khu vực phát triển mới. Các giai đoạn tiếp theo sẽ phát triển mới trên cơ sở tái cấu trúc chuyển đổi các khu vực hiện hữu (Bút Sơn, Thịnh Lộc, Hải Tiến) và phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung tại phía Bắc (Phú Quý; Bắc Hoàng Hoá);

### **5.3. Định hướng phát triển không gian**

#### **5.3.1. Định hướng phát triển không gian tổng thể**

- Không gian ven biển: Phát triển đô thị hài hòa, xác định các khu chức năng trọng tâm, điểm nhấn; tạo không gian mở, tầng bậc trong đô thị gắn với cảnh quan, địa hình tự nhiên. Phát triển các không gian xanh, công cộng; các công trình văn hóa - dịch vụ du lịch có kiến trúc điểm nhấn, hài hòa với không gian biển Hải Tiến; hoàn thiện cảnh quan môi trường đô thị theo hướng hiện đại, tạo dựng một không gian đô thị du lịch có bản sắc, tầm cỡ quốc tế.

- Kiểm soát hành lang ven biển, bố trí các khu vực lấn biển hợp lý; tạo kết nối các dự án riêng lẻ ven biển, tăng cường các không gian, công trình và dịch vụ phục vụ cộng đồng, gắn với thực hiện các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Thực hiện nghiên cứu thiết kế đô thị riêng cho từng đoạn tuyến ven biển làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án cải tạo, chỉnh trang không gian ven biển. Các công trình ven biển Hải Tiến cần quản lý chặt chẽ kích thước khối tích, chiều cao và hình thái kiến trúc để đảm bảo hài hòa, không làm lấn át không gian cảnh quan chung của toàn bộ khu vực ven biển.

- Không gian ven sông Cung: xác định chính lạch sông Cung là trung tâm; các khu vực phát triển đô thị 2 bên sông tạo thành các điểm nhấn đối xứng 2 bên bờ như: khu vực Hoàng Thành – Hoàng Ngọc; khu vực Hoàng Phong – Hoàng Phụ... cần được kiểm soát phát triển để tạo không gian cảnh quan xung quanh vịnh; thiết lập hệ thống các công trình kiến trúc mang tính biểu tượng (mỗi công trình sẽ là một biểu tượng kiến trúc để quảng bá du lịch). Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên ngoài đê, xây dựng các hệ sinh thái bán nhân tạo tại các khu đô thị mới ven sông Cung; khắc phục các tồn tại về môi trường, dừng hoạt động các khu nuôi trồng thủy sản phải theo theo lộ trình. Khu vực ven sông Cung ưu tiên phát triển các chức năng công cộng, dịch vụ, quảng trường, công viên sinh thái tự nhiên và bán tự nhiên, công trình văn hóa, kiến trúc điểm nhấn để tạo sự tiếp cận của cộng đồng. Quản lý không gian mặt nước sông Cung để bố trí các luồng đường thủy,

khu vực neo đậu tàu, thuyền, khu vực vui chơi giải trí trên mặt nước, đảm bảo hệ sinh thái dưới nước được phát triển.

- Phát triển hệ thống trung tâm phân tán, gắn với các phân vùng phát triển, tạo hình thái phát triển đặc trưng cho từng khu vực, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của người dân và du khách. Phát triển các khu chức năng hỗn hợp để phục vụ dân cư đô thị và phát triển dịch vụ, du lịch. Từng bước hoà nhập hoạt động dịch vụ du lịch với đời sống cộng đồng đô thị. Bố trí đất dự trữ các cụm trung tâm cấp tỉnh, cấp đô thị như: Hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, công nghệ cao... gắn với các khu vực phát triển để hình thành các tổ hợp dự án động lực trong tương lai.

- Quy hoạch cải tạo các khu vực đô thị hiện hữu theo định hướng phát triển chung để hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV (đặc biệt cần bổ sung các khu công viên cây xanh, các khu thể dục thể thao, bãi đỗ xe). Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị, chuyển đổi mô hình từ nhà ở riêng lẻ hợp khối thành các nhà chung cư cao tầng, nâng cao giá trị sử dụng đất; tạo hình ảnh kiến trúc, cảnh quan đô thị du lịch biển. Chú trọng quy hoạch, bố trí các khu nhà ở công nhân gắn với các khu công nghiệp; hình thành các khu nhà ở xã hội, khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tập trung có đầy đủ các thiết chế văn hóa, hạ tầng đô thị hiện đại; chú trọng kiểm soát phát triển các làng xóm nằm trong vùng đô thị hóa mở rộng theo không gian đô thị.

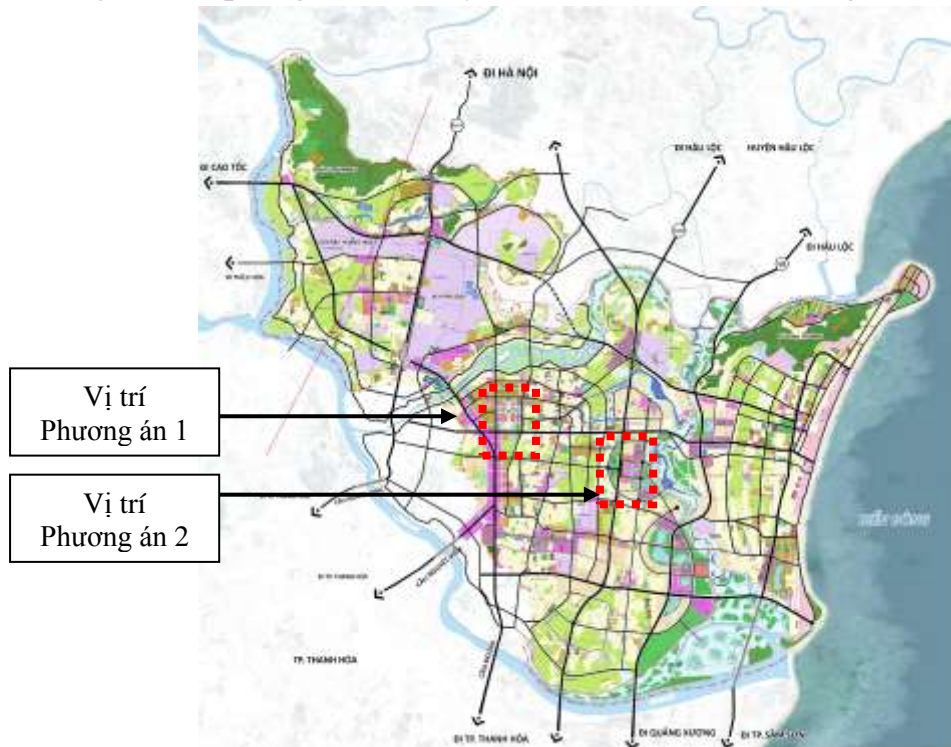
- Bảo vệ và phát huy giá trị sinh thái, đa dạng sinh học và cảnh quan khu vực đồi núi phía Bắc. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp sinh thái gắn với công nghệ cao hỗ trợ các kinh tế dịch vụ chung của đô thị, phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch mới như du lịch thể thao, du lịch y tế, du lịch hội nghị, các loại hình trải nghiệm văn hoá, trải nghiệm tự nhiên, khám phá, hỗ trợ cho sản phẩm du lịch hiện có của Hải Tiến.

- Khai thác không gian mặt biển vùng ven biển theo các không gian chức năng như: không gian dành cho hoạt động lưu thông đường thủy; khu vực khai thác bãi tắm, dịch vụ biển; khu vực khai thác các hoạt động dịch vụ trên biển; khu vực xây dựng các công trình hạ tầng, kiến trúc ven bờ và trên biển; khu vực bảo vệ hệ sinh thái vùng ngập nước (đặc biệt là các cả Lạch Hới và Lạch Trường), hạn chế các hoạt động xây dựng, dịch vụ. Không gian và quy định quản lý cụ thể cho các hoạt động trên biển được thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn phát triển, phù hợp với yêu cầu quản lý cụ thể, phù hợp với các quy định quản lý không gian biển trên nguyên tắc bảo tồn và phát huy cảnh quan sinh thái hấp dẫn, đặc trưng của vùng ven biển giữa 2 cửa sông lớn là Lạch Hới và Lạch Trường.



### 5.3.2. Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm chức năng

a/ Trung tâm hành chính: trung tâm hành chính đô thị trong tương lai phải phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đặc điểm tự nhiên của huyện Hoàng Hóa đồng thời đáp ứng được các yêu cầu, tầm nhìn xa trong thời đại mới.



Vị trí  
Phương án 1

Vị trí  
Phương án 2

Phương án quy hoạch Trung tâm hành chính thị xã Hoàng Hoá đến năm 2045

**Quy hoạch khu trung tâm hành chính THỊ XÃ HOÀNG HOÁ tầm nhìn đến năm 2045 và sau năm 2045**

**Phương án 1:**

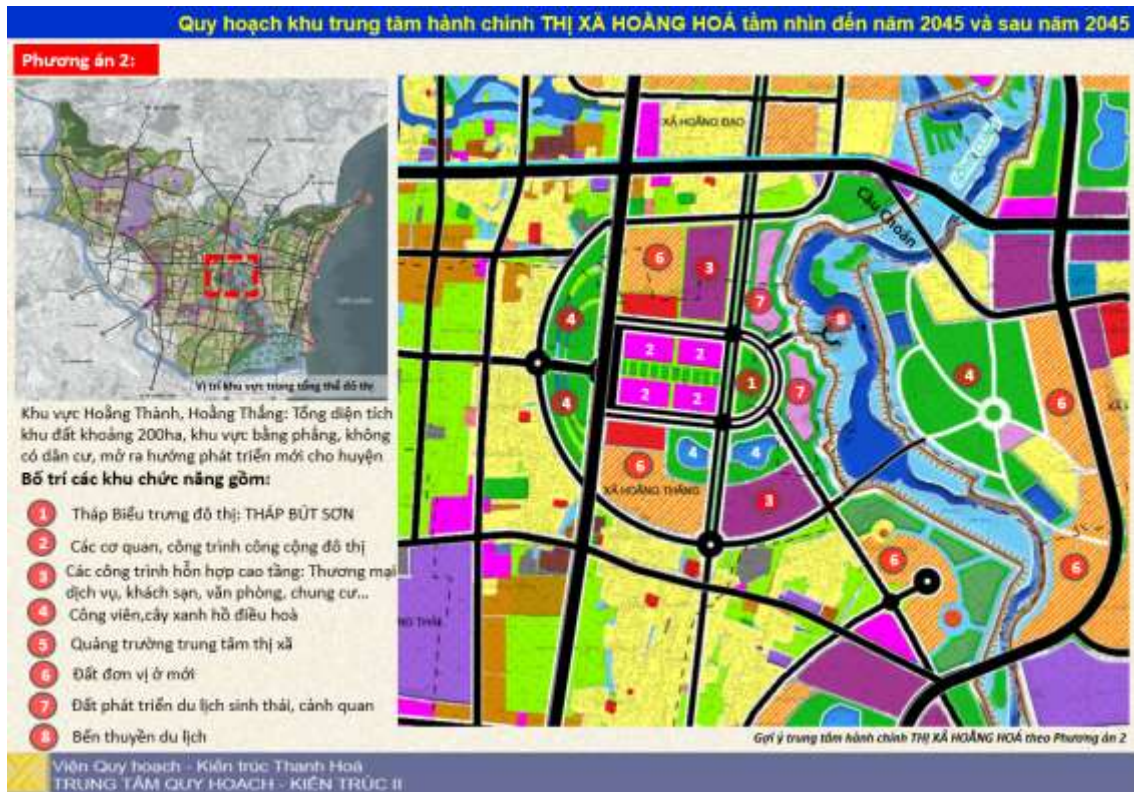
**Phương án 1:** Tổng diện tích khu đất khoảng 100ha  
**Lý do chọn PA 1:** Khu vực Tam Tổng nằm giữa 3 Tổng: Hành Vỹ; Từ Minh và Bút Sơn trong lịch sử là khu vực trung tâm, phi nhiều là vựa lúa cả huyện. Mạch đất Bút Sơn – Bãi Trạch có vị trí trung tâm cao ráo, phù hợp là nơi đồng lý sở (Đư địa chí huyện)

**Bố trí các khu chức năng gồm:**

- 1 Tháp Biểu trung đô thị: THÁP BÚT SƠN
- 2 Các cơ quan, công trình công cộng đô thị: TT Văn Hoá, TDTT, Công viên
- 3 Các công trình hỗn hợp cao tầng: Thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng, chung cư...
- 4 Công viên, cây xanh hồ điều hoà
- 5 Quảng trường trung tâm thị xã

Gợi ý trung tâm hành chính THỊ XÃ HOÀNG HOÁ theo Phương án 1

Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hoá  
TRUNG TÂM QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC II



Trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, tham khảo các yếu tố lịch sử, văn hoá. Khu vực Tam Tổng nằm giữa 3 Tổng: Hành Vỹ; Từ Minh và Bút Sơn trong lịch sử là khu vực trung tâm, phì nhiêu là vựa lúa cả huyện. Mạch đất Bút Sơn – Bái Trạch có vị trí trung tâm, cao ráo, phù hợp là nơi đóng lỵ sở<sup>40</sup>.

Từ những nghiên cứu trên, đề xuất tiếp tục phát triển trung tâm hành chính đô thị tại khu vực Bút Sơn và vùng lân cận là trung tâm hành chính – chính trị, văn hóa, xã hội của đô thị (**phương án 1**); là trung tâm vai trò kết nối, chia sẻ, dẫn dắt các cực đô thị (cực du lịch Hải Tiến; cực Công nghiệp Phú – Quý) phát triển qua hệ thống hạ tầng khung.

Khai thác vận hành hiệu quả trung tâm hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động. Hình thành tổ hợp công trình hiện đại, đồng bộ gắn với quảng trường và các hoạt động cho hành chính đô thị. Khu vực quy hoạch trung tâm hành chính mới, ngoài đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn về đất dành cho trung tâm hành chính cấp đô thị loại IV cần dự trữ quỹ đất để bố trí phát triển các chức năng khác trong tương lai.

*b/ Trung tâm Văn hóa, thể thao:* quy hoạch cùng với khu trung tâm hành chính đô thị, bố trí các công trình thể thao, văn hóa cấp đô thị, hình thành tổ hợp

<sup>40</sup> Dư địa chí huyện Hoàng Hoá.



văn hoá thể thao hiện đại đa năng để phục vụ cho các sự kiện văn hóa thể thao của vùng và quốc gia. Phát triển hệ thống các trung tâm dịch vụ thể thao tổng hợp theo các phân khu để đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của người dân và du khách. Bổ sung hệ thống hoạt động thể thao trên biển Hải Tiến để cung cấp các dịch vụ đa dạng gắn với biển cho du khách. Phát triển trục không gian Hoàng Phong – Hoàng Phụ; khu vực Hoàng Yên thành tổ hợp công trình dịch vụ du lịch văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí cao cấp để phục vụ nhu cầu văn hóa đô thị và du khách.

*c/ Trung tâm Dịch vụ thương mại, du lịch:* Phát triển hệ thống dịch vụ thương mại đa dạng, phong phú, chất lượng cao để từng bước phát triển Hải Tiến trở thành trung tâm dịch vụ du lịch quốc gia Sầm Sơn – Hải Tiến theo định hướng quy hoạch tỉnh Thanh Hoá. Hải Tiến như: tham quan các di tích lịch sử, tham gia các lễ hội văn hoá phi vật thể, trải nghiệm hệ sinh thái tự nhiên ven sông Cung.... để tạo sản phẩm đa dạng cho phục vụ du lịch và góp phần nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng. - Trung tâm dịch vụ, giải trí, thể thao: Phát triển loại hình dịch vụ, vui chơi giải trí tại khu vực Hoàng Yên với trọng tâm là loại hình sân gôn, công viên giải trí, công viên nước; đối với khu vực ven sông Cung khuyến khích loại hình dịch vụ giải trí ven sông, dịch vụ du lịch y tế chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (viện lão khoa; viện điều dưỡng); bổ sung các loại hình dịch vụ cấp đô thị và ngoài đô thị tại các phân khu trung tâm để phục vụ nhu cầu trực tiếp của người dân đô thị và khu vực lân cận.

Phát triển loại hình du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, vui chơi giải trí. Hình thành chương trình du lịch thu hút đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn và tỉnh lân cận tham quan học hỏi yếu tố văn hóa, di tích lịch sử cách mạng; trải nghiệm dịch vụ nông nghiệp đô thị như trồng hoa cây cảnh, rau màu....; kết hợp loại hình vui chơi giải trí ven sông, công viên chuyên đề (vườn thú safari, công viên nước...) để quảng bá, xây dựng hình ảnh đô thị Hoàng Hoá đa dạng, giàu bản sắc. Phát triển du lịch dịch vụ khám chữa bệnh, điều dưỡng; dịch vụ khám chữa bệnh chuyên sâu tại khu vực có cảnh quan sinh thái, khu vực ven sông Cung.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các trung tâm thương mại đang triển khai tại khu vực Bút Sơn, Phú Quý và Thịnh Lộc; khu vực ven quốc lộ 1 A (tiểu dự án 2). Khu vực phía Bắc (Hoàng Xuân) tiếp cận với đường cao tốc và khu vực ga Nghĩa trang tiếp cận đường sắt Bắc Nam sẽ gắn với phát triển dịch vụ logistic. Khuyến khích và thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại đặc thù phục vụ cho du lịch như: trung tâm mua sắm miễn thuế, trung tâm giới thiệu hàng hóa đặc trưng tại địa phương.

*d/ Trung tâm về phát triển công nghiệp:* Khu công nghiệp Phú Quý, KCN Bắc Hoàng Hoá theo định hướng quy hoạch đã được duyệt, chú trọng đến các

ngành công nghiệp sạch (điện tử, lắp ráp, phụ trợ có công nghệ sạch, tiên tiến, hàm lượng khoa học công nghệ cao) có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội – nhà ở hiện đại, đồng bộ. Các cụm tiểu thủ công nghiệp địa phương: Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đã có để đáp ứng nhu cầu chuyên các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ từ trong trung tâm, khu dân cư đô thị; trong các làng nghề truyền thống để quản lý, giảm ô nhiễm môi trường;

Vành đai cây xanh, khoảng cách ly: Xác định các vành đai cây xanh cách ly các khu, cụm công nghiệp, nhà máy...; khu vực ngoài đê sông Cung; sông Mã, sông Tào.

*e/ Bảo tồn di sản, di tích:* Cập nhật, bảo tồn các di sản đã được công nhận theo đúng quy mô, phạm vi ranh giới bảo vệ, chú trọng bảo tồn các di sản văn hoá phi vật thể. Lập hồ sơ quản lý các khu vực di sản văn hoá, các danh thắng, các di sản phi vật thể chưa được công nhận, làm cơ sở để nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị.

### **5.3.3. Định hướng quy hoạch vùng ven biển Hải Tiến <sup>41</sup>**

Phát triển đô thị về lùi phía Tây gắn với khu vực Hoàng Ngọc (Vực). Dành đất khu vực ven biển để phát triển du lịch. Kiểm soát chặt chẽ các không gian ven biển theo các nguyên tắc sau:

- Cải tạo và bảo vệ đồng thời các khu vực các khu vực ven biển, kiểm soát chặt chẽ các giải pháp lấn biển (bao gồm cả khu vực có nghiên cứu xây dựng ngoài đê)

- Đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của cộng đồng đối với các không gian, công trình, bãi tắm... cụ thể bố trí các tuyến đường ra biển thuận lợi gắn với không gian mở, các khu vực dịch vụ, bãi đỗ xe hợp lý để nhân dân có thể tiếp cận thuận lợi nhất với biển. Hạn chế xây dựng công trình cao tầng ven biển làm che chắn tầm nhìn từ đô thị ra biển. Kiểm soát chặt chẽ kiến trúc các công trình cao tầng, công trình xây dựng ven biển để từng bước tạo nên hình ảnh đặc trưng cho không gian đô thị. Thực hiện nghiên cứu thiết kế đô thị riêng cho từng đoạn tuyến ven biển để có chỉ dẫn thiết kế cụ thể, chi tiết cho các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án cải tạo chỉnh trang không gian ven biển.

- Phát triển các giải pháp kỹ thuật kết hợp với xử lý cảnh quan để tạo chất lượng, tiện ích và đảm bảo an toàn cho người dân, công trình tại các khu vực ven biển. Xây dựng hình ảnh đặc trưng cho từng đoạn tuyến ven biển.

---

<sup>41</sup> Bao gồm toàn bộ vùng ven biển và khu vực cửa lạch Hới; Lạch Trường

- Bổ sung các không gian cây xanh, bãi tắm công cộng để phục vụ cộng đồng và du khách.

- Bố trí xây dựng các công trình công cộng phục vụ đô thị và phục vụ du lịch ven biển.

- Phát triển hệ thống giao thông xanh ven biển, kết nối các dự án đơn lẻ để khai thác sử dụng tiện ích chung. Hạn chế giao thông cơ giới tiếp cận các không gian ven biển.

***Định hướng quy hoạch:***

- Xây dựng tuyến đường ven biển tạo không gian, cảnh quan và kết nối các dịch vụ ven biển. Bố trí hệ thống không gian, công trình công cộng, phát triển các bãi tắm phục vụ cộng đồng và khách du lịch, phát triển hệ thống cây xanh, các tiện ích công cộng. Khu vực tiếp giáp tuyến đường ven biển bố trí công trình thấp tầng, các công trình dịch vụ hỗn hợp phục vụ du lịch và dân cư, hạn chế phát triển nhà ở riêng lẻ.

- Khu vực Hoàng Yên – Hoàng Trường: khu vực đang còn nhiều dư địa để phát triển, bố trí các loại hình du lịch cao cấp như: sân Golf Hoàng Yên; nghiên cứu các giải pháp lấn biển, đảm bảo không gian xanh đóng vai trò chủ đạo, hạn chế các giải pháp kè cứng, tác động vào cảnh quan sinh thái của khu vực, đảm bảo chỉ giới đường ven biển và hoạt động lưu thông đường thủy theo quy định, phát triển tổ hợp công trình kiến trúc tạo điểm nhấn cho không gian khu vực. Kiểm soát chặt chẽ kiến trúc các công trình trong khu vực, tạo sự kết nối hài hòa giữa khu vực lấn biển với các công trình hiện hữu hiện có tại khu vực.

- Khu vực Hoàng Hải – Hoàng Tiến – Hoàng Thanh: thực hiện mở rộng tuyến đường ven biển để phục vụ nhu cầu giao thông đối ngoại, khu vực sát mép biển bố trí các công viên cây xanh, vườn hoa, công trình công cộng phục vụ khách du lịch và cộng đồng đảm bảo không gian tầm công cộng, các quảng trường mở, hạn chế tác động vào cảnh quan sinh thái của khu vực, đảm bảo chỉ giới đường ven biển và hoạt động lưu thông đường thủy theo quy định. Hạn chế xây dựng công trình cao tầng ra gần mép biển. Kiểm soát chặt chẽ kiến trúc công trình để tạo hình ảnh chung cho không gian biển, bố trí hệ thống các bến đường thủy để phục vụ nhu cầu lưu thông đường thủy và bến đỗ cho các loại thuyền du lịch.

- Khu vực Hoàng Thanh – Hoàng Phụ: Bố trí tuyến đường kết nối và tuyến đường ven biển để tạo không gian chung, từng bước chuyển đổi các loại hình nuôi thủy sản hiện có sang dịch vụ du lịch và các công trình công cộng, tạo động lực mới cho phát triển cho Hải Tiến nói riêng và kết nối khu du lịch quốc gia Sầm Sơn – Hải Tiến nói chung theo quy hoạch tỉnh, bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn Cồn Nổi Lạch Hới bổ sung các sản phẩm du lịch sinh thái tự nhiên.

#### 5.3.4. Định hướng không gian 2 bên sông Cung

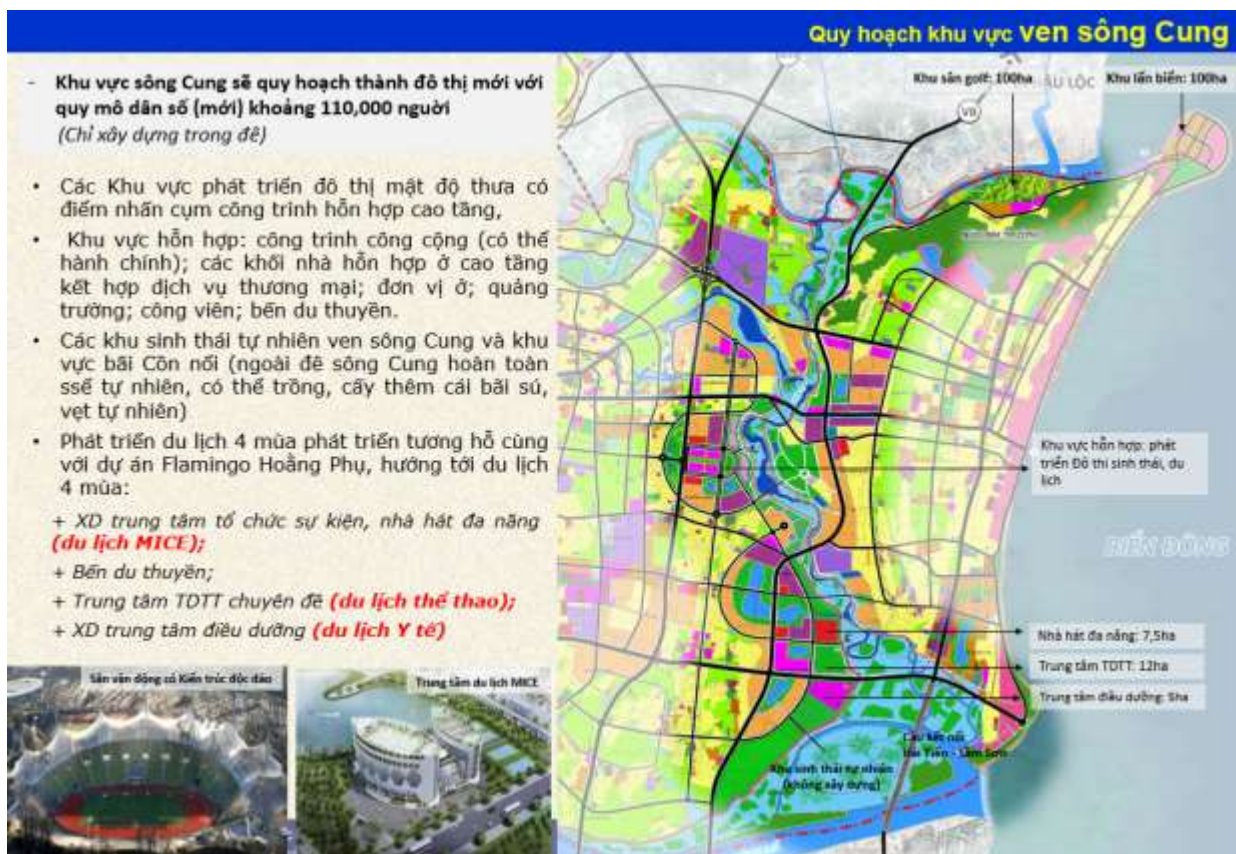
Vùng sông Cung được xác định là quỹ đất các xã 2 bên sông Cung với diện tích khoảng 7.000 ha là vùng có quỹ đất khá lớn với nhiều tiềm năng khai thác. Do việc tiếp cận hiện nay chưa thuận lợi, ngoài tuyến đường ven biển đang thi công hạ tầng kết nối xung quanh 2 bên sông còn yếu chủ yếu là tuyến đê, không gian bị chia cắt.

Hình thành tuyến hành lang sinh thái dọc sông được tạo lập từ cảnh quan sinh thái tự nhiên gắn với bảo tồn các không gian tự nhiên hiện có, các giá trị văn hóa, lịch sử của các làng xã 2 bên sông. Là nơi cung cấp các dịch vụ ở sinh thái, các dịch vụ du lịch, thể thao, nghỉ dưỡng chất lượng cao cho các khu vực phát triển đô thị. Hình thành các công viên sinh thái bán ngập tại các khu vực có nguy cơ bị ngập lụt, giảm thiểu tác động đến môi trường, tạo nên sự đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái và tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường khả năng tiếp cận tới dòng sông tại khu vực công viên ven sông với lõi trung tâm; giữ gìn không gian cảnh quan nông nghiệp.

Kinh nghiệm phát triển các không gian mặt nước tự nhiên trong đô thị cho thấy, để thu hút được đầu tư khu vực sông Cung cần phải phát triển các chức năng như: đô thị dạng nén, sinh thái, nhiều dịch vụ đa dạng, tăng cường phát triển không gian công cộng và tạo sự tiếp cận dễ dàng của cộng đồng. Bố trí phát triển các công trình kiến trúc, không gian đô thị hấp dẫn để thu hút người dân và du khách. Hình thành các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy để tạo sự tiếp cận dễ dàng tới các khu vực. Đặc biệt là ưu tiên phát triển các loại hình giao thông thân thiện với môi trường như xe điện, xe đạp.

Khu vực: Hoàng Thành – Hoàng Ngọc: Đây là khu vực có vị trí trung tâm (giữa sông Cung), mặt khác địa điểm rất thuận lợi để xây dựng và phát triển đô thị: Phát triển các khu vực đô thị, dịch vụ, du lịch, cải tạo không gian ven sông theo dạng công viên bán tự nhiên, bố trí các công trình hỗn hợp dịch vụ đô thị, mở các trục không gian xanh kết hợp với các tuyến thoát nước.

Khu vực: Hoàng Phong – Hoàng Phụ: Kết hợp với quy hoạch khu vực Hoàng Phụ đã có, hình thành cụm phát triển các loại hình dịch vụ mới phía Tây (Hoàng Phong) như: du lịch văn hoá, tổ chức sự kiện, hội nghị; du lịch Y tế (điều dưỡng); du lịch thể thao... chất lượng cao, dịch vụ du lịch sinh thái gắn với cảnh quan sinh thái hấp dẫn tại khu vực Cồn Nổi, cửa lạch Hới và các khu vực rừng ngập mặn ngoài đê. Bảo vệ tối đa diện tích rừng ngập mặn hiện có. Xây dựng các tổ hợp kiến trúc điểm nhấn tạo nên các khu vực chức năng với kiến trúc nổi bật trong tương lai.



Phát triển không gian đô thị gắn với nước trở thành đặc trưng của đô thị ven sông Cung. Giữ gìn trục không gian kết nối từ cửa Hới đến cửa lạch Trường qua sông Cung là trục không gian cảnh quan đô thị. Khu vực Hoàng Thành – Hoàng Ngọc trở thành điểm nhấn, các khu chức năng có các tuyến nhìn, không gian mở về phía sông Cung.

### 5.3.5. Định hướng quy hoạch cải tạo các khu vực đô thị hiện hữu

Định hướng quy hoạch cải tạo các khu vực đô thị hiện hữu (chủ yếu là khu vực Bút Sơn; Thịnh Lộc; Phú quý ) sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết ở giai đoạn tiếp theo để phù hợp với đặc điểm hiện trạng của từng khu vực.

Đối với các khu vực đô thị có chất lượng hạ tầng và công trình tốt, mới thực hiện đầu tư xây dựng trong giai đoạn gần đây, thực hiện quản lý theo quy hoạch, bổ sung cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để phù hợp với tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Đối với các dự án đang triển khai ( như khu đô thị Sunrise; khu đô thị Aqua city...): tiếp tục thực hiện dự án, rà soát lại các giải pháp thiết kế, đối chiếu với quy hoạch chung và chỉ tiêu đô thị loại IV để bổ sung các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đối với các khu vực chưa xây dựng, xem xét định hướng quy hoạch

chung và nhu cầu phát triển của dự án để điều chỉnh phù hợp với định hướng của quy hoạch.

Đối với các quỹ đất là cơ sở sản xuất, cơ quan, công trình công cộng... trong khu vực Bút Sơn có nhu cầu chuyển đổi sang chức năng khác sẽ ưu tiên chuyển trên cơ sở để tái cân bằng theo quy hoạch sử dụng đất từng khu vực, kiểm soát chặt chẽ không gian chuyển đổi để phù hợp với tổng thể của từng khu vực, hạn chế chất tải quá lớn tới hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu vực.

### **5.3.6. Định hướng phát triển khu vực phát triển đô thị mở rộng**

Theo phương án nội thị ngoại thị, đến năm 2030 thành lập thị xã Hoàng Hoá, khu vực phát triển đô thị sẽ bao gồm khu vực lân cận Bút Sơn; khu vực đô thị Thịnh Lộc; khu vực đô thị Hải Tiến, và khu vực đô thị Phú Quý, các khu vực này ngoài khu vực Hoàng Thành và Hoàng Ngọc chưa có quy hoạch chung, các khu vực còn lại đã có quy hoạch chung được phê duyệt. Dự kiến đến năm 2030 sẽ có 23/36 xã sẽ thành Phường.

Các khu vực phát triển mở rộng được thực hiện theo dự án khu đô thị tổng thể đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, theo mô hình đô thị sinh thái, chất lượng cao, mang đặc thù về điều kiện tự nhiên và hình ảnh đặc trưng chung của đô thị Hoàng Hoá và đặc điểm tính chất chức năng hoạt động của từng khu vực đô thị.

Các khu phát triển đô thị mở rộng áp dụng các xu hướng phát triển đô thị mới của quốc tế và trong nước, hướng tới sự phát triển hiệu quả và bền vững, trong đó ưu tiên bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan tự nhiên, bảo vệ hệ sinh thái vùng, hạn chế tối đa việc san gạt địa hình tự nhiên.

Kiểm soát chặt chẽ không gian và khung hạ tầng để đảm bảo sự kết nối tổng thể chung của toàn đô thị, sự đồng bộ thống nhất trong từng khu vực để tạo nên các hình thái phát triển đặc trưng toàn đô thị, từng khu vực đô thị, nông thôn và dự trữ cho nhu cầu phát triển dài hạn. Khuyến khích phát triển các đặc trưng về cây xanh, mặt nước, kiến trúc hiện đại, hạ tầng thông minh.

Kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng và tầng cao công trình đảm bảo việc khai thác sử dụng đất hiệu quả, dành tỷ lệ đất hợp lý cho phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bãi đỗ xe, đặc biệt là các tiện ích cộng đồng như khuôn viên cây xanh, TDTT nhà văn hoá khu phố. Kiểm soát các công trình cao tầng, kiến trúc công trình cao tầng, công trình tại các vị trí điểm cao, tạo điểm nhấn cho đô thị.

### **5.3.7. Định hướng phát triển khu vực nông thôn**

Quá trình đô thị hóa dự báo sẽ diễn ra nhanh chóng tại Hoàng Hoá, phạm vi khu vực phát triển nông thôn sẽ dần từng bước thu hẹp. Theo phương án quy

hoạch dự kiến đến năm 2030 sẽ có 23/36 xã sẽ thành Phường, như vậy chỉ còn lại 13 xã là khu vực ngoại thị (Hoàng Xuân; Hoàng Giang; Hoàng Hợp; Hoàng Sơn; Hoàng Trinh; Hoàng Xuyên; Hoàng Đạt; Hoàng Hà; Hoàng Lưu; Hoàng Phong; Hoàng Châu; Hoàng Tân và Hoàng Trạch) các xã này sẽ phát triển theo mô hình nông thôn trong đô thị, chuyển dịch hoạt động các xã thuần nông về sản xuất nông nghiệp sang sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp dịch vụ du lịch và các lĩnh vực dịch vụ sinh thái.

Khai thác và bảo vệ cảnh quan sinh thái hiện có của khu vực nông thôn để hình thành các không gian, sản phẩm du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm và du lịch khám phá .... bổ trợ cho chuỗi sản phẩm du lịch biển. Chuyển đổi các không gian ở truyền thống của người dân kết hợp với các sản phẩm du lịch, dịch vụ làng du lịch, homestay, farmestay ... gắn không gian sinh thái, văn hóa và các dịch vụ du lịch chất lượng, hấp dẫn. Qua đó phải bảo vệ và định hướng kiến trúc, cảnh quan khu vực nông thôn hấp dẫn, hài hòa với cảnh quan sinh thái, hạn chế các mô hình đô thị hóa tự phát làm hỏng cảnh quan hiện trạng khu vực.

Phát triển hệ thống các công trình đa năng kết hợp phục vụ người dân, dịch vụ cộng đồng và khai thác cho các hoạt động dịch vụ du lịch, cung cấp các không gian dịch vụ đa dạng, sáng tạo cho cộng đồng. Các công trình công cộng được tổ chức gắn kết với các cụm dân cư, khu dịch vụ, khu du lịch , các điểm đầu mối để tạo sự tiếp cận thuận lợi cho người dân.

Phát triển hệ thống hạ tầng kết nối nhanh tới các khu vực, hạ tầng đặc thù theo từng khu vực để phù hợp với mục tiêu bảo vệ cảnh quan sinh thái, kết hợp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, dịch vụ đô thị nông thôn và dịch vụ du lịch. Khuyến khích phát triển các tuyến giao thông công cộng, giao thông sinh thái đi xe đạp, đi bộ ... để khai thác phát triển du lịch.

Chuyển đổi hoạt động sản xuất nông nghiệp thuần nông sang hoạt động sản xuất ứng dụng công nghệ cao, kết hợp với dịch vụ du lịch. Kiểm soát việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình nông nghiệp để đảm bảo không làm ảnh hưởng tới cảnh quan chung của khu vực, kết hợp tạo cảnh quan hấp dẫn cho mục đích khai thác du lịch.

Căn cứ vào các hành lang, phân vùng nông thôn để đưa ra các quy định quản lý, chỉ dẫn thiết kế cụ thể làm cơ sở cho công tác quản lý hoạt động xây dựng, hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có các giải pháp phát triển phù hợp với định hướng chung.



### 5.3.8. Định hướng quy hoạch không gian biển

Theo định hướng quy hoạch không gian biển trong Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, định hướng không gian mặt biển thuộc khu vực đô thị Hoàng Hoá thành các không gian chức năng như sau:

Vùng 03 hải lý tính từ bờ biển xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng, các khu vực cảng Lạch Trường; cảng Hải Tiến và cảng Lạch Hới, các khu nuôi trồng thủy sản ở Lạch Trường và Lạch Hới; Vùng khu vực 06 hải lý từ bờ biển xây dựng các khu trú tránh bão, các khu vực hoa tiêu kiểm dịch.

Nghiên cứu khu vực biển cạn, biển bồi tại Hoàng Trường có giải pháp lấn biển phù hợp khoảng 100ha xây dựng các cơ sở dịch vụ du lịch mật độ thưa, dành nhiều quỹ đất lấn biển phục vụ các nhu cầu cộng đồng như các khoảng không gian xanh, khoảng không gian mở.

- Không gian dành cho hoạt động lưu thông đường thủy bao gồm: Hành lang các tuyến lưu thông đường thủy, đường biển, vùng bên cảng, bến thuyền, khu vực đỗ tàu, thuyền trên mặt nước;

- Khu vực khai thác bãi tắm, dịch vụ biển: Bố trí các khu vực có điều kiện phù hợp, thuận lợi ven bờ để ưu tiên cho hoạt động dịch vụ du lịch ven bờ;

- Khu vực khai thác các hoạt động dịch vụ trên biển như: ngắm cảnh, đậu thuyền du lịch, dịch vụ ăn uống, lưu trú, thể thao, vui chơi giải trí trên biển.

- Khu vực xây dựng các công trình hạ tầng, kiến trúc ven bờ và trên biển;

- Khu vực bảo vệ hệ sinh thái vùng ngập nước, hạn chế các hoạt động xây dựng, dịch vụ:

Không gian và quy định quản lý cụ thể cho các hoạt động trên biển được thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn phát triển, phù hợp với yêu cầu quản lý cụ thể, phù hợp với các quy định quản lý không gian biển, trên nguyên tắc bảo tồn và phát huy cảnh quan sinh thái hấp dẫn, đặc trưng của vùng ven biển từ cửa Lạch Trường đến cửa Lạch Hới.

### 5.3.9. Định hướng quy hoạch tầng cao

Kiểm soát chặt chẽ tầng cao công trình phù hợp với đặc điểm địa hình, công trình sát mép biển sẽ thấp tầng hơn công trình cao tầng lùi vào bên trong để tạo không gian mở về phía biển, không làm che chắn tầm nhìn từ đô thị ra biển. Các điểm cao trong các khu vực lõi các điểm đô thị đã xác định (Bút Sơn; Phú Quý; Thịnh Lộc; Hoàng Ngọc) được xây dựng dạng nén có trọng tâm, xác định là điểm nhấn.

Xây dựng công trình cao tầng theo các cụm, điểm, tuyến để tạo nên nhịp điệu trong đô thị. Kiểm soát chặt chẽ hình thức kiến trúc các công trình cao tầng để tạo hình ảnh chung cho từng khu vực đô thị. Mỗi khu vực thực hiện thiết kế đô thị



riêng để chọn giải pháp công trình cao tầng phù hợp với đặc điểm hiện trạng của từng khu vực.

Mỗi khu vực chức năng lựa chọn một công trình cao tầng làm điểm nhấn, định hướng không gian và nhận biết cho từng khu vực đô thị, tạo sự tiếp cận dễ dàng cho người dân và du khách.

### **5.3.10. Định hướng phát triển không gian công cộng, không gian xanh**

Hệ thống các không gian công cộng được chú trọng phát triển theo các phân khu, tạo nên những chủ đề, sắc thái đa dạng trong tổng thể phát triển đô thị Hoàng Hoá. Hệ thống không gian công cộng được phát triển theo 3 tầng bậc gồm của đô thị, của các phân khu và của nhóm đơn vị. Các không gian công cộng được liên kết thành mạng lưới, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi, dễ dàng của người dân, du khách, lao động.

Không gian công cộng được hình thành trên cơ sở đa dạng sự hoạt động, tiếp cận ngày và đêm, tăng cường không gian mở để giao lưu, tiếp cận không gian tự nhiên của khu vực, ứng dụng khoa học công nghệ và các tiện ích thông minh.

Bảo vệ các khu vực ngoài đê sông Mã; sông Tào; sông Cung.. các khu vực này là một phần trong hệ thống cây xanh chuyên đề của đô thị như các công viên bán tự nhiên.

Các khu chức năng phát triển các không gian công cộng theo chủ đề, tính chất mang đặc trưng riêng của từng khu vực. Trong đó, ưu tiên phát triển các quảng trường, trục chức năng hoạt động.

Chú trọng phát triển các không gian công cộng cấp nhóm công trình, đơn vị ở theo sự phân bố của các khu vực dân cư, khu du lịch, để người dân, du khách được cung cấp tiện ích công cộng thường xuyên, dễ sử dụng.

Khuyến khích phát triển các không gian, công trình công cộng đa chức năng để tăng hiệu quả khai thác sử dụng, bền vững về thời gian, kết hợp giữa trong nhà và ngoài trời, ứng dụng khoa học công nghệ cao.

Hệ thống không gian cây xanh, mặt nước đóng vai trò quan trọng trong phát triển đô thị Hoàng Hoá. Khai thác tối ưu hệ thống đa dạng sinh thái, địa hình, cây xanh mặt nước đã có như các kênh tiêu, các dòng sông để phát triển hệ thống công viên, cây xanh mặt nước đô thị. Chú trọng đặc biệt xây dựng hệ thống cây xanh vùng ven sông Cung với các công viên bán ngập tự nhiên trở thành hình ảnh đặc trưng cho đô thị Hoàng Hoá trong tương lai.

Phát triển hệ thống các công viên chuyên đề theo từng khu vực để đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi cho người dân và tạo sự đa dạng cho du khách. Kết hợp với

các sự sáng tạo của các nhà đầu tư để tạo hệ thống các công viên với các chủ đề hoạt động đa dạng, phục vụ du khách được tốt hơn.

Khai thác các khu vực đồi núi Hoàng Xuân; Hoàng Sơn; Hoàng Yên tạo không gian xanh, đa dạng các không gian du lịch và không gian công cộng phục vụ cộng đồng. Bố trí hệ thống công trình, dịch vụ ngắm cảnh tại các điểm cao, gắn với các giải pháp trồng cây cảnh quan, tạo hình ảnh cho các khu vực chức năng.

Khai thác các trục tiêu thoát nước dạng mương hở để bố trí các tuyến cây xanh cảnh quan, đồng thời các trục giao thông chính của đô thị được thiết kế thành trục cảnh quan, làm trực liên kết tạo mạng lưới cây xanh đô thị.

### 5.3.11. Định hướng quy hoạch không gian, hạ tầng ngầm

Sử dụng không gian ngầm trong đô thị

- Phân loại công trình ngầm theo mục đích sử dụng:

+ Công trình ngầm giao thông vận tải (hầm đường sắt, hầm đường ô tô, hầm cho người đi bộ, đường tàu điện ngầm, ga tàu điện ngầm, bãi đỗ xe ngầm...).

+ Công trình ngầm dân dụng (các công trình công cộng: nhà văn hóa, thương mại, dịch vụ ngầm...)

+ Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngầm (trạm xử lý nước thải, trạm cấp nước ngầm, trạm biến áp ngầm...).

+ Các công trình đường dây, đường ống ngầm (đường ống cấp nước, thoát nước, cáp điện, cáp quang, thông tin...) hào, tuynel ngầm.

+ Các công trình ngầm công nghiệp (kho bể chứa ngầm, nhà máy ngầm).

+ Phần ngầm của các công trình trên mặt đất.

+ Các công trình ngầm khác...

- Những thách thức trong việc sử dụng không gian ngầm

Việc sử dụng không gian ngầm để xây dựng các công trình ngầm có nhiều lợi thế nhưng cũng không ít thách thức cần phải được cân nhắc khi quyết định lựa chọn là:

Đầu tư ban đầu lớn, khả năng thu hồi vốn lâu dài, độ rủi ro cao trong quá trình xây dựng, thường bị chậm tiến độ, phần lớn tăng chi phí đầu tư so với dự kiến ban đầu.

Việc dỡ bỏ các công trình ngầm không dễ dàng như đối với các công trình trên mặt đất.

Các vấn đề an toàn sinh mạng cho con người như thông hơi, chiếu sáng, chống ngập, thoát nước, cấp nước, phòng chống cháy nổ, khí độc...

Các tác động tới môi trường trong quá trình xây dựng, khai thác, vận hành và những sự cố công trình hay sự cố môi trường có thể xảy ra là những thách thức không nhỏ.

Đòi hỏi tính kỹ thuật, công nghệ, trình độ và năng lực chuyên nghiệp cao.

Đòi hỏi một hệ thống đồng bộ bao gồm: các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan đến quy hoạch, quản lý xây dựng, thi công xây dựng, nghiệm thu và bảo trì công trình ngầm trong đô thị và các quy định cụ thể về quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng công trình ngầm.

- Sử dụng không gian ngầm theo độ sâu trong đô thị

Tùy theo điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn, điều kiện hiện trạng xây dựng của mỗi đô thị và ý đồ tổ chức không gian trên mặt đất và không gian ngầm, việc sử dụng không gian ngầm theo độ sâu có thể chia ra các tầng khác nhau như sau:

Tầng thứ nhất (từ mặt đất xuống độ sâu 3 – 5m): bố trí các công trình đường dây, đường ống kỹ thuật ngầm, hào, cống bề cấp, hầm dành cho người đi bộ, bãi đỗ ô tô ngầm.

Tầng thứ hai (từ độ sâu 5 – 15m): bố trí bãi đỗ xe ngầm sâu, tuynel kỹ thuật, đường tàu điện ngầm nông, hầm đường ô tô đặt sâu, một số bể chứa ngầm.

Tầng thứ ba (từ độ sâu > 20m): chủ yếu bố trí đường tàu điện ngầm đặt sâu, hầm đường ô tô đặt sâu.

b. Định hướng quy hoạch không gian, hạ tầng kỹ thuật ngầm

+ Công trình công cộng, dịch vụ ngầm

Về cơ bản, các khu vực chức năng của thành phố Hạ Long đã cơ bản hình thành, có một số công trình có bố trí tầng hầm để phục vụ nhu cầu đỗ xe ngầm, thiết bị hạ tầng kỹ thuật. Không có điều kiện xây dựng các khu lớn để bố trí hệ thống hạ tầng ngầm liên thông để phục vụ chung cho nhu cầu đô thị.

Đối với các khu vực đô thị tập trung trước mắt tại Bút Sơn; Hải Tiến cần quy định bố trí không gian ngầm để sử dụng cho các hoạt động dịch vụ, đỗ xe ngầm và bố trí các trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật. Về lâu dài, các khu vực Thịnh Lộc, Phú Quý cũng cần nghiên cứu và có các quy định về xây dựng không gian ngầm cụ thể.

Các công trình công cộng, dịch vụ ngầm có khả năng triển khai tại Hoàng Hoá bao gồm: Khu vực du lịch ven biển Hải Tiến; các khu dịch vụ thương mại (mua sắm,..); nhà hàng, khu vui chơi, giải trí...; Các công trình công cộng, dịch vụ ngầm được xây dựng sẽ tập trung ở khu vực trung tâm đô thị, nơi có mật độ xây dựng cao, lượng dân cư lớn; công trình giao thông ngầm. Bố trí không gian ngầm kết nối các công trình riêng lẻ để tăng cao diện tích khai thác sử dụng và bổ sung diện tích đậu xe.

Đối với các công trình công cộng, dịch vụ tại các khu vực trung tâm được yêu cầu bố trí 1-3 tầng hầm, tùy theo chiều cao công trình để bố trí công trình dịch vụ và chỗ đậu xe cho công trình và khu vực lân cận.

Việc xây dựng các khu công cộng ngầm có thể kết nối với các bãi đỗ xe ngầm, các lối đi bộ ngầm để tạo thành một không gian ngầm hoàn chỉnh, phục vụ nhu cầu của người dân đô thị.

#### + Công trình giao thông ngầm

Các loại hình giao thông ngầm dự kiến nghiên cứu tại Hoàng Hoá đến năm 2045 bao gồm: Hầm đường bộ (nhỏ) qua đường sắt tại khu vực khu công nghiệp Phú - Quý, Bãi đỗ xe ngầm trong trong các công trình công cộng, dịch vụ, công viên, quảng trường.

Trong quá trình phát triển đô thị nếu các công trình công cộng ngầm được xây dựng, để thuận tiện hơn trong việc đỗ xe có thể sẽ phát sinh nhu cầu xây dựng bãi đỗ xe ngầm.

Hầm dành cho người đi bộ ngầm: Tại các nút giao thông, thiết kế đường đi bộ qua đường giao cắt cùng mức hoặc dạng cầu vượt với đường xe cơ giới sẽ được ưu tiên. Xây dựng hầm đi bộ ngầm tại một số nút giao thông chính khu vực có mật độ xây dựng cao, tạo cảnh quan thông thoáng cho không gian khu trung tâm, đồng thời tăng khả năng kết nối với các công trình ngầm khác. Các khu vực dự kiến xây dựng công trình công cộng, bãi đỗ xe ngầm có thể nghiên cứu thiết kế một số lối đi bộ ngầm, đảm bảo kết nối thuận tiện không gian trên, dưới mặt đất. cầu phát triển và sử dụng không gian ngầm.

#### + Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm

Ngoài hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đã được ngầm hóa theo mạng lưới riêng, chạy dọc các tuyến giao thông. Bố trí các tuyến tuynen ngầm tại một số trục chính có lộ giới lớn để đi chung cơ sở hạ tầng đô thị. Việc quy hoạch, thiết kế hợp lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật vào các tuynel, hào kỹ thuật ngầm.. sẽ đảm bảo cho việc vận hành, duy tu và kiểm soát mở rộng, phát triển trong tương lai.

Trong quá trình quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm cần có nghiên cứu tổng thể, khớp nối hợp lý giữa các khu vực đã và đang xây dựng, phân kỳ đầu tư để đảm bảo tính khả thi và hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động của các khu vực hiện hữu.

#### 5.4. Định hướng các khu vực Nội thị, ngoại thị theo các giai đoạn

##### *Giai đoạn đến năm 2030*

Đến năm 2030 dự báo Hoàng Hoá sẽ có 23/36 xã sẽ thành Phường

Cụ thể:

+ Khu vực phía Bắc sông Tào sẽ gồm lõi là đô thị phú Quý, gồm các xã: Hoàng Quý, Hoàng Phú; Hoàng Quỳnh; Hoàng Kim; Hoàng Trung và Hoàng Cát

+ Khu vực Bút Sơn và vùng lân cận gồm các xã: Hoàng Đức, thị trấn Bút Sơn; Hoàng Đồng và Hoàng Đạo.

+ Khu vực Thịnh Lộc gồm các xã: Hoàng Lộc; Hoàng Thịnh; Hoàng Thái; Hoàng Thắng; Hoàng Thành (trong đó xã Hoàng Lộc sẽ sát nhập do không đủ diện tích tối thiểu 50% cấp phường)

+ Khu vực Hải Tiến: sẽ bao gồm các xã: Hoàng Yên; Hoàng Trường; Hoàng Hải Hoàng Tiến; Hoàng Thanh; Hoàng Phú; Hoàng Đông và Hoàng Ngọc.

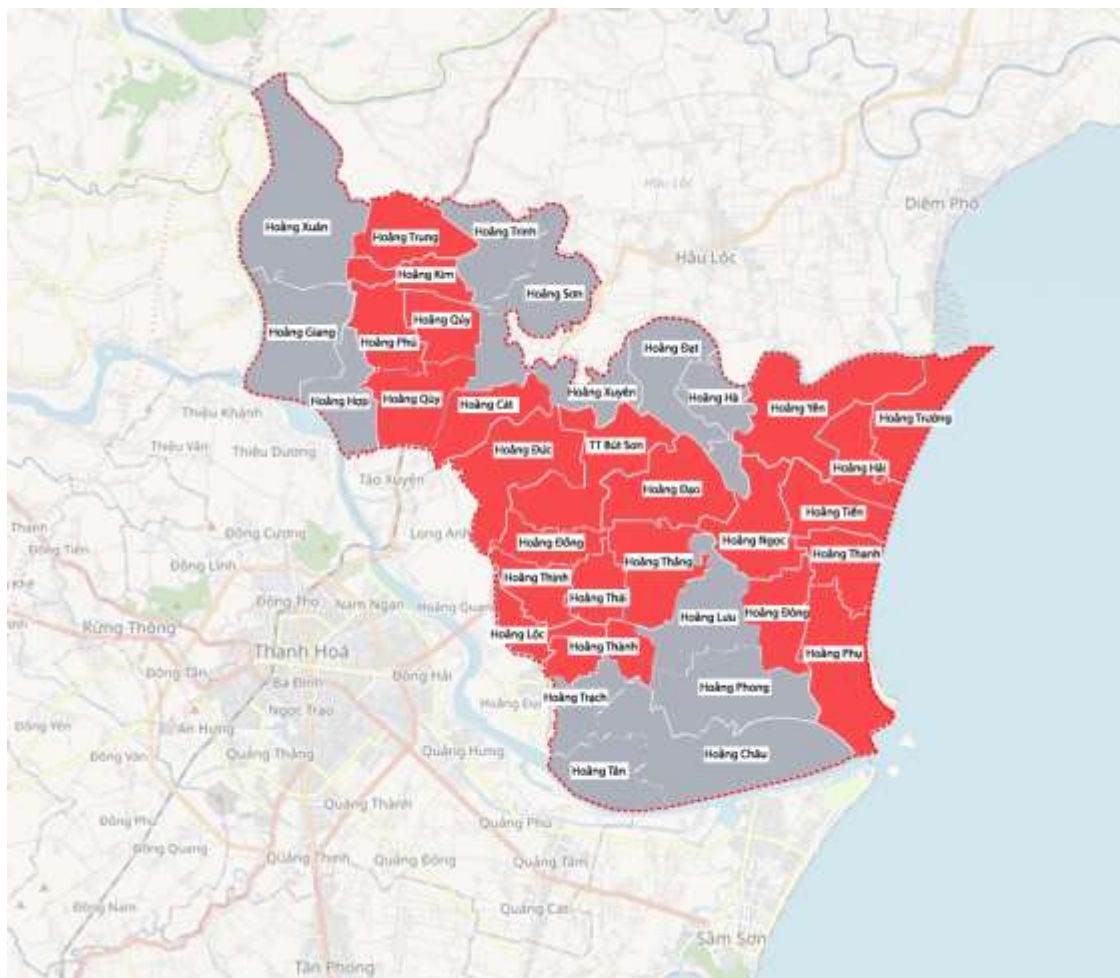
##### *Định hướng quy hoạch khu vực nội thị - ngoại thị đến năm 2030*

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng diện tích</b>		<b>203,8</b>	<b>100,00</b>
<b>Khu vực Nội thị</b>		<b>115,3</b>	<b>56,56</b>
1	Thị trấn Bút Sơn	7,7	
2	Xã Hoàng Phú	4,1	
3	Xã Hoàng Quý	3,6	
4	Xã Hoàng Kim	2,8	
5	Xã Hoàng Trung	4,9	
6	Xã Hoàng Cát	4,4	
7	Xã Hoàng Quỳnh	5,1	
8	Xã Hoàng Đức	7,4	
9	Xã Hoàng Đồng	2,9	
10	Xã Hoàng Thịnh	3,3	
11	Xã Hoàng Thái	2,8	
12	Xã Hoàng Lộc <sup>42</sup>	2,5	
13	Xã Hoàng Thành	3,6	

<sup>42</sup> xã Hoàng Lộc dự kiến sẽ sát nhập do không đủ diện tích tối thiểu 50% cấp phường

**Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045**

14	Xã Hoàng Thắng	6,0	
15	Xã Hoàng Đạo	6,9	
16	Xã Hoàng Yên	9,9	
17	Xã Hoàng Tiến	4,3	
18	Xã Hoàng Hải	3,8	
19	Xã Hoàng Ngọc	5,8	
20	Xã Hoàng Đông	4,3	
21	Xã Hoàng Thanh	4,1	
22	Xã Hoàng Phụ	9,0	
23	Xã Hoàng Trường	5,8	
<b><i>Khu vực Ngoại thị</i></b>		<b>88,6</b>	<b>43,44</b>
1	Xã Hoàng Giang	7,5	
2	Xã Hoàng Xuân	13,5	
3	Xã Hoàng Hợp	4,4	
4	Xã Hoàng Trinh	5,7	
5	Xã Hoàng Sơn	5,7	
6	Xã Hoàng Xuyên	6,1	
7	Xã Hoàng Trạch	3,5	
8	Xã Hoàng Phong	9,1	
9	Xã Hoàng Lưu	5,9	
10	Xã Hoàng Châu	12,4	
11	Xã Hoàng Tân	4,7	
12	Xã Hoàng Hà	4,3	
13	Xã Hoàng Đạt	5,9	



Khu vực nội thị

Khu vực ngoại thị

**Phương án khu vực nội thị - ngoại thị đến năm 2030**

**Giai đoạn đến năm 2045**

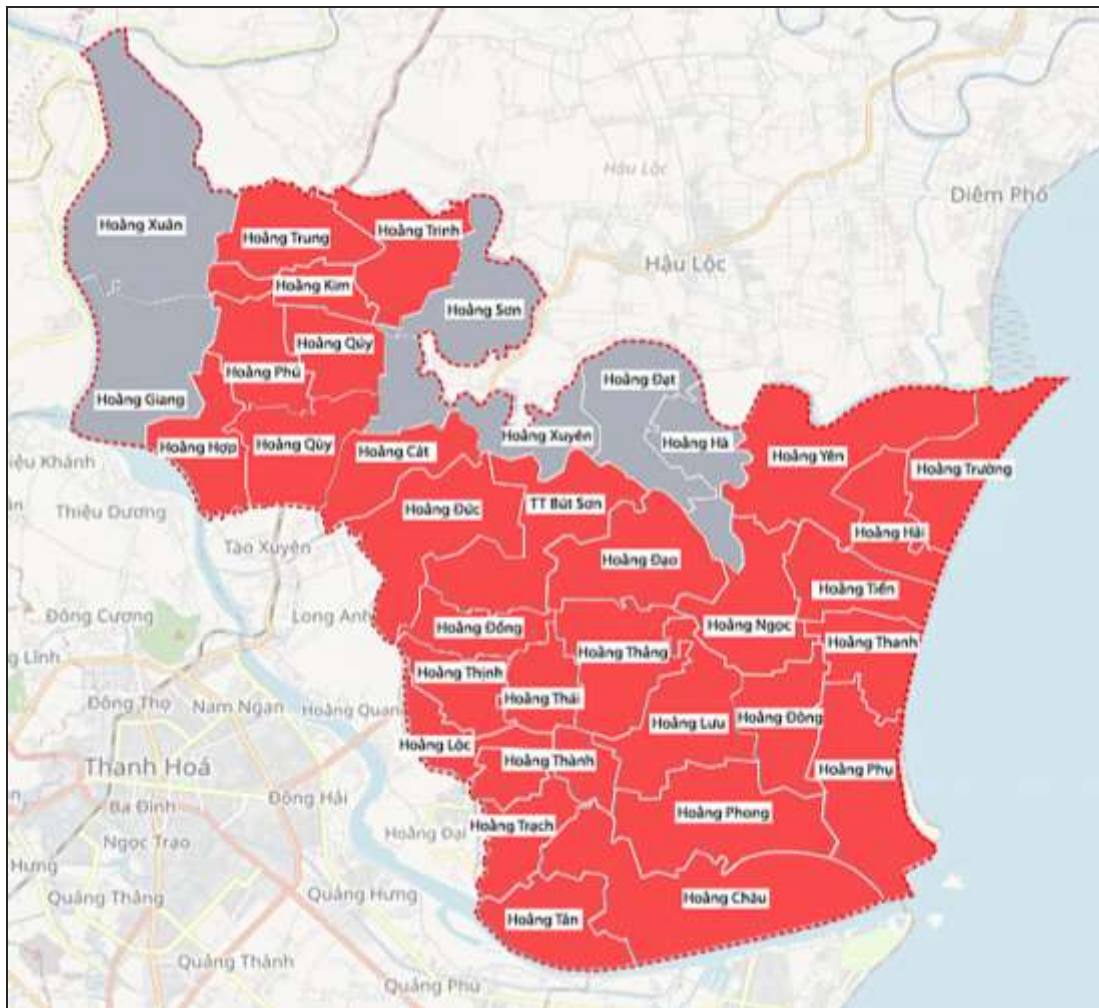
Bổ sung thêm các xã sẽ thành phường gồm: Hoàng Trinh; Hoàng Hợp; Hoàng Lưu; Hoàng Phong; Hoàng Châu; Hoàng Tân; Hoàng Trạch. Như vậy đến năm 2045 Hoàng Hoá có khoảng 30 phường và 6 xã ngoại thị.

*Định hướng quy hoạch khu vực nội thị - ngoại thị đến năm 2045*

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng diện tích</b>		<b>203,9</b>	<b>100,00</b>
<b>Khu vực Nội thị</b>		<b>161,0</b>	<b>78,95</b>
1	Thị trấn Bút Sơn	7,7	
2	Xã Hoàng Phú	4,1	
3	Xã Hoàng Quý	3,6	
4	Xã Hoàng Kim	2,8	
5	Xã Hoàng Trung	4,9	
6	Xã Hoàng Cát	4,4	
7	Xã Hoàng Quỳnh	5,1	

8	Xã Hoàng Hợp	4,4	
9	Xã Hoàng Trinh	5,7	
10	Xã Hoàng Đức	7,4	
11	Xã Hoàng Đông	2,9	
12	Xã Hoàng Thịnh	3,3	
13	Xã Hoàng Thái	2,8	
14	Xã Hoàng Lộc	2,5	
15	Xã Hoàng Thành	3,6	
16	Xã Hoàng Thắng	6,0	
17	Xã Hoàng Đạo	6,9	
18	Xã Hoàng Yên	9,9	
19	Xã Hoàng Tiến	4,3	
20	Xã Hoàng Hải	3,8	
21	Xã Hoàng Ngọc	5,8	
22	Xã Hoàng Đông	4,3	
23	Xã Hoàng Thanh	4,1	
24	Xã Hoàng Phụ	9,0	
25	Xã Hoàng Trường	5,8	
26	Xã Hoàng Trạch	3,5	
27	Xã Hoàng Phong	9,1	
28	Xã Hoàng Lưu	5,9	
29	Xã Hoàng Châu	12,4	
30	Xã Hoàng Tân	4,7	
<b>Khu vực Ngoại thị</b>		<b>42,9</b>	<b>21,05</b>
1	Xã Hoàng Giang	7,5	
2	Xã Hoàng Xuân	13,5	
3	Xã Hoàng Sơn	5,7	
4	Xã Hoàng Xuyên	6,1	
5	Xã Hoàng Hà	4,3	
6	Xã Hoàng Đạt	5,9	





- khu vực nội thị
- khu vực ngoại thị

**Phương án khu vực nội thị - ngoại thị đến năm 2045**

**5.5. Định hướng phát triển các phân khu chức năng đô thị:**

- Nguyên tắc xác định các quy hoạch phân khu đô thị: Phân chia phân khu trong quy hoạch chung đô thị là một phần quan trọng của quy hoạch chung đô thị nhằm đảm bảo sự phát triển cân đối, hiệu quả và bền vững; chia sẻ các chức năng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Cụ thể:

+ Phù hợp với phân vùng phát triển không gian, đảm bảo sự phát triển chung trong tổng thể chức năng và không làm mâu thuẫn trong phân vùng phát triển.

+ Cân bằng và cụ thể các chức năng đô thị cho các khu vực: việc phân chia phân khu dựa theo các chức năng của đô thị, tuyến giao thông chính đô thị đảm bảo nổi bật chức năng đô thị, tránh đầu tư dàn trải, gây lãng phí nguồn lực.

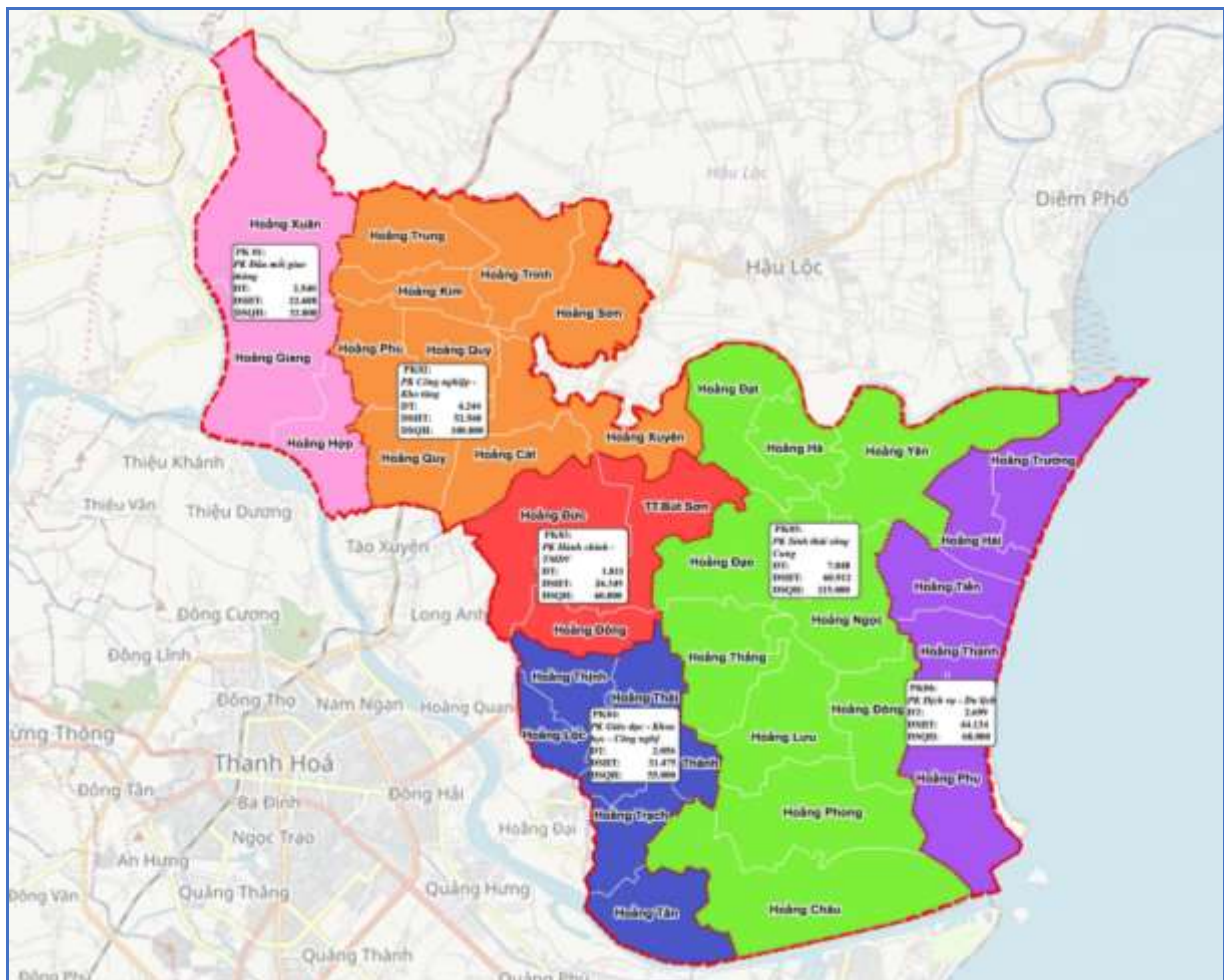
+ Phù hợp với ranh giới hành chính xã, thị trấn để thuận lợi trong việc xác định các tiêu chuẩn thành lập phường, đặc biệt là Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

+ Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Đảm bảo các khu vực xanh, không gian mở được phân bố hợp lý trong đô thị để duy trì chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững. Các khu công nghiệp tập trung được xác định và định hướng chức năng sử dụng phù hợp với từng phân khu cụ thể.

- Phân chia phân khu đô thị:

Trên cơ sở nguyên tắc xác định phân khu; kế thừa các phân khu chức năng hiện hữu, hướng phát triển đô thị theo phương án 1: Phát triển đa trung tâm và phương án nội – ngoại thị. Về ranh giới: sẽ lấy hết địa giới hành chính của các xã; Về chức năng: nghiên cứu mỗi PK có tính chất, chức năng tương đồng

***Trên cơ sở các nguyên tắc trên, đô thị Hoàng Hoá sẽ gồm 6 phân khu***



Sơ đồ các phân khu đô thị Hoàng Hoá

<b>Phương án phân khu - Đô thị Hoàng Hoá</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Dân số Hiện trạng</b>	<b>Dân số QH (2045)</b>
<b>TỔNG SỐ</b>	203.87,24	238.043	435.000
<b>Phân khu 01:</b> Đầu mối giao thông, du lịch văn hoá, nông nghiệp công nghệ cao (Xã Hoàng Giang, xã Hoàng Xuân, xã Hoàng Hợp)	2.540,4	22.608	32.000
<b>Phân khu 02:</b> Công nghiệp - Kho tàng (Xã Hoàng Trinh, xã Hoàng Phú, xã Hoàng Sơn, xã Hoàng Kim, xã Hoàng Trung, xã Hoàng Quý, xã Hoàng Cát, xã Hoàng Xuyên, xã Hoàng Quỳnh)	4.244,5	52.561	100.000
<b>Phân khu 03:</b> Hành chính - Thương mại dịch vụ (Xã Hoàng Đồng, thị trấn Bút Sơn, xã Hoàng Đức)	1.811,4	26.345	60.000
<b>Phân khu 04:</b> Giáo dục - Khoa học - Công nghệ (Xã Hoàng Thịnh, xã Hoàng Thái, xã Hoàng Lộc, xã Hoàng Tân, xã Hoàng Thành, xã Hoàng Trạch)	2.056,9	31.474	55.000
<b>Phân khu 05:</b> Đô thị sinh thái, du lịch chuyên đề (Xã Hoàng Phong, xã Hoàng Lưu, xã Hoàng Châu, xã Hoàng Ngọc, xã Hoàng Đông, xã Hoàng Thắng, xã Hoàng Đạt, xã Hoàng Hà, xã Hoàng Yên, xã Hoàng Đạo)	7.048,6	60.912	115.000
<b>Phân khu 06:</b> Dịch vụ - Du lịch, kinh tế biển (Xã Hoàng Tiến, xã Hoàng Thanh, xã Hoàng Trường, xã Hoàng Hải, xã Hoàng Phụ)	2.699,1	44.143	68.000

## CHƯƠNG VI: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 6.1. Quan điểm sử dụng đất

Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất nông lâm nghiệp và cải thiện môi trường.

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong cơ cấu sử dụng đất cần dành một tỷ lệ thích hợp cho các mục đích sử dụng phi nông nghiệp căn cứ vào điều kiện thực tế, đáp ứng các yêu cầu phát triển lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn.

Sử dụng hợp lý các loại đất chuyên dùng, đất ở trong khu dân cư đô thị và nông thôn theo tiến trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cùng với việc bố trí hợp lý đất ở, đất sản xuất cho các khu vực nông thôn để ổn định đời sống dân cư.

### 6.2. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Chỉ tiêu sử dụng đất áp dụng cho đô thị Hoàng Hoá phải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các yêu cầu của đô thị trong các giai đoạn.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu: Đất xây dựng đô thị gồm đất dân dụng và đất ngoài dân dụng, trong đó:

+ Đất dân dụng gồm đất đơn vị ở, đất cây xanh, đất công trình công cộng, đất giao thông, đất hỗn hợp kết hợp ở, đất cơ quan trụ sở đô thị, đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị. Áp dụng cho đô thị Hoàng Hoá là đô thị loại IV.

+ Đất ngoài dân dụng bao gồm các loại đất dành cho công trình đặc biệt, công trình chuyên dụng theo yêu cầu của đô thị (đất cây xanh, công viên, đất giao thông đối ngoại, đất phát triển kinh tế - xã hội như: công nghiệp, du lịch, hạ tầng kỹ thuật...). Chỉ tiêu đất ngoài dân dụng không quy định trong QCVN 01:2019/BXD.

### 6.3. Định hướng Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn

Trên cơ sở tổ chức không gian đô thị, thực trạng về quản lý hành chính hiện hữu, đô thị Hoàng Hoá được phân chia thành 3 phân vùng bao gồm 6 phân khu quy hoạch để kiểm soát phát triển.

Tổng diện tích tự nhiên khu vực lập quy hoạch là **20.387,24** ha

Nhu cầu sử dụng đất được dự báo như sau:

### 6.3.1. Quy hoạch sử dụng đất đến 2030

Đến năm 2030: khu vực nội thị gồm 23 đơn vị hành chính cấp phường. Tổng diện tích khoảng 11.531 ha, bao gồm các xã (hiện nay): Hoàng Quý, Hoàng Phú; Hoàng Quỳnh; Hoàng Kim; Hoàng Trung; Hoàng Cát; Hoàng Đức, thị trấn Bút Sơn; Hoàng Đồng; Hoàng Đạo; Hoàng Lộc; Hoàng Thịnh; Hoàng Thái; Hoàng Thắng; Hoàng Thành; Hoàng Yên; Hoàng Trường; Hoàng Hải Hoàng Tiến; Hoàng Thanh; Hoàng Phụ; Hoàng Đông và Hoàng Ngọc.

Đến năm 2030, nhu cầu đất xây dựng đô thị khoảng: 3.800ha

**a/ Đất khu vực dân dụng khoảng: 1.850ha** (các công trình chức năng phục vụ đô thị);

*Cụ thể:*

- Đất đơn vị ở: Quy mô khoảng 1.286 ha, bao gồm: đất công cộng đơn vị ở, đất cây xanh - TDTT đơn vị ở, đất trường học (trường tiểu học, trường THCS), đất giao thông đơn vị ở, đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo, đất đơn vị ở dự án đang triển khai và đất đơn vị ở đô thị mới (Chỉ tiêu đất đơn vị ở đối với các dự án đang triển khai khoảng 50,0m<sup>2</sup>/người, chỉ tiêu bình quân đất đơn vị ở đô thị mới khoảng 27,0 m<sup>2</sup>/người).

- Đất công cộng đô thị (Đất Dịch vụ - công cộng): khoảng 145,3 ha (chỉ tiêu >4,0 m<sup>2</sup>/người, bao gồm: trường THPT, bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa, nhà văn hóa, chợ trung tâm đô thị và các công trình công cộng, các công trình dịch vụ thương mại khác cấp đô thị.

- Đất cây xanh công cộng ngoài đơn vị ở: khoảng 155.6 ha; chỉ tiêu >5,0 m<sup>2</sup>/người, bao gồm: công viên vườn hoa, cây xanh TDTT

- Đất giao thông đô thị: khoảng 263.1ha, gồm các đường trục chính đô thị, đường phân khu vực kết nối các đơn vị ở, đường liên khu vực. Ngoài ra, bố trí các không gian mở là các quảng trường giao thông.

**b. Đất ngoài dân dụng khoảng 1.950 ha** (bao gồm các công trình chức năng ngoài đô thị)

*Cụ thể:*

+ Đất trụ sở, cơ quan khoảng 56 ha (bao gồm cả các cơ quan, trụ sở cấp ngoài đô thị đóng trên địa bàn);

+ Đất TMDV cấp vùng (Đất dịch vụ thương mại, du lịch) khoảng 142.5ha;

+ Đất sản xuất công nghiệp khoảng 1.036 ha;

- + Đất công trình đầu mối (hạ tầng kỹ thuật) 120.6ha;
- + Đất giao thông đối ngoại khoảng 328.6 ha;
- + Đất cây xanh chuyên đề (cây xanh chuyên dụng) khoảng 171.2 ha;
- + Đất tôn giáo tín ngưỡng: 25.1 ha;

c. Đất khác: khoảng 16.587, bao gồm:

- + Đất dự trữ phát triển khoảng 210 ha (khu vực dự trữ phát triển)
- + Đất an ninh khoảng: 8.3ha
- + đất quốc phòng khoảng: 89.47 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ khoảng 220.6 ha;
- + Đất cây xanh cảnh quan, đồi núi, bãi tắm khoảng 1.278 ha;
- + Đất nông nghiệp khoảng 9.850 ha;
- + Đất sông suối, mặt nước khoảng 4.921ha.

### **6.3.2. Quy hoạch sử dụng đất đến 2045**

Đến năm 2045: khu vực nội thị gồm 30 đơn vị hành chính cấp phường. Tổng diện tích khoảng 161.000 ha, bao gồm các xã đã thành phường giai đoạn đến 2030: Hoàng Quý, Hoàng Phú; Hoàng Quỳ; Hoàng Kim; Hoàng Trung; Hoàng Cát; Hoàng Đức, thị trấn Bút Sơn; Hoàng Đồng; Hoàng Đạo; Hoàng Lộc; Hoàng Thịnh; Hoàng Thái; Hoàng Thắng; Hoàng Thành; Hoàng Yên; Hoàng Trường; Hoàng Hải Hoàng Tiến; Hoàng Thanh; Hoàng Phụ; Hoàng Đông và Hoàng Ngọc.

Bổ sung thêm các xã sẽ thành phường gồm: Hoàng Trinh; Hoàng Hợp; Hoàng Lưu; Hoàng Phong; Hoàng Châu; Hoàng Tân; Hoàng Trạch.

Như vậy đến năm 2045: đô thị Hoàng Hoá có khoảng 30 phường và 6 xã ngoại thị. Nhu cầu đất xây dựng đô thị khoảng 5.900 ha, trong đó:

**a/ Đất dân dụng:** khoảng 3.150 ha (chỉ tiêu 80 m<sup>2</sup>/người)

- *Đất đơn vị ở:* Quy mô khoảng 2.100, bao gồm: đất công cộng đơn vị ở, đất cây xanh - TDTT đơn vị ở, đất trường học (trường tiểu học, trường THCS), đất giao thông đơn vị ở, đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo, đất đơn vị ở dự án đang triển khai và đất đơn vị ở đô thị mới (Chỉ tiêu đất đơn vị ở đối với các dự án đang triển khai khoảng 50,0m<sup>2</sup>/người, chỉ tiêu bình quân đất đơn vị ở đô thị mới khoảng 27,9 m<sup>2</sup>/người).

- Đất công cộng đô thị (Đất Dịch vụ - công cộng) : khoảng 187 ha (chỉ tiêu >4,0 m<sup>2</sup>/người), bao gồm: trường THPT, bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa,

nhà văn hóa, chợ trung tâm đô thị và các công trình công cộng, các công trình dịch vụ thương mại khác phục vụ nhu cầu dân cư).

- Đất cây xanh công cộng ngoài đơn vị ở: khoảng 260 ha, (chỉ tiêu >5,0 m<sup>2</sup>/người), bao gồm: công viên vườn hoa, cây xanh TDTT

- Đất giao thông đô thị: 203ha, gồm các đường trục chính đô thị, đường phân khu vực kết nối các đơn vị ở, đường liên khu vực. Ngoài ra, bố trí các không gian mở là các quảng trường giao thông.

**b. Đất ngoài dân dụng:** khoảng 2.750 ha, bao gồm các công trình chức năng ngoài đô thị:

+ Đất trụ sở, cơ quan khoảng 76.5 ha (bao gồm cả các cơ quan, trụ sở cấp ngoài đô thị đóng trên địa bàn);

+ Đất TMDV cấp vùng (Đất dịch vụ thương mại, du lịch) khoảng 142.5ha;

+ Đất sản xuất công nghiệp khoảng 1.507 ha;

+ Đất công trình đầu mối (hạ tầng kỹ thuật) 152.6ha;

+ Đất giao thông đối ngoại khoảng 518.2 ha;

+ Đất cây xanh chuyên đề (cây xanh chuyên dụng) khoảng 328.1 ha;

+ Đất tôn giáo tín ngưỡng: 25.1 ha;

**c. Đất khác:** khoảng 14.487 ha, bao gồm:

+ Đất an ninh khoảng: 8.3ha

+ Đất quốc phòng khoảng: 89.47 ha;

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ khoảng 250.5 ha;

+ Đất cây xanh cảnh quan, đồi núi, bãi tắm khoảng 1.378 ha;

+ Đất nông nghiệp khoảng 8.510 ha;

+ Đất sông suối, mặt nước khoảng 4.250ha.

#### **6.4. Quy định quản lý sử dụng đất**

Các chỉ tiêu quy hoạch được khống chế tối thiểu để đảm bảo điều kiện tiện nghi sinh hoạt đô thị và khống chế tối đa nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên và ngưỡng khống chế sử dụng các chỉ tiêu quy hoạch.

Khu đô thị với nhiều khu vực chức năng đặc thù, là khu vực đô thị hóa từ khu vực nông thôn với đặc điểm gò đồi, bán sơn địa tại khu vực sẽ áp dụng các chỉ tiêu quy hoạch.



+ Đối với khu ở:

- Yêu cầu về chuẩn bị đất đai và sử dụng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật :

Chuẩn bị đất đai các khu ở mới đảm bảo không úng lụt và phù hợp với qui hoạch tổng thể. Cốt xây dựng tuân thủ theo QH san nền từng lô đất, khi xây dựng phải xin cấp phép. Đối với cốt sân nhà, tầng cao nhà, mặt đứng nhà khi xây dựng sẽ tuân thủ theo hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Các khu nhà ở có hệ thống thu gom rác và có điểm tập trung rác theo qui hoạch chi tiết được duyệt. Nhà ở xây dựng cách điểm tập trung rác trên 50m và có trồng cây cách ly, thiết kế sân chơi, vườn hoa, khuôn viên cho từng khu ở.

- Yêu cầu quản lý xây dựng:

Chỉnh trang khu ở hiện hữu: cấu trúc không gian sinh thái trong làng như (đất vườn) sẽ được kế thừa dưới dạng đất nhà vườn đô thị. Đối với các khu vực đã đô thị hóa, mở rộng các tuyến chính đạt chuẩn đô thị để tăng chất lượng hạ tầng. Cung cấp đầy đủ hạ tầng xã hội đơn vị ở. Tăng chất lượng và sức chứa hạ tầng kỹ thuật.

Nhà ở tái định cư tại chỗ: chính sách nhà ở yêu cầu dự án cung cấp đủ quỹ đất, phân bố đều trong các tiểu khu để phục vụ giãn dân nhằm thực thi quy hoạch.

Nhà ở liền kề: nhà ở hộ gia đình không khuyến khích kinh doanh mặt phố, có mặt tiền từ 5-6m, diện tích 100-150 m<sup>2</sup>/lô. Đây là thể loại chiếm tỷ trọng chính trong đất ở mới. Áp dụng chính sách linh hoạt như: cho phép hợp thửa để trở thành nhà biệt thự, cho phép chuyển đổi thành nhà cửa hàng trên một số tuyến phố nếu như tình hình phát triển kinh tế xã hội cho phép các tuyến phố đó trở thành phố tiểu thương. Là thể loại nhà tự xây. Về cơ bản, không khuyến khích hoạt động kinh doanh mặt phố trong khu ở để giữ được chất lượng môi trường và văn hóa khu ở.

Nhà ở thương mại: nhà ở liền kề với cửa hàng tầng trệt và cho thuê hoặc ở tại các tầng trên. Nhà cửa hàng chỉ phân bố ở những khu vực cho phép kinh doanh mặt phố chính đô thị. Công trình nhà cửa hàng có mặt tiền tối thiểu 4m-20m. Có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ vào chức năng kinh doanh.

Nhà chung cư: trong các khu đất hỗn hợp thương mại dịch vụ, có thể bố trí đất xây dựng chung cư thấp tầng (dưới 6 tầng). Quỹ đất cho chung cư không vượt quá 25% quỹ đất hỗn hợp TMDV. Tầng 1 chung cư không dùng cho căn hộ. Quỹ



đất ở này dành cho nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở thu hút lao động trẻ đến làm việc.

Việc xây dựng nhà ở phải tuân thủ theo đúng quy hoạch về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tầng cao nhà, độ đua ra của ban công, ô văng ... được yêu cầu phù hợp với từng đường phố. Trước khi xây dựng phải có đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng (trừ những trường hợp được miễn cấp giấy phép theo luật định) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải tuân theo sự hướng dẫn của cơ quan trực tiếp quản lý xây dựng đô thị.

+ Đối với các cơ sở sản xuất

Bố trí công trình hợp lý, để đạt được các tiêu chuẩn cách ly vệ sinh và phòng chống cháy nổ. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp phải được xây dựng hoàn chỉnh, đặc biệt là hệ thống xử lý chất thải phải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tạo hệ thống cây xanh cách ly đối với cơ sở sản xuất công nghiệp, kết hợp hệ thống xử lý thoát nước thải của khu công nghiệp.

+ Đối với công trình dịch vụ, công cộng

Yêu cầu về công trình: các công trình công cộng cấp đô thị cần tổ chức thành các trung tâm trên cơ sở nhóm chức năng (thương mại, dịch vụ, y tế, văn hóa, quản lý hành chính, văn phòng giao dịch ...). Nhằm tiết kiệm khai thác hiệu quả quỹ đất.

Các công trình đặc biệt, điểm nhấn cần có quảng trường và không gian mở lớn phía trước công trình.

Tuyến phố thương mại cho phép xây dựng các công trình chuyên về tính TMDV như chợ dân sinh, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối... Các khu vực có trụ sở công ty, khách sạn cũng được xếp vào loại hình đất TMDV. Các tuyến phố nhà chia lô cho phép hoạt động dạng cửa hàng mặt phố được quy định trong quy hoạch. Các công trình làm cửa hàng, hoặc cho thuê tầng trên làm công ty, hoặc làm khách sạn phải đảm bảo phù hợp quy định cụ thể theo từng loại.

Khuyến khích: Tạo không gian thương mại nổi bật, có nhịp điệu về tầng cao và khối tích. Gắn kết hợp lý giữa giao thông công cộng với các hoạt động thương mại, tạo không gian linh hoạt cho những sự kiện đa năng suốt ngày đêm.

Ưu tiên hỗn hợp đa dạng chức năng công trình, trong đó có chức năng công cộng trên cùng khu đất

Khuyến khích kiểu bố cục mặt bằng khối liên hoàn hoặc hợp khối. Công trình bám sát mặt phố để tạo diện mạo phố. Bố trí sân rộng bên trong để điều hoà vi khí hậu và tổ chức hoạt động nội bộ. Bố trí bãi xe sân trong. Giảm thiểu để xe lẫn át mặt phố.

- Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật:

Cốt nền của các khu vực thiết kế đảm bảo thoát nước và không ảnh hưởng các công trình lân cận công trình lân cận.

Các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị đều có bãi đỗ xe, tùy theo từng khu vực qui mô bố trí hợp lý.

Đối với các công trình trung tâm lớn: thiết kế chiếu sáng phù hợp cho ngoại thất công trình vừa đảm bảo an toàn vừa cải tạo cảnh quan đô thị.

- Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Các khu trung tâm đều có hệ thống thu gom rác thiết kế thuận lợi, bố trí trên các đường nhánh và gần các mối giao cắt đường đô thị.

Cây xanh khu trung tâm công cộng trồng nhiều chủng loại cây trang trí, tạo ra nhiều không gian tạo cảnh quan môi trường phong phú.

-Yêu cầu về quản lý xây dựng:

Các công trình thuộc khu trung tâm chỉ được xây dựng khi có dự án đầu tư và qui hoạch mặt bằng xây dựng được cấp có thẩm quyền được phê duyệt trên cơ sở qui hoạch chi tiết và hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng theo luật định.

Giới hạn khu đất và chỉ giới xây dựng công trình được xác lập theo qui hoạch mặt bằng xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt tùy thuộc theo qui mô, tính chất, vị trí xây dựng từng công trình.

+ Đối với khu công viên, cây xanh

Bao gồm các công viên trong các đơn vị ở, nhóm ở và dải công viên cây xanh đô thị kết hợp không gian mặt nước.

Phát triển hệ thống cây xanh đô thị kết hợp với cải tạo chỉnh trang hệ thống công viên, cây xanh hiện có gắn với không gian mặt nước.

Hệ thống cây xanh TĐTT được bố trí khai thác tối đa điều kiện địa hình, cảnh quan tự nhiên, các hồ nước kênh mương hiện có gắn kết không gian đi bộ, tổ chức khu công viên cây xanh giải trí kết hợp TĐTT.

- Yêu cầu về chuẩn bị đất đai và sử dụng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật :

Chuẩn bị đất đai các khu vực công viên cây xanh đảm bảo không úng lụt và phù hợp với qui hoạch tổng thể. Cốt xây dựng công trình tuân thủ theo QH san nền từng lô đất, khi xây dựng phải xin cấp phép.

- Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Công viên cây xanh là khu vực giao lưu cộng đồng, do đó cần nâng cao ý thức của người dân thông qua các hình thức tuyên truyền, giáo dục, vận động để mỗi người dân có ý thức giữ gìn môi trường cảnh quan chung. Xây dựng các điểm thu gom rác theo qui hoạch.

Hệ thống thu gom rác phải được quy hoạch cụ thể, không bố trí các công trình công nghiệp gây bụi, bần gần các khu công viên, ngăn cấm thoát nước bẩn (chưa qua xử lý) vào các hồ trong khu công viên cây xanh.

- Yêu cầu về quản lý - bảo vệ:

Các công viên cây xanh được đầu tư xây dựng theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với qui hoạch chi tiết đô thị.

Nghiêm cấm việc khai thác, san lấp mặt bằng bừa bãi trong khu vực dự kiến xây dựng công viên gây tác động xấu ảnh hưởng địa hình khu đất và cảnh quan thiên nhiên. Nghiêm cấm xây dựng các công trình ngoài chức năng cây xanh, TDTT, vui chơi giải trí, công trình gây ô nhiễm môi trường.

+ Trục không gian, quảng trường, không gian mở

a. Đất không gian mở là các khu vực không gian phục vụ công cộng ngoài trời gồm các loại hình sau:

Công viên: Là không gian công cộng ngoài trời, có mật độ phủ xanh từ 70% trở lên, được sử dụng cho các mục đích vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, ngoạn cảnh, điều hoà khí hậu, tái tạo sức lao động cho cộng đồng dân cư.

Quảng trường: là khoảng không gian công cộng dành cho đi bộ, nằm ở vị trí tụ điểm nhiều luồng qua lại, thường dùng cho mục đích tụ tập công cộng, phủ mặt nền cứng thường trên 40% diện tích, có vai trò đáng kể cho tổ chức sự kiện văn hoá thường nhật và định kỳ của địa bàn lân cận.

Sân thể thao ngoài trời: là khu vực sân bãi dùng cho hoạt động thể dục thể thao và tổ chức sự kiện của cộng đồng liên quan.

Dải cây xanh cách ly: là khu vực thường có dạng tuyến hoặc vòng kín, trồng cây tập trung mật độ cao, với mục đích lọc tầm nhìn và điều hoà khí hậu, chống lại ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường của một đối tượng đô thị như đường giao thông lớn, khu công nghiệp, nghĩa trang, trạm xử lý nước thải...

Mặt nước: gồm kênh mương hồ ao, dùng cho giao thông thuỷ và mục đích thuỷ lợi, cũng là không gian tạo cảnh quan nước. Mặt nước không được coi như một loại hình sử dụng đất độc lập mà tồn tại như một thành phần của không gian mở (thường là Công viên) bao chứa nó.

Không bao gồm các không gian mở sau: đất giao thông, đất nông nghiệp, không gian mở bên trong các thửa đất thuộc loại hình sử dụng khác.

b. Quy định về công trình xây dựng trong không gian mở:

Các công trình xây dựng trong không gian mở phải phù hợp chức năng chính của không gian.

Các công trình chức năng chung phù hợp chức năng công viên gồm: điểm thông tin hướng dẫn, bán vé du lịch công viên, nhà vệ sinh công cộng, quán café, quán ăn nhỏ, nhà thuyền, nhà nghỉ, kios, các điểm dịch vụ vui chơi giải trí cho trẻ em, các điểm dịch vụ vui chơi giải trí có chủ đề liên quan chủ đề chính của công viên. Các công trình không phù hợp chức năng chính của công viên không được khuyến khích xây dựng.

Hạn chế xây dựng tường rào ngăn cách không gian mở.

Mật độ xây dựng công trình tối đa 15%. Tỷ lệ phủ xanh tối thiểu 70%; diện tích bê tông hoá không quá 15% diện tích khuôn viên.

Trên các trục chủ đạo Thiết kế các công trình hiện đại đồng bộ. Nghiên cứu hệ thống đường gom đầu nối hợp lý các công trình xung quanh đường. Trồng các dải cây xanh chống ô nhiễm tiếng ồn, bụi, ngoài ra còn tạo cảnh quan đẹp kết hợp hệ thống công trình, nghiên cứu vật liệu lát hè đường, các biển báo giao thông hình thức phối kết cây xanh thảm cỏ để hạn chế tai nạn giao thông và phù hợp với thiết kế đô thị.

Cần được tổ chức sao cho vừa có được không gian rộng, thoáng, trang trọng là điểm nhấn không gian cho đô thị, nhưng vẫn tiện nghi cho các hoạt động khác.

Các không gian cây xanh quanh trường, bên cạnh các thảm cỏ hoa, vòi phun nước cũng cần chú ý tới khoảng cây xanh bóng mát. Các đường dạo, tuyến đi bộ tiếp cận thuận tiện với các tuyến giao thông và bãi đỗ xe.

Các tượng đài, biểu tượng, băng rôn, quảng cáo cần được quy định, bố trí phù hợp, tránh làm giảm tầm nhìn hoặc phá vỡ không gian quảng trường.

Bố trí hợp lý các thiết bị trong khu vực quảng trường như đèn chiếu sáng, đèn trang trí, các ghế ngồi, thùng rác và chọn lựa hình thức phù hợp.

+ Đối với công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật, công trình đặc biệt

Nghiêm cấm xây dựng các công trình trong hành lang lưới điện đi qua khu vực. Các khu vực thuộc lộ giới quản lý đường trục Bắc Nam và đường vành đai ven biển. Ngoài ra, các khu vực thuộc lộ giới quản lý các tuyến đường theo quy hoạch cũng phải được kiểm soát chặt chẽ, nhằm hạn chế phải GPMB khi có các dự án đầu tư cụ thể.

Trong khu vực có bố trí các trạm biến áp, trạm cấp nước, và khu vực xử lý thu gom nước thải theo quy hoạch. Đây là công trình đầu mối quan trọng của Khu vực Móng Cái. Hồ sơ xây dựng cần phải đạt các tiêu chuẩn của ngành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với khu vực địa hình cảnh quan đặc thù

Các khu vực cây xanh, công viên cảnh quan đô thị. Được phép xây dựng các công trình dịch vụ nhỏ, có sàn tầng 1 phải cao tối thiểu bằng cao độ đê khu vực, đảm bảo thoát lũ..

## Chương VII: ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI

### 7.1. Định hướng quy hoạch Công nghiệp

Giai đoạn đến 2045, xác định Hoàng Hóa phát triển chủ đạo về Công nghiệp – Du lịch,, trong đó đến 2030 cơ bản hình thành các khu, cụm công nghiệp và đi vào sản xuất, hình thành nền kinh tế sản xuất.

Theo QH tỉnh Hoàng Hoá có: 1,452ha đất CN (Chưa tính đất các cơ sở SXKD ngoài Khu, Cụm CN)

Trong đó:

2 Khu Công nghiệp: 1,118ha

+ KCN Phú Quý (545ha), GD 2: 845ha

+ KCN Bắc Hoàng Hoá: 157ha, GD2:273,8ha

06 Cụm Công nghiệp: 334ha (CCN Đạt Tài: 75ha; CCN Thái Thắng: 50ha; CCN Hoàng Sơn: 50ha; CCN Phú Quý: 74ha; CCN Hoàng Đông: 30ha; CCN Hoàng Quỳnh: 55ha)

#### 7.1.1. Quan điểm chung về phát triển Công nghiệp

Tại Việt Nam nói chung và địa bàn tỉnh Thanh Hoá nói riêng có rất nhiều các KCN đã và đang được quy hoạch, dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Trong bối cảnh đó, để phát huy những lợi thế của huyện Hoàng Hoá việc lập Quy hoạch đô thị Hoàng Hoá cần phải hiểu rõ thực trạng tỉnh, của huyện, các tiềm năng lợi thế, các đặc trưng cạnh tranh khác biệt, từ đó bố trí các ngành, các khu vực phát triển công nghiệp phù hợp, trên cơ sở nhận định đúng đắn các lợi thế tiềm năng của địa phương, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp cũng như có tầm nhìn đón đầu các xu thế phát triển công nghiệp thế hệ mới và quan tâm đến bảo vệ môi trường.

Một số quan điểm về phát triển Công nghiệp Hoàng Hóa:

#### **(1) Tạo sự khác biệt.**

Nghiên cứu định hướng quy hoạch xây dựng công nghiệp, cụ thể đối với quy hoạch đô thị Hoàng Hoá là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phải cạnh tranh được với các KCN khác, để cạnh tranh được, ngoài đón đầu các cơ hội đầu tư, còn phải tìm cho ra, xác định cụ thể các tiềm năng, sự khác biệt, tính đặc thù của Hoàng Hoá. Từ đó đưa ra các giải pháp trong Quy hoạch để phát huy các tiềm năng, sự khác biệt, tính đặc thù đó. Cụ thể Hoàng Hoá là nhân lực chất

lượng cao, đầu mối giao thông thuận lợi, có nhiều làng nghề truyền thống. Tạo ra sự tăng trưởng thực, bằng nội lực, theo chiều sâu, thúc đẩy kinh tế xã hội đô thị phát triển.

### **(2) Phải đón đầu các xu thế về công nghiệp mới.**

Quy hoạch đô thị Hoàng Hóa nghiên cứu phải gắn với Chiến lược Industry 4.0 (*cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4*). Cụ thể là phải quy định phân bổ lại tính chất, chức năng các khu công nghiệp đã có, bố trí được hệ thống các khu, cụm công nghiệp mới phù hợp, để đón đầu các xu thế công nghệ mới.

**Tự động hóa:** Phát triển robot làm cho sự hợp tác giữa người và máy móc.

**Vật liệu mới:** Nhẹ hơn, bền hơn, có thể tái chế và dễ thích ứng

**Kỹ thuật số:** Công nghiệp điện tử; bán dẫn, các công nghệ kết nối.

**Công nghệ sinh học:** Giải trình bộ gen và tiến tới có thể kích hoạt hay chỉnh sửa gen

### **(3) Nâng cao hiệu quả dịch vụ kho vận**

Lợi thế cạnh tranh của Hoàng Hóa là đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt, kết nối thuận lợi với cao tốc, hệ thống đường thủy nội địa thuận lợi.

Việc kết nối, phát triển dịch vụ kho vận với hệ thống hạ tầng đầu mối quan trọng: vị trí bố trí khu Công nghiệp (KCN Bắc Hoàng Hoá; KCN Phú – Quý) đều gắn với đầu mối giao thông tiếp cận thuận lợi với đường sắt quốc gia và đường bộ cao tốc Bắc Nam; QL 1A, các dịch vụ Logictis, kho vận, các ngành công nghiệp hỗ trợ... là điều kiện hiệu quả nhằm kêu gọi đầu tư.

Quy hoạch đô thị Hoàng Hóa phải giải quyết được các vấn đề trên.

### **(4) Bảo vệ môi trường**

Việc phân bổ các khu, cụm công nghiệp trong Quy hoạch phải đặc biệt chú trọng đến bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững. Các khu, cụm công nghiệp khi hình thành, yêu cầu phải có hệ thống xử lý môi trường trước, đồng bộ, đưa các tiến bộ về khoa học công nghệ vào xử lý môi trường, cần bắt buộc đầu tư các hệ thống cảnh báo sớm để hạn chế các tác hại ra môi trường tự nhiên.

Ngoài ra, vấn đề môi trường kinh tế xã hội (nông dân mất đất sản xuất, vấn đề chuyển dịch dân cư, thay đổi cơ cấu kinh tế, thay đổi tập quán sản xuất...); nhà ở xã hội, các thiết chế văn hoá cho công nhân cũng phải được quan tâm nghiên cứu hài hòa, thấu đáo. Tất cả vì sự phát triển bền vững.

### **(5) Các biện pháp hỗ trợ**

- Xây dựng các khu ở xã hội, các thiết chế văn hoá cho công nhân lao động

Phạm vi nghiên cứu của Quy hoạch bao gồm cả hệ thống hạ tầng xã hội. Đối với phát triển Công nghiệp, bên cạnh hệ thống các khu đô thị mới đã có, phải đề xuất được các mô hình ở công nhân gắn với các thiết chế văn hoá cho công nhân lao động.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến đầu tư, hỗ trợ môi trường kinh doanh

- Hỗ trợ các thủ tục xin thành lập văn phòng, thủ tục về thuế, v.v...

- Bảo đảm về lực lượng công nhân

- Giới thiệu các đối tác kinh doanh v.v...

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng an toàn, ổn định

- Cấp điện, nước ổn định, xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý nước thải công nghiệp, mạng lưới đường bộ linh động, v.v...

- Trong quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp phải bố trí nhà máy, quy mô mặt bằng nhà xưởng đa dạng để các doanh nghiệp có thể lựa chọn.

Cảnh quan môi trường công nghiệp luôn được đảm bảo về cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly.

Các ngành có đặc thù giống nhau trong chuỗi sản xuất được bố trí gần nhau.

Các ngành nghề đòi hỏi cao về việc vận chuyển nguyên vật liệu; vật tư thiết bị nặng cần nhiều bến bãi kho tàng cần được bố trí gần đầu mối giao thông, cảng, ga đường sắt, kho bãi.

Quy mô đất, mật độ xây dựng, tầng cao công trình phải đáp ứng theo quy định đã được xác lập trong quy hoạch sử dụng đất, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

### **7.1.2. Định hướng phân bố các khu công nghiệp:**

#### **a/ Định hướng chung**

Từ những quan điểm trên, cùng với xác định đến năm 2045 phát triển Công nghiệp là chủ đạo, hình thành nền kinh tế sản xuất.

Khu vực công nghiệp phát triển chủ yếu theo hướng Tây Bắc, giáp các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt (cao tốc; QL 1A; đường sắt Bắc-Nam), thuận tiện cho tiếp cận các dịch vụ kho vận.

Cụm công nghiệp phát triển trong khu vực có kết cấu hạ tầng thuận lợi, tách biệt với khu dân cư.



Thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, sản xuất tiên tiến, công nghiệp sạch, không tác động tiêu cực tới môi trường;

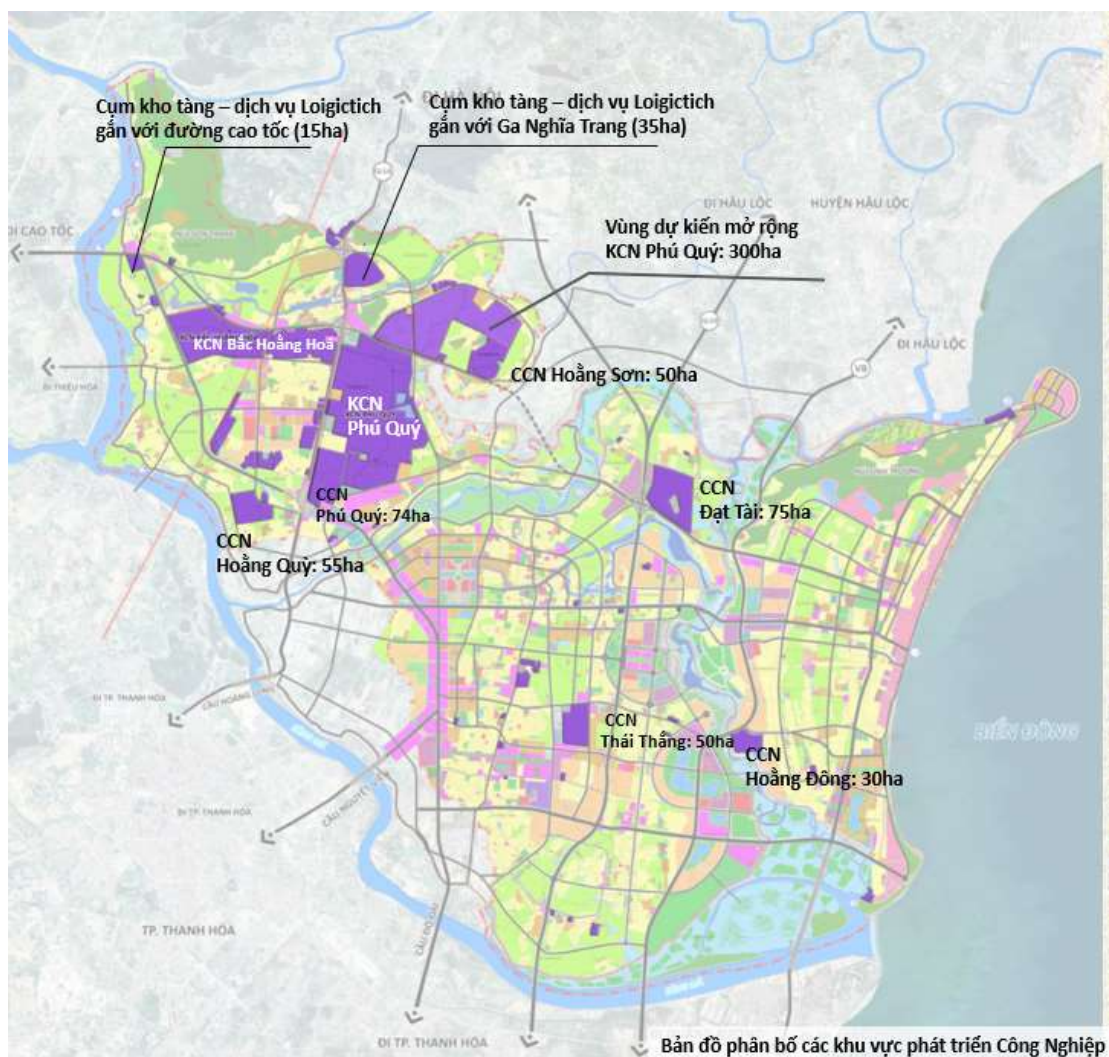
Việc phân bố các khu công nghiệp gắn liền với việc tổ chức các khung phát triển, hạn chế cạnh tranh, chòng chéo chức năng, của các khu, cụm công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp gắn với các làng nghề truyền thống của Hoàng Hoá, các khu, cụm tăng sự hỗ trợ cho nhau cùng phát triển, phù hợp với các phân vùng lãnh thổ, làm động lực, đòn bẩy phát triển kinh tế – xã hội tiểu vùng, phát huy tiềm lực nội tại, khả năng phát triển và có tính đến đón đầu các xu thế phát triển mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đặc biệt ngành điện tử viễn thông..

Phát triển các KCN trọng điểm, khu công nghệ cao gắn với việc hình thành các tổ hợp đô thị và công nghiệp.

Phát triển hệ thống Cụm công nghiệp để thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp nhẹ, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là các làng nghề, giải quyết việc làm khu vực nông thôn, thúc đẩy đô thị hoá khu vực nông thôn.

Phát triển hệ thống Cụm công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tiết kiệm sử dụng đất và hạ tầng kết hợp với phát triển du lịch văn hoá, làng nghề theo hướng kinh doanh đa dạng, góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội khu vực nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Phát triển hệ thống Cụm công nghiệp gắn với hệ thống Cụm công nghiệp của tỉnh và quốc gia nhằm thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về xây dựng Cụm công nghiệp.



Ngoài 2 khu công nghiệp đã được quy hoạch. Đến năm 2045, để hỗ trợ các khu, CCN hình thành 02 cụm dịch vụ logistic gắn với đầu mối giao thông (đường sắt; QL 1A; đường cao tốc), nhằm tạo ra các lợi thế cạnh tranh cho thu hút đầu tư tại các khu CN

Để giảm thiểu những ảnh hưởng xấu đến môi trường, giải pháp tổ chức không gian các khu vực công nghiệp cần có những lưu ý sau: Tổ chức các khu cây xanh cách ly KCN với các khu dân dụng, tiết kiệm tối đa quỹ đất xây dựng nhà máy để dành cho tỉ lệ cây xanh trong nội bộ từng KCN; Kiểm soát các đệm xanh cách ly và các giải pháp kỹ thuật liên quan đến môi trường; Xem xét giải pháp bố trí và bảo vệ dân cư vùng lân cận, liên quan đến các quy hoạch đô thị, trong đó có sự điều tiết phân bố dân cư nội vùng.

## 7.2. Định hướng quy hoạch Dịch vụ thương mại và Du lịch

### 7.2.1. Nguyên tắc chung

Bố trí cụm các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, trên các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến

đường, trên các quảng trường giao thông lớn, quảng trường trước các công viên cây xanh.

Các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị cao tầng có không gian rộng, kiến trúc đặc sắc kết hợp cây xanh khoảng mở. Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, có tính thẩm mỹ cao, có thiết kế và trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến, hiện đại đảm bảo các yêu cầu phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe theo quy định vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn và thuận tiện. Đảm bảo khoảng lùi cần thiết so với đường giao thông, tuyệt đối tránh cản trở giao thông, gây ách tắc cục bộ trước công trình.

Phát triển thêm hệ thống dịch vụ thương mại trong các khu nhà ở, tạo thành trung tâm khu ở, từ đó phát triển tiếp hệ thống dịch vụ thương mại cấp nhỏ hơn.

Phát triển hệ thống chợ có vị trí dễ dàng tiếp cận, đảm bảo bán kính phục vụ, diện tích xây dựng chợ đáp ứng nhu cầu họp chợ trước mắt và khả năng mở rộng trong giai đoạn dài hạn. Không bố trí chợ gần trường học, bệnh viện hoặc những công trình có yêu cầu cách ly về tiếng ồn, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh môi trường.

Các hướng giao thông tiếp cận chợ phải được phối hợp với hệ thống giao thông đô thị, liên hệ thuận tiện với bến xe, bến tàu, đảm bảo lưu thông hàng hóa

### **7.2.2. Dự báo phát triển**

Phát triển Trung tâm logistics Hoàng Xuân và ga Nghĩa trang. Phát triển các tổ hợp dịch vụ thương mại, trung tâm mua sắm tại các khu vực ven QL 1A; trung tâm các khu đô thị (Bút Sơn; Thịnh Lộc; Phú – Quý) đáp ứng các tại khu vực.

Phát triển khu vực trung tâm Bút Sơn trở thành trung tâm về dịch vụ thương mại của vùng, điểm kết nối giao dịch về thương mại của đô thị.

Hình thành hệ thống các trung tâm bán buôn, trung tâm mua sắm, trung tâm thương mại, siêu thị, khu bán hàng lưu niệm, các sản phẩm làn nghề, sản phẩm OCOP địa phương... để phục vụ phát triển du lịch chất lượng cao và nhu cầu hệ thống đô thị tại khu vực

Phát triển hệ thống chợ theo phân bố dân cư, đáp ứng nhu cầu của người dân và kết hợp phục vụ du lịch. Hình thành chợ dân sinh bán lẻ tại các khu dân cư tập trung mật độ cao phục vụ đời sống tại chỗ của người dân.

### **7.2.3. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm thương mại và chợ**

a/. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại

- Định hướng chung: Phát triển thương mại trở thành ngành quan trọng trên

địa bàn Huyện, dịch vụ thương mại văn minh, hiện đại. Đa dạng hóa thị trường, chú trọng phát triển thương mại kết hợp phát triển du lịch. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

Hệ thống siêu thị phát triển tại các đô thị, khu dân cư mật độ tập trung cao (Bút Sơn; Phú – Quý; Thịnh Lộc; Hải Tiến), có kết nối giao thông thuận lợi. Đảm bảo phát triển siêu thị tổng hợp tại các đô thị trung tâm và các trung tâm tại các phường.

- Phát triển mạng lưới thương mại (siêu thị, trung tâm thương mại...) gắn liền quá trình hiện đại hóa hệ thống phân phối, từng bước thay thế dần các loại hình bán lẻ truyền thống một cách hài hòa. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng thương mại tập trung hiện đại từ cấp III đến cấp I (gồm các khu trung tâm đa chức năng như vui chơi giải trí, khu văn phòng, khu vực giao dịch tài chính - ngân hàng...) tại các khu vực thuận lợi cho tổ chức giao thương, giao lưu hàng hóa, thuận tiện giao thông. Đồng thời, tại khu vực công nghiệp tập trung, bố trí trung tâm thương mại đa năng và một số cửa hàng, trung tâm outlet phục vụ cho nhu cầu của cư dân và doanh nghiệp, khách du lịch mua sắm.

Xây dựng các trung tâm thương mại có quy mô diện tích, kinh doanh các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của người dân và khách du lịch. Hình thành tuyến phố thương mại tại khu du lịch Hải Tiến và Bút Sơn để đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

Trung tâm thương mại hạng I có diện tích kinh doanh từ 50.000m<sup>2</sup> trở lên, trung tâm thương mại hạng II có diện tích kinh doanh từ 30.000m<sup>2</sup> trở lên, trung tâm thương mại hạng III có diện tích kinh doanh từ 10.000m<sup>2</sup> trở lên.

Định hướng quy hoạch cửa hàng tiện ích: Tập trung phát triển các chuỗi cửa hàng tiện ích tại các khu vực đô thị, khu vực đông dân cư, khu công nghiệp... tạo thuận lợi cho nhân dân, người lao động trong việc mua sắm, trao đổi hàng hóa. Phát triển hệ thống các cửa hàng tiện ích hoạt động 24/24, tại khu vực dân cư tập trung cao, khu thương mại sầm uất ... đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân địa phương và khách du lịch.

- Phát triển 02 trung tâm logistics (Hoàng Xuân và ga Nghĩa Trang) trở thành các trung tâm dịch vụ nòng cốt trong lưu thông và phân phối hàng hóa, phục vụ đắc lực cho sản xuất, tiêu dùng hàng hóa hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hoặc trung chuyển hàng hóa qua các loại hình vận tải đa phương thức, nhất là các mặt hàng có nhu cầu lớn vận thủy lớn như đồ may mặc, da giày và nguyên phụ liệu; chế biến thực phẩm, sản xuất đồ uống, thức ăn gia súc..., phục vụ cho đầu vào và đầu ra của sản xuất CN tại các KCN và CCN của Huyện và kết nối vùng; gắn kết hợp lý với định hướng phát triển công nghiệp, giao thông đường bộ, đường sắt.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, khai thác vận tải, liên kết các phương thức vận tải, quản lý vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics.

Vị trí dự kiến tại ga Nghĩa trang hình thành khu cảng cạn ICD, là điểm kết nối đa phương tiện hàng đầu trên địa bàn có sự tham gia của cả hai loại hình giao thông của tỉnh là đường sắt và đường bộ (QL 1A), phát huy vai trò vị trí cửa ngõ của huyện trong kết nối với vùng trung tâm tỉnh Thanh Hoá với vùng phía Bắc.

#### *b. Hệ thống chợ*

Theo quy hoạch tỉnh, Hoàng Hoá có 34 chợ, trong đó có 01 chợ hạng I (chợ đầu mối phí Bắc TP) 04 chợ hạng II và 29 chợ hạng III. Đối với chợ đầu mối chuyên doanh nông sản cần được xây dựng gần nguồn hàng, đặt ở vùng ngoại vi đô thị thuận tiện giao thông nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp.

Bố trí 01 chợ chuyên doanh các sản phẩm nông sản địa phương, góp phần quảng bá và giới thiệu các mặt hàng đặc trưng đến khách du lịch tại địa điểm thuận lợi với các nguồn cung cấp hàng hóa, kết nối giao thông.

Nâng cấp cải tạo hệ thống chợ hiện hữu theo các tiêu chuẩn về chợ.

### **7.2.4. Định hướng phát triển du lịch**

#### *a/ Quan điểm chung*

Phát triển Du lịch xác định là một trong các mũi nhọn đột phá của Hoàng Hoá Hóa đến năm 2045 (Công nghiệp – Du lịch). Do đó, nghiên cứu quy hoạch đô thị ngoài tổng quan chung về du lịch, các quy định có liên quan, *cần đề ra được các giải pháp, chỉ ra được những việc cụ thể phải làm để phát triển du lịch. Đặc biệt chú trọng đến nghiên cứu chuyên sâu, tìm tòi các giá trị đặc sắc, chỉ ra được sự khác biệt của Hoàng Hoá.*

Phát triển du lịch bền vững theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả; có trọng tâm, trọng điểm; để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Trọng điểm du lịch Hoàng Hoá phát triển cụm du lịch cấp quốc gia Sầm Sơn – Hải Tiến

Phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ và phát huy tối đa các lợi thế tự nhiên, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, các giá trị văn hóa, gìn giữ cảnh quan và bảo vệ môi trường.

Phát huy tối đa tiềm năng lợi thế đặc trưng về tự nhiên, yếu tố con người, xã hội, lịch sử văn hóa. Phát triển du lịch cộng đồng kết hợp du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh.

Đẩy mạnh phát triển du lịch từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế

thực sự có thể mạnh của Hoàng Hoá; phát triển du lịch làm động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển, giúp chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch chính:

- + *Phát triển sản phẩm du lịch biển tại Hải Tiến, sớm hình thành khu du lịch quốc gia Sầm Sơn – Hải Tiến theo định hướng quy hoạch tỉnh;*
- + *Xây dựng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử, văn hóa tâm linh và triển khai thực hiện các đề án, dự án tôn tạo, khai thác phát huy các giá trị di tích phục vụ du lịch;*
- + *Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng, làng nghề;*
- + *Phát triển các sản phẩm du lịch khác: du lịch đường thủy, du lịch MICE (hội nghị, triển lãm, khen thưởng.....) du lịch công vụ - mua sắm, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch nông nghiệp; du lịch thể thao.*

- *Đẩy mạnh xã hội hoá về du lịch, huy động các cấp các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể cộng đồng tham gia đầu tư phát triển du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước.*

- *Phát triển du lịch bền vững đặt trong mối quan hệ liên ngành, liên vùng trong khu vực, trong tỉnh và cả nước; phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ giá trị tài nguyên du lịch; có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong tỉnh nhằm hỗ trợ, tác động lẫn nhau cùng phát triển.*

- *Phát triển du lịch phải gắn liền với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gắn với tăng cường và củng cố an ninh quốc phòng giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Giữ gìn thuần phong mỹ tục và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.*

***Phát triển Du lịch dựa trên cơ sở:***

**(1) Nhận diện đúng giá trị những tiềm năng:**

*Hệ thống cảnh quan thiên nhiên:* Hoàng Hoá có vùng du lịch biển Hải Tiến, các vùng sinh thái tự nhiên đặc thù.

*Các di sản văn hóa, lịch sử:* di tích lịch sử quốc gia, cấp tỉnh bao gồm cả các di tích vật thể và phi vật thể. 16 di tích Quốc gia; 76 di tích cấp tỉnh.

Vì Hoàng Hoá khá tương đồng với các vùng biển còn lại của Thanh Hoá → Tìm cách để tạo sự khác tương đối, các loại hình du lịch hướng đến du lịch 4 mùa:

**(2) Tìm ra được sự khác biệt (những tiềm năng chỉ có ở Hoàng Hoá):**

*Các giá trị văn hóa phi vật thể đặc trưng:* đưa vào phục vụ phát triển du lịch như: Lễ Hội (trống hội cung đình tại hội làng phú khê xã Hoàng Phú); Hội thi cá giải tại Quỳnh Chử.... Là những sản phẩm khá đặc sắc, Những di sản này đặc sắc, nổi bật... có thể sân khấu hóa, mô hình hoá phục vụ Du lịch tại chỗ hoặc các SHOW diễn thực cảnh tại các khu Du lịch

*Các vùng danh thắng – di sản:* dải bờ biển đẹp; : vùng rừng bãi bán ngập ven bờ và khu vực sông Cung, vùng bên bờ sông Mã, sông Tào....

### **(3) Phải có những công trình du lịch lớn**

Những công trình, khu du lịch lớn, trọng điểm, mang tính chất đột phá, là **đầu tour, đầu tuyến du lịch** thu hút lượng lớn du khách (cả nội địa Thanh Hóa và đầu nối Tour với các điểm du lịch cả nước).

Những công trình du lịch lớn ở Việt Nam hay ở khu vực các nước lân cận đã có, có nhiều, đa dạng, có khu thành công, có khu chưa thành công. Xây dựng, kêu gọi đầu tư các khu du lịch lớn, phải tìm cho ra được, chỉ cho nhà đầu tư về sự khác biệt, tính đặc trưng, đặc thù, ưu thế cạnh tranh của Hoàng Hóa thì mới có thể cạnh tranh và phát triển được.

*Một số đề xuất cụ thể về du lịch chuyên đề trong đồ án QH:*

+ **Du lịch thể thao:** Dành quỹ đất khoảng 15-20ha. XD Khu liên hiệp thể thao; đủ để tổ chức các giải thể thao cấp quốc gia: gồm cả sân vận động và các sân thi đấu các môn thể thao khác. SVĐ không cần lớn (khoảng 10.000-15.000 chỗ) nhưng phải Có kiến trúc cực kỳ độc đáo, khác lạ, Bố trí quỹ đất khoảng 100ha (dự kiến khu vực Bắc núi Linh trường) XD sân Golf

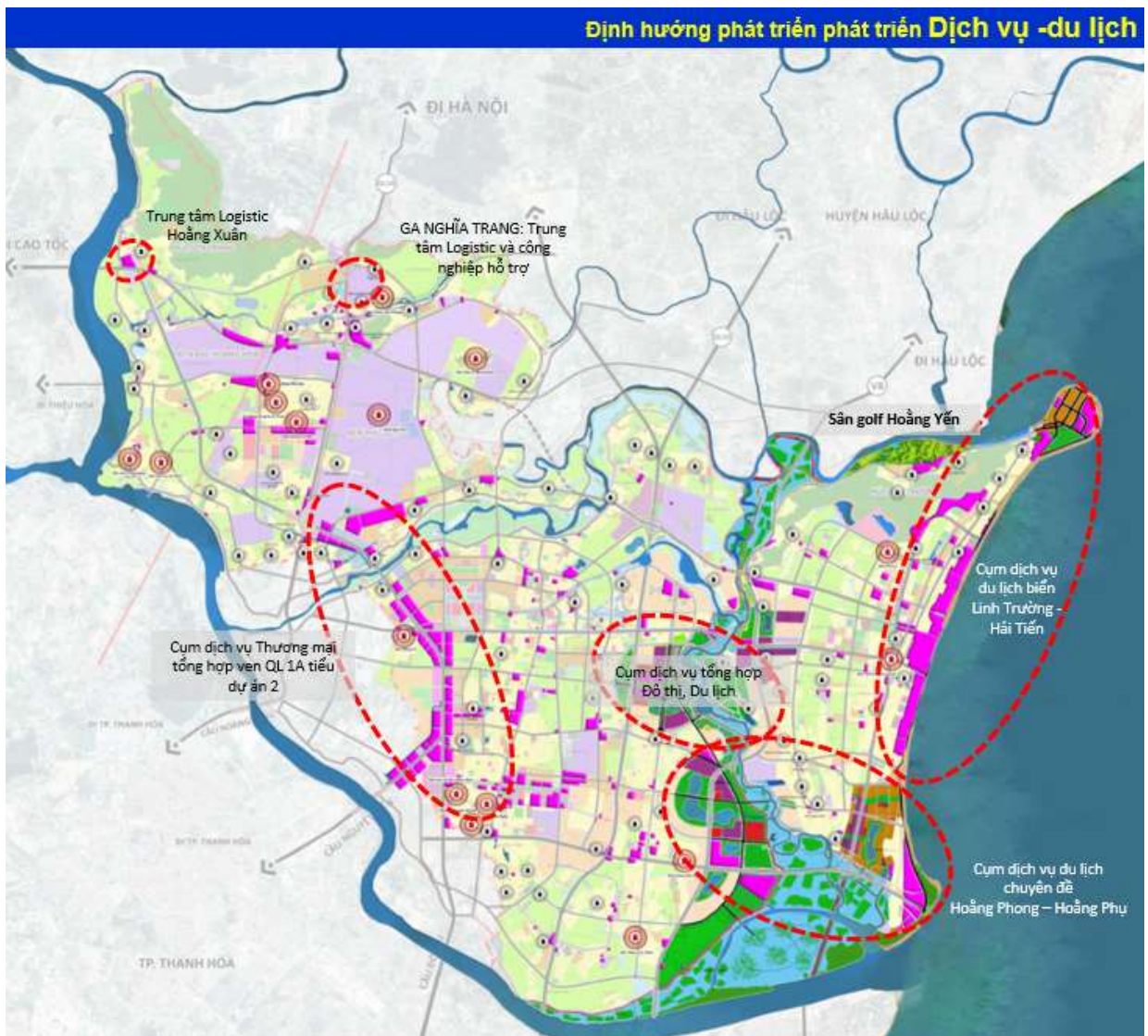
+ **Du lịch MICE (kết hợp hội nghị, sự kiện)** bố trí QH đất khoảng 5-7ha XD khu có Nhà hát đa năng - Hội nghị - Sự kiện – triển lãm. Kiến trúc độc đáo. (việc tổ chức loại hình du lịch MICE –sự kiện và du lịch thể thao ngoài góp phần tăng khách còn góp phần quảng bá thương hiệu rất hiệu quả, ít tốn kém).

+ **Du lịch điều dưỡng chữa bệnh,** Bố trí quỹ đất để XD các khu điều dưỡng cấp quốc tế với hệ thống Y tá, điều dưỡng chuyên nghiệp.

+ **Du lịch trải nghiệm tự nhiên vùng bán ngập ven sông Cung.** Vùng ven biển Hoàng Hoá có những đặc trưng riêng, đặc sắc đó là vùng bãi bán ngập, phù hợp để phát triển loại hình du lịch khám phá, trải nghiệm thiên nhiên, nghiên cứu bố trí các công viên tự nhiên và bán tự nhiên, để du khách tự trải nghiệm.

*Các khu vực này dự kiến đang bố trí khu vực ven sông Cung*





Để gia tăng lượng khách du lịch và phát triển thương hiệu du lịch cho Hoàng Hoá, cần phát triển thêm các dịch vụ giải trí để nâng tầm thành lựa chọn nghỉ dưỡng hàng đầu với các điểm tham quan đa dạng.

– Khu phố đêm: Hải Tiến nên dành riêng các phân khu cụ thể để phát triển khu phố đêm tương tự như Tạ Hiện ở Hà Nội, Bùi Viện ở Thành phố Hồ Chí Minh hay Pattaya ở Thái Lan. Có thể xem xét phát triển bến du thuyền cao cấp gồm các câu lạc bộ, quán bar và sảnh chờ nhìn ra biển phục vụ cho phân khúc khách hàng cao cấp. Mở các khu vực/khu phố mua sắm bên bờ biển bán các thương hiệu, cả thương hiệu đại chúng và cao cấp, tổ chức các phố mua sắm mang nét thẩm mỹ thiết kế của Việt Nam với các ki-ốt truyền thống để bán các sản phẩm địa phương. Kết hợp phố đêm mua sắm với các hoạt động văn hoá, các buổi biểu diễn tái hiện lịch sử.

– Khu nghỉ dưỡng dưới nước: Mời các chủ đầu tư hoặc nghiên cứu các mô hình dịch vụ tương tự để phát triển các khu nghỉ dưỡng dưới nước ngoài khơi bờ



biển haowngj vùng lấn biển. Khu nghỉ dưỡng dưới nước này nên hướng tới phục vụ dịch vụ có các nhà hàng dưới nước, thủy cung đầy màu sắc và thiết kế phòng nghỉ mang tính thẩm mỹ cao.

Dải bờ biển Hoàng Hóa từ Lạch Trường vào đến Lạch Hới khoảng 12km bờ biển đều có thể phát triển du lịch. Bờ biển nhìn chung tương đối bằng phẳng, cát mịn, bố trí chuyển dần các khu vực nuôi trồng thủy sản hiện nay sang dịch vụ du lịch để tăng giá trị hiệu quả sử dụng đất. Nghiên cứu bố trí các khu vực đang có xu hướng bồi đắp lấn biển, tạo ra các sản phẩm du lịch mới.

#### **(4) Phải tạo được sự liên kết du lịch:**

Liên kết với các vùng du lịch các tỉnh lân cận, cũng như với cả nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đa dạng, rất thuận lợi của Hoàng Hoá. Trong đó liên kết với khu vực TP Thanh Hoá và Sầm Sơn là đặc biệt quan trọng, hướng tới hình thành khu du lịch quốc gia Sầm Sơn – Hải Tiến.

#### **(5) Gắn du lịch với Văn hóa:**

Văn hóa – Du lịch phải có mối quan hệ hữu cơ. Phát triển du lịch trên cơ sở phát huy các giá trị văn hóa, khai thác các giá trị văn hóa đặc thù Hoàng Hoá để giới thiệu, thu hút khách. Phát triển du lịch gắn với văn hóa là giới thiệu văn hóa, qua đó văn hóa cũng phát huy được giá trị. Về mặt kinh tế, để du lịch phát triển lên phải có sự đầu tư trở lại cho văn hóa, văn hóa có cơ hội để phát huy giá trị của mình. Đó là mối quan hệ biện chứng hữu cơ chặt chẽ giữa phát triển du lịch gắn với phát huy các giá trị văn hóa.

#### **(6) Nhận diện thương hiệu:**

Xây dựng thương hiệu du lịch là rất quan trọng, nhận diện được thương hiệu là kênh thu hút khác cũng như thu hút các nhà đầu tư rất hiệu quả. Để phát triển thương hiệu, đề xuất một số vấn đề sau:

- + Về quản lý: Lập cơ quan chuyên trách quản lý vấn đề thương hiệu,
- + Về xây dựng, phát triển thương hiệu: giao cho các tổ chức tư vấn (cả trong và ngoài nước) có kinh nghiệm.
- + Xác định rõ tỷ trọng đầu tư cho công tác thương hiệu trong tổng thu từ du lịch (có thể tăng giảm theo từng giai đoạn).
- + Có chiến lược và được thực hiện liên tục, đổi mới liên tục phù hợp với tình hình mới trong mỗi giai đoạn.
- + Từng bước nhận diện giá trị và nâng cấp các di sản đã được kiểm đếm lập hồ sơ.

+ Bố trí quy hoạch quỹ đất và đưa các loại hình du lịch **chuyên đề** ngoài hướng tới du lịch 4 mùa cho Hoàng Hoá như: du lịch thể thao, du lịch tổ chức sự kiện... các loại hình du lịch này có tính chất quảng bá thương hiệu rất hiệu quả

- Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành và lĩnh vực khác trên cơ sở phát huy lợi thế đặc thù và con người, tăng cường kết nối với các địa phương lân cận và trên cả nước. Đầu tư cho các địa điểm có tiềm năng phát triển thành khu vực du lịch hấp dẫn và nổi bật, định vị điểm đến du lịch Hoàng Hoá theo hướng chất lượng cao, cạnh tranh với các thương hiệu điểm đến du lịch đã định hình trong khu vực.

- Chú trọng phát triển du lịch sinh thái gắn với tự nhiên sông nước, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn và du lịch vui chơi giải trí hiện đại, du lịch chăm sóc sức khỏe và du lịch văn hóa, tìm hiểu lịch sử.

- Đầu tư hạ tầng phục vụ xây dựng không gian du lịch sông nước 2 bên sông Cung: hình thành các công viên sinh thái vừa thích ứng với biến đổi khí hậu, có thể khai thác lợi thế tự nhiên, cảnh quan để phát triển du lịch thuộc các xã Hoàng Yên; Hoàng Hà Hoàng Ngọc; Hoàng Đạo; Hoàng Lưu; Hoàng Phong; Hoàng Châu; Hoàng Đồng và Hoàng Phụ...; khuyến khích xây dựng một khu vực du lịch ven sông (du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch sức khỏe như tập thiền, massage, dã ngoại, cắm trại...) tạo điểm nhấn cho du lịch Hoàng HOá;

- Đối với du lịch trải nghiệm nông nghiệp: Phát triển tại các khu vực có lợi thế về phát triển nông nghiệp... và các khu vực phát triển nông nghiệp phục vụ đô thị các mô hình thăm quan cây cảnh, thung lũng hoa...

- Du lịch golf: Nghiên cứu xây dựng sân golf tại Hoàng Yên để hình thành hạ tầng phát triển du lịch thể dục thể thao, xây dựng Hải Tiến trở thành thương hiệu vui chơi giải trí đẳng cấp; đồng thời phát triển hạ tầng đồng bộ và tổ hợp vui chơi giải trí đa dạng, nhất là phát triển khu nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí đa năng, du lịch thể thao... để thu hút khách tham gia tour dài ngày và các chuyên gia cao cấp làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn Huyện;

### **7.3. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội**

#### **7.3.1. Định hướng phát triển hệ thống cơ quan, công sở**

- Quy hoạch hệ thống cơ quan, công sở thành các khu vực tập trung tại khu vực đã xác định, đầu tư và nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính, mô hình chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và định hướng phát triển không gian đô thị, đảm bảo bán kính phục

vụ nhu cầu người dân thuận tiện tiếp cận, nâng cao hiệu quả làm việc của bộ máy hành chính.

- Kiến trúc của các công trình cơ quan, công sở hiện đại, đồng bộ, tương đồng và hài hòa với các công trình kiến trúc lân cận, đảm bảo đặc trưng của cơ quan hành chính nhà nước; bố trí hệ thống khuôn viên vườn hoa, cây xanh... tạo môi trường sinh thái và cảnh quan, là điểm nhấn xây dựng bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại. Quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe đảm bảo phục vụ nhu cầu bãi đỗ xe cho cán bộ và khách đến liên hệ công tác.

- Về trung tâm hành chính đô thị: quy hoạch khu trung tâm hành chính mới khu vực Bút Sơn bổ sung thêm các chức năng công cộng và mạng giao thông nhằm chuẩn bị hệ thống hạ tầng cho khu vực trung tâm thị xã trong tương lai.

### 7.3.2. Định hướng phát triển hạ tầng giáo dục

- Phát triển giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục một cách toàn diện và vững chắc; đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao dân trí, đào tạo lao động và bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên rà soát mạng lưới trường học và cơ sở giáo dục trên địa bàn; đẩy nhanh tiến độ xây dựng phát triển trường, lớp đảm bảo quy chuẩn theo quy định... Phân đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp học mầm non đạt 90%, cấp tiểu học đạt 100%, cấp trung học cơ sở đạt 80%, cấp trung học phổ thông đạt 60%. Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên, cơ sở vật chất hệ thống công trình giáo dục hiện trạng và ưu tiên xây dựng mở rộng khuôn viên vui chơi, thể dục thể thao cho học sinh khi có quỹ đất phát triển xung quanh.

- Ưu tiên xây mới trường mầm non ở các xã tập trung nhiều khu công nghiệp như Hoàng Phú, Hoàng Quý Hoàng Cát; Hoàng Kim.... Phát triển một số trường mầm non ngoài công lập tại các khu đô thị mới.

TT	Tên trường	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>II. Các trường THPT hiện trạng</b>		<b>128.3000</b>	
1	Trường THPT Lương Đắc Bằng	25.990	
2	Trường THPT Hoàng Hóa 2	15.340	
3	Trường THPT Hoàng Hóa 3	21.000	
4	Trường THPT Hoàng Hóa 4	20.000	
5	Trường THPT Hoàng Hóa	26.500	
6	Trung tâm GDTX	12.000	

<b>III. Các trường THPT QH mới <sup>43</sup></b>		73.500	
1	Trường tư thục Hoàng Trung	4.900	Theo QHC đô thị Phú Quý
2	Trường THPT Hoàng Phú	18.500	Theo QHC đô thị Phú Quý
3	Trường THPT Hoàng Phú	26.300	Theo điều chỉnh cục bộ QHPK XD tỷ lệ 1/2000 quần thể đô thị du lịch nghỉ dưỡng Hải Tiến
4	Trường THPT Bút Sơn	23.800	Theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Newhouse city tại xã Hoàng Đức, thị trấn Bút Sơn
<b>TỔNG (I+II)</b>		<b>194.330</b>	

*Nguồn: Tổng hợp của tư vấn*

- Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng phát triển các ngành của huyện, thực hiện các giải pháp phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

### **7.3.3. Định hướng phát triển hạ tầng y tế**

- Phát triển đồng bộ mạng lưới và cơ sở hạ tầng khám chữa bệnh nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân đáp ứng nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của người dân trong và ngoài huyện; thực hiện tốt công tác dự phòng, đủ khả năng khống chế, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng đối với các trạm y tế cơ sở, thực hiện tốt chức năng cung cấp, thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; ưu tiên đầu tư Trung tâm y tế huyện. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, chăm sóc sức khỏe đi đôi với tăng cường quản lý hành nghề y dược tư nhân; tăng cường kết hợp giữa y tế công lập và y tế tư nhân, đặc biệt tại các khu vực tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp; khuyến khích phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao, từng bước kết hợp dịch vụ y tế với du lịch nghỉ dưỡng.

- Theo dự báo dân số của đô thị Hoàng Hoá đến năm 2045 là 435,000 người, theo Quy chuẩn kỹ thuật QG về QH xây dựng là 4 giường bệnh/1000 người; tiêu

<sup>43</sup> Tên các trường tạm lấy theo tên địa điểm tại xã, thị trấn

chuẩn 100m<sup>2</sup>/giường thì đô thị Hoàng Hoá đến năm 2045 phải có tối thiểu 1,743 giường bệnh<sup>44</sup>. Căn cứ vào tình hình thực tế, thiếu khoảng 1,1 nghìn giường bệnh trên địa bàn huyện.

Quy hoạch địa điểm xây dựng trung tâm điều dưỡng và lão khoa tại khu vực Hoàng Lưu, Hoàng Phong (khu vực gần sông Cung) kết hợp du lịch nghỉ dưỡng đáp ứng nhu cầu chăm sóc người cao tuổi, phù hợp với xu thế phát triển.

*Bảng thống kê Định hướng các công trình Y tế cấp vùng đến năm 2045*

TT	Tên công trình	Địa điểm XD	Quy mô (giường)	Ghi chú
1	Bệnh viện đa khoa Hoàng Hóa (đến năm 2030)	TT. Bút Sơn	300 - 400	Nâng cấp, mở rộng
2	Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng (đến năm 2030)	X. Hoàng Quý	100 - 200	Nâng cấp, cải tạo
3	Bệnh viện đa khoa Hải Tiến (đến năm 2030)	X. Hoàng Tiến	400 - 500	Xây dựng mới
4	Bệnh viện đa khoa Thịnh Lộc (đến năm 2045)	X. Hoàng Thành	300 - 400	Xây dựng mới
	Bệnh viện đa khoa đô thị Phú Quý (đến năm 2045)	X. Hoàng Quý	300 - 400	Xây dựng mới
Tổng			1.900	
<b>Loại hình Y tế khác<sup>45</sup></b>				
- Bệnh viện lão khoa (Viện dưỡng lão)		Gần vị trí sông Cung, môi trường trong lành; thuận lợi về kết nối giao thông, kết hợp du lịch với khám chữa bệnh với điều dưỡng		
- Bệnh viện điều dưỡng				

*Nguồn: Tổng hợp của tư vấn*

#### **7.3.4. Định hướng phát triển hạ tầng văn hóa – thể dục thể thao**

Các công trình văn hóa khu ở bố trí tại trung tâm khu ở gần với không gian cây xanh TDDT, không gian mở.

Cây xanh phải thoả mãn yêu cầu thông gió, chống ồn, điều hoà không khí và ánh sáng, cải thiện tốt môi trường vi khí hậu để đảm bảo nâng cao sức khoẻ người

<sup>44</sup> Hiện trạng Hoàng Hoá có: 680 giường bệnh (bệnh viện huyện: 340 giường và 2 bệnh viện ngoài công lập: 339 giường – số liệu TT Y tế huyện)

<sup>45</sup> Không nằm trong hệ thống Y tế

dân.

Tổ chức không gian xanh phải tận dụng khai thác, lựa chọn đất đai thích hợp, phải kết hợp hài hoà với mặt nước, với môi trường xung quanh, tổ chức thành hệ thống với nhiều dạng phong phú: tuyến, điểm, diện.

Khi thiết kế công viên, vườn hoa phải lựa chọn loại cây trồng và giải pháp thích hợp nhằm tạo được bản sắc địa phương, dân tộc và hiện đại, không xa lạ với tập quán địa phương. Ngoài ra, lựa chọn cây trồng trên các vườn hoa nhỏ phải đảm bảo sự sinh trưởng và phát triển không ảnh hưởng đến tầm nhìn các phương tiện giao thông.

Sử dụng các quy luật trong nghệ thuật phối kết cây với cây, cây với mặt nước, cây với công trình và xung quanh hợp lý, tạo nên sự hài hoà, lại vừa có tính tương phản vừa có tính tương tự, đảm bảo tính hệ thống tự nhiên.

- Thường xuyên quan tâm bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị của hệ thống các công trình lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng truyền thống, nhất là di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh, tạo các điểm nhấn trong phát triển du lịch. Chú trọng đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục, đưa vào sử dụng trước khi bàn giao huyện quản lý, để thuận lợi cho công tác bảo tồn.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, các quy định pháp luật khác có liên quan; trong đó khu vực I (vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích) phải được bảo vệ nguyên trạng và các biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi tác động đến các yếu tố gốc của di tích, cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và các yếu tố khác có liên quan nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong khu vực này phải được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai; khu vực II (vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I di tích, có tác dụng tạo thêm một lớp bảo vệ cho khu vực I), có thể xây dựng những công trình phục vụ cho việc phát huy giá trị di sản nhưng không làm ảnh hưởng tới kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.

Xây dựng các trung tâm văn hóa thể dục thể thao cấp đô thị và cấp tỉnh. Được bố trí theo các phân vùng quy hoạch; phát triển các loại hình thể thao hiện đại gắn với mặt nước, tại khu vực vịnh Hải Tiến như đua thuyền, wakeboarding, lặn biển; phát triển hệ thống sân golf tại khu vực Hoàng Yên phục vụ du lịch. Hình thành trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao kết hợp du lịch nghỉ dưỡng tại Hoàng Lưu Hoàng Phong (khu vực ven sông Cung); Cung văn hóa thanh thiếu nhi tại khu vực trung tâm hành chính đô thị (Bút Sơn, Hoàng Đức). Khu Công viên du lịch sinh thái tự nhiên và vui chơi giải trí tại khu vực 2 bên sông Cung

Hệ thống trung tâm văn hóa thể thao

Phát triển hệ thống công trình văn hóa thể dục thể thao làm cơ sở hỗ trợ phát triển du lịch, thu hút lượng khách du lịch tại các khu vực lân cận và quốc tế.

Phát triển hệ thống công trình văn hóa thể dục thể thao làm cơ sở hỗ trợ phát triển du lịch, thu hút lượng khách du lịch tại các khu vực lân cận và quốc tế.

Phát triển các loại hình thể thao hiện đại gắn với mặt nước, tại khu vực vịnh Hải Tiên như đua thuyền, wakeboarding, lặn biển...

Cải tạo nâng cấp các công trình văn hóa thể thao hiện hữu như thư viện; nâng cấp nhà truyền thống huyện thành bảo tàng

Các công trình văn hóa thể thao xây dựng tại những vị trí thuận lợi, đảm bảo sự tiếp cận của nhân dân.

Hệ thống văn hóa thể thao cấp phường: Nâng cấp các cơ sở văn hóa thể dục thể thao đã xuống cấp, lạc hậu. Xây dựng một số công trình văn hóa thể thao tại những khu vực phát triển mới, đáp ứng nhu cầu người dân địa phương.

Hệ thống công viên – cây xanh thể dục thể thao:

Tiếp tục cải tạo nâng cấp hệ thống các công viên – quảng trường hiện hữu trên địa bàn. Xây dựng tại trung tâm hành chính mới quảng trường văn hóa kết hợp Cung Trí Thức nhằm tôn vinh truyền thống hiếu học của người Hoàng Hoá...

Xây dựng hệ thống các công viên vườn hoa cảnh quan ven biển tạo không gian cảnh quan công cộng phục vụ nhu cầu của người dân và du khách.

### **7.3.5. Định hướng phát triển hạ tầng an sinh xã hội**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ cho đối tượng chính sách và trợ cấp xã hội theo quy định; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững. Khuyến khích xã hội hóa hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà tình thương đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn.

### **7.3.6. Định hướng phát triển nhà ở**

*a/ Đối với nhà ở tại đô thị:*

- Hình thành các khu dân cư tập trung, phát triển các khu đô thị mới theo định hướng đô thị xanh, thông minh, có hệ thống hạ tầng và dịch vụ đời sống đồng bộ, hiện đại, gắn liền với tạo nhiều cơ hội việc làm, thu hút dân cư; đồng thời đảm bảo khoảng cách an toàn để phòng cháy chữa cháy.

Thu hút đầu tư xây dựng một số khu đô thị sinh thái ven sông Cung, có các công

trình thương mại, dịch vụ và nhà ở cao cấp, kiến tạo các không gian xanh, các khu dân cư có mật độ thấp, tạo sự gắn kết hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

Phát triển nhà ở đảm bảo quy mô dân số với hạ tầng đô thị hiện đại, đồng bộ. Phát triển nhà ở đa dạng về hình thức, phù hợp với mọi người dân đô thị. Ưu tiên loại hình công trình hỗn hợp cao tầng kết hợp nhà ở để tiết kiệm đất đai trong các khu vực xây dựng mới. Bổ sung các loại hình nhà ở cho thuê, nhà ở xã hội, nhà ở giá cả phải chăng để phục vụ lao động dịch vụ, người thu nhập thấp và công nhân khi có nhu cầu tại các vùng Tây Bắc đô thị. Bố trí một số khu nhà ở riêng biệt, cao cấp tại các khu cảnh quan đặc biệt như khu vực ven sông Cung và các khu vực cảnh quan ven sông Mã, sông Tào.

- Đối với nhà ở khu vực nông thôn: Phát triển các điểm dân cư nông thôn đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức theo mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, gắn liền với triển khai Chương trình nông thôn mới; kiểm soát chặt chẽ quá trình đô thị hóa tự phát tại nông thôn.

*b. Đối với nhà ở phục vụ nhu cầu tái định cư:*

Khuyến khích phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt khu vực Hoàng Phú; Hoàng Quý; Hoàng Quỳ có đầy đủ tiện ích, kết nối thuận tiện đến nơi làm việc, đáp ứng nhu cầu cho các nhóm đối tượng là công nhân của các khu Bắc Hoàng Hoá và KCN Phú - Quý, các cụm công nghiệp và người có thu nhập thấp, đảm bảo ổn định đời sống vật chất cho người lao động.

*c. Đối với nhà ở xã hội, nhà công nhân:*

- Nhu cầu nhà ở xã hội:

+ Dự báo, tại huyện Hoàng Hoá khi các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động nhu cầu nhà ở cho nhóm đối tượng thu nhập thấp, công nhân và người lao động (CNLD) sẽ ở mức cao.

+ Đối với nhóm thu nhập thấp có hộ khẩu địa phương, phần lớn đã có nhà ở hoặc sinh sống cùng gia đình. Tuy nhiên, số lượng CNLD ngoại tỉnh đến làm việc tại các khu công nghiệp (KCN) ngày càng tăng, dẫn đến nhu cầu về nhà ở giá rẻ, phù hợp với khả năng tài chính của họ. Hiện nay, phần lớn CNLD ngoại tỉnh đang thuê trọ, ở ghép hoặc ở nhờ nhà người thân để tiết kiệm chi phí. Do điều kiện nhà ở chật chội, thiếu thốn về tiện nghi sinh hoạt, ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của họ.

+ Đến năm 2045 tổng diện tích đất công nghiệp khoảng 1.450ha, chỉ tiêu khoảng 50 công nhân/ha, tổng số lao động tăng cần thiết làm việc trong các khu công nghiệp là  $1.500 \times 50 = 78.810$  lao động; tỷ lệ lao động tại địa phương khoảng 55% thì số lao động từ các địa phương khác đến khoảng  $48.810 \times 45\% = 35.465$  lao động; dự kiến



30% số lao động có nhu cầu nhà ở xã hội thì nhu cầu nhà ở xã hội tăng thêm khoảng  $35.465 \times 30\% = 10.693$  căn.

+ Để sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp quy chuẩn; cân đối việc phát triển nhà ở thương mại và nhà ở xã hội, định hướng ưu tiên bố trí nhà ở xã hội là chung cư được thiết kế, xây dựng theo kiểu khép kín, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn diện tích mỗi căn hộ tối thiểu là 25 m<sup>2</sup> sàn, tối đa là 70 m<sup>2</sup> sàn. Tổng số căn hộ chiếm khoảng 80% số căn hộ được xác định. Tổng diện tích nhà ở xã hội đến năm 2030 khoảng 143,4 ha; đến năm 2045 khoảng 176,8 ha.

- Giải pháp thực hiện:

+ Huyện Hoàng Hoá cần tập trung phát triển các giải pháp nhà ở phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của nhóm đối tượng này, bao gồm:

Giai đoạn trước mắt: phát triển nhà trọ, nhà cho thuê; Hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng nhà trọ, nhà cho thuê có giá cả hợp lý, đảm bảo chất lượng an toàn, vệ sinh môi trường.

Lâu dài: Xây dựng nhà ở xã hội: Tăng cường đầu tư xây dựng nhà ở xã hội dành cho CNLĐ có thu nhập thấp, đáp ứng nhu cầu nhà ở an toàn, ổn định cho họ. Bố trí quỹ đất tập trung khoảng 30-50ha/ khu để phát triển nhà ở xã hội tại các khu vực Hoàng Phú; Hoàng Quý; Hoàng Quy; Hoàng Cát; Hoàng Kim; Hoàng Sơn ...

Khuyến khích hỗ trợ vay vốn: Tạo điều kiện thuận lợi cho CNLĐ vay vốn ưu đãi từ các ngân hàng chính sách để mua hoặc sửa chữa nhà ở.

+ Bên cạnh đó, cần tăng cường quản lý nhà trọ, nhà cho thuê, đảm bảo chất lượng an toàn, vệ sinh môi trường, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của CNLĐ trong việc giữ gìn vệ sinh chung, xây dựng cộng đồng văn minh.

+ Việc giải quyết nhu cầu nhà ở cho CNLĐ sẽ góp phần thu hút và giữ chân lao động, tạo nguồn nhân lực ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoàng Hóa.

### **7.3.7. Định hướng quy hoạch quốc phòng - an ninh**

Tích cực, chủ động nắm vững tình hình; triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự. Nâng cao hiệu quả, chủ động trong công tác phòng ngừa; có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, đấu tranh, phát hiện, không để bị động, bất ngờ, ngăn chặn và xử lý kịp thời mọi âm mưu phá hoại, bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững tình hình trật tự an toàn XH, kiểm soát tệ nạn xã hội trấn áp các loại tội phạm; phòng, chống âm mưu, diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm, kiểm chế và giảm thiểu tai nạn giao thông, phòng

cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật nhằm hạn chế thấp nhất các vụ phạm pháp hình sự.

Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; chú trọng xây dựng các công trình có tính lưỡng dụng cao. Xây dựng lực lượng vũ trang huyện vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân và thế trận lòng dân gắn với thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ có chất lượng cao.

Tập trung xây dựng lực lượng tự vệ ở các khu - cụm CN; đảm bảo an ninh trật tự, bố trí đất xây dựng phòng chống cháy nổ tại các KCN, CCN trên địa bàn.

Không lập quy hoạch trùng vào đất quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự và đất đã quy hoạch vào nhiệm vụ quốc phòng. Đối với từng dự án cụ thể khi triển khai phải xin ý kiến của cơ quan quân sự (theo phân cấp) để quá trình tổ chức thực hiện không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn đô thị.

### **7.3.8. Định hướng đô thị xanh, thông minh và bền vững**

#### *a/ Cơ sở thiết kế và căn cứ pháp lý*

- Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 25/02/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.

- Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quyết định 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030.

#### *Mục tiêu*

- Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, giúp giảm nhiệt độ đô thị, chống hiện tượng đảo nhiệt đô thị và giảm thiểu các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

- Cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, tạo không gian sống xanh nâng cao chất lượng người dân đô thị, tạo điều kiện thu hút các tầng lớp trung lưu trong nội đô TP. Thanh Hóa về sinh sống, nghỉ ngơi.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế thông minh và bền vững, hỗ trợ du lịch và dịch vụ với công viên chuyên đề lớn, không gian xanh.

- Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, duy trì các loại thực vật tự nhiên trong môi trường đô thị.

#### *Định hướng phát triển*

Trước những thách thức của biến đổi khí hậu và nhu cầu môi trường sống trong lành, nâng cao chất lượng sống và tái tạo sức lao động, đô thị Hoàng Hóa cần có chiến lược phát triển hạ tầng xanh, thông minh và bền vững để thu hút lao động chất lượng cao đến sống và làm việc. Việc này không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu trở thành đô thị loại IV trước năm 2025.

- Xây dựng và mở rộng các công viên, vườn hoa và khu vực cây xanh công cộng trong toàn đô thị. Phát triển các khu vực trữ nước tự nhiên gắn với khu nông nghiệp đô thị, cải tạo các hầm đất đã hết hạn khai thác thành các hồ điều hòa, công viên.

- Sử dụng các loại năng lượng tái tạo, khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời áp mái cho các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp tập trung trong việc sinh hoạt, chiếu sáng. Phát triển hệ thống điện thông minh, thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, kết hợp với các công nghệ vận hành thông minh để tăng hiệu quả sử dụng.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông minh trong quản lý giao thông, năng lượng và an ninh; triển khai các giải pháp, dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả và tiện ích cho người dân.

- Số hóa dữ liệu về quy hoạch, đất đai thành dữ liệu lớn để phân tích, tối ưu hóa quá trình quản lý quy hoạch và đô thị.

- Hệ thống thu gom xử lý nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn được thực hiện phân tán, ưu tiên xử lý tại nguồn, đảm bảo hoạt động theo từng khu vực, xử lý toàn bộ chất thải rắn, nước thải, không cho xả thải trực tiếp ra môi trường.

## CHƯƠNG VIII: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 8.1. Định hướng quy hoạch Giao thông:

#### 8.1.1. Cơ sở thiết kế và căn cứ pháp lý

- Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 .

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông QCVN 07-4:2023/BXD;

- Các tiêu chuẩn thiết kế về giao thông và các công trình giao thông hiện hành;

- Bản đồ đo đạc nền địa hình tỷ lệ 1/10.000;

- Các quy hoạch, dự án đã được phê duyệt và đang triển khai của khu vực lân cận và thuộc khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

#### 8.1.2. Nguyên tắc tổ chức giao thông

##### a. Mục tiêu thiết kế

- Hệ thống giao thông đáp ứng nhu cầu vận tải đô thị và đảm bảo sự giao lưu nhanh chóng, tiện lợi và an toàn giữa các khu vực chức năng;

- Đảm bảo tính kết nối thuận lợi với mạng lưới đường quốc gia;

- Thiết kế quy hoạch giao thông khu vực đảm bảo yếu tố hiện đại, tạo nên một đô thị mới sầm uất với các tuyến giao thông có lộ giới lớn, vai trò tập trung cảnh quan cho toàn đô thị;

- Tuân thủ các quy định về lộ giới các tuyến đường chính đã được xác định ở quy hoạch cấp trên và các dự án có liên quan.

##### b. Tổ chức mạng lưới đường

- Mạng lưới đường được xây dựng trên cơ sở hệ thống đường chính đã được xây dựng và được xác định trong các đồ án quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

- Tổ chức hệ thống các tuyến đường kết nối với vùng 1 (vùng trung tâm theo định hướng quy hoạch Tỉnh bao gồm: TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn và huyện Quảng Xương, Đông Sơn) và huyện Hậu Lộc, huyện Thiệu Hóa thuộc vùng 2 và vùng 3. Hoàn thiện và nâng cao vai trò liên kết đô thị đối với các tuyến đường tỉnh đi qua đô thị. Tổ chức đầu nối với mạng lưới đường quốc gia hợp lý và đảm bảo an toàn giao thông.

### **8.1.3. Quan điểm thiết kế hệ thống giao thông**

- Phát triển hạ tầng giao thông hiện đại và đồng bộ, đáp ứng nhu cầu giao thông tăng cao trong tương lai, đóng vai trò là khu vực xây dựng đô thị mới, đồng bộ toàn về hệ thống hạ tầng xã hội;

- Xây dựng mạng lưới đường giao thông cấp quốc gia, vùng để hỗ trợ làm xương sống kết nối đô thị với các vùng xung quanh:

+ Đẩy nhanh quy trình chuẩn bị mặt bằng thi công cho các tuyến đường giao thông quốc gia và đường giao thông liên vùng đi qua, gia tăng lợi thế trong kết nối vùng.

+ Phân loại chức năng và vai trò của các tuyến đường tỉnh đi qua khu vực để làm cơ sở cho việc phân cấp, chuyển đổi vai trò sang thành các tuyến đường đô thị, làm căn cứ xác định dự án ưu tiên đầu tư.

- Phát triển hệ thống giao thông đô thị thông minh trên cơ sở khai thác, quản lý dữ liệu đồng bộ, tiết kiệm và hiệu quả.

- Cải tạo, nâng cấp mạng lưới giao thông thủy nội địa:

Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải đường thủy, xác định, vạch tuyến các tuyến đường thủy nội địa hỗ trợ phát triển cho các khu vực phát triển công nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp đường bộ đảm bảo các yêu cầu về tính không đảm bảo toàn tuyến vận chuyển được thông suốt.

- Nâng cấp mạng lưới giao thông công cộng nội thị và liên vùng:

Xây dựng một số tuyến xe buýt nhanh BRT và tuyến buýt sử dụng loại xe cỡ lớn có khả năng vận chuyển nhiều hành khách và nghiên cứu phát triển đường sắt đô thị kết nối các khu vực tập trung dân cư và lực lượng lao động với khu vực tập trung phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sử dụng phương tiện công cộng giảm thiểu ách tắc giao thông trong tương lai.

- Cải tạo nâng cấp các trục giao thông chính trong khu vực đô thị hiện có:

+ Cải tạo kết hợp xây dựng mạng lưới đường trục chính khu đô thị đảm bảo kết nối liên thông từ trung tâm đến các khu vực phát triển mới.

+ Chuyển đổi vai trò các tuyến đường tỉnh đi qua đô thị thành các tuyến đường trục chính đô thị, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng sẵn có các tuyến đường tỉnh và các thuận lợi trong liên kết đã có.

+ Ưu tiên xây dựng các trục đường giao thông chính theo sự gia tăng lưu lượng giao thông và biến đổi cấu trúc đô thị.

+ Phân luồng giao thông nhằm kiểm soát xe tải vận chuyển hàng hóa lưu thông vào khu vực nội thị, các luồng giao thông cho xe có tải trọng lớn giúp liên kết giữa các cảng biển được liền mạch.

+ Thiết lập hệ thống giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới giao thông công cộng, đảm bảo phát triển giao thông đô thị theo hướng bền vững;

- Tập trung cải tạo và xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đô thị hiện có:

+ Đánh giá tính kết nối theo định hướng kết nối giao thông, từ đó cải tạo mở rộng các tuyến đường liên xã hiện có đảm bảo kết nối liên thông hệ thống đường đô thị.

+ Cải tạo và xây dựng các công trình giao thông: Nút giao thông lớn, bãi đỗ xe ngầm, nổi đảm bảo đáp ứng đủ cho quy mô dân số và quy định theo QCVN 01:2021/BXD.

+ Tổ chức và đảm bảo an toàn giao thông.

- Nâng cấp dịch vụ xe buýt:

+ Định hướng sử dụng hệ thống xe bus điện, không phát thải, thân thiện môi trường

+ Nâng cấp dịch vụ xe buýt khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

+ Bố trí làn đường dành riêng cho xe buýt ở các tuyến chính.

+ Sắp xếp lại các bến đầu mỗi xe buýt và các trạm xe buýt chính...

#### **8.1.4. Giải pháp thiết kế**

a. Giao thông đối ngoại (Chiến lược phát triển giao thông quốc gia, vùng ảnh hưởng, tác động, hỗ trợ phát triển cho toàn bộ khu đô thị mới).

- Đường hàng không:

Sử dụng sân bay Thọ Xuân để phục vụ vận tải, dịch vụ hàng không chung.

- Đường sắt

- Tuyến đường sắt quốc gia Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh được duy trì khai thác với quy mô đường đơn, khổ 1000mm, ga Nghĩa Trang hiện có được cải tạo, nâng cấp, khi có điều kiện thuận lợi thì nâng cấp đường sắt khổ đường đơn từ 1000mm thành 1435mm.

- Cập nhật dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam với quy mô đường đôi, khổ đường 1435mm, dành quỹ đất đảm bảo hành lang xây dựng đường sắt và ga bảo dưỡng tại xã Hoàng Hợp theo quy hoạch quốc gia.

- *Đường bộ*

+ Đường cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.01) thuộc đoạn Mai Sơn (Ninh Bình) – Quốc lộ 45 (Thanh Hóa) cách đô thị Hoàng Hóa khoảng 3,0km về phía Tây..

Quy mô, hướng tuyến tuân thủ theo Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đoạn đi Mai Sơn (Ninh Bình) – Quốc lộ 45 (Thanh Hóa) là tuyến đường cao tốc, quy mô 6 làn xe (hoàn thành theo tiến trình trước năm 2030).

- **Quốc lộ:**

+ Quốc lộ 1: Là tuyến đường kết nối theo hướng Bắc Nam xuyên suốt Việt Nam. Tuyến đường vừa đóng vai trò là đường đối ngoại và là tuyến đường trục chính của đô thị Hoàng Hóa. Tuyến đường được nâng cấp, cải tạo, xây dựng đường gom đối với khu vực xây dựng mới.

Đoạn đi qua đô thị Hoàng Hóa từ xã Hoàng Trinh đến xã Hoàng Quý được quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn là đường cấp III, 4 làn xe, lộ giới 30,25m.

Đoạn đi qua đô thị Hoàng Hóa (tiểu dự án 2) từ xã Hoàng Quý đến xã Hoàng Lộc được quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn là đường cấp III, 4 làn xe, lộ giới 91,0m.

+ Quốc lộ 10: Là tuyến đường kết nối theo hướng Bắc Nam kết nối các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa. Tuyến đường qua đô thị Hoàng Hóa được quy hoạch là đường cấp II, từ 2-4 làn xe.

Đoạn hiện trạng đi qua khu vực dân cư hiện trạng (không có điều kiện mở rộng) được quy hoạch đảm bảo là tuyến đường đô thị với lộ giới 17,5m.

Đoạn cải dịch về phía Đông và kết nối với QL.1 tại huyện Quảng Xương được quy hoạch lộ giới 56,0m đảm bảo 04 làn xe chạy chính và 04 làn xe đường gom.

- Đường bộ ven biển là tuyến giao thông đường bộ đang được thi công có tổng chiều dài khoảng 3.041,0km; Đoạn đi qua đô thị Hoàng Hóa được xây mới hoàn toàn, là đường cấp III, 4 làn xe, đoạn qua đô thị Hoàng Hóa có lộ giới 48,0 đảm bảo 04 làn xe chạy chính và 04 làn xe đường gom.

- **Đường tỉnh:** Quy hoạch phát triển mạng lưới đường tỉnh đến năm 2030, tuân thủ theo định hướng trong Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đoạn đi qua đô thị tuân thủ theo QH đô thị, đoạn đi qua dân cư tập trung nghiên cứu hướng quy mô, tuyến cho phù hợp.

*Dự báo nhu cầu vận tải:* Dữ liệu được sử dụng từ quá trình triển khai Quy hoạch tỉnh tỉnh Thanh Hóa thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đánh giá tổng thể các kết nối giao thông đường bộ trong địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Từ kết quả dự báo đưa ra định hướng về quy mô lộ giới quy hoạch các tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn đô thị Hoàng Hóa trên nguyên tắc tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023, cụ thể:

- Các tuyến đường tỉnh hiện trạng được cải tạo, nâng cấp:

+ Đường tỉnh 509 (ĐT.509): Hoàn thiện nâng cấp mở rộng tuyến vai trò kết nối từ QL.1 tại xã Hoàng Trinh đến QL.10 tại xã Hoàng Sơn quy mô là đường cấp III, đạt 2-4 làn xe.

+ Đường tỉnh 510 (ĐT.510): Hoàn thiện nâng cấp mở rộng tuyến vai trò kết nối từ QL.1 tại phường Long Anh đến khu vực chợ Vực tại xã Hoàng Ngọc quy mô là đường cấp III, đạt 2-4 làn xe.

+ Đường tỉnh 510B (ĐT.510B): Hoàn thiện nâng cấp mở rộng tuyến vai trò kết nối theo hướng Bắc Nam từ xã Hoàng Trường đến xã Hoàng Phụ quy mô là đường cấp III, đạt 2-4 làn xe.

- Các tuyến đường huyện, đường đô thị được nâng cấp thành đường tỉnh.

+ Tuyến đường Bắc sông Mã kết nối từ đô thị Hoàng Hóa (tại xã Hoàng Phụ) đi huyện Thiệu Hóa, được quy hoạch quy mô là đường cấp III, đạt 2-4 làn xe, đoạn qua đô thị Hoàng Hóa từ xã Hoàng Phụ đến đường Vành Đai 3 có lộ giới từ 41,0 – 67,0m.

+ Tuyến đường Bắc sông Chu kết nối từ đô thị Hoàng Hóa (tại xã Hoàng Quỳ) đi huyện Thiệu Hóa, được quy hoạch quy mô là đường cấp III, đạt 2-4 làn xe, đoạn qua đô thị Hoàng Hóa có lộ giới từ 52,0 – 72,0m.

- Bến xe, bãi đỗ xe: Quy hoạch xác định 03 bến xe, cụ thể:

+ Bến xe Đông Bắc được quy hoạch đạt loại III kết hợp tổ hợp dịch vụ và vận tải nằm trên đường QL.1 (tiểu dự án 2) tại xã Hoàng Cát có quy mô khoảng 3,0ha (phụ vụ nhu cầu vận tải của cả TP. Thanh Hóa).

+ Bến xe Hoàng Hóa được quy hoạch đạt loại IV tại thị trấn Bút Sơn nằm trên đường vành đai 3 kéo dài tại xã Hoàng Đức có quy mô khoảng 1,6 ha.

+ Bến xe khu du lịch Hải Tiến được quy hoạch đạt loại IV nằm trên đường tỉnh 510B tại xã Hoàng Tiến có quy mô khoảng 0,9 ha.



+ Chỉ tiêu bãi đỗ xe tuân thủ theo chỉ tiêu toàn đô thị, tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD; Đề án đề xuất các công trình hạ tầng bãi đỗ xe tập trung cấp đô thị, hệ thống bãi đỗ xe tiếp tục bổ sung trong các đề án QHPK và QHCT đảm bảo đáp ứng nhu cầu từng phân khu chức năng theo quy mô dân số, chỉ tiêu tính toán tuân thủ theo chỉ tiêu toàn đô thị. Tổng nhu cầu đỗ xe toàn đô thị theo quy mô dân số khoảng 4m<sup>2</sup>/người, tổng diện tích đến năm 2045 khoảng 175,0ha (*Diện tích các bãi đỗ xe được phân bổ trong các chức năng đất như Đơn vị ở, hỗn hợp, dịch vụ công cộng, hạ tầng cấp đô thị đảm bảo đáp ứng đủ chỉ tiêu theo tính toán toàn đô thị*)

*- Đường thủy nội địa*

- Đường thủy nội địa: Tuân thủ theo định hướng Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kì 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Tuyến thủy nội địa: Trên địa bàn đô thị Hoàng Hóa quy hoạch đưa vào sử dụng khoảng 113,0km đường thủy nội địa; trong đó 96,0km đường thủy nội địa do trung ương quản lý và 17,0km đường thủy nội địa do địa phương quản lý.

+ Cảng thủy nội địa: quy hoạch 01 cảng tổng hợp hàng hóa Lạch Trường tại xã Hoàng Trường, công suất 150.000 tấn/năm.

+ Bến thủy nội địa: trên địa bàn đô thị Hoàng Hóa quy hoạch xây dựng mới các bến có chức năng: du lịch, tổng hợp và các bến chuyên dùng, cụ thể:

TT	Tên bến	Vị trí, địa điểm	Loại cảng bến	Công suất (nghìn tấn/năm)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Sông Mã</b>				
1.1	Bến Chùa Phủ Vàng	Xã Hoàng Xuân, huyện Hoàng Hóa	Bến du lịch	50.000 khách/năm	Xây dựng mới
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hoá	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoàng Xuân, huyện Hoàng Hoá	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
<b>2</b>	<b>Sông Lạch Trường</b>				
2.1	Bến Bút Sơn	TT. Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
2.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hoá	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
2.3	Bến Hoàng trường	Xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hoá	Bến du lịch	100.000 khách/năm	Xây dựng mới
<b>3</b>	<b>Kênh Choán (sông Cung)</b>				
3.1	Bến Hoàng Lưu	Xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hoá	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới

3.2	Bến Hoàng Thành	Xã Hoàng Thành, huyện Hoàng Hoá	Bến du lịch	100.000 khách/năm	Xây dựng mới
4	<b>Bến Hải Tiến</b>	Xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hoá	Bến du lịch	50.000 khách/năm	Xây dựng mới

- Xu hướng Container thủy nội địa: Phát triển mạng lưới giao thông thủy – bộ hỗ trợ phát triển công nghiệp liên kết thuận lợi tới các cảng của tỉnh đã được quy hoạch: Cảng Bình Minh (Cảng Lạch Bạng), cụm cảng Đò Lèn, rút ngắn các cách thức kết nối, vận chuyển hàng hóa đi cảng quốc tế Nghi Sơn.

- Công trình giao thông:

+ Công trình cầu vượt kênh, vượt sông: Xây dựng mới các cầu kết nối qua sông, kênh lớn hỗ trợ kết nối liên vùng được thuận lợi, trong đó đề xuất xây dựng mới 05 cầu qua sông Lạch Trường (sông Tào), xây dựng mới 05 cầu qua sông Cung.

+ Lưu ý: Khi thiết kế xây dựng cầu tính toán khả năng thông thủy đảm bảo tránh ảnh hưởng tới hoạt động giao thông thủy nội địa của các tàu, thuyền có tải trọng lớn. Chú trọng đặc biệt đến hình thức Kiến trúc các cây cầu mới.

#### b. Giao thông đô thị

Tổ chức mạng lưới đường: Tổ chức lại mạng lưới giao thông đô thị đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của một đô thị mới, đảm bảo toàn bộ hệ thống được quy hoạch một cách đồng bộ và hoàn chỉnh.

\* Giao thông cấp đô thị:

- Hệ thống giao thông tổng thể được định hướng với các trục giao thông chính kết nối theo hướng Bắc Nam và Đông Tây giúp cho hệ thống giao thông lưu thông một cách thông suốt và thuận tiện.

- Hoàn thiện các tuyến đường tỉnh có vai trò kết nối chính như ĐT.509; ĐT.510; ĐT.510B chuyển đổi tính chất thành tuyến chính đô thị, quy mô lộ giới 26,0-: -42,0m; các tuyến đường Quốc lộ đóng vai trò là các tuyến trục chính đô thị, ngoài ra định hướng mở rộng và xây dựng mới 03 trục chính đô thị:

+ Tuyến đường trục trung tâm của Huyện kết nối từ QL.1 (đường tiểu dự án 2) đến biển Hải Tiến theo hướng Đông Tây được đề xuất mở rộng đoạn từ QL.1 đến Đường Bộ Ven Biển có lộ giới từ 56,0 - 74,0m đảm bảo 6 làn xe chính và 4 làn xe đường gom; đoạn từ Đường Bộ Ven Biển đến biển Hải Tiến có lộ giới từ 26,0 - 10,0m đảm bảo tối thiểu 4 làn xe chính.

+ Tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc Nam (nút giao tại huyện Thiệu Hóa) đi biển Hải Tiến theo hướng Đông Tây có lộ giới 56,0m đảm bảo 6 làn xe chính và 4 làn xe đường gom, là tuyến đường kết nối chính từ biển Hải Tiến nói riêng và đô thị

Hoàng Hóa nói chung đi đường cao tốc Bắc Nam, giúp rút ngắn thời gian di chuyển của khách du lịch từ các tỉnh lân cận về với khu du lịch Hải Tiến, cũng như việc lưu thông hàng hóa từ KCN Phú Quý và KCN Bắc Hoàng Hóa hòa ngược lại.

- Các trục cảnh quan thiết kế lộ giới lớn với dải phân cách giữa là các khu vực bố trí các công viên chủ đề hoặc chuyển đổi sang thành các trục lễ hội phục vụ cho toàn đô thị.

- Các tuyến đường cấp đô thị khác đến đường chính khu vực cấp khu vực xây dựng mới được xác định có quy mô từ 17,5m.

\* Xác định vị trí, quy mô các công trình giao thông đô thị:

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch hệ thống các điểm đỗ xe đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân, và người lao động phục vụ trong các khu công nghiệp. Sử dụng các khoảng đất trống xen kẽ các khu vực dân cư cũ và khu vực dự kiến phát triển đô thị. Ngoài ra xây dựng bãi đỗ xe tại các trung tâm dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh, tại các đầu mối chuyển tiếp các loại hình giao thông.

- Nút giao khác mức: Xây dựng nút giao khác mức tại các điểm xung đột, các yếu tố kỹ thuật về độ dốc và tĩnh không tuân thủ theo các Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và QCVN 07-4:2023/BXD, một số vị trí đề xuất xây nút giao khác mức:

+ Nút giao giữa QL.1 và đường tỉnh 509 tại xã Hoàng Trung.

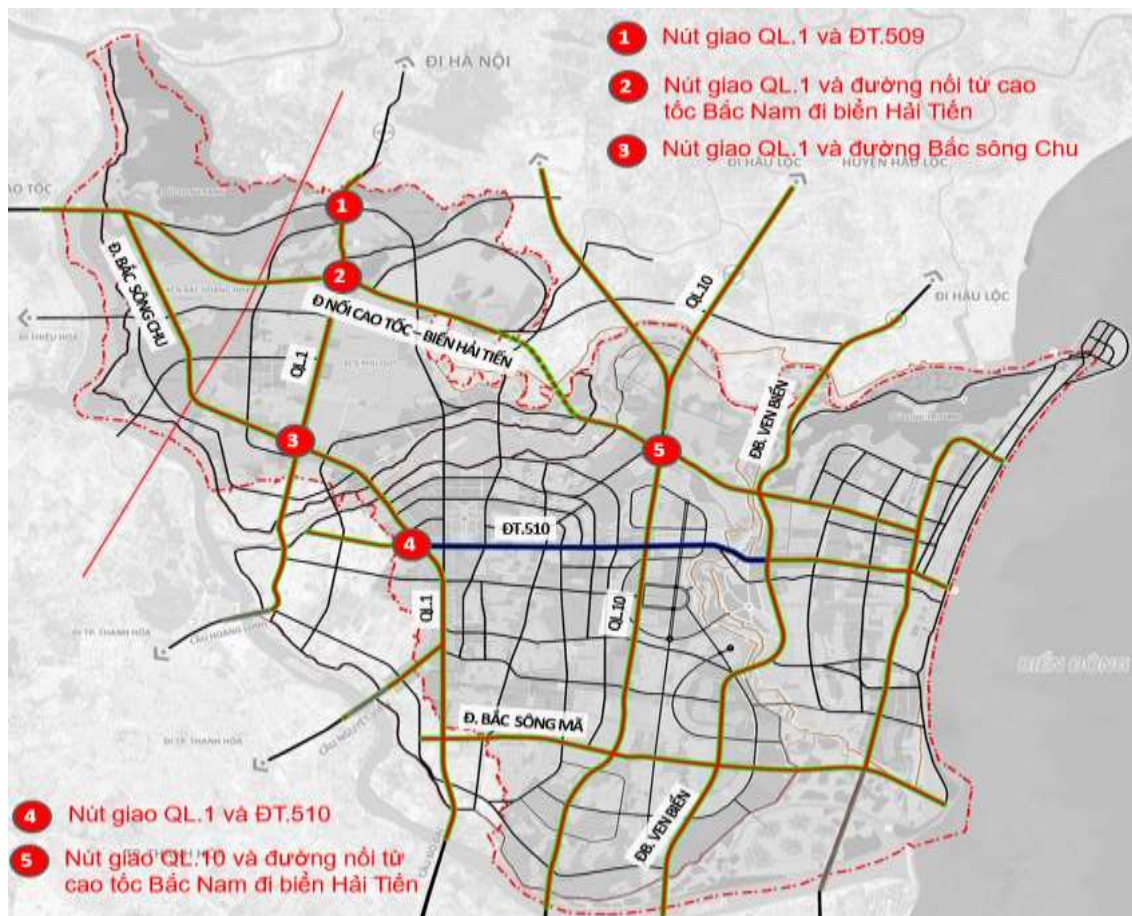
+ Nút giao giữa QL.1 và đường kết nối từ cao tốc Bắc Nam đi biển Hải Tiến.

+ Nút giao giữa QL.1 và đường Bắc sông Chu (từ xã Hoàng Quỳ đi H. Thiệu Hóa)

+ Nút giao giữa QL.1 (tiểu dự án 2) và đường tỉnh 510.

+ Nút giao giữa QL.10 (tuyến cải dịch) và đường kết nối từ cao tốc Bắc Nam đi biển Hải Tiến.

*Chi tiết thiết kế nút giao sẽ được cụ thể hóa trong quá trình triển khai các bước quy hoạch sau và cụ thể hóa trong bước triển khai dự án.*



Sơ đồ khung giao thông đô thị Hoàng Hoá đến năm 2045

### Giao thông công cộng:

Việc lựa chọn phương tiện vận chuyển công cộng cho một đô thị được căn cứ theo quy mô dân số, lưu lượng hành khách trong giờ cao điểm và khả năng đáp ứng của từng loại phương tiện. Dự báo dân số quy hoạch đến năm 2045 khoảng hơn 435.650 người, đối chiếu số liệu dự báo về dân số và lượng người đi lại trên các tuyến trục chính trong tương lai, nhận thấy xu hướng phát triển loại hình giao thông chính trong tương lai là :

+ Đường sắt nhẹ, đường sắt đô thị (đầu nối vào hệ thống đường sắt đô thị Tp. Thanh Hóa và kết nối từ trung tâm đô thị đến 02 khu công nghiệp và khu lịch biển Hải Tiên với đường cao tốc).

+ Xe buýt

+ Taxi

+ Xe cá nhân

Bảng: Đánh giá loại hình giao thông công cộng

Quy mô dân (1000 người)	Lưu lượng tối đa (người/giờ/hướng)	Phương tiện vận chuyển
15 + 20	-	Phương tiện cá nhân
20 + 60	Nhỏ hơn 1.000	Xe buýt + xe cá nhân
60 + 100	1.000 + 2.000	Xe buýt là chính + xe cá nhân
100 + 300	2.000 + 6.000	Xe buýt là chính + taxi + xe cá nhân
300 + 500	6.000 + 8.000	Xe điện + xe buýt + taxi + xe cá nhân
500 + 1.000	8.000 + 12.000	Đường sắt nhẹ + xe buýt + taxi + xe cá nhân
Trên 1.000	Trên 12.000	Đường sắt nội-ngoại ô; tàu điện ngầm và các phương tiện kể trên

Việc phát triển xe buýt giai đoạn ngắn hạn tập trung phát triển mạng lưới xe buýt tần suất trung bình giúp một phần định hình khung giao thông công cộng, trong giai đoạn dài hạn nghiên cứu tính toán thêm các tuyến buýt tần suất cao.

Với tính chất đặc điểm của một đô thị mới và đang trong quá trình hình thành và phát triển, định hướng phát triển mạng lưới giao thông công cộng theo hướng định hình cơ bản khung giao thông công cộng chính.

Trên thực tế, kinh nghiệm triển khai dịch vụ xe buýt tại các nước trên thế giới cho thấy, yếu tố hàng đầu bảo đảm sự thành công của dịch vụ xe buýt là khả năng tiếp cận và sử dụng xe buýt của hành khách. Yếu tố này phụ thuộc chủ yếu vào đặc tính của khu vực triển khai dịch vụ, khả năng bao phủ của dịch vụ, thiết kế tuyến và các điểm đỗ xe cũng như khoảng cách giữa các điểm đỗ xe.

Đặc tính của khu vực triển khai dịch vụ thông thường được tham khảo thông qua các số liệu về mật độ dân số và nghề nghiệp dân cư, thu nhập của dân cư, cơ cấu độ tuổi và tỷ lệ sở hữu phương tiện cá nhân. Khả năng bao phủ của dịch vụ thường được tham khảo thông qua khoảng cách tiếp cận đến khu vực dân cư của bến xe buýt (thông thường, khoảng cách tối đa mà hành khách chấp nhận đi bộ đến bến xe buýt khoảng dưới 400 m hoặc 5 phút đi bộ) và mức độ sẵn sàng về cơ sở hạ tầng đỗ xe cho hành khách (đỗ phương tiện cá nhân để sử dụng dịch vụ xe buýt).

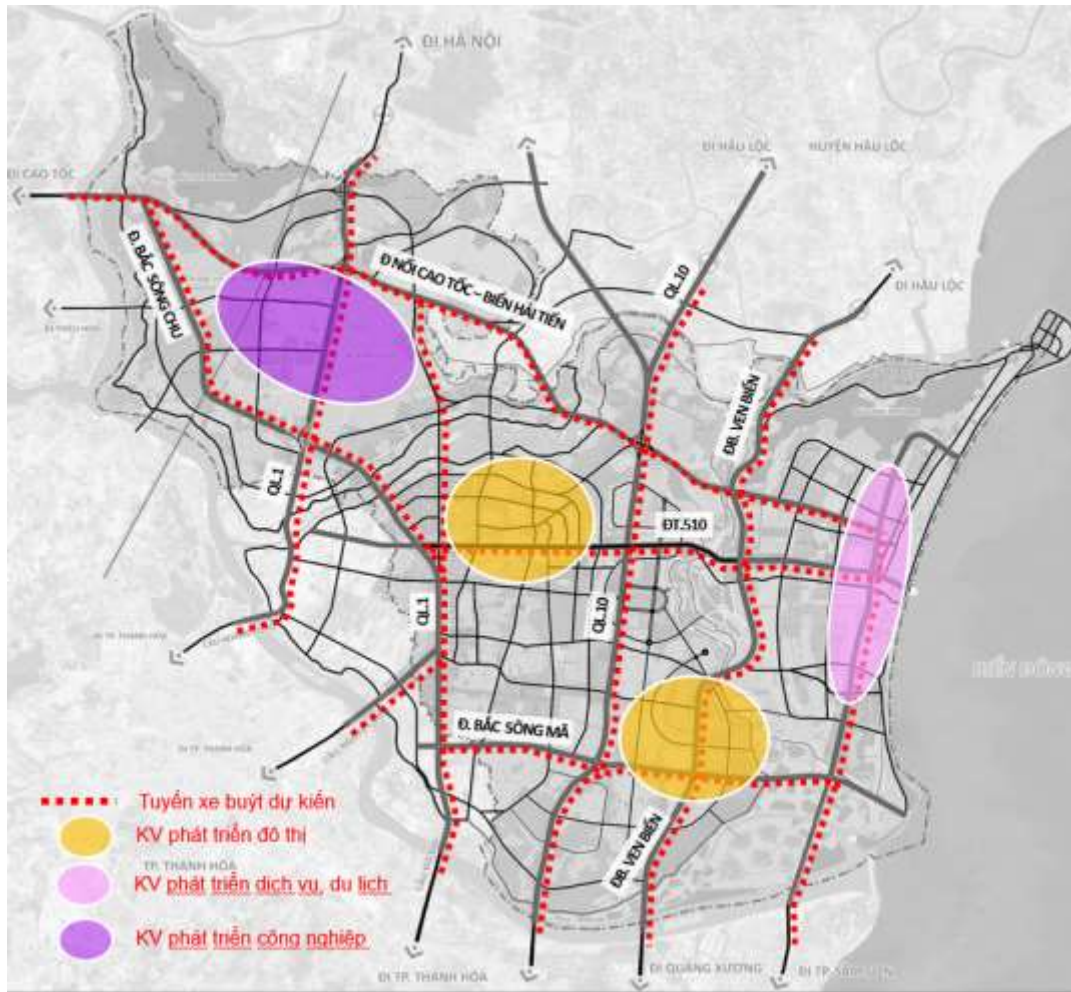
- Định hướng phát triển mạng lưới tuyến xe buýt với 02 tuyến: Tuyến xe buýt đô thị; Tuyến xe buýt nội tỉnh.

+ Tuyến xe buýt nội tỉnh: hoạt động trong nội bộ tỉnh kết nối trung tâm hành chính, chính trị, kết nối các KCN, CCN trên địa bàn Đô thị Hoàng Hóa như KCN Bắc Hoàng Hoá; KCN Phú – Quý đi TP. Thanh Hóa, TP. Sầm Sơn, huyện Hậu Lộc, huyện Thiệu Hóa,... Hình thức các tuyến xe Buýt nội tỉnh cụ thể sẽ được nghiên cứu



bổ sung thêm trong các đồ án chi tiết riêng. Các điểm tuyến kết nối chủ yếu theo các trục kết nối chính là quốc lộ 1, quốc lộ 10, đường Bộ Ven Biển, đường Vành Đai 3, đường nối cao tốc Bắc Nam với biển Hải Tiến. đường tỉnh 510 và đường tỉnh 510B.

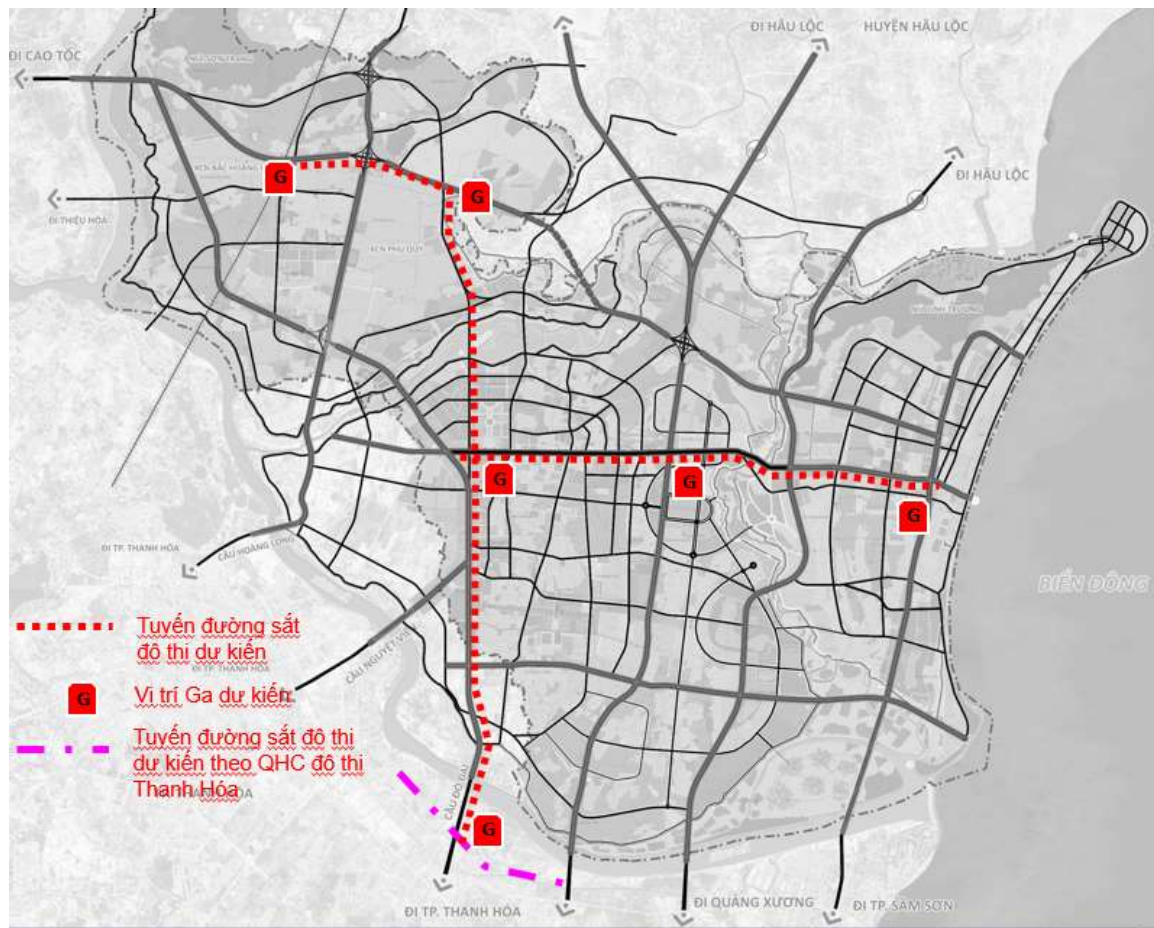
+ Tuyến xe buýt đô thị liên kết các khu vực tập trung dân cư mật độ cao, trung tâm hành chính, thương mại, công nghiệp, du lịch, các khu vực đầu mối giao thông quan trọng, có điểm đầu và điểm cuối nằm trong đô thị. Hình thức các tuyến xe Buýt đô thị cụ thể sẽ được nghiên cứu bổ sung thêm trong các đồ án chi tiết riêng. Các tuyến cơ bản gồm các tuyến sau:



Sơ đồ mạng lưới giao thông công cộng xe buýt

### Đường sắt đô thị

- Theo định hướng QHC đô thị Thanh Hóa hiện đang quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị kết nối từ trung tâm TP. Thanh Hóa đi TP. Sầm Sơn và đi cảng hàng không Thọ Xuân. Định hướng phát triển tuyến đường sắt đô thị đi dọc trục trung tâm của Huyện (kết nối từ QL.1 đi biển Hải Tiến), tuyến đường Vành Đai 3 (kết nối từ H. Quảng Xương - TP. Thanh Hóa – 02 KCN của đô thị Hoàng Hóa) kết nối khu du lịch Hải Tiến – TT. Hành chính Đô Thị - Khu công nghiệp là những khu vực có mật độ dân số cao và nhu cầu đi lại lớn của đô thị.



Sơ đồ mạng lưới đường sắt đô thị

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của mạng lưới:

- + Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (Không bao gồm giao thông tỉnh, không bao gồm diện tích chức năng đất có tính chất cơ quan, mặt nước và các loại đất phục vụ cho hạ tầng đô thị): đạt khoảng 13%
- + Tổng chiều dài đường chính khoảng: 700 km
- + Mật độ mạng lưới đường giao thông khu vực xây dựng đô thị: 5,91km/km<sup>2</sup> (trong khoảng QCVN từ 6,5-4,0 km/km<sup>2</sup> tính đến cấp đường chính khu vực)

## 8.2. Định hướng phòng chống thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu

### 8.2.1. Các kịch bản biến đổi khí hậu :

- Huyện Hoàng Hóa là khu vực biển chịu sự tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt yếu tố nước biển dâng. Chính vì vậy phương án cần có sự nghiên cứu lồng ghép tính toán với kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng đảm bảo phát triển bền vững cho đô thị Hoàng Hóa trong tương lai.

- Kịch bản biến đổi khí hậu được tính toán tương ứng với 03 độ bức xạ khác nhau xây dựng nên 03 kịch bản khác nhau:



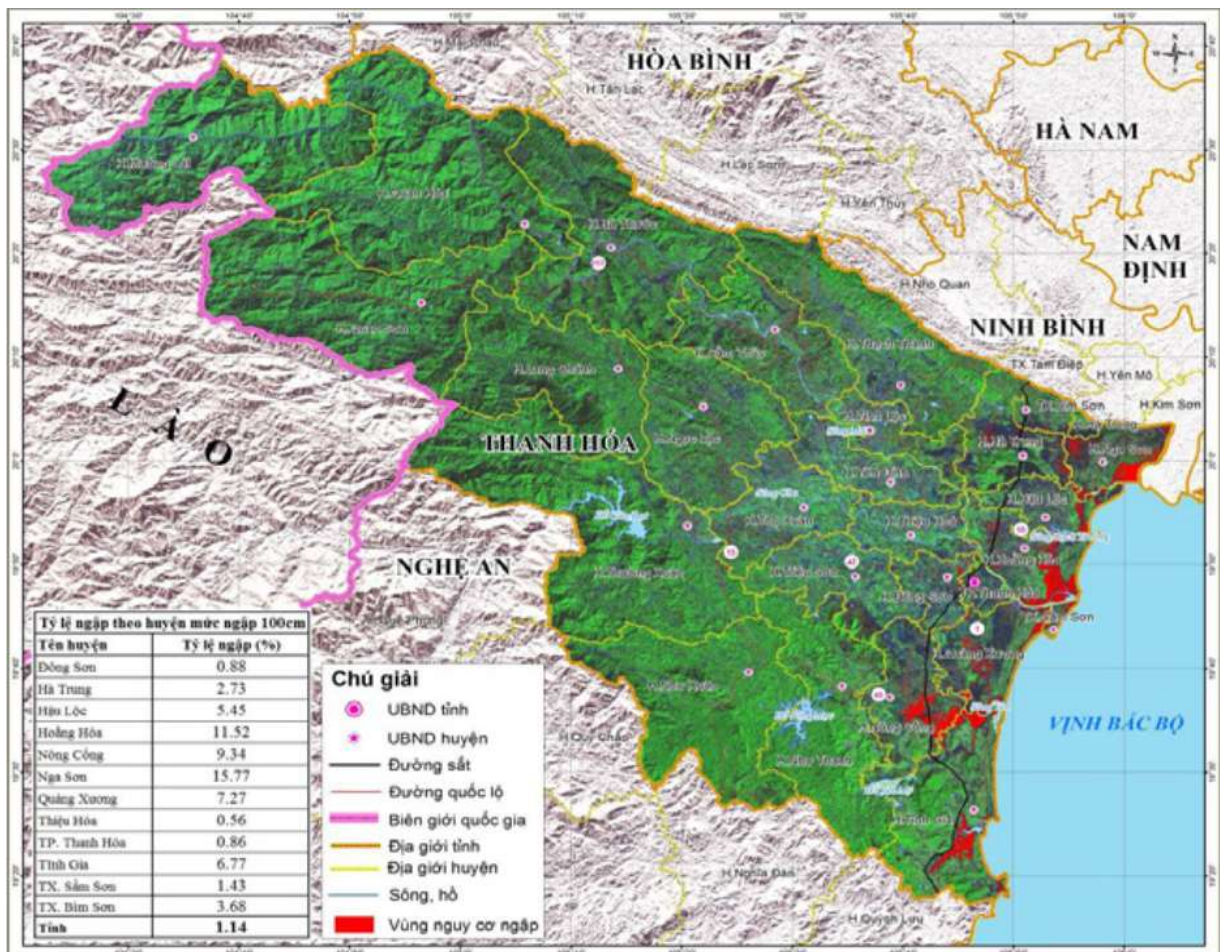
1. Kịch bản RCP 2.6 – Tương ứng với độ bức xạ là 2.6
2. Kịch bản RCP 4.5 – Tương ứng với độ bức xạ là 4.5
3. Kịch bản RCP 8.5 – Tương ứng với độ bức xạ là 8.5

Kịch bản nước biển dâng cho toàn khu vực Biển Đông như sau:

Kịch bản RCP	Các mốc thời gian của thế kỷ 21							
	2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
<b>RCP 2.6</b>	14 (8 ÷ 19)	20 (11 ÷ 26)	25 (14 ÷ 33)	30 (17 ÷ 41)	34 (20 ÷ 48)	38 (23 ÷ 55)	42 (25 ÷ 62)	46 (28 ÷ 70)
<b>RCP4.5</b>	12 (8 ÷ 18)	18 (11 ÷ 25)	23 (14 ÷ 33)	29 (18 ÷ 42)	35 (22 ÷ 51)	42 (26 ÷ 61)	48 (30 ÷ 71)	55 (34 ÷ 81)
<b>RCP8.5</b>	14 (10÷19)	20 (14÷27)	28 (20÷37)	34 (23 ÷ 47)	43 (28 ÷ 59)	52 (35 ÷ 72)	64 (42 ÷ 88)	77 (51÷106)

b. Nguy cơ ngập đồi với đô thị Hoàng Hóa :

- Tương ứng với các kịch bản RCP ở trên, mực nước biển dâng đến năm 2100 cao nhất (ứng với kịch bản RCP 8.5) là 103cm, thấp nhất (ứng với kịch bản RCP 2.6) là 28cm.



Bản đồ vùng có nguy cơ ngập do nước biển dâng tỉnh Thanh Hóa



Diện tích nguy cơ ngập do nước biển dâng của tỉnh Thanh Hóa

Quận/Huyện	Diện tích (ha)	Tỉ lệ ngập (%) ứng với các mực nước biển dâng					
		50cm	60cm	70cm	80cm	90cm	100cm
Đông Sơn	10735	0,13	0,18	0,23	0,30	0,79	0,88
Hà Trung	24552	0,48	0,68	0,97	1,32	1,82	2,73
Hậu Lộc	13873	0,92	1,55	2,32	3,17	4,23	5,45
Hoàng Hóa	22449	4,11	5,49	6,80	8,28	9,92	11,52
Nông Cống	28686	2,65	3,74	5,04	6,42	7,84	9,34
Nga Sơn	14841	5,23	6,08	7,14	8,58	11,14	15,77
Quảng Xương	22923	1,36	2,09	3,01	4,16	5,61	7,27
Thiệu Hóa	17556	0,26	0,31	0,36	0,41	0,51	0,56
TP. Thanh Hóa	5744	0,12	0,16	0,19	0,24	0,75	0,86
Tĩnh Gia	45066	3,15	3,95	4,59	5,39	6,16	6,77
TX. Sầm Sơn	1708	0,66	0,67	0,67	0,67	1,05	1,43
TX. Bim Sơn	6371	2,04	2,31	2,61	2,92	3,28	3,68
Tỉnh	1111000	0,36	0,49	0,62	0,78	0,96	1,14

- Nếu mực nước biển dâng cao 100cm, khoảng 1,14% diện tích của tỉnh Thanh Hóa có nguy cơ bị ngập, trong đó huyện Hoàng Hóa có nguy cơ ngập 11,52% diện tích. Như vậy với diện tích bị ngập khoảng 35,0km<sup>2</sup> trong tổng số 203,8 km<sup>2</sup>. Đây là tỷ lệ khá lớn, vì vậy có thể đánh giá đô thị Hoàng Hóa chịu tác động lớn của mực nước dâng do biến đổi khí hậu. Giải pháp quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật được tính toán theo kịch bản này để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng của BĐKH với dải ven biển của đô thị Hoàng Hóa.

(Nguồn: Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam - Bộ TNMT năm 2020).

- Hiện nay, đê biển huyện Hoàng Hóa có 02 đoạn tổng chiều dài khoảng 4,9km bao gồm các xã Hoàng Trương, xã Hoàng Thanh và xã Hoàng Phụ. Cao trình đỉnh đê từ (+4,00) – (+4,50m).

- Theo Quy hoạch thủy lợi chi tiết vùng bắc sông mã, tỉnh thanh hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa phê duyệt theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2018; Điều

chính, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Đô thị Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa phê duyệt theo Quyết định số 5241/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 và phương án quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa sẽ đầu tư xây dựng các tuyến đê biển Hoàng Trường và tuyến đường dọc toàn bộ bờ biển kết hợp kè (có cao độ từ 3,5 – 5,0m). Vì vậy toàn bộ vùng biển đô thị Hoàng Hóa sẽ được bảo vệ bởi hệ thống đê biển và tuyến đường dọc bờ biển kết hợp kè có cao độ đảm bảo để không bị ngập.

### **8.2.2. Nguy cơ tai biến thiên tai**

- Tình hình hạn hán.

Hiện nay khu vực lập quy hoạch đã có mạng lưới các công trình thủy lợi phủ khắp địa bàn; Nhưng do việc xây dựng chia thành nhiều giai đoạn, phân bổ theo từng thời kỳ, tới nay dù đã bổ sung mới và cải tạo nhưng hàng năm dưới tác động lũ lụt biến đổi khí hậu đã bị xuống cấp và hư hỏng. Một số công trình trước đây thiết kế với hệ số tưới nhỏ, chưa có hệ thống tiêu nay không còn phù hợp. Mặt khác nguồn nước đến của một số công trình không đảm bảo theo thiết kế, đặc biệt về mùa khô thường bị hạn hán cục bộ, các hồ đập, kênh tưới, trạm bơm vừa và nhỏ gặp khó khăn và không thể bơm nước được khi mực nước sông xuống thấp. Hệ thống kênh mương thường bị bồi lắng, sạt lở, chế độ dòng chảy thay đổi, chưa được kiên cố hoàn toàn, gây ảnh hưởng tới an toàn các khu vực lân cận và giảm năng lực tưới tiêu.

- Tình hình úng ngập, sạt lở đất, mưa bão.

Với đặc thù địa hình cùng mạng lưới sông ngòi kênh thủy lợi dàn trải trên toàn địa bàn đặc biệt có khoảng 12,0km đường bờ biển, khu vực lập quy hoạch có nhiều vị trí bị xâm thực, sạt lở. Khu vực bờ biển thuộc xã Hoàng Trường, Hoàng Thanh, Hoàng Phụ là những vị trí đã xuất hiện hiện tượng xâm thực, sạt lở bờ biển; khu vực ven bờ sông, bờ kênh, các cống điều tiết, các chỗ thay đổi dòng chảy là những vị trí xung yếu có thể bị sạt lở đất đá. Vào thời điểm mưa lũ, cần có chương trình dự báo và định kỳ gia cố các khu vực này để đảm bảo an toàn.

Khu vực phía Nam của huyện, và một số khu vực thuộc xã Hoàng Quý, Hoàng Cát vẫn còn bị ngập úng cục bộ khi mưa lớn và kéo dài nhiều ngày ảnh hưởng tới chất lượng môi trường, đời sống người dân.

### **8.2.3. Giải pháp phòng chống thiên tai:**

*a Giải pháp phi công trình:*

- Hạn chế, cấm khai thác dọc hành lang kênh thủy lợi, sông hồ. Trồng cây xanh bảo vệ ranh giới và góp phần cải thiện chất lượng môi trường.

- Quy hoạch các điểm tái định cư cho các điểm đô thị, dân cư mới di dời khỏi các khu vực có nguy cơ cao về tai biến thiên nhiên, sạt lở.

- Áp dụng khoa học công nghệ lắp đặt hệ thống báo động sớm, cảnh báo thiên tai, lũ lụt, sạt lở đất đối với bờ sông...

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, nguồn nước, mực nước... để có quyết sách phù hợp như giảm mức tưới, tăng thời gian tưới hạn chế đến mức tối thiểu diện tích hạn hán.

- Lập kế hoạch tưới cho hệ thống kênh Bắc, kênh Nam; kế hoạch bơm tưới trạm bơm Hoàng Khánh và các trạm bơm dọc sông Lạch Trường phù hợp với thực tế; Tham mưu địa phương trong việc điều hành tưới mặt ruộng tiết kiệm, khoa học.

- Tuyên truyền nhân dân về tình hình thời tiết, nguồn nước để có biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, dẫn giữ nước mặt ruộng đảm bảo hợp lý; giữ nước các ao hồ, kênh tiêu, tôn đắp bờ vùng bờ thửa đảm bảo giữ nước mặt ruộng.

- Kiểm tra nguồn nước nội đồng và có phương án tạo nguồn, cấp nước bổ sung từ hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng cho hệ thống trạm bơm Hoàng Khánh.

- Quản lý sử dụng nước tiết kiệm, chống lãng phí, dẫn giữ nước mặt ruộng, trữ nước các ao, hồ kênh mương nội đồng, các trục kênh tiêu; Với các khu tưới cao, xa có khả năng thiếu nước, cần tăng cường vận hành các trạm bơm lấy nước từ sông để hỗ trợ; dùng các máy bơm dã chiến và máy bơm dầu bơm trực tiếp nước từ kênh tiêu, ao, hồ...

- Tổ chức tưới luân phiên, tưới có trọng điểm, chủ động hạn nặng diệt trước, hạn nhẹ diệt sau, tuân thủ kế hoạch phân phối, điều hành nước của công ty, không làm rối loạn trên hệ thống kênh tưới khi gặp hạn.

- Rà soát và kiến nghị với cấp có thẩm quyền chuyển diện tích trồng lúa sang trồng cây màu hoặc cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, sử dụng ít nước ở các vùng khó tưới, các vùng không thể đưa nước do hệ thống kênh không phù hợp.

#### *b Giải pháp công trình:*

Hoàng Hóa đang trên đà phát triển mạnh mẽ với quy hoạch toàn huyện trở thành đô thị loại IV trực thuộc tỉnh. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra những thách thức cho việc bảo vệ hệ thống thủy lợi Khu vực Hoàng Hóa - một trong những khu tưới lớn nhất khu vực Bắc sông Mã. Những tác động của quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa tới hệ thống kênh tưới, cụ thể:

- Giảm quỹ đất nông nghiệp:

+ Quy hoạch đô thị Hoàng Hóa sẽ dẫn đến việc chuyển đổi một lượng lớn

đất nông nghiệp sang đất ở, đất công nghiệp, dịch vụ,... Điều này làm giảm diện tích đất canh tác, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực.

+ Việc thu hẹp quỹ đất nông nghiệp cũng khiến cho hệ thống kênh tưới trở nên dư thừa, không còn phát huy được giá trị dẫn nước cho ngành nông nghiệp. Một số kênh có thể bị lấp đi hoặc bị thu hẹp hoặc nắn chỉnh tuyến, ảnh hưởng đến khả năng tưới tiêu cho các khu vực còn lại.

- Thay đổi nhu cầu sử dụng nước:

+ Khi đô thị phát triển, nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ sẽ tăng cao. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp lại giảm do diện tích canh tác thu hẹp. Nhu cầu dùng nước trong các khu công nghiệp, đô thị được tăng cao khi đô thị phát triển, do đó cần có chiến lược chuyển đổi mục đích sử dụng nguồn nước mặt trên hệ thống Khu tưới Hoàng Hóa từ nông nghiệp sang đô thị và công nghiệp; cần giải pháp kỹ thuật như hạ ngầm, đi trong nung kín, nắn tuyến tránh qua đô thị để đảm bảo chất lượng nguồn nước.

+ Hơn nữa, nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ khu đô thị có thể chảy ngược vào hệ thống kênh tưới, gây ô nhiễm nguồn nước. Do đó hệ thống kênh hở dẫn nước tưới và phục vụ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp như hiện nay không còn phù hợp trong tương lai.

- Giải pháp:

+ Cần quy hoạch sử dụng đất hợp lý, đảm bảo cân bằng giữa phát triển đô thị và bảo vệ đất nông nghiệp.

+ Áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước như tưới nhỏ giọt, tưới phun sương để giảm thiểu nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp.

+ Xây dựng các hệ thống xử lý nước thải hiệu quả để tránh ô nhiễm nguồn nước.

+ Có các giải pháp chống biến đổi khí hậu như xây dựng công ngăn mặn, trữ nước ngọt để đảm bảo nguồn nước cho hệ thống kênh tưới.

+ Xây dựng hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, cải tạo chỉnh trang Khu tưới Hoàng Hóa trong hệ thống thủy lợi trạm bơm Hoàng Khánh. Bố trí các công trình giúp tăng hiệu quả cấp nước tưới cho các khu chức năng. Thực hiện các giải pháp đa lợi ích, phối hợp thủy lợi với các ngành khác như giao thông, du lịch, dịch vụ, nghệ thuật sinh thái ...nhằm tăng lợi ích kinh tế, bền vững với môi trường. Duy trì tuyến kênh tưới cung cấp nước và rà soát đầu nối liên thông liên mạch.

+ Đối với các đoạn kênh tưới đi qua đô thị cần nắn dòng hoàn trả, hạ thấp

cao độ đáy kênh để hài hòa với cảnh quan đô thị, hạn chế chia cắt. Bố trí hành lang bảo vệ kênh, kết hợp hành lang bảo vệ với cây xanh cảnh quan nhằm phát huy giá trị sinh thái và nâng tầm giá trị cho khu vực. tạo ra sự đa dạng hướng dòng chảy bằng cách bổ sung vật liệu gỗ, thảm thực vật an toàn có thể bảo vệ làm sạch nguồn nước.

+ Đối với các kênh tưới, sông ngoài khu đô thị tập trung cần giữ vững hình thái tự nhiên, tăng sự tiếp nhận nước ngầm mang lại sự cân bằng cho nước dưới đất. Trồng cây gia cố bờ, sử dụng vật liệu đa dạng từ đá, gỗ, sỏi tới thực vật xen kẽ vật liệu cứng, xác định hành lang cụ thể theo quy định.

+ Thực hiện có hiệu quả chiến dịch làm thuỷ lợi nội đồng mùa khô, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm tưới, nạo vét các trục tiêu để trữ nước chống hạn, giải phóng ách tắc trên các tuyến kênh mương.

+ Tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị cơ điện, công trình thuỷ công; chuẩn bị các vật tư, thiết bị để lắp đặt các trạm bơm đã chiến, các trạm bơm, đập các đập tạm theo phương án phòng chống hạn.

+ Thường xuyên kiểm tra phát hiện và tổ chức nạo vét để đảm bảo thông dòng ở tất cả các tuyến kênh tưới, kiểm tra các công trình thuỷ công, cơ điện đảm bảo vận hành không để xảy ra sự cố.

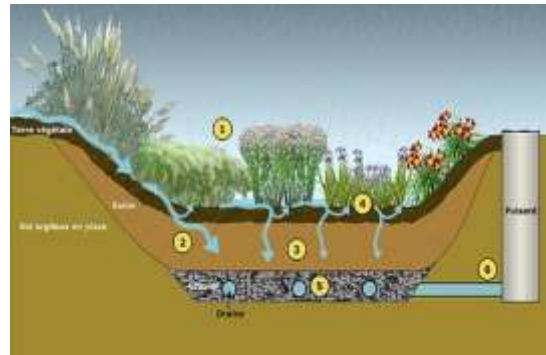
+ Phối hợp với Công ty TNHH một thành viên Bắc Sông Mã, chi nhánh thuỷ lợi Hoàng Hóa trong công tác nạo vét kênh mương nội đồng thường xuyên, liên tục; sử dụng các loại máy bơm lưu lượng nhỏ, biện pháp tưới tát phục vụ chống hạn. Cụ thể phải triển khai nạo vét kênh dẫn, bể hút; tu sửa, hoàn thiện các trạm bơm.

+ Xây dựng hồ điều hòa cho các khu đô thị, tạo cảnh quan nối liền liên thông trục tiêu thoát nước mặt bị bồi lấp khu vực phát triển mới ven biển và dọc sông Cung, ..., điều tiết nước mùa mưa lũ, trữ ngọt dự phòng, kết hợp hình thành tuyến du lịch đường thủy trong tương lai. Xây dựng hành lang bảo vệ an toàn thoát nước.

+ Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới tường chắn, kè chống sạt lở cho khu vực ven biển và các con sông lớn: sông Mã, sông Lạch Trường, sông Áu, sông Cung,.. Sử dụng vật liệu tự nhiên phù hợp, bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan.

+ Phòng tránh xói mòn, hạn hán, ô nhiễm nguồn nước. Hạn chế tác động tiêu cực như phá vỡ lớp phủ bề mặt tự nhiên, tăng độ che phủ xanh, tăng lợi ích từ lũ đối với vùng thích ứng biến đổi khí hậu, cải tạo hướng chảy bất lợi đối với khu dân cư.

+ Xác định hành lang bảo vệ đối với Sông, kênh, rạch theo Luật Tài nguyên nước và tuân thủ Nghị định 43/2015-NĐCP



- Mô hình kè và trồng cỏ, ổn định bờ, thu nước mưa

### 8.3. Định hướng quy hoạch cao độ nền, thoát nước mặt:

#### 8.3.1. Cơ sở thiết kế

- Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 .

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD;
- Dựa vào điều kiện tự nhiên, số liệu thủy văn khu vực thiết kế.
- Bản đồ đo đạc nền địa hình tỷ lệ 1/10.000;
- Quy chuẩn và tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng đô thị Việt Nam.
- Các đồ án quy hoạch và dự án trọng điểm đã được phê duyệt và đang triển khai trên địa bàn huyện Hoàng Hóa, và các khu vực phụ cận.

#### 8.3.2. Nguyên tắc thiết kế

- Lựa chọn cao độ nền theo các phân vùng và có áp dụng tới thích ứng biến đổi khí hậu.

- Rà soát lại Quy hoạch đã nghiên cứu trước: tuân thủ cao độ nền không chế những khu vực vẫn còn phù hợp.

- Đảm bảo cao độ nền xây dựng tối thiểu phù hợp với điều kiện thủy văn có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu.

- Khai thác triệt để địa hình tự nhiên để cân bằng đào đắp tại chỗ.

- Cao độ xây dựng không chế cho các khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư tuân thủ quy chuẩn hiện hành, mức độ quan trọng của từng đô thị, không mâu thuẫn với các quy hoạch đã được duyệt và hài hòa giữa khu xây dựng mới và khu hiện có.

- Quy hoạch san lấp nền kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thoát nước mưa, đảm bảo không bị ảnh hưởng của lũ lụt, sạt lở, các tác động bất lợi của thiên nhiên và việc biến đổi khí hậu.

- Độ dốc dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông thuận lợi.

- Thoát nước mưa thuận tiện và không gây ngập úng, hoạt động theo nguyên tắc tự chảy.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế đảm bảo tính kế thừa các quy hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với hiện trạng và dự báo phát triển của khu vực thiết kế, bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Tận dụng khai thác tối đa các trục tiêu thoát nước tự nhiên như: sông, suối, kênh mương vào việc tiêu thoát nước, hạn chế ngập lụt cục bộ khi mưa lớn và quá tải về môi trường cho đô thị tương lai.

### **8.3.3. Giải pháp cao độ nền xây dựng**

- Định hướng chung:

Theo khảo sát thủy văn hệ thống kênh, sông nội vùng, lũ lịch sử cao nhất có mực nước  $\leq 1,7\text{m}$  nên khu vực xây dựng hiện hữu, khu vực dự kiến mở rộng có cao độ nền  $H > 1,7\text{m}$  hầu như không chịu ảnh hưởng ngập úng khi mùa mưa lũ đến. Khu vực có nền thấp trũng, chủ yếu thuộc khu canh tác, các kênh rạch thủy lợi và khu dự trữ phát triển, khi triển khai quy hoạch cần có phương án cải tạo nền phù hợp với phương án phát triển.

Căn cứ đặc điểm địa hình và tính chất của từng khu vực trong ranh giới lập quy hoạch, cao độ nền xây dựng tối thiểu được tính toán và xác định phù hợp với chức năng của từng khu vực.



+ Đối với khu vực xây dựng mới có đê, kè bảo vệ, cao trình được xác định dựa theo công thức sau (thiết kế theo QCVN 01:2021/BXD)

$$H_{xd} = H_{mn.max} + H_{bdkh} + a$$

Trong đó:  $H_{xd}$  : Cao trình thiết kế tối thiểu (m)

$H_{mn.max}$  : Mức nước ngập tính toán (m)

$a$  : Trị số gia tăng an toàn (m)

Xác định mức nước ngập tính toán  $H_{mn.max}$  : Mức nước tính toán là mực nước tính theo tần suất, đảm bảo sự hoạt động bình thường của công trình.

$H_{bdkh}$ : Lựa chọn mức nước biến đổi khí hậu  $H_{bdkh}=0,2\text{cm}$  (Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam - Bộ TNMT năm 2020).

Lựa chọn  $H_{bdkh} = 0,2\text{cm}$  (đến năm 2050).

$a$ : Trị số độ gia tăng an toàn

$a = 0,3$  m (đối với khu vực xây dựng dân dụng)

$a = 0,5$  m (đối với khu vực xây dựng công nghiệp, kho tàng)

Cao độ khống chế xây dựng cho khu vực có đê, bờ bao bảo vệ:  $H_{xd} \geq 1,7 + 0,2 + 0,3 = +2,2\text{m}$ .

Để đảm bảo an toàn cho khu dân dụng, lựa chọn cao độ khống chế chung  $H_{xd} \geq +2,2\text{m}$ .

Đối với khu vực cây xanh  $H_{cx} \geq 1,7 + 0,2 = +1,9$ . Chọn  $H_{cx} \geq +2,00\text{m}$ .

\* Cao độ xây dựng cụ thể cho từng khu vực:

- Đối với khu đô thị hiện trạng đã có mật độ xây dựng cao, có cốt nền tương đối ổn định khi xây dựng xen cây các công trình mới giữ nguyên cao độ san nền hoặc chỉ san nền cục bộ cho phù hợp với hiện trạng xây dựng và điều kiện khu vực đảm bảo không làm ảnh hưởng đến thoát nước mặt của khu vực.

- Các khu vực xây dựng mới tôn nền khu vực dân dụng lên cao độ tối thiểu +2,2m; khu công nghiệp tối thiểu +2,5m; kết hợp với các biện pháp chống ngập úng khác để đảm bảo không bị ảnh hưởng ngập trong tương lai.

Tại các tuyến đường chính, khu vực tiếp giáp giữa khu vực xây dựng mới và khu vực hiện hữu bổ sung hệ thống dải xanh, mặt nước nhằm tạo vùng đệm hạn chế chênh lệch cao độ nền và hình thành các trục tiêu thoát cho các khu vực.



### 8.3.4. Giải pháp thoát nước mưa

#### a. Hệ thống

- Đối với khu vực đô thị hiện hữu: sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng, tương lai hướng tới thoát nước riêng. Xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước, kết hợp với các trạm bơm tiêu dự phòng khi mưa lớn.

- Đối với khu vực đô thị phát triển mới: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng

- Hệ thống công thoát nước mưa được thiết kế chủ yếu bám theo mạng lưới đường giao thông và có liên kết với mạng lưới kênh tiêu, hồ điều hòa, kết nối liên thông với công điều tiết ra mương tiêu chính và hệ thống sông trong khu vực. Trong quá trình triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, có thể căn cứ thực tế phát triển đô thị trong từng giai đoạn, để điều chỉnh nắn tuyến cho phù hợp, đảm bảo khả năng kết nối của hệ thống thoát nước mang tính chất vùng.

- Lưu vực: Căn cứ đặc điểm địa hình tự nhiên và phương án định hướng phát triển không gian đô thị, phân chia toàn đô thị thành 05 lưu vực thoát nước chính, tại mỗi khu vực sẽ nghiên cứu xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế tại đó kết hợp bố trí các hồ nước lớn để điều hòa nước mưa theo từng khu vực, cụ thể như sau:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc kênh Bắc trạm bơm Hoàng Khánh có diện tích khoảng 1.021 ha. Nước mưa được thu gom qua hệ thống thoát nước của đô thị sau đó tiêu tự chảy ra hồ điều hòa và các trục tiêu chính rồi được thoát qua cống Trà La và cống Đại Điền ra sông Mã.

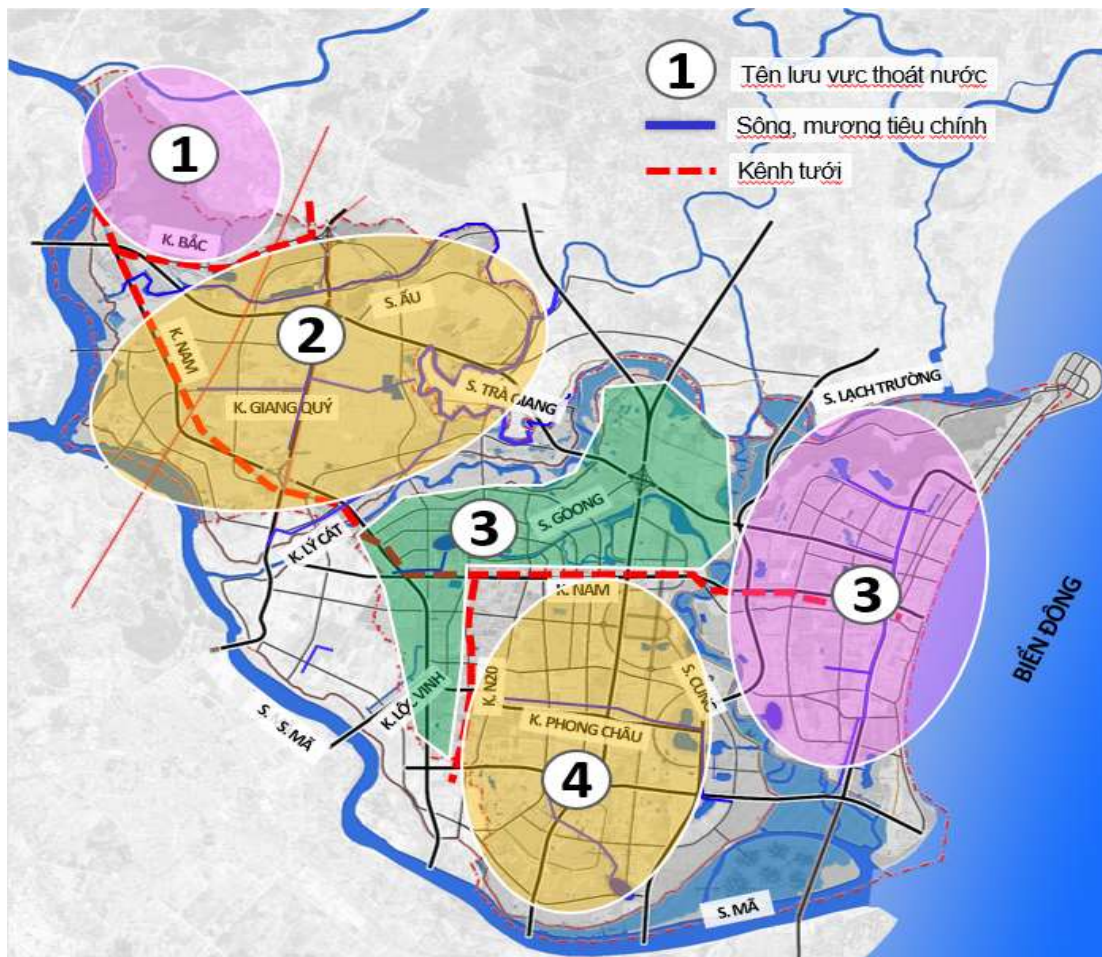
+ Lưu vực 2: Giới hạn bởi kênh Bắc, đê tả sông Mã và đê tả sông Lạch Trường thuộc hệ thống tiêu cống Bộ Đầu, có diện tích khoảng 5.000 ha. Nước mưa được thu gom qua hệ thống thoát nước của đô thị sau đó tiêu tự chảy ra hồ điều hòa và các trục tiêu chính cấp 2 kênh Phượng Quý - Kim Quý- Giang Quý - Hợp Khê, kênh Quý Khê, Lý Cát, sông Áu, rồi được thoát ra trục tiêu chính là sông Trà Giang về cống Bộ Đầu ra sông Lạch Trường.

+ Lưu vực 3: Giới hạn bởi đê hữu sông Lạch Trường, phía Bắc Kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh và phía Tây kênh N20 thuộc vùng tiêu Tam Tổng, có diện tích khoảng 2.680 ha. Nước mưa được thu gom qua hệ thống thoát nước của đô thị sau đó tiêu tự chảy ra hồ điều hòa và các trục tiêu chính kênh Lộ Vinh, Long Minh, Quang Minh rồi được thoát ra trục tiêu chính là sông Gòong qua cống Ngọc Đình ra sông Cung.

+ Lưu vực 4: Giới hạn phía Nam kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh, phía đông kênh N20 và phía Tây Sông Cung, có diện tích khoảng 4.550 ha. Nước mưa

được thu gom qua hệ thống thoát nước của đô thị sau đó tiêu tự chảy ra hồ điều hòa và các trục tiêu chính Thành Châu, Phong Châu, Thái Vinh, Thăng Lưu, Hội Triều rồi được tiêu trực tiếp ra sông Mã qua các cống dưới đê sông Mã và đê Tây sông Cung.

+ Lưu vực 5: phía Đông sông Cung (khu vực 8 xã ven biển), có diện tích khoảng 3.980 ha. Nước mưa thoát ra kênh nội đồng và kênh tiêu Trường Phụ sau đó thoát qua cống qua đê Đông sông Cung, cống Trường Phụ ra sông Mã và một phần trực tiếp thoát ra Biển.



Sơ đồ phân lưu vực thoát nước mưa đô thị Hoàng Hóa

b. Mạng lưới, kết cấu.

- Giữ nguyên tối đa các nhánh sông, trục tiêu hiện trạng. Trong trường hợp điều chỉnh chức năng sử dụng đất và chỉnh trang đô thị, đảm bảo cảnh quan cần có giải pháp nắn dòng, thay thế dòng chảy hiện có nhưng không ảnh hưởng tới tưới tiêu toàn khu vực.

- Phân tán theo nhiều lưu vực nhỏ, thoát ra trục tiêu và các con sông trong khu vực.

- Hướng thoát: Tận dụng hướng dốc địa hình để tiêu thoát, hướng thoát chính

cao ở phía Tây Bắc thấp dần về phía Đông Nam ra sông Mã, sông Lạch Trường, sông Cung, sông Âu, sông Trà Giang và các trục tiêu chính.

- Thiết kế dải cây xanh cách ly hai bên trục thoát nước, bề rộng giải cách ly đảm bảo  $B=1m \div 10m$  mỗi bên (tùy vào lưu lượng và tính chất của trục tiêu), đối với kênh mương hiện hữu và các vị trí đặc thù có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với thực tế. Xây dựng các công trình phòng lũ. Giải pháp ổn định nền theo chỉ tiêu kỹ thuật đúng với cấp công trình và tính chất, đặc thù của đất. Xây dựng hệ thống cầu, cống, đập tràn đúng cấp, những vị trí đường giao thông đi qua địa hình chia cắt, các khe tụ thủy bố trí cống, cầu, tránh làm nghẽn dòng chảy. Nạo vét, mở rộng lòng kênh mương, sông bị bồi lắng, xâm lấn, cải tạo hướng chảy bất lợi.

- Kết cấu các trục tiêu chính dạng mương hở khuyến khích trồng cây gia cố bờ, sử dụng vật liệu đa dạng từ đá, gỗ, sỏi tới thực vật xen kẽ vật liệu cứng, xác định hành lang cụ thể theo quy định, không khuyến khích kiên cố hóa, sử dụng bê tông hóa các trục tiêu lớn. Ưu tiên các vật liệu thân thiện môi trường và phù hợp cảnh quan cho từng khu vực. Mương xây nắp đan hoặc cống hộp trong khu đô thị, khu vực các xã ngoại thị dùng mương xây hở. Các cống qua đường dùng cống bản hoặc cống tròn tùy theo từng vị trí thích hợp để đảm bảo khẩu độ cho nước thoát nhanh và an toàn.

c. Tính toán hệ thống thoát nước mưa:

Mạng lưới thoát nước trong đô thị sử dụng cống tròn BTCT D600-D1500 đối với các cống thu gom, cống nhánh và cống hộp B1500 - B3000 đối với các trục tiêu chính. Hệ thống thoát nước mưa được tính toán theo TCVN 7957:2023. Chu kỳ lặp lại trận mưa gây tràn cống tính toán  $P=5$  năm đối với kênh, mương (áp dụng cho đô thị loại IV).

\* Lưu lượng tính toán nước mưa xác định theo công thức:

$$Q = q.C.F$$

Trong đó:

C: Hệ số dòng chảy; F: Diện tích lưu vực (ha)

q: Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức.

$$q = \frac{A.(1 + C \lg P)}{(t + b)^n} \text{ (l/s/ha)}.$$

Trong đó:

A, C, b, n - tham số, phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, xác định theo số liệu thống kê. Đối với dự án thuộc Thanh Hóa thì  $A=3640$ ;  $b=19$ ;  $C=0.53$ ;  $n=0.72$

P: Chu kỳ lặp lại của mưa (năm);

t- thời gian mưa tính toán hay thời gian giọt mưa rơi xuống trong lưu vực tính toán chảy đến tiết diện tính toán.  $t = t_0 + t_r$

$t_0$ - Thời gian nước mưa chảy trên bề mặt đến rãnh (5-10 phút).

$t_r$  - thời gian nước chảy theo rãnh đường đến giếng thu.

$$t_r = 0.017 \sum \frac{l_r}{v_r}$$

Trong đó:

$l_r$  - Chiều dài của đoạn tính toán (m)

$v_r$  - tốc độ nước chảy trong rãnh (m/s)

\* Lưu lượng thiết kế được tính theo công thức Manning:

$$Q_{tk} = \frac{1000}{n} \times A \times R^{2/3} \times I^{1/2} \text{ (l/s)}.$$

Trong đó:

n: Hệ số nhám Manning; A: Tiết diện cống

I: Độ dốc thủy lực; R: Bán kính thủy lực

$$R = \frac{\omega}{\chi} \text{ (l/s)}.$$

Trong đó:

$\omega$  : Tiết diện ướt

$\chi$  : Chu vi ướt

\* Để đảm bảo thoát nước:  $Q_{tt} \leq Q_{tk}$

Thông số thiết kế:

+ Độ dốc đường cống, mương thoát nước chọn trên cơ sở đảm bảo tốc độ nước chảy trong cống  $v \geq 0,6\text{m/s}$ . Vận tốc lớn nhất  $V_{\max} = 4\text{m/s}$ .

+ Độ dốc đường cống tối thiểu bằng  $1/D$  (D- đường kính cống, mm).

+ Độ sâu chôn cống trên đường  $h \geq 0,7\text{m}$ , trong công viên cây xanh và trên vỉa hè  $h \geq 0,5\text{m}$ .

d. Giải pháp thoát nước mưa:

- Đô thị Hoàng Hóa nằm trong 02 vùng tiêu thuộc vùng Bắc Sông Mã, trong

đó:

+ Khu vực các xã phía Bắc sông Lạch Trường nằm trong vùng tiêu số 5 kẹp giữa sông Mã, sông Lèn và sông Lạch Trường .

+ Khu vực các xã phía Nam sông Lạch Trường nằm trong vùng tiêu số 6 kẹp giữa sông Mã và sông Lạch Trường.

- Khu vực tiêu thuộc vùng tiêu số 5, bao gồm các xã phía Bắc sông Lạch Trường. Khu vực tiêu tự chảy ra các trục tiêu chính như: sông Lạch Trường sông Áu, sông Trà Giang, kênh Quý Khê, kênh Kim Quý, kênh Phụng Quý, kênh Giang Quý, kênh Hợp Khê, kênh Giang Hợp,...

+ Nạo vét các trục tiêu chính gồm sông Trà Giang từ Công Lộ Động đến cống Bộ Đầu (26,3km), Sông Áu từ cầu Phủ đến Hoàng Xuân (11,5km).

+ Đối với hệ thống tiêu qua cống Bộ Đầu: Cống Bộ Đầu mới được xây dựng năm 2001 với quy mô 3 cửa x(4,0x5,0)m đóng mở bán tự động đảm bảo tiêu cho 7.120ha. Phần ứng nội đồng đề nghị nạo vét các trục tiêu cấp 2 như sông Áu, kênh Quý Khê, kênh Kim Quý, kênh Phụng Quý, kênh Giang Quý, kênh Hợp Khê, kênh Giang Hợp,...

Bảng. Tổng hợp phương án đầu tư nạo vét kênh tiêu khu vực phía Bắc sông Lạch Trường

TT	Trục tiêu	Kết cấu	Ftiêu (ha)	Q <sub>TK</sub> (m <sup>3</sup> /s)	L (km)	B <sub>đáy</sub> (m)
1	Sông ấu 1	Đất	428	3,3	1,44	3÷4
2	Sông ấu 5	Đất	250	2	2,46	2÷3
3	Sông ấu 7	Đất	950	7,4	1,15	8÷9
4	Quý Khê	Đất	2330	18,2	2,6	16÷17
5	Kim Quý	Đất	338	2,6	1,7	3÷4
6	Phụng Quý	Đất	515	4	3,1	4÷5
7	Giang Quý	Đất	695	5,4	4	7÷8
8	Hợp Khê	Đất	567	4,4	3,05	6÷7
9	Giang Hợp	Đất	250	2	3,37	2÷3

+ Về trạm bơm: Nâng cấp trạm bơm Hoàng Lý công suất 7.800m<sup>3</sup>/h, và đề xuất xây dựng trạm bơm tại cống Bộ Đầu công suất 20.000m<sup>3</sup>/h.

- Khu vực tiêu thuộc vùng tiêu số 6, bao gồm các xã kẹp giữa sông Mã và sông Lạch Trường, chia làm 03 tiểu vùng tiêu.

+ Vùng tiêu Tam Tổng gồm 03 phường của TP. Thanh Hóa và 09 xã ( thị trấn Bút Sơn, Hoàng Đồng, Đức, Xuyên, Đạt, Hà, Đạo, Ngọc, Thăng ) được tiêu ra trực chính là sông Gông, và thoát ra sông Cung qua cống Ngọc Đình:

Xây mới cống tiêu Ngọc Đình thay thế cho cống cũ được xây dựng năm 1990

tiêu cho với hệ số tiêu thiết kế thời điểm đó là 5,4l/s/ha. Lưu lượng thiết kế hiện tại là 30,2m<sup>3</sup>/s. Quy mô xây mới là 3 cửa x 3 x 4,5m.

Nạo vét, khơi thông lòng dẫn trực chính sông Gông dài 8.24km từ phường Tào Xuyên đến cống Ngọc Đình với Q<sub>max</sub> là 30,2m<sup>3</sup>/s.

Nạo vét các trục tiêu nhánh ra sông Gông như Long Minh, Quang Minh, Lưu Đạo, Lộc Vinh, Thái Vinh...

Nâng cấp các trạm bơm hư hỏng, xuống cấp, không đủ năng lực tiêu so với hệ số tiêu hiện nay gồm: Trạm bơm Nhân Trạch nâng cấp thành 9 máy x 4.000m<sup>3</sup>/h tiêu cho 1.498ha. Nâng cấp đầu mối cho trạm bơm Hoàng Quang I tiêu cho 830ha, trạm bơm Hoàng Quang II tiêu cho 800ha. Thay máy cho trạm bơm Hoàng Phúc tiêu 206ha với quy mô 1x2500+2x1400m<sup>3</sup>/h. Nâng cấp trạm bơm Đồng Trâm với quy mô 6 máy x 2500m<sup>3</sup>/h tiêu cho 550ha.

+ Đối với vùng Đông Nam gồm xã Hoàng Đại của TP. Thanh Hóa và 09 xã (Hoàng Lộc, Thái, Thịnh, Trạch, Thành, Châu, Tân, Thắng, Lưu, Phong).

Cải tạo cống Hoàng Châu, cống Hoàng Phong, cống Thành Châu, cống Trường Phụ để tiêu tranh thủ khi mực nước triều xuống thấp.

Xây dựng trạm bơm Lưu Phong Châu tiêu ra sông Mã tiêu cho 3.500ha thuộc 3 xã Hoàng Phong, Hoàng Lưu, Hoàng Châu. Xây dựng 2 trạm bơm quy mô nhỏ gồm Trạm bơm Hoàng Châu với quy mô 11 máy x 4.000m<sup>3</sup>/h tiêu cho 1.700ha và trạm bơm Hoàng Phong với quy mô 11 máy x 4000m<sup>3</sup>/h tiêu cho 1.800ha. Với phương án này sẽ chỉ cần xây dựng các trạm bơm tại cống Hoàng Châu và cống Sông Vưa để tiêu hỗ trợ khi các cống phải đóng lại.

Nạo vét 36,9km kênh tiêu nội vùng đảm bảo việc tiêu thoát được chủ động.

+ Đối với tiểu vùng 8 xã ven biển: Khu này có địa hình dốc dần về phía biển, cao độ đất đai từ +1,8 ÷ +2,5, trung bình triều trong thời gian tiêu +1,4m. Vì vậy việc tiêu thoát là tiêu tự chảy hoàn toàn. Với việc phát triển mạnh mẽ của khu vực ven biển, với dự báo đô thị hóa nhanh: đề xuất xây dựng mạng lưới hồ điều hòa và giữ nguyên bề rộng kênh tiêu Trường Phụ (mở rộng tối đa có thể). Danh quỹ đất xây dựng trạm bơm tiêu tại cống Hoàng phụ để tiêu chủ động và tranh thủ cho khu vực tiêu ven biển.

Bảng. Tổng hợp phương án đầu tư nạo vét kênh tiêu

TT	Trục tiêu	Kết cấu	Ftiêu (ha)	Q <sub>TK</sub> (m <sup>3</sup> /s)	L (km)	Bđáy (m)
1	Sông Gông	Đất	4198	30,2	8,24	20÷23
2	Long Minh	Đất	920	6,6	3,13	7÷8

**Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045**

3	Quang Minh	Đất	520	3,7	2,66	4÷5
4	Lộc Vinh	Đất	842	6,1	4,26	7÷8
5	Thái vinh	Đất	280	2	3,86	3÷4
6	Lưu Đạo	Đất	520	3,7	4	4÷5
7	Hà Đạt	Đất	470	3,4	2,32	4÷5
8	Đồng Trâm	Đất	560	4	1,66	4÷5
9	Hoàng Quang 1	Đất	830	6	1,18	7÷8
10	Hoàng Quang 2	Đất	850	6,1	1,15	7÷8
11	KT Phù Quang	Đất	350	2,5	1,55	3÷4
12	Lộc Vinh	Đất	850	6,1	1,21	7÷8
13	KT Tế Độ -	Đất	206	1,5	0,15	2÷3
14	Thành Châu	Đất	1720	12,4	8,19	14÷15
15	Thành Châu -1	Đất	340	2,4	3,66	4÷5
16	Thành Châu - 2	Đất	495	3,6	2,46	4÷5
17	Phong Châu	Đất	730	5,3	6,78	6÷7
18	Hội Triều	Đất	572	4,1	1,85	4÷5
19	Sông Vưa	Đất	446	3,2	1,5	4÷5
20	Trường Phụ	Đất	2720	19,6	3,6	17÷18

**Bảng. Phương án đầu tư trạm bơm**

TT	Công trình	Địa điểm	Ftiêu	Q <sub>TK</sub>	Quy mô	Giải pháp
			(ha)	(m <sup>3</sup> /s)	(m <sup>3</sup> /h)	
<b>I</b>	<b>Nâng cấp</b>					
1	TB.Nhân Trạch	H. Đạo	1498	10,5	9x4000	Đầu mối, thiết bị
2	TB. H. Quang1	H. Quang	830	5,8	8x2500	Đầu mối
3	TB Hoàng Quang 2	H. Quang	800	5,6	8x2500	Đầu mối
4	TB.Đồng Trâm	H. Đức	560	3,9	6x2500	Đầu mối, thiết bị
5	TB.Hoàng Phúc	H. Phúc	206	1,4	1x2500+2x1400	Thiết bị
<b>II</b>	<b>Xây mới</b>					
1	TB.Hoàng Châu	Hoàng Châu	1720	11,7	11x4000	Xây mới
2	TB. Hoàng Phong	Hoàng Phong	1780	12,1	11x4000	Xây mới
3	TB. Hoàng Phụ	Hoàng Phụ	850	5,8	8x2500	Đầu mối
4	TB. Công Bộ Đầu	Hoàng Xuyên	800	5,8	8x2500	Đầu mối

Bảng tính toán gợi ý lựa chọn tiết diện cống nhánh và cống tiêu chính thoát nước cho đô thị

<b>Bảng tính thủy lực lựa chọn tiết diện cống</b>														
<i>D(m)</i>	<i>n</i>	<b>W (m<sup>2</sup>)</b>	<b>R<sub>tl</sub> (m)</b>	<b>I</b>	<b>C</b>	<b>(R*I)<sup>(1/2)</sup></b>	<b>V<sub>tt</sub> (m/s)</b>	<b>Q<sub>tk</sub> (l/s)</b>	<b>Q<sub>tt</sub> (l/s)</b>	<b>t (phút)</b>	<b>P (năm)</b>	<b>q (l/s.ha)</b>	<b>Φ</b>	<b>F (ha)</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>
<b>0.6</b>	0.013	0.283	0.150	0.0017	56.071	0.0158	0.89	250.67	243.32	30.00	10.00	337.95	0.60	<b>1.20</b>
<b>0.8</b>	0.013	0.503	0.200	0.0013	58.825	0.0158	0.93	467.52	453.77	35.00	10.00	315.12	0.60	<b>2.40</b>
<b>1.0</b>	0.013	0.785	0.250	0.0010	61.054	0.0158	0.97	758.18	753.91	40.00	10.00	295.65	0.60	<b>4.25</b>
<b>1.2</b>	0.013	1.131	0.300	0.0008	62.938	0.0155	0.98	1102.73	1087.45	45.00	10.00	278.83	0.60	<b>6.50</b>
<b>1.5</b>	0.013	1.767	0.375	0.0007	65.322	0.0158	1.03	1825.17	1822.51	50.00	10.00	264.13	0.60	<b>11.50</b>

<b>Bảng tính thủy lực cống tiêu chính</b>															
<b>B (m)</b>	<b>H (m)</b>	<b>n</b>	<b>W (m<sup>2</sup>)</b>	<b>R<sub>tl</sub> (m)</b>	<b>I</b>	<b>C</b>	<b>(R*I)<sup>(1/2)</sup></b>	<b>V<sub>tt</sub></b>	<b>Q<sub>tk</sub> (l/s)</b>	<b>Q<sub>tt</sub> (l/s)</b>	<b>t (phút)</b>	<b>P (năm)</b>	<b>q (l/s.ha)</b>	<b>Φ</b>	<b>F (ha)</b>
<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>
1.50	1.50	0.013	2.25	0.500	0.0005	<b>68.53</b>	<b>0.0158</b>	<b>1.08</b>	<b>2438.02</b>	<b>2372.12</b>	60.00	10.00	239.61	0.60	16.50
2.00	1.50	0.013	3	0.600	0.0005	<b>70.65</b>	<b>0.0173</b>	<b>1.22</b>	<b>3670.83</b>	<b>3648.77</b>	90.00	10.00	190.04	0.60	32.00
2.00	2.00	0.013	4	0.667	0.0005	<b>71.90</b>	<b>0.0183</b>	<b>1.31</b>	<b>5250.58</b>	<b>5168.53</b>	120.00	10.00	159.52	0.60	54.00
2.50	2.00	0.013	5	0.769	0.0005	<b>73.63</b>	<b>0.0196</b>	<b>1.44</b>	<b>7220.20</b>	<b>7150.96</b>	150.00	10.00	138.58	0.60	86.00
3.00	2.00	0.013	6	0.857	0.0005	<b>74.97</b>	<b>0.0207</b>	<b>1.55</b>	<b>9312.40</b>	<b>9240.17</b>	180.00	10.00	123.20	0.60	125.00



### 8.3.5. Hệ thống hồ điều tiết nước mưa và biện pháp kiểm soát dòng chảy.

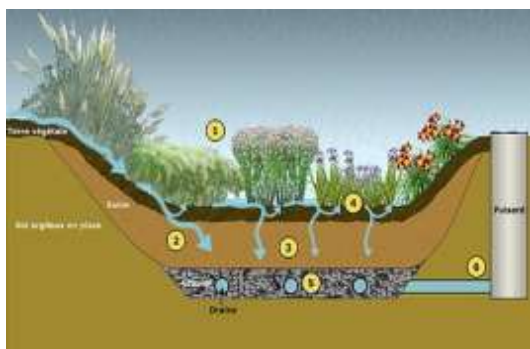
- Mở rộng và xác định vị trí xây dựng mới mạng lưới hồ điều hòa bám dọc các trục tiêu chính và xen kẽ trong các khu vực dân cư hiện hữu, kết hợp với cá không gian công cộng. Sử dụng hệ thống hồ, trục tiêu trong đô thị để điều hòa nước mưa và giảm chiều sâu chôn cống trước khi thoát ra các sông chính. Đồng thời các hồ điều hòa góp phần tạo cảnh quan cho đô thị, cải thiện vi khí hậu, cân bằng đào đắp nền.

- Đầu nối liên thông hồ điều hòa, tuyến cống, kênh tiêu, trạm bơm tiêu.

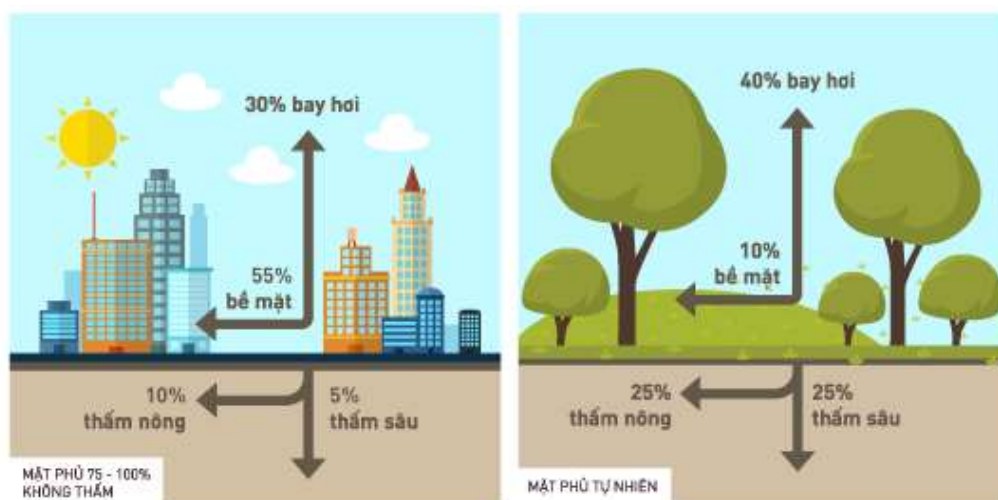
- Nạo vét ao hồ hiện có, kè gia cố bờ.

- Xây dựng mới các hồ điều tiết vị trí thấp trũng phía Nam, phía Bắc và liền kề với khu đô thị mới. Chiều sâu điều tiết tối thiểu:  $H_{\text{điều tiết}} = -0,5 \div 1,5\text{m}$  (bố trí thêm bậc đảm bảo an toàn)

- Tăng cường áp dụng giải pháp thoát nước xanh, bền vững:



Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ dẫn đến gia tăng đáng kể khối lượng cũng như vận tốc nước chảy tràn bề mặt, từ đó làm tăng đỉnh lũ (Peak discharge) và rút ngắn thời gian tập trung nước mưa (Time of concentration -  $T_c$ ) từ 2 đến 5 lần so với giai đoạn chưa phát triển đô thị dẫn đến vượt quá khả năng tiêu thoát của hệ thống cống hiện trạng và làm phát sinh và gia tăng ngập úng.



### - Mô tả lượng nước mưa thấm thấu trước và sau đô thị hóa

Kỹ thuật "thoát nước xanh" áp dụng ở đây sẽ tập trung chủ yếu vào biện pháp kiểm soát dòng chảy bề mặt bằng việc phối hợp giữa công tác thiết kế và quản lý hệ thống thoát nước đô thị. Áp dụng kỹ thuật "thoát nước xanh" sẽ giúp giảm ngập lụt 15-20% trong điều kiện khí hậu hiện tại và biến đổi khí hậu trong tương lai. Việc thiết kế hệ thống "thoát nước xanh" cần có sự cân nhắc tổng thể và triển khai cục bộ. Do đó, việc kiểm soát dòng chảy sẽ được chia ra 03 cấp: cấp huyện/thị xã, cấp xã (phường)/ tiểu khu, cấp hộ gia đình.

Cấp huyện/thị xã: xây dựng hệ thống thoát nước kết hợp với các hành lang xanh, bao gồm kênh mương, cống thoát nước, hồ điều hoà, công trình tiêu nước cưỡng bức (trạm bơm tiêu) vào các trục tiêu chính, các con sông. Trong quy hoạch đô thị tại các khu vực cây xanh sẽ bố trí các hồ khô, bãi thấm, thay đổi bề mặt không thấm bê tông tại các vỉa hè, sân đỗ xe,... bằng các vật liệu thấm như các vật liệu xốp hoặc tăng diện tích trồng cây. Các nhà máy xử lý nước thải sẽ tái sử dụng nước sau xử lý để tăng cường cho các dòng chảy mặt hoặc công trình chứa trong đô thị hoặc các khu sinh thái tự nhiên nhằm gìn giữ "thị xã mặt nước" cũng như để bổ cập nguồn nước ngầm khu vực.



Cấp xã (phường)/tiểu khu: đối với quy mô các khu đô thị hoặc khu nhà ở xây dựng mới, cần đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn nhằm tách nước thải khỏi nước mưa. Giải pháp này sẽ hạn chế sự phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải vào nguồn nước tiếp nhận. Ngoài ra trong các khu vực này nên xây dựng các hào/rãnh thoát nước mưa bằng trồng cây gia cố bờ, sử dụng vật liệu đa dạng từ đá, gỗ, sỏi tới thực vật xen kẽ vật liệu cứng.



Cấp hộ gia đình: thiết kế các hệ thống gây chậm dòng chảy bằng giải pháp cắt dòng chảy trực tiếp bằng mái nhà xanh, hồ thấm hoặc sử dụng phương tiện chứa nước mưa từ mái nhà đối với các hộ gia đình hoặc cơ sở công nghiệp, thương mại để sử dụng cho các hoạt động có thể sử dụng nước tái sử dụng như: vệ sinh, tưới cây, rửa xe...



- Căn cứ tình hình đô thị hóa nhanh chóng và tình trạng ngập của mỗi khu vực trong huyện/thị xã, dự kiến áp dụng giải pháp thoát nước mưa bao gồm biện pháp xây dựng hệ thống thoát nước và giải pháp thoát nước xanh, triệt để tận dụng điều kiện thoát nước tự nhiên. Cơ sở cơ bản để chọn lựa các giải pháp thoát nước như sau:

+ Đối với khu đô thị hiện hữu: nước mưa phải được tiêu thoát nhanh chóng bằng các biện pháp xây dựng công trình thoát nước để giảm các thiệt hại do ngập. Từng bước cải tạo các khu hiện hữu theo mô hình thoát nước xanh.



*Trước khi cải tạo tuyến phố*



*Sau khi cải tạo tuyến phố*



- Áp dụng hệ thống thoát nước xanh đối với các khu vực đô thị hiện hữu

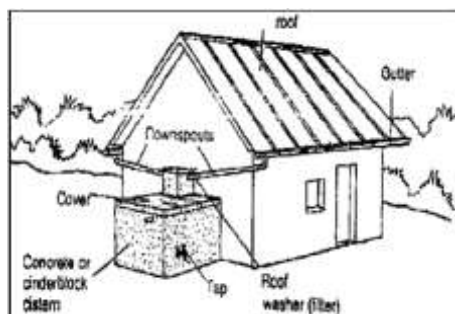
- Đối với khu vực định hướng đô thị hóa cao: Ngập úng cần phải được giảm thiểu tối đa bằng cách kết hợp các biện pháp xây dựng các công trình thoát nước và thoát nước xanh.

- Đối với khu vực không (hoặc ít) đô thị hóa: áp dụng các biện pháp thoát nước xanh, triệt để sử dụng điều kiện thoát nước tự nhiên giữ lại tiềm năng trữ nước mưa, hạn chế sử dụng các biện pháp xây dựng công trình thoát nước.

- Áp dụng hệ thống thoát nước xanh tại khu vực xây dựng mới.



- Tận thu nước mưa trong hệ thống thoát nước mưa tại chân công trình hộ gia đình, công trình dịch vụ công cộng về các bể chứa nước nhằm tái sử dụng cho mục đích sản xuất, sinh hoạt, tưới cây, rửa đường...



Tích trữ nước mưa tại công trình

Mô hình bể tích trữ nước mưa trên đường giao thông

### 8.3.6. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Đẩy nhanh xây dựng, cải tạo chỉnh trang hệ thống thủy lợi tiêu thoát nước cho khu vực xây dựng đợt đầu, trạm bơm cho lưu vực thoát cho đô thị hiện hữu và mở rộng ... cùng mạng lưới thoát nước đi kèm để chống úng ngập.

Đẩy nhanh xây dựng, cải tạo chỉnh trang hệ thống hồ điều hòa kết hợp kênh tưới tiêu, tạo nguồn cung cấp nước, trữ ngọt cho đô thị, đồng thời chống úng ngập. Khai thông, mở rộng các trục tiêu thoát nước mặt bị bồi lấp theo hướng bắc nam.

Xây dựng hành lang bảo vệ an toàn thoát nước. Đảm bảo thoát nước bền vững, thoát chậm, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu

Xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật ở các khu mới (khu đô thị, công nghiệp...).

#### **8.4. Định hướng Quy hoạch cấp nước**

##### **8.4.1. Cơ sở thiết kế:**

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07: 2023/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Và các quy định pháp luật hiện hành.

##### **8.4.2. Nguyên tắc thiết kế**

- Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước cho đô thị theo bậc tin cậy cấp nước của từng giai đoạn.

- Lựa chọn nguồn nước hợp lý.

- Thiết kế hệ thống cung cấp nước đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng, áp lực, lưu lượng cho các nhu cầu trong đô thị.

##### **8.4.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng nước**

Theo thực tế và định hướng quy hoạch KCN Phú Quý (khoảng 845,0 ha), KCN bắc Hoàng Hóa (khoảng 274,0 ha), CCN Thái Thắng (khoảng 50,0 ha) được tính toán nhu cầu sử dụng nước và xây dựng nhà máy cấp nước riêng trong khu, cụm CN, như vậy diện tích đất công nghiệp tính toán nhu cầu cấp nước là:

+ Giai đoạn năm 2030:  $S = 1.452 - (845 + 274 + 50) = 283,0ha$

+ Giai đoạn năm 2045:  $S = 1.539 - (845 + 274 + 50) = 370,0ha$

- Căn cứ theo dự báo về quy mô dân số và diện tích đất công nghiệp. Dự báo nhu cầu dùng nước đến năm 2030 và năm 2045 như sau:

**Bảng dự báo nhu cầu sử dụng nước của đô thị**

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2030				CS cấp nước
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	

**Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045**

						(m <sup>3</sup> /ngđ)
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>285.800,0</b>				<b>29.996,0</b>
1	Dân cư đô thị	178.300,0	người	120,0	l/ng.ngđ	21.396,0
2	Dân cư nông thôn	107.500,0	người	80,0	l/ng.ngđ	8.600,0
<b>II</b>	<b>Đất công nghiệp tập trung</b>	<b>283,0</b>	<b>ha</b>	<b>25,0</b>	<b>m<sup>3</sup>/ha.ngđ</b>	<b>7.075,0</b>
<b>III</b>	<b>Công trình công cộng, dịch vụ</b>			<b>I x 15%</b>		<b>4.499,40</b>
<b>IV</b>	<b>Tưới cây, rửa đường</b>			<b>I x 8%</b>		<b>2.399,68</b>
<b>V</b>	<b>Sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp</b>			<b>I x 10%</b>		<b>2.999,60</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng, rò rỉ</b>	<b>(I+II+III+IV+V) x 8,0%</b>				<b>3.757,57</b>
<b>VII</b>	<b>Bản thân khu xử lí</b>	<b>(I+II+III+IV+V+VI) x 5%</b>				<b>2.536,36</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng</b>	<b>I+II+III+IV+V+VI+VII</b>				<b>53.263,62</b>

Nhu cầu sử dụng nước của đô thị Hoàng Hóa giai đoạn đến năm 2030: 53.500,0 m<sup>3</sup>/ha.ngđ

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2045				CS cấp nước (m <sup>3</sup> /ngđ)
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>435.650,0</b>				<b>62.328,00</b>
1	Dân cư đô thị	335.000,0	người	150,0	l/ng.ngđ	50.250,00
2	Dân cư nông thôn	100.650,0	người	120,0	l/ng.ngđ	12.078,00
<b>II</b>	<b>Đất công nghiệp tập trung</b>	<b>370,0</b>	<b>ha</b>	<b>25,0</b>	<b>m<sup>3</sup>/ha.ngđ</b>	<b>9.250,00</b>
<b>III</b>	<b>Công trình công cộng, dịch vụ</b>			<b>I x 15%</b>		<b>9.349,20</b>
<b>IV</b>	<b>Tưới cây, rửa đường</b>			<b>I x 10%</b>		<b>6.232,80</b>
<b>V</b>	<b>Sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp</b>			<b>I x 10%</b>		<b>6.232,80</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng, rò rỉ</b>	<b>(I+II+III+IV+V) x 8%</b>				<b>7.471,42</b>
<b>VII</b>	<b>Bản thân khu xử lí</b>	<b>(I+II+III+IV+V+VI) x 5%</b>				<b>5.043,21</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng</b>	<b>I+II+III+IV+V+VI+VII</b>				<b>105.907,44</b>

Nhu cầu sử dụng nước của đô thị Hoàng Hóa giai đoạn đến năm 2045: 106.000 m<sup>3</sup>/ha.ngđ

#### **8.4.4. Nguồn nước:**

##### **a. Nguồn nước mặt**

Hệ thống sông hồ chính trên địa đô thị Hoàng Hóa: sông Mã, sông Lạch Trường, sông Áu, sông Trà Giang, sông Gông, sông Cung và chủ yếu sử dụng nước mặt từ hệ thống kênh Bắc, kênh Nam trạm bơm Hoàng Khánh.

- Hệ thống sông Mã bắt nguồn từ huyện Tuần Giáo tỉnh Điện Biên và chảy qua Sơn La, CHDCND Lào, Hòa Bình, đi vào Thanh Hóa tại Mường Lát và đổ ra

biển Đông tại cửa Hới. Đây là con sông cung cấp chính về nguồn nước và phù sa cho vùng Bắc sông Mã. Đối với vùng Bắc sông Mã, dòng chính sông Mã bao bọc phía Tây và Nam tính từ Vĩnh Hùng đến cửa Hới. Đoạn sông này dài 40,4km, hoàn toàn mang tính chất sông đồng bằng và đồng bằng ven biển và bị ảnh hưởng của chế độ thủy triều.

- Sông Lạch Trường Là một nhánh phân lưu lớn của sông Mã bắt nguồn từ Ngã ba Tuần chảy qua Hoàng Hoá, Hậu Lộc và đổ ra biển tại cửa Lạch Trường. Chiều dài sông khoảng 25km. Đoạn sông này hẹp và nông, về mùa kiệt hầu như không lấy được nước từ sông Mã do sông bị mặn hoàn toàn và chịu ảnh hưởng thủy triều. Về mùa lũ, một phần lượng nước từ sông Mã phân vào sông Lạch Trường và đổ ra biển tại cửa Lạch Trường. Vì sông Lạch Trường ngắn và bị ảnh hưởng triều mạnh nên có tác dụng tiêu tranh thủ rất tốt cho phần diện tích nằm giữa Nam sông Lèn, Đông sông Mã, Bắc Lạch Trường và Tây kênh De.

- Sông Áu, sông Trà Giang: Nằm trong huyện Hoàng Hoá, Hậu Lộc, 2 con sông này nhập vào nhau tại hạ lưu đập Bệnh Viện và đổ vào sông Lạch Trường tại cống Bộ Đầu. Hiện nay 2 con sông này đã được tách riêng bởi đập bệnh viện. 2 con sông này đều nông, cao độ đáy sâu nhất là -2,5m.

- Sông Gòg: Chảy từ Hoàng Anh qua vùng trũng Tam Tổng khu Nam Hoàng Hoá đổ vào sông Cùng tại Nhân Trạch. Lưu lượng cơ bản của sông về mùa kiệt do lượng nước hồi quy của trạm bơm Hoàng Khánh mà có.

- Sông Cung, Kênh De: Là kênh vận tải thủy Nhà Lê, nối giữa sông Mã, sông Lèn, sông Lạch Trường. Đoạn chạy qua Hậu Lộc là sông De, đoạn chạy qua Hoàng Hoá là sông Cùng, sông Cách. Hệ thống kênh này phân chia vùng thành 2 tiểu khu ven biển rõ rệt. Nhiệm vụ chính của sông này là vận tải thủy, tuy nhiên do nhu cầu lấy nước tưới vẫn phải tranh thủ lấy mỗi ngày từ 2-6 tiếng vì sông bị mặn thường xuyên.

- Hệ thống thủy lợi trạm bơm Hoàng Khánh: Vùng hưởng lợi TB. Hoàng Khánh bao gồm toàn bộ huyện Hoàng Hóa; 4 phường, xã thuộc TP. Thanh Hóa. Tổng diện tích tự nhiên toàn vùng là 22.473ha, diện tích cần tưới là 10.470ha đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác là 10.010ha và 1.823ha nuôi trồng thủy sản.

Khu vực được cấp từ các nguồn:

+ Bơm trực tiếp từ sông Mã: Gồm trạm bơm Hoàng Khánh và 9 trạm bơm nhỏ. Tuy nhiên nguồn này không ổn định do mực nước bị hạ thấp và xâm nhập mặn.

+ Bơm từ hệ thống tiêu như sông Âu, Sông Trà Giang, Kênh Quý Khê...: Nguồn nước một phần lấy từ cống Lộc Động và nguồn hồi quy trạm bơm Hoàng Khánh. Tuy nhiên nguồn nước này hiện không đảm bảo do cống Lộc Động bị mặn thường xuyên trong mùa kiệt.

+ 2 hồ chứa thuộc xã Hoàng Yên và Hoàng Hải cấp cho khoảng 60ha.

Công trình bao gồm:

+ Hiện nay trạm bơm Hoàng Khánh đang được cải tạo nâng cấp.

+ Kênh chính: Kênh chính trạm bơm Hoàng Khánh có tổng chiều dài là 22,202km. Hệ thống kênh đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT đầu tư kiên cố 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 từ năm 2001÷2002 đoạn K10+174 ÷ K22+202, giai đoạn 2 từ năm 2007÷2010 kiên cố đoạn kênh K0÷K10+174. Sau khi nâng cấp mặt cắt kênh chính Hoàng Khánh đã phát huy hiệu quả và đảm bảo dẫn nước theo hệ số tưới hiện nay là 1,2l/s/ha.

+ Kênh nhánh: Hệ thống có 25 tuyến kênh nhánh cấp 2 với tổng chiều dài là 105,67km, trong đó đã kiên cố được 61,27km đạt 58%, còn lại 44,39km là kênh đất.

+ Kênh nội đồng: Hệ thống kênh nội đồng nằm trong khu tưới trạm bơm Hoàng Khánh có 1003 kênh với chiều dài 836,42km, trong đó đã kiên cố được 425,14km đạt 52%.

+ Hệ thống trạm bơm lấy nước từ kênh Nam TB.Hoàng Khánh: Trạm bơm lấy nước trên kênh Nam Hoàng Khánh có 9 trạm bơm tưới cho 5.246ha trong đó có 3 trạm bơm lớn là trạm bơm Hoàng Vinh 1, trạm bơm Nhân Trạch và trạm bơm Hoàng Ngọc. Hiện nay vùng 8 xã ven biển Hoàng Hóa có diện tích 1.570ha nhưng chỉ có trạm bơm Hoàng Ngọc tưới cho 1.100ha và 2 hồ Hoàng Hải, Hoàng Yên tưới cho 60ha.

- Đánh giá khả năng đáp ứng nguồn nước.

+ Tính toán thủy lực mùa kiệt trên lưu vực sông Mã cho thấy lưu lượng đoạn từ Ngã Ba Bông đến Giàng tháng kiệt nhất là 52m<sup>3</sup>/s, từ Giàng đến Cửa sau khi nhập thêm lưu lượng từ sông Chu sẽ là 72m<sup>3</sup>/s. Hiện nay năng lực bơm của trạm bơm Hoàng Khánh và các trạm bơm dọc sông Mã là 18,4m<sup>3</sup>/s, trong tương lai có khả năng khai thác là 22,5m<sup>3</sup>/s.

+ Như vậy nguồn nước sông Mã đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước trong khu vực, kể cả trường hợp TB.Hoàng Khánh tưới hỗ trợ thêm cho vùng Hậu Lộc 3.000-4.500ha. Tuy nhiên vấn đề là do mực nước bị hạ thấp hơn cao độ đáy cống qua đê nên TB.Hoàng Khánh chỉ đảm bảo khai thác được 60% công suất thiết kế. Đồng thời



khi có các hồ xả bổ sung trên sông Mã đoạn từ Hoàng Long đến Giàng có thể lấy nước thuận lợi hơn hiện nay do độ mặn đã giảm dưới 1‰.

+ Vì vậy để giải quyết tưới cho vùng này đề xuất đầu tư nâng cấp Trạm bơm Hoàng Khánh và hệ thống kênh tưới và tạo nguồn cho 16.293ha, trong đó tưới bù cho vùng Hậu Lộc 4.000ha (3.500ha lúa, 500ha màu) và kết hợp các giải giáp theo quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Bắc Sông Mã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

#### b. Nguồn nước ngầm

- Vùng đồng bằng tích tụ bào mòn chiếm phần lớn diện tích vùng nghiên cứu. Thành phần khá phức tạp, được tạo thành từ hỗn hợp các vật liệu lục địa và biển dưới tác dụng của biển và sông, sự phân bố kém đồng chất. Trong thành phần hạt mịn dính kết tốt có xen kẽ nhiều thấu kính và lớp mỏng bùn cát, bùn sét, bùn hữu cơ. Ở vùng Hoàng Hoá và mực nước ngầm thay đổi từ 1,5÷2,5m.

Khu vực huyện Hoàng Hóa không thuộc vùng triển vọng nước dưới đất ngoài ra với lưu lượng không ổn định (theo điều tra thực tế) và những tác động tiêu cực của việc khai thác nước ngầm tràn lan đã được nhắc đến nhiều, như gây suy thoái chất lượng nguồn nước, sụt lún đất... nên nguồn nước ngầm không được chọn làm nguồn nước thô cho giai đoạn tương lai.

#### 8.4.5. Giải pháp cấp nước:

Căn cứ trên tổng số nhà máy cấp nước và công suất hiện nay, tổng công suất cấp nước đạt 12.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

Khu công nghiệp Bắc Hoàng Hóa, KCN Phú Quý và CNN Thái Thắng xây dựng nhà máy nước riêng:

+ So với nhu cầu đến năm 2030: Thiếu khoảng 41.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

+ So với nhu cầu đến năm 2045: Thiếu khoảng 90.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

#### a. Công trình đầu mối

Căn cứ nhu cầu sử dụng nước của đô thị Hoàng Hóa đến năm 2030 và năm 2045, trên cơ sở vùng cấp nước hiện trạng của các nhà máy nước hiện có, đề xuất nâng cấp các nhà máy nước như sau (NMN Hoàng Vinh, Hoàng Đồng cấp một phần cho khu vực phía Bắc TP. Thanh Hóa):

TT	Tên nhà máy nước	Phạm vi cấp nước	Nguồn nước	Địa điểm xây dựng nhà máy	Công suất thực tế (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Công suất NMN đến năm 2045 (m <sup>3</sup> /ng.đ)
----	------------------	------------------	------------	---------------------------	--	---

TT	Tên nhà máy nước	Phạm vi cấp nước	Nguồn nước	Địa điểm xây dựng nhà máy	Công suất thực tế (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Công suất NMN đến năm 2045 (m <sup>3</sup> /ng.đ)
1	NMN Hoàng Vinh	Các xã thuộc khu vực trung tâm đô thị Hoàng Hóa	Kênh Nam TB. Hoàng Khánh	TT. Bút Sơn	2.000	25.000
2	NMN Hoàng Xuân	Các xã thuộc khu vực phía Bắc đô thị Hoàng Hóa		Xã Hoàng Xuân	2.000	29.000
3	NMN Hoàng Tiến	Các xã thuộc khu vực phía Đông (ven biển) đô thị Hoàng Hóa		Xã Hoàng Tiến	2.000	40.000
4	NMN Hoàng Đồng	Các xã thuộc khu vực phía Nam đô thị Hoàng Hóa		Xã Hoàng Đồng	6.500	30.000
<b>5</b>	<b>Tổng</b>				<b>12.500</b>	<b>124.000</b>
1	NMN KCN Phú Quý	KCN Phú Quý	Kênh Nam TB. Hoàng Khánh	KCN Phú Quý	NMN chuyên dùng công suất được tính toán cụ thể theo nhu cầu thực tế của Khu, Cụm công nghiệp	
2	NMN KCN Bắc Hoàng Hóa	KCN Bắc Hoàng Hóa		KCN Bắc Hoàng Hóa		
3	NMN CCN Thái Thắng	3 xã: Hoàng Thái, Hoàng Thắng, Hoàng Lưu và chủ động cho Cụm Công Nghiệp Thái Thắng.		CCN Thái Thắng		

Như vậy tổng công suất các NMN cấp cho đô thị Hoàng Hóa đến năm 2045 là 124.000 m<sup>3</sup>/ng.đ lớn hơn nhu cầu dùng nước của đô thị Hoàng Hóa đến năm 2045 (106.000m<sup>3</sup>/ng.đ) là 18.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, đây chính là nhu cầu cấp nước dự phòng cho đô thị Hoàng Hóa và một phần cung cấp nước cho khu vực phía Bắc TP. Thanh Hóa.

**b. Tính toán thủy lực và mạng lưới cấp nước**

- Tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước khu đô thị với 2 trường hợp Q<sub>max</sub> và Q<sub>max+</sub> có cháy. Đảm bảo tại điểm lấy nước bất lợi nhất áp lực tối thiểu đạt 10m.

- Tại các trạm bơm tăng áp lắp đặt các máy bơm biến tần để điều tiết nước cấp theo yêu cầu thực tế.

- Hệ thống mạng lưới đường ống thiết kế là mạng vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo cấp nước liên tục tới từng đối tượng dùng nước

- Ống thiết kế là ống gang, ống HDPE, ống PVC. Đường ống được thiết kế đi trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường, chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,7m

tính đến đỉnh ống có bố trí lưới cảnh báo để đảm bảo mạng lưới đường ống được hoạt động bình thường.

- Thiết kế hồ van chặn và hồ van quản lý điểm đầu cấp tuyến ống cấp nước để xử lý sự cố trên tuyến.

c. Cấp nước chữa cháy

- Tuân thủ luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

- Trong từng các công trình cao tầng phải có thiết bị báo cháy và chữa cháy tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy của Bộ Công an.

- Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy kết hợp cấp nước sinh hoạt. Chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do tối thiểu trong mạng lưới đường ống cấp nước khi chữa cháy đảm bảo không được nhỏ hơn 10m.

- Tận dụng ao hồ để cấp nước chữa cháy. Có đường cho xe chữa cháy tới lấy nước. Chiều sâu mặt nước so với mặt đất tại vị trí lấy nước chữa cháy không lớn quá 4m và chiều dày lớp nước  $\geq 0,5m$ .

- Trên các tuyến ống  $\geq \Phi 110mm$ , dọc theo các đường phố phải bố trí các trụ lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định: Khoảng cách tối đa giữa các trụ cứu hỏa là 150m. Trụ chữa cháy phải được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy như: ở ngã ba, ngã tư đường phố. Khoảng cách tối thiểu giữa các trụ với tường các ngôi nhà là 5m và với mép đường là 2,5m.

**8.4.6. Yêu cầu khoảng cách ly bảo vệ nguồn nước**

Đảm bảo khoảng cách ly theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch Xây dựng QCVN 01: 2021/BXD quy định:

- Đối với điểm lấy nước thô của các nhà máy nước, tuân thủ:

+ Khu vực bảo vệ cấp 1: Phạm vi của điểm lấy nước: Ngược theo dòng chảy  $\geq 200m$  và xuôi theo dòng chảy  $\geq 100m$ . Nghiêm cấm: xây dựng nhà ở, xả nước thải sinh hoạt và chất thải rắn, sử dụng hóa chất và bón phân cho cây trồng, chăn nuôi gia cầm gia súc, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản.

+ Khu vực bảo vệ cấp 2: Phạm vi của điểm lấy nước: Ngược theo dòng chảy  $\geq 1.000m$  và xuôi theo dòng chảy  $\geq 250m$ . Nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.

- Đối với nhà máy nước và các trạm tăng áp: Trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây tường rào bảo vệ bao quanh. Bên trong tường

rào không được xây dựng nhà ở, xả nước thải sinh hoạt và chất thải rắn, sử dụng hóa chất và bón phân cho cây trồng, chăn nuôi gia cầm gia súc.

## 8.5. Định hướng quy hoạch cấp điện:

### 8.5.1. Cơ sở thiết kế:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2021/BXD.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07: 2023/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Và các quy định pháp luật hiện hành.

### 8.5.2. Nguyên tắc thiết kế

- Quy hoạch hệ thống cấp điện phải đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và các quy hoạch ngành khác trên địa bàn và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.
- Quy hoạch hệ thống điện phải có tính kế thừa, kết cấu hạ tầng lưới điện được xây dựng trong giai đoạn trước không bị phá vỡ ở giai đoạn sau.
- Đảm bảo yêu cầu cung cấp điện trước mắt, đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai cho từng vùng phụ tải theo các giai đoạn quy hoạch.
- Ưu tiên, khuyến khích xây dựng hệ thống năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả tại từng hộ phụ tải. Đa dạng hóa các nguồn cung cấp năng lượng.

### 8.5.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng điện

Căn cứ quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021, dự kiến các chỉ tiêu cấp điện như sau:

Áp dụng đối với Đô thị loại IV

Điện sinh hoạt đến năm 2030: 500W/ người

Điện sinh hoạt đến năm 2045: 700W/ người

Điện công cộng: 40% điện sinh hoạt

Điện công nghiệp : 200KW/ Ha

Bảng dự báo nhu cầu sử dụng điện của đô thị

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2030
----	-----------	---------------------

**Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045**

		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		Hệ số công suất	Hệ số đồng thời	CS cấp điện (KVA)
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị			
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>285.800,0</b>						<b>132.543,8</b>
1	Dân cư đô thị	178.300,0	người	500,00	W/người	0,80	0,90	<b>100.293,8</b>
2	Dân cư nông thôn	107.500,0	người	300,00	W/người	0,80	0,80	<b>32.250,0</b>
<b>II</b>	<b>Khu công nghiệp tập trung</b>	<b>1.452,0</b>	<b>ha</b>	<b>200</b>	<b>KW/ha</b>	<b>0,85</b>	<b>0,85</b>	<b>290.400,0</b>
<b>III</b>	<b>Công trình công cộng</b>			<b>I x 40%</b>				<b>53.017,5</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng</b>			<b>I+II+III</b>				<b>475.961,3</b>

Nhu cầu sử dụng điện của đô thị Hoàng Hóa giai đoạn đến năm 2030 (làm tròn) khoảng: 476.000KVA.

TT	Đối tượng	Dự báo đến sau năm 2045						
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		Hệ số công suất	Hệ số đồng thời	CS cấp điện (KVA)
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị			
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>435.650,0</b>						<b>304.072,5</b>
1	Dân cư đô thị	335.000,0	người	700,00	W/người	0,80	0,90	<b>263.812,5</b>
2	Dân cư nông thôn	100.650,0	người	400,00	W/người	0,80	0,80	<b>40.260,0</b>
<b>II</b>	<b>Khu công nghiệp tập trung</b>	<b>1.540,0</b>	<b>ha</b>	<b>200</b>	<b>KW/ha</b>	<b>0,85</b>	<b>0,85</b>	<b>308.000,0</b>
<b>III</b>	<b>Công trình công cộng</b>			<b>I x 40%</b>				<b>121.629,0</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng</b>			<b>I+II+III</b>				<b>733.701,5</b>

Nhu cầu sử dụng điện của đô thị Hoàng Hóa giai đoạn đến 2045 (làm tròn) khoảng: 734.000KVA.

#### 8.5.4. Định hướng cấp điện

a) Nguồn điện:

Theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, nguồn điện đô thị Hoàng Hóa được lấy từ hệ thống lưới điện quốc gia thông qua các công trình sau:

Danh mục các trạm 220kV và 110kV cấp điện cho địa bàn đô thị Hoàng Hóa

TT	Trạm biến áp	Công suất (MVA)					Ghi chú
		Hiện trạng	2021-2025	2026-2030	2031-2040	2041-2045	
<b>I</b>	<b>Lưới điện 220 kV</b>						
1	Hoàng Hóa				250	2x250	Xây mới
<b>II</b>	<b>Lưới điện 110 kV</b>						
1	E9.14 Hoàng Hóa	2x40			2x63		Nâng cấp
2	KCN Hoàng Long	63		2x63			Nâng cấp
3	Hoàng Hóa 2	63		2x63			Nâng cấp
4	E9.18 Hậu Lộc	2x40			2x63		Nâng cấp

5	KCN Bắc Hoàng Hóa		40	2x40			Xây mới
6	KCN Phú Quý		3x63				Xây mới

b) Lưới điện truyền tải 500kV, 220kV:

- Đối với các tuyến truyền tải hiện hữu, cải tạo theo nhu cầu thực tế đảm bảo vận hành ổn định và hiệu quả; trong quá trình vận hành, nếu chưa hợp lý với nhau cầu phát triển thực tế, đề xuất điều chỉnh, bổ sung với cơ quan chức năng.

- Cập nhật và đảm bảo hành lang an toàn tuyến 500kV Bắc Nam mạch qua đi qua khu vực phía Tây Bắc đô thị.

- Xây mới tuyến 220kV Hoàng Hóa – Rẽ Hậu lộc – Nam Định tuyến 220kV đấu nối trạm 220kV Hoàng Hóa công suất (2x250)MVA

c) Lưới điện 110KV:

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến 110kV hiện hữu phù hợp với nhu cầu phát triển thực tế tại địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch thường kỳ rà soát, báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền để cải tạo, nâng cấp theo đúng quy định.

- Xây mới tuyến 110kV Hà Trung – Hoàng Hóa, và các tuyến 110kV cấp điện cho KCN Bắc Hoàng Hóa và KCN Phú Quý đấu nối cấp điện cho các trạm 110kV xây mới. Tiết diện tuyến 110kV trực chính tối thiểu 240 mm<sup>2</sup>; các trạm 110kV được cấp điện theo tiêu chí N-1, để đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho phụ tải.

d) Lưới điện trung thế:

Mạng lưới trung thế (35KV, 22KV, 10KV): Duy trì lưới điện 35KV và phát triển lưới điện 22KV. Toàn bộ lưới điện vận hành ở cấp điện áp 10KV sẽ được chuyển sang vận hành cấp điện áp 22KV và đi theo các tuyến đường quy hoạch. Vị tuyến điện trung áp hiện không phù hợp sẽ được di chuyển đi theo các tuyến đường quy hoạch. Các khu đô thị mới và khu vực trung tâm lưới 22KV được xây dựng mới, cải tạo và bố trí đi ngầm.

e) Trạm biến áp:

Công suất các máy biến áp dung các máy có gam công suất từ 180KVA đến 1000KVA. Đảm bảo bán kính cấp điện từ 300-550m. Công suất các trạm biến áp của khách hàng trong khu công nghiệp và cụm công nghiệp tùy theo dây chuyền công nghệ sẽ thiết kế gam máy thích hợp. kết cấu trạm biến áp tùy theo khu vực và tính chất phụ tải để lựa chọn trạm biến áp kiểu Kiots hoặc trạm trụ để đảm bảo tính mỹ quan cho Đô thị.

e) Lưới 0,4kV:

- Bên trong các nhà máy xí nghiệp: Tuỳ theo điều kiện kinh tế của từng nhà máy xí nghiệp sẽ chọn phương án đi ngầm hay đi nổi.

- Tại các khu dân cư nông thôn: Dùng dây nổi có bọc cách điện ABC, trực chính có tiết diện từ 70-120mm<sup>2</sup>, nhánh rẽ từ 35-70mm<sup>2</sup>.

- Tại các khu dịch vụ công cộng; các khu du lịch, khu trung tâm đô thị sử dụng cáp ngầm đặt trong các hào kỹ thuật.

f) Chiếu sáng đô thị:

- Những tuyến đường chính có dải phân cách ở giữa bố trí đèn cao áp đôi trên dải phân cách, cột đèn dùng loại cột thép hình tròn côn liền cần mạ nhôm kẽm cao 10m.

- Những tuyến đường chính có mặt cắt đường >10,5m bố trí đèn cao áp hai bên đường. Cột thép hình tròn côn liền cần mạ nhôm kẽm cao 8m.

- Những tuyến đường nhánh có mặt cắt đường <10,5m bố trí đèn cao áp một bên đường. Sử dụng cột thép hình tròn côn liền cần mạ nhôm kẽm cao 8m.

- Toàn bộ hệ thống chiếu sáng đường dùng bóng đèn Led công suất 100 – 250W, khoảng cách trung bình giữa các cột đèn từ 30 ~ 35m.

- Tại giải phân cách đường đôi, đường dạo chiếu sáng bằng đèn trang trí 2 hoặc 4 bóng tuỳ theo khu vực, cột đế gang hoa văn cao 3,5m, khoảng cách trung bình giữa các cột là 25m.

- Hệ thống điện chiếu sáng đường được điều khiển bằng tủ tự động điều khiển hệ thống chiếu sáng, điều khiển tự động đóng cắt theo 2 chế độ chập tối toàn bộ đèn sáng và đêm khuya tự động tắt 2/3 số đèn. Vị trí tủ điều khiển đặt tại trạm biến áp. Khuyến khích sử dụng bóng LED, bóng đèn gắn hệ thống năng lượng mặt trời quy mô nhỏ hoặc cục bộ từng cụm.

- Các khu trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn... cần được bố trí thêm hệ thống đèn trang trí, quảng cáo, đèn chiếu sáng công trình nhằm tạo điểm nhấn về ban đêm.

## **8.6. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông:**

### **8.6.1. Cơ sở thiết kế**

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin truyền

thông về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

- Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông" (QCVN 33:2019/BTTTT);

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn KTQG các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Và các quy định pháp luật hiện hành.

### **8.6.2. Quan điểm phát triển**

- Bưu chính: Phát triển hệ thống bưu chính đảm bảo tính hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ chuyên phát về số lượng vận chuyển và tần suất vận chuyển. Nâng cao ứng dụng dịch vụ bưu chính trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Đáp ứng tốt nhu cầu của người sử dụng.

- Viễn thông: Hạ tầng viễn thông phát triển bền vững, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn và an ninh thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, nhất là tại các đô thị, có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, tốc độ cao, cung cấp đa dịch vụ, chất lượng tốt, giá cước hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của người sử dụng.

- Công nghệ thông tin:

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phát triển đáp ứng hiệu quả sự triển của các ngành khác. Đáp ứng được cơ sở hạ tầng, tạo cơ sở dữ liệu để phát triển hệ thống điều hành đô thị thông minh.

+ Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

### **8.6.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu dịch vụ viễn thông**

Chỉ tiêu tính toán nhu cầu viễn thông như sau:



Nhu cầu cá nhân, hộ gia đình: 25 đường dây thuê bao/100 người.

Doanh nghiệp: 30% nhu cầu cá nhân, hộ gia đình

Cơ quan, tổ chức: 10% nhu cầu cá nhân, hộ gia đình

**Bảng dự báo nhu cầu dịch vụ viễn thông**

<b>Dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông đến năm 2030</b>							
TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu		Nhu cầu	Tổng
				Chỉ tiêu	Đơn vị		
I	Cá nhân, hộ gia đình	285.800,0	người	25	lines/100 dân	71.450,0	100.030,0
II	Cơ quan, doanh nghiệp	(I)x 40%				28.580,0	

Nhu cầu dịch vụ viễn thông đô thị giai đoạn đến năm 2030 (làm tròn) khoảng: 100.000 đường dây thuê bao.

<b>Dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông đến năm 2045</b>							
TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu		Nhu cầu	Tổng
				Chỉ tiêu	Đơn vị		
I	Cá nhân, hộ gia đình	435.650,0	người	25	lines/100 dân	108.912,5	152.477,5
II	Cơ quan, doanh nghiệp	(I)x 40%				43.565,0	

Nhu cầu dịch vụ viễn thông đô thị giai đoạn đến năm 2045 (làm tròn) khoảng: 152.500 đường dây thuê bao.

**Ghi chú:**

- Dung lượng mỗi điểm xử lý  $\geq 10.000$  lines, bán kính phục vụ 1-3km/trạm.
- Số điểm xử lý có thể nhỏ hơn so với dự đoán ở những giai đoạn về sau do công nghệ phát triển hơn.
- Mỗi trạm xử lý có thể gồm nhiều điểm xử lý do được nâng cấp theo từng giai đoạn

**8.6.4. Định hướng phát triển**

Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động vùng liên huyện trung tâm tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 tuân thủ theo Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, và các quy hoạch khác có liên quan.

**1. Nguồn cấp:**

Nguồn cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông được lấy từ mạng lưới cáp gốc của quốc gia.

Các tuyến cáp gốc sẽ được đầu nối vào các tổng đài và từ đó phân bố bằng mạng lưới cáp quang đi các trạm vệ tinh.

Đường truyền dẫn áp dụng công nghệ cáp quang cho tuyến chính đến trạm khoảng 20Gbps.

Việc tính toán nhu cầu sử dụng mạng thông tin liên lạc được xác định trên cơ sở số liệu quy hoạch sử dụng đất, tiêu chuẩn thiết kế.

Công nghệ sử dụng hệ thống chuyển mạch thế hệ mới đáp ứng cho các nhu cầu phong phú, đa dạng tiết kiệm chi phí vận hành và bảo dưỡng, phát triển trên cơ sở mạng viễn thông hiện tại đồng thời tạo nền tảng xây dựng mạng thế hệ tiếp theo.

Để đảm bảo khả năng cung cấp đầy đủ thông tin liên lạc cho toàn khu quy hoạch, thiết kế các điểm xử lý tín hiệu các dịch vụ bưu chính và viễn thông. Các tổng đài bưu điện sẽ được đặt tại trung tâm của các phân vùng.

## 2. Định hướng phát triển:

Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet.

- Mạng điện thoại:

+ Các điểm chuyển mạch sẽ dần được thay thế bằng các thiết bị truy nhập đa dịch vụ băng rộng và thiết bị cổng đa phương tiện với dung lượng từ trên 10.000 lines.

+ Xây dựng mới các điểm truy nhập thuê bao tại các điểm tập trung dân cư với dung lượng từ 1.000 lines đến 2.000 lines. Kết nối các điểm chuyển mạch trên là các tuyến cáp quang nâng cấp và xây dựng mới dung lượng phù hợp với nhu cầu và chiến lược phát triển của các doanh nghiệp viễn thông theo vận hành cơ chế thị trường.

- Mạng truyền hình: Mạng truyền hình đảm nhận cung cấp dịch vụ truyền hình (gồm cả miễn phí và có phí) cho cộng đồng sống và làm việc tại khu vực nghiên cứu. Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng của họ tới từng đơn vị qua mạng cáp truyền hình hoặc đầu thu tín hiệu.

- Mạng truyền dẫn: Công nghệ truyền dẫn chủ yếu sẽ dựa trên truyền dẫn cáp quang với các công nghệ SDH, SONET, Ring (mạng vòng). Thông tin quang tốc độ cao với các công nghệ ghép kênh phân chia theo bước sóng WDM, DWDM sẽ được áp dụng rộng rãi trên các tuyến truyền dẫn liên tỉnh.

Giai đoạn ngắn hạn: Tăng dung lượng các tuyến cáp quang hiện có để tăng dung lượng truyền dẫn liên tỉnh từ 10 đến 20Gbps/bước sóng, tuyến cáp quang nội hạt dung lượng đáp ứng nhu cầu thực tế và định hướng của từng doanh nghiệp

viễn thông; xây dựng mới các tuyến cáp quang đến tất cả các xã để đáp ứng các nhu cầu ứng dụng CNTT, các dịch vụ băng rộng.

Giai đoạn dài hạn: cáp quang hóa toàn bộ, tiếp tục nâng cấp dung lượng mạng cáp quang, nâng tốc độ truyền dẫn, tăng số lượng cores cáp quang, hoàn thành các tuyến cáp quang đến trung tâm các xã, đảm bảo 100% số xã có mạng cáp quang đến trung tâm xã, tăng số lượng các mạch vòng kín ở những khu vực cho phép, nhằm giảm thiểu các sự cố rủi ro trong quá trình truyền dẫn.

- Mạng ngoại vi:

+ Mạng ngoại vi (mạng cáp) phát triển theo hướng cáp quang hóa, cáp quang thay thế cáp đồng, thực hiện cáp quang hóa đến thuê bao, cụm thuê bao; đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

+ Mạng ngoại vi của khu vực nghiên cứu gồm các hệ thống công, bể cáp và hầm cáp chạy trên vỉa hè đường. Hệ thống phải được ngầm hóa 100% trong khu đô thị, khu dân cư mới, khu du lịch... theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thu động của tỉnh.

+ Tại mỗi khu quy hoạch sẽ có một bể kết nối cáp thông tin. Đặc biệt những đoạn qua đường nên sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm  $\phi 110 \times 0,65$ .

+ Sử dụng cáp quang, tùy theo điều kiện nhà khai thác dịch vụ, đường kính 0,5mm, loại cáp có dầu chống ẩm đi trong ống. Tất cả cáp được đi trong hệ thống công, bể cáp của mạng ngoại vi.

+ Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lí.

+ Dịch vụ điện thoại di động sẽ được cung cấp bởi mạng điện thoại di động riêng của các nhà cung cấp dịch vụ.

- Mạng truy cập internet:

+ Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và vô tuyến.

+ Giai đoạn ngắn hạn: phát triển chủ yếu theo hướng truy nhập Internet qua mạng hữu tuyến.

+ Giai đoạn dài hạn: phát triển chủ yếu theo công nghệ NGN và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng Wimax với tốc độ truyền dữ liệu cao, có thể lên tới 100 Mbps, khu vực phủ sóng rộng, khả năng bảo mật cao.

+ Mạng Internet phát triển theo hướng hội tụ, cung cấp đa dịch vụ: cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình, báo chí.

- **Buru chính:** Mạng lưới buru cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay, gồm buru cục cấp I, cấp II và cấp III. Quy hoạch thêm điểm phục vụ buru chính, các buru cục được nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, linh động trong việc khai thác nhằm sử dụng tài nguyên hiệu quả. Nội dung chi tiết sẽ được cụ thể hóa trong đồ án chuyên ngành.

- **Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:**

+ Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ rộng khắp trên địa bàn; đa dạng hóa và nâng cao các loại hình dịch vụ, phổ cập dịch vụ tới mọi người dân.

+ Phát triển các điểm giao dịch tự động (thanh toán cước viễn thông, cước Internet, điện thoại, điện, nước tự động...), điểm tra cứu thông tin công cộng, điểm truy nhập Internet không dây công cộng phục vụ phát triển du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

+ Hoàn thiện việc lắp đặt quy hoạch xây dựng, lắp đặt Trạm điện thoại – Thông tin (Trạm thông tin đa năng) tại các khu vực đô thị mới phát triển, khu đô thị dân cư mới, khu di tích, khu du lịch trên địa bàn tỉnh, cho người dân và du khách khi đến thăm quan; cung cấp đến người dân dịch vụ điện thoại khẩn cấp.

- **Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động:**

+ Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng sử dụng chung: các doanh nghiệp phối hợp cùng đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten...) và sử dụng chung, phân chia theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

+ **Khu vực đô thị:** Vị trí xây dựng, lắp đặt mới cột ăng ten tối thiểu cách 150 m đối với cột ăng ten khác mạng, cách 400 m đối với cột ăng ten cùng mạng hiện có hoặc đang làm thủ tục triển khai xây dựng. Trong trường hợp nhỏ hơn khoảng cách nêu trên, bắt buộc phải dùng chung hạ tầng.

+ **Khu vực ngoài đô thị:** Vị trí xây dựng, lắp đặt mới cột ăng ten tối thiểu cách 300m đối với cột ăng ten khác mạng, cách 600m đối với cột ăng ten cùng mạng hiện có hoặc đang làm thủ tục triển khai xây dựng. Trong trường hợp nhỏ hơn khoảng cách nêu trên, bắt buộc phải dùng chung hạ tầng.

+ **Lộ trình thực hiện:**

Giai đoạn ngắn hạn: Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động đạt khoảng 50 - 55%.

Phát triển mạnh hạ tầng cột ăng ten không công kênh, cột ăng ten thu phát sóng đến khu vực trung tâm các huyện: cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ

gọn, thân thiện môi trường, ngưng trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Giai đoạn dài hạn: Hầu hết các khu vực tuyến đường, phố chính thuộc trung tâm; khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan; khu du lịch, khu di tích; các doanh nghiệp chỉ được phát triển cột ăng ten không công kênh (A1), đồng thời tiến hành cải tạo cột ăng ten A2 tại các khu vực này.

Số lượng các trạm BTS sẽ tăng với mật độ 500 dân /1 trạm, nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thuê bao tăng trong giai đoạn tới. Quy hoạch trong vòng bán kính 500m tại trung tâm thị xã, và khoảng 1-2km ở khu vực ngoại ô. Đảm bảo bán kính phục vụ của BTS dọc theo các tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ, nhằm khắc phục hiện tượng mất sóng trên một số tuyến đường chính.

#### **8.6.5. Định hướng hạ ngầm hệ thống thông tin liên lạc**

a) Triển khai xây dựng hạ tầng công bố cấp ngầm hóa mạng ngoại vi trên địa bàn:

Ngầm hóa mạng cáp truyền hình cáp đồng bộ với quá trình ngầm hóa mạng cáp viễn thông. Quá trình thực hiện ngầm hóa triển khai đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, đô thị, xây dựng...) trên địa bàn mỗi khu vực. Ngầm hóa theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, các ngành.

Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng...) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng ngoại vi tới thuê bao, cụm thuê bao.

b) Nguyên tắc xây dựng cáp trong công trình ngầm:

Quy hoạch xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (tuy nen, hào, công bố, ống cáp...) tại các khu đô thị mới, tại các tuyến đường nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới và khu công nghiệp để đi cáp viễn thông.

Đối với đô thị mới, khu đô thị mới, chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Độ sâu lắp đặt công bố cáp tính từ đỉnh của lớp công bố cáp trên cùng đến mặt đất phải đảm bảo: Xây dựng dưới lòng đường phải cách mặt đường tối thiểu 0,7m, xây dựng dưới vỉa hè hoặc giải đất phân cách đường một chiều cách mặt đường tối thiểu là 0,5m.

c) Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng cáp trong công trình ngầm:

Giai đoạn ngắn hạn phát triển hạ tầng công bố tại các khu vực:

- Khu vực các trung tâm hành chính đô thị, khu vực phát triển thương mại, dịch vụ, văn hóa
- Khu vực yêu cầu cao về mỹ quan: khu vực Nhà văn hóa, khu vực Quảng trường, Công viên; khu vực trung tâm dịch vụ, thương mại...
- Khu vực toàn bộ khu vực tuyến đường, phố chính tại khu vực đô thị (ưu tiên các khu vực đi qua các phường).
- Khu vực các khu du lịch, khu di tích có yêu cầu cao về mỹ quan.
- Khu vực các khu đô thị, khu dân cư mới.
- Khu vực các khu, cụm công nghiệp.
- Khu vực các tuyến đường xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng.
- Khu vực, tuyến đường, phố tại đô thị được mở rộng, phát triển mới.
- Khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt: Thực hiện ngầm hóa mạng lưới hạ tầng kỹ thuật viễn thông ở các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt.

Giai đoạn dài hạn:

- Ngầm hóa cơ bản 100% tuyến đường, phố tại khu vực nội thị.
- Ngầm hóa cơ bản 100% tuyến đường tại các đô thị được mở rộng, phát triển mới.

## **8.7. Định hướng Quy hoạch hệ thống thoát nước thải**

### **8.7.1. Cơ sở thiết kế**

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD.
- Tiêu chuẩn TCVN 7957:2023 Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành có liên quan.

### **8.7.2. Nguyên tắc thiết kế.**

- a. Nguyên tắc xả nước thải.

- Đô thị, khu dân cư tập trung mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.

- Nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn nước mặt hoặc cống đô thị phải có chất lượng đạt các yêu cầu về môi trường theo các quy định chuyên ngành theo QCVN 40:2011.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh trong nhà ở, nhà công cộng phải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào cống nước thải đô thị. Nếu xả vào cống nước mưa, phải xử lý riêng đạt yêu cầu môi trường.

- Tận dụng tối đa nước thải sau xử lý để tái sử dụng: tưới cây, rửa đường,...

- Nước thải bệnh viện phải được tách làm hai loại:

+ Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, của cán bộ công nhân viên y tế phải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, trước khi xả vào cống nước thải đô thị. Nếu xả vào cống nước mưa phải xử lý riêng đạt yêu cầu môi trường.

+ Nước thải y tế nguy hại phải được xử lý riêng, đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra cống thoát nước thải đô thị.

- Vị trí điểm xả nước thải:

+ Nước thải sau khi làm sạch xả vào nguồn nước mặt phải xả tại điểm cuối dòng chảy so với đô thị và các khu dân cư tập trung.

+ Vị trí xả phải được xác định dựa trên các tính toán tác động môi trường, phù hợp với: chất lượng nước thải sau khi làm sạch; đặc điểm và quy hoạch sử dụng nguồn nước tiếp nhận nước thải; quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư có liên quan đến bảo vệ nguồn nước.

b. Nguyên tắc về thu gom nước thải:

- Thu gom nước thải sinh hoạt phải đạt tối thiểu 80% tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt đối với khu đô thị và du lịch.

- Thu gom nước thải công nghiệp phải đạt 100% tiêu chuẩn cấp nước cho công nghiệp (tùy theo loại hình công nghiệp).

- Nước thải công nghiệp phải được phân loại (nước nhiễm bẩn, không nhiễm bẩn, nước độc hại ...) trước khi thu gom và có giải pháp xử lý riêng.

c. Nguyên tắc về xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp, làng nghề phải được thu gom và xử lý riêng, đảm bảo các quy định hiện hành về môi trường.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom, vận chuyển bằng xe chuyên dụng đến các cơ sở xử lý chất thải rắn để xử lý.

- Bùn thải có chứa các chất nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom, vận chuyển riêng bằng xe chuyên dụng đến các điểm xử lý tập trung chất thải nguy hại.

d. Nguyên tắc bố trí khoảng cách an toàn về môi trường (ATVMT) của trạm bơm, trạm xử lý nước thải:

- Yêu cầu về khoảng cách ATVMT tối thiểu giữa trạm bơm, làm sạch nước thải với khu dân cư, xí nghiệp thực phẩm, bệnh viện, trường học và các công trình xây dựng khác trong đô thị được quy định trong bảng.

- Trong khoảng cách ATVMT phải trồng cây xanh với chiều rộng  $\geq 10m$ .

- Đối với loại trạm bơm nước thải sử dụng máy bơm thả chìm đặt trong giếng ga kín thì không cần khoảng cách ATVMT, nhưng phải có ống thông hơi xả mùi hôi (xả ở cao độ  $\geq 3m$ ).

e. Nguyên tắc bố trí trạm xử lý nước thải (XLNT)

- Vị trí bố trí các trạm XLNT yêu cầu chọn ở cuối nguồn tiếp nhận theo chiều dòng chảy, ở cuối hướng gió chính của đô thị, khu vực có đủ đất cho dự phòng mở rộng.

- Trường hợp đặc biệt, khi trạm làm sạch nước thải hoặc sân phơi bùn bắt buộc phải đặt ở đầu hướng gió chính của đô thị, khoảng cách ATVMT phải tăng lên tối thiểu 1,5 lần.

### 8.7.3. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu thoát nước thải

a. Chỉ tiêu tính toán

Bảng chỉ tiêu thoát nước thải

STT	Hạng mục	Tiêu chuẩn		Tỷ lệ
1	Nước thải sinh hoạt	120- 150	l/ng.ngđ	80-100%
2	Nước thải cho công trình công cộng	0,1- 0,15	Qsh	80-100%
3	Nước thải công nghiệp	$\geq 20$	m <sup>3</sup> /ha	100%

b. Nhu cầu tính toán thoát nước thải

Bảng dự báo lưu lượng nước thải phát sinh

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2030					
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		Tỷ lệ thu gom	CS cấp nước (m <sup>3</sup> /ngđ)
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị		



**Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045**

						(%)	
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>285.800,0</b>					<b>23.996,8</b>
1	Dân cư đô thị	178.300,0	người	120,0	l/ng.ngđ	80,0	17.116,8
2	Dân cư nông thôn	107.500,0	người	80,0	l/ng.ngđ	80,0	6.880,0
<b>II</b>	<b>Đất công nghiệp tập trung</b>	<b>1.452,0</b>	<b>ha</b>	<b>25,0</b>	<b>m<sup>3</sup>/ha.ngđ</b>	<b>100,0</b>	<b>36.300,0</b>
<b>III</b>	<b>Công trình công cộng, dịch vụ</b>	<b>I x 15%</b>				<b>80,0</b>	<b>2.879,62</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng lưu lượng nước thải cần thu gom và xử lý</b>	<b>I+II+III</b>					<b>63.176,42</b>

Lưu lượng nước thải phát sinh của đô thị giai đoạn đến năm 2030 (làm tròn) khoảng: 63.500m<sup>3</sup>/ngđ

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2045					
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		Tỷ lệ thu gom (%)	CS cấp nước (m <sup>3</sup> /ngđ)
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị		
<b>I</b>	<b>Sinh hoạt</b>	<b>435.650,0</b>					<b>55.491,3</b>
1	Dân cư đô thị	335.000,0	người	150,0	l/ng.ngđ	90,0	45.225,0
2	Dân cư nông thôn	100.650,0	người	120,0	l/ng.ngđ	85,0	10.266,3
<b>II</b>	<b>Đất công nghiệp tập trung</b>	<b>1.540,0</b>	<b>ha</b>	<b>25,0</b>	<b>m<sup>3</sup>/ha.ngđ</b>	<b>100,0</b>	<b>38.500,0</b>
<b>III</b>	<b>Công trình công cộng, dịch vụ</b>	<b>I x 15%</b>				<b>90,0</b>	<b>7.491,33</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng lưu lượng nước thải cần thu gom và xử lý</b>	<b>I+II+III</b>					<b>101.482,63</b>

Lưu lượng nước thải phát sinh của đô thị giai đoạn đến năm 2045 (làm tròn) khoảng: 101.500m<sup>3</sup>/ngđ

**c. Lựa chọn hệ thống thoát nước**

- Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng với khu vực đô thị hiện trạng và khu vực dân cư xây dựng mới nước thải được thu gom và xử lý tối thiểu 80%.

- Khu vực nông thôn và khu vực dân cư mật độ thấp: Sử dụng hệ thống thoát nước chung, xử lý phân tán.

- Khu công nghiệp: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng.

- Khu du lịch: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng.

**8.7.4. Giải pháp thiết kế hệ thống thoát nước thải**

**a. Nước thải sinh hoạt**

*Khu vực đô thị*

- Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT.

- Đối với một số khu vực không thể xây dựng hệ thống ống thu gom nước thải tự chảy để xử lý tập trung thì nước thải có thể thu gom từng lưu vực nhỏ và xây dựng các mô đun xử lý nước thải công suất 50-2.000 m<sup>3</sup>/ngđ cụ thể tính toán ở giai đoạn quy hoạch chi tiết hoặc lập dự án đầu tư.

- Các khu du lịch hoặc khu đô thị đang hình thành trong giai đoạn đầu chưa xây dựng hạ tầng thu gom và xử lý tập trung cấp đô thị, trước mắt tiến hành thu gom xử lý cục bộ trong các dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT. Về dài hạn đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của đô thị.

- Đối với các khu vực không thuận lợi về địa hình thu gom nước thải xử lý tập trung và các khu dân cư mật độ thấp tiến hành xử lý phân tán, chia thành các tiểu lưu vực xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Đối với các khu vực nông thôn nước thải xử lý cục bộ bằng bể tự hoại sau đó tận dụng mặt nước có sẵn như kênh mương ao hồ để xử lý trong điều kiện tự nhiên.

- Nước thải sinh hoạt yêu cầu xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn đúng tiêu chuẩn trước khi thoát ra đường ống thu gom nước thải đưa về trạm xử lý nước thải. Tối ưu hóa việc tái sử dụng nước thải sinh hoạt sau xử lý đối với nước thải đạt tiêu chuẩn loại B hoặc A để sử dụng cho mục đích: tưới cây, rửa đường... hoặc làm mặt nước cảnh quan.

- Xây dựng mới các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung trong phạm vi khu vực đảm bảo đủ phục vụ nhu cầu xử lý nước thải cho khu vực.

- Căn cứ đặc điểm địa hình và phương án phát triển đô thị phân đô thị Hoàng Hóa thành 6 vùng (6 lưu vực) xử lý nước thải (XLNT) tập trung cấp đô thị theo phân vùng của các phân khu đô thị.

**Danh mục trạm xử lý nước thải trên địa bàn đô thị Hoàng Hóa**

TT	Tên nhà máy XLNT	Khu vực xử lý	Công suất QH mới (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Nhà máy XLNT số 01	Nước thải sinh hoạt phân khu 01	5.000	1-2	Tùy thuộc vào điều kiện thực tế và nhu cầu khi triển khai quy hoạch phân khu có thể thay đổi nhu cầu xử lý nước thải và phân tán
2	Nhà máy XLNT số 02	Nước thải sinh hoạt phân khu 02	15.000	3-4	
3	Nhà máy XLNT số 03	Nước thải sinh hoạt phân khu 03	9.000	2-3	

4	Nhà máy XLNT số 04	Nước thải sinh hoạt phân khu 04	8.000	2-3	công trình đầu mỗi trạm XLNT (từ một vị trí theo QHC thành 2 hoặc 3 vị trí theo QHPK đảm bảo về tổng nhu cầu xử lý và diện tích trạm)
5	Nhà máy XLNT số 05	Nước thải sinh hoạt phân khu 05	17.000	3-4	
6	Nhà máy XLNT số 06	Nước thải sinh hoạt phân khu 06	10.000	2-3	
7	<b>Tổng</b>		<b>64.000</b>		

(Nhu cầu XLNT sinh hoạt của đô thị Hoàng Hóa đến năm 2045 là 63.000 m<sup>3</sup>/ng.đ)

+ Đối với các khu vực dân cư mật độ thấp và phân tán nước thải sinh hoạt xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt tiêu chuẩn, sử dụng các mặt nước có sẵn trong khu vực (kênh rạch, đồng, ruộng...) tự xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên.

+ Đối với các khu vực dự án xây dựng khu dân cư mới hoặc các khu vực du lịch, sinh thái... nước thải được xử lý cục bộ theo dự án riêng.

+ Nước thải sau xử lý đạt tối thiểu loại B trước khi xả ra mạng lưới thoát nước mặt hoặc được tái sử dụng cho mục đích: tưới cây, rửa đường,... hoặc làm mặt nước cảnh quan.

+ Công suất các trạm xử lý nước thải có thể thay đổi do nhu cầu xây dựng theo các giai đoạn thực tế và dự án nghiên cứu cụ thể.

### ***b. Nước thải công nghiệp***

*Định hướng chung:*

- Đối với nước thải công nghiệp đều phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn vệ sinh (xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung các khu vực sản xuất công nghiệp. Các nhà máy xử lý nước thải công nghiệp tập trung nước thải sau khi xử lý giá trị C đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

- Đối với các khu vực đất công nghiệp nằm xen kẽ với các khu dân cư không thuận lợi thu gom xử lý tập trung nước thải trước khi xả ra hệ thống chung bắt buộc phải xử lý, nước thải sau xử lý giá trị C đạt cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT.

- Các khu, cụm công nghiệp nước thải được thu gom và xử lý tập trung, các trạm XLNT công nghiệp tập trung đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển của các khu công nghiệp.

- Các khu vực dự kiến phát triển và hình thành khu công nghiệp tập trung định hướng XLNT tập trung theo các khu vực phát triển KCN.

- Quy hoạch mới khu vực XLNT công nghiệp tập trung sau:

+ Khu vực XLNT công nghiệp tập trung KCN Bắc Hoàng Hóa

- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung KCN Phú Quý
- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung CCN Đạt Tài
- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung CCN Thái Thắng
- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung CCN Hoàng Sơn
- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung CCN Phú Quý
- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung CCN Hoàng Đông
- + Khu vực XLNT công nghiệp tập trung CCN Hoàng Quý

- Vị trí, quy mô chính xác và tuyến chính thu gom nước thải trong các khu vực phát triển công nghiệp sẽ được cụ thể hóa trong các giai đoạn QH cấp dưới và dự án riêng.

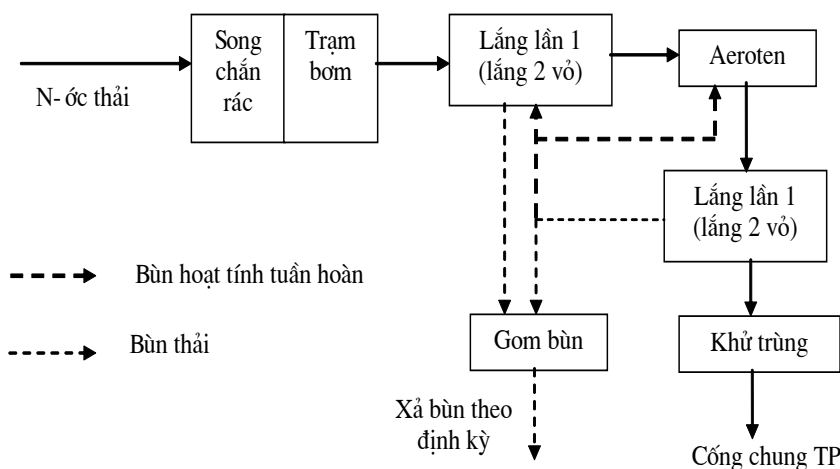
- Nước thải được xử lý tập trung theo dự án cụm công nghiệp riêng. Chất lượng nước thải sau xử lý yêu cầu đạt tối thiểu cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

### c. Nước thải y tế

- Mỗi bệnh viện thu gom và xử lý nước thải riêng (nước mưa riêng). Các bệnh viện đã có trạm XLNT phải duy trì quản lý, kiểm tra thường xuyên để hoạt động có hiệu quả. Các bệnh viện chưa XLNT sẽ lập dự án thoát nước để xác định công suất xử lý và vốn đầu tư xây dựng trạm XLNT. Các bệnh viện quy hoạch mới phải xây dựng đồng thời trạm XLNT, trong nguồn vốn xây dựng cơ bản được duyệt.

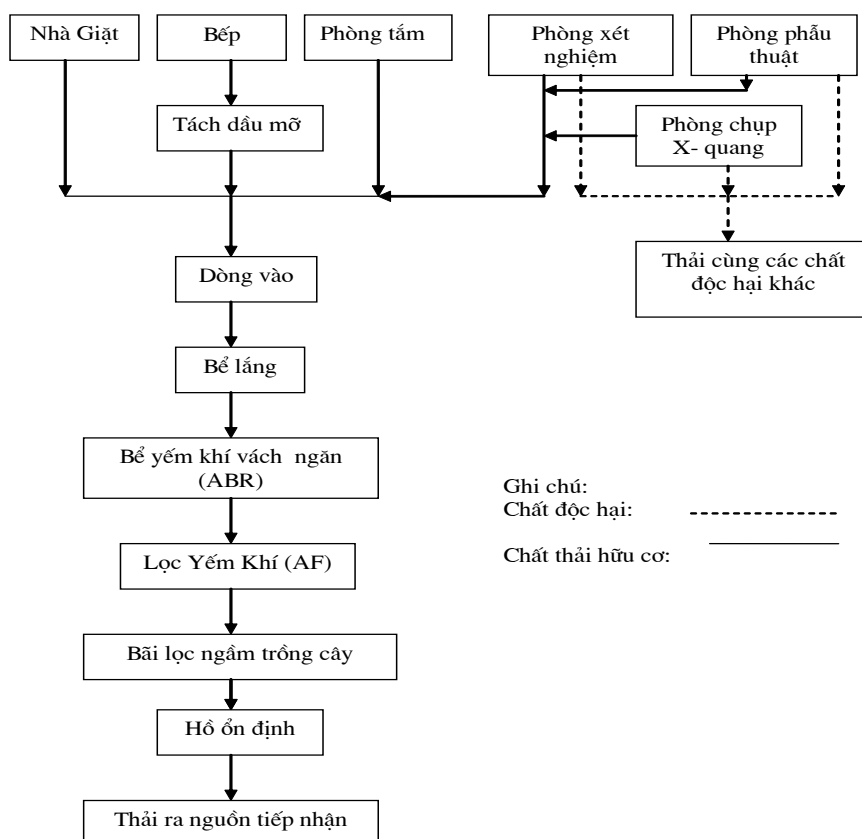
- Chọn công nghệ xử lý nước thải y tế:

+ Các bệnh viện cấp đô thị áp dụng công nghệ xử lý nước thải hiện đại theo sơ đồ sau:



Sơ đồ công nghệ XLNT bệnh viện có bể Aeroten áp dụng cho các bệnh viện đô thị

+ Các bệnh viện chọn công nghệ DEWATS (hệ thống xử lý nước thải phi tập trung) dựa trên nguyên tắc hoạt động của vi sinh vật yếm hiếu khí kết hợp hoàn toàn có thể xử lý triệt để hàm lượng chất hữu cơ có trong nước thải.



Sơ đồ công nghệ DEWATS xử lý nước thải cho các bệnh viện tuyến huyện, thị trấn.

d. Mạng lưới đường ống

- Trên mạng lưới đường phố đặt các tuyến cống thoát nước thải riêng, cống tự chảy dùng cống tròn bằng BTCT hoặc UPVC, đường kính từ 300mm ÷ 600mm.

- Đường ống áp lực: Dùng ống gang đặt dưới vỉa hè dưới lòng đường (nếu vỉa hè chật), độ chôn sâu đáy cống ≤ 0,7m.

**8.8. Định hướng quy hoạch chất thải rắn**

**8.8.1. Cơ sở thiết kế.**

- Luật Bảo vệ môi trường 2020.
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD.

- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành có liên quan.

### **8.8.2. Nguyên tắc thiết kế.**

#### **a. Nguyên tắc lựa chọn địa điểm xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn**

- Các cơ sở xử lý chất thải rắn của đô thị phải được bố trí ở ngoài phạm vi đô thị, cuối hướng gió chính, cuối dòng chảy của sông suối. Xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn phải trồng cây xanh cách ly.

- Không được bố trí các cơ sở xử lý chất thải rắn của đô thị ở vùng thường xuyên bị ngập nước, vùng cax-tơ, vùng có vết đứt gãy kiến tạo.

- Khi chọn địa điểm xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn, phải nghiên cứu khả năng phục vụ cho liên vùng các đô thị gần nhau, tạo thuận lợi cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, giảm nhu cầu chiếm đất và giảm ô nhiễm môi trường.

- Trong vùng ATVMT của cơ sở xử lý chất thải rắn, có thể thực hiện các hoạt động lâm nghiệp, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, tuyến và trạm điện, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

#### **b. Nguyên tắc lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn**

- Công nghệ xử lý chất thải rắn dự kiến lựa chọn trong cơ sở xử lý chất thải rắn phải hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế, không gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, nước mặt và môi trường không khí xung quanh.

- Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng công nghệ chôn lấp không vượt quá 15% tổng lượng chất thải rắn thu gom được. Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý bằng các công nghệ khác (tái chế, tái sử dụng, chế biến phân hữu cơ...)  $\geq 85\%$ .

#### **c. Nguyên tắc bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn**

- Phải bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn nhằm tiếp nhận và vận chuyển hết khối lượng chất thải rắn trong phạm vi bán kính thu gom đến khu xử lý tập trung trong thời gian không quá 2 ngày đêm;

- Tại mỗi trạm trung chuyển chất thải rắn: có bãi đỗ xe vệ sinh chuyên dùng; phải có hệ thống thu gom nước rác và xử lý sơ bộ ;

- Khoảng cách ATMT của trạm trung chuyển chất thải rắn  $\geq 20m$ .

### 8.8.3. Chỉ tiêu và dự báo lượng phát thải chất thải rắn

- Chỉ tiêu:

+ Sinh hoạt: 0,8 - 0,9 kg/ng.ngđ.

+ Công nghiệp: 0,3 tấn/ha/ngày.

+ Công cộng, dịch vụ: 10% - 20% sinh hoạt

- Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị đạt 100%, vùng nông thôn đạt trên 85%, thu gom CTR công nghiệp, y tế đạt 100%.

Bảng dự báo nhu cầu xử lý chất thải rắn

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2030				KL chất thải rắn (Tấn/ng.đ)
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	
<i>I</i>	<i>Sinh hoạt</i>	<b>285.800,0</b>				<b>246,47</b>
1	Dân cư đô thị	178.300,0	người	0,9	kg/ng.ngđ	160,47
2	Dân cư nông thôn	107.500,0	người	0,8	kg/ng.ngđ	86,00
<i>II</i>	<i>Đất công nghiệp tập trung</i>	<b>1.452,0</b>	<i>ha</i>	0,3	<i>tấn/ha.ngđ</i>	<b>435,60</b>
<i>III</i>	<i>Công trình công cộng, dịch vụ</i>	<i>I x 15%</i>				36,97
<i>IV</i>	<b>Tổng</b>	<b><i>I+II+III+IV+V+VI+VII</i></b>				<b>719,04</b>

Khối lượng chất thải rắn phát sinh của đô thị giai đoạn đến năm 2030 (làm tròn) khoảng 720tấn/ngày, trong đó khối lượng CTR công nghiệp khoảng 435 tấn/ngày (làm tròn).

TT	Đối tượng	Dự báo đến năm 2045				KL chất thải rắn (Tấn/ng.đ)
		Nhu cầu sử dụng		Chỉ tiêu		
		Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	
<i>I</i>	<i>Sinh hoạt</i>	<b>435.650,0</b>				<b>382,02</b>
1	Dân cư đô thị	335.000,0	người	0,9	kg/ng.ngđ	301,50
2	Dân cư nông thôn	100.650,0	người	0,8	kg/ng.ngđ	80,52
<i>II</i>	<i>Đất công nghiệp tập trung</i>	<b>1.540,0</b>	<i>ha</i>	0,3	<i>tấn/ha.ngđ</i>	<b>462,00</b>
<i>III</i>	<i>Công trình công cộng, dịch vụ</i>	<i>I x 15%</i>				57,30
<i>IV</i>	<b>Tổng</b>	<b><i>I+II+III+IV+V+VI+VII</i></b>				<b>901,32</b>

Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh của đô thị giai đoạn đến năm 2045 (làm tròn) khoảng 900tấn/ngày, trong đó khối lượng CTR công nghiệp khoảng 460 tấn/ngày (làm tròn).

#### **8.8.4. Định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn**

##### *a. Giải pháp quản lý chất thải rắn*

##### *Chất thải rắn sinh hoạt và y tế:*

Chất thải rắn được yêu cầu được phân loại tại nguồn phát sinh; Các phương pháp phân loại chất thải tại nguồn phát sinh:

- Thu gom và phân loại chất thải rắn để tái sinh: Phân loại các thành phần chất thải rắn bao gồm giấy loại, carton, lon nhôm, thùng nhựa tại nguồn phát sinh là một trong những phương thức hiệu quả nhất để thu hồi và tái sử dụng vật liệu. Khi các thành phần chất thải đã được tách riêng, vấn đề đặt ra là chủ hộ sẽ giải quyết các thành phần này như thế nào cho đến khi chúng được thu gom? Một số chủ hộ lưu trữ những thành phần đã phân loại ở nhà họ và chuyển định kỳ đến các thùng chứa chất thải đã phân loại. Một số chủ hộ khác mang chất thải đã phân loại và thải bỏ ngay vào các thùng chứa theo quy định.

- Thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình: Có nhiều cách phân loại nhà ở khu dân cư, tuy nhiên, phân loại theo số tầng là cách phù hợp nhất đối với mục đích quản lý và phân loại chất thải rắn ở các hộ gia đình. Theo cách phân loại này, nhà thấp hơn 4 tầng được gọi là nhà thấp tầng, nhà từ 4 đến 7 tầng được gọi là trung bình, và nhà cao hơn 7 tầng được gọi là nhà cao tầng. Các nhà thấp tầng còn có thể phân thành căn hộ riêng rẽ, dãy các căn hộ riêng rẽ, và căn hộ nhiều gia đình.

- Thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại các khu công cộng, thương mại:

+ Ở hầu hết các cơ quan và các khu thương mại, chất thải rắn tích lũy ở mỗi cơ quan hoặc nơi làm việc được thu gom vào các thùng chứa khá lớn đặt trên những xe lăn. Khi đầy, các thùng này được mang bằng máy nâng đến đổ vào: (1) các thùng chứa lớn hơn, (2) máy ép kết hợp với thùng chứa, (3) máy ép cố định, ép chất thải thành bánh hoặc ép chất thải trong các thùng chứa thiết kế đặc biệt, (4) các thiết bị xử lý khác. Vì nhiều công sở và khu thương mại lớn xưa cũ đã được thiết kế không có nơi lưu trữ chất thải và vật liệu tái sinh hợp lý, nên các thiết bị lưu trữ và xử lý sử dụng hiện tại thường không phù hợp vì không đủ diện tích và thường gây khó khăn cho công tác quản lý.

+ Ở nhiều công sở và khu thương mại, tất cả giấy công sở hiện nay được thu gom để tái sinh. Thiết bị sử dụng để thu gom vật liệu tái sinh cũng giống như những thiết bị sử dụng thu gom các vật liệu tái sinh khác như đã trình bày ở trên. Các chất



thải tái sinh được lưu trữ trong các thùng chứa riêng. Ở những khu thương mại lớn, giấy thường được đóng kiện và lon nhôm được nghiền để giảm thể tích.

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại (trung tâm xử lý rác thông minh) ứng dụng các công nghệ quang học, sàng lọc ly tâm và sử dụng cánh tay robot được trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ, hạn chế tối đa lượng rác thải phải đốt và chôn lấp, đạt tỷ lệ tái chế rác trên 70%.

#### ***Quản lý CTR y tế và nguy hại:***

- Các cơ sở y tế thực hiện phân loại CTR tại nguồn thành 3 loại: CTR vô cơ, hữu cơ và nguy hại. CTR y tế không nguy hại thu gom và xử lý chung với CTR sinh hoạt đô thị.

- CTR y tế nguy hại sẽ thu gom bằng xe chuyên dụng chuyển đến xử lý tại khu xử lý theo định hướng của Tỉnh.

#### ***Chất thải rắn công nghiệp và công nghiệp nguy hại***

- Mỗi loại hình công nghiệp sẽ có loại chất thải và chất thải nguy hại khác nhau vì vậy chất thải rắn sẽ được phân loại triệt để tại nguồn phát sinh.

- Đối với chất thải rắn nguy hại các công ty sản xuất công nghiệp cần có phương án hợp đồng với các khu xử lý, nhà máy xử lý chất thải nguy hại vận chuyển và xử lý theo quy định chuyên ngành và của Tỉnh.

- Đối với các loại chất thải có thể tái chế cần có phương án thu gom và trung chuyển đến các khu vực sản xuất công nghiệp tái chế, các loại chất thải công nghiệp khác có thể đốt rác sản xuất điện năng phục vụ tuần hoàn trong các khu công nghiệp quy hoạch mới. Ưu tiên các loại hình công nghiệp điện rác và tái chế góp phần vào sự phát triển bền vững.

- Đối với các loại chất thải không thể đốt, tái chế hoặc các loại tro mùn sau đốt cần có các biện pháp đưa đi chôn lấp theo quy định của Tỉnh.

#### ***b. Quy hoạch thu gom và xử lý CTR***

##### ***Chất thải rắn sinh hoạt và y tế:***

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn y tế thông thường của đô thị Hoàng Hóa sẽ được thu gom và vận chuyển đến xử lý tại Khu xử lý tại xã Đông Nam, TP. Thanh Hóa và Khu xử lý tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn nhằm đáp ứng cho việc tận dụng, sử dụng rác thải (là một tài nguyên) để tái chế sử dụng, chuyển hóa rác thành năng lượng,....

- Xây dựng 4 trạm trung chuyển quy mô tối thiểu 0,1ha bán kính thu gom 5km. (ưu tiên hợp khối trong khu vực đất HTKT-TXLNT đô thị).

#### ***Chất thải rắn công nghiệp và nguy hại:***

- Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom xử lý cùng CTR sinh hoạt, chất thải nguy hại được phân loại và vận chuyển đến xử lý tại Khu xử lý tại xã Đông Nam, TP. Thanh Hóa .

- Chất thải rắn Y tế nguy hại của đô thị Hoàng Hóa sẽ được thu gom và vận chuyển đến xử lý tại bệnh viện đa khoa hậu Lộc (tuân thủ định hướng QH tỉnh Thanh Hóa).

- Ưu tiên các loại hình công nghiệp tái chế, tận thu và tái sử dụng chất thải.

#### ***Điểm tập kết, trung chuyển chất thải:***

- Khu vực nội thị: Bố trí cố định tại các vị trí phù hợp bên trong các khu dân cư với bán kính phục vụ 3-5km/1 điểm tập kết. Các điểm tập kết bắt buộc phải có hệ thống thu gom nước rỉ rác, có hệ thống tường rào và cây xanh xung quanh.

- Khu vực ngoại thị: Bố trí mỗi xã một điểm tập kết rác thải tập trung. Các điểm tập kết có vị trí cách xa khu dân cư, thuận tiện cho xe ra vào thu gom, vận chuyển rác.

### **8.9. Định hướng hệ thống nghĩa trang**

#### ***8.9.1. Nguyên tắc thiết kế.***

Chất thải phải được thu gom và xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

Phải có hệ thống thu gom nước thấm từ các khu mộ hung táng để xử lý tập trung hợp vệ sinh, trước khi xả ra môi trường.

Vị trí khu xử lý nước thải từ khu mộ hung táng phải ở hạ lưu nguồn tiếp nhận nước thải, nơi có nền địa hình thấp nhất của nghĩa trang.

#### ***8.9.2. Chỉ tiêu và dự báo nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang***

##### ***a. Chỉ tiêu***

Chỉ tiêu nghĩa trang nhân dân: 0,04ha/1000 dân.

Chỉ tiêu nhà tang lễ đô thị: 1 nhà tang lễ/250.000 dân

##### ***b. Nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang***

Tổng nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang đến năm 2045 khoảng 17,8 ha (chưa bao gồm diện tích di dời các khu vực nghĩa trang hiện trạng).

### **8.9.3. Giải pháp quy hoạch quản lý nghĩa trang**

- Các nghĩa trang hiện có không đủ khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cần đóng cửa ngừng chôn cất, sử dụng các biện pháp cải tạo môi trường. Tiến hành di dời các mộ phần phân tán nằm trong khu dân cư về nghĩa trang tập trung.

- Các nghĩa trang đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật cải tạo đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh tiếp tục sử dụng không mở rộng, trồng cây xanh cách ly sử dụng các biện pháp xử lý môi trường để tránh ô nhiễm.

- Nghĩa trang mới xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chuẩn quy chuẩn về kỹ thuật đang hiện hành.

- Các nghĩa trang hiện trạng yêu cầu không mở rộng sử dụng hết quỹ đất tiến hành đóng cửa trồng cây xanh cách ly, trong tương lai khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất tiến hành di dời về nghĩa trang tập trung.

- Các nghĩa trang phân tán khu vực các xã nông thôn và khu vực hẻo lánh giai đoạn trước mắt tuân thủ theo QHC xã và QH SDD (tài nguyên môi trường) của Huyện đã xác định và các nghĩa trang cấp dưới.

### **8.9.4. Quy hoạch nghĩa trang:**

- Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các nghĩa trang đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật cải tạo đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh tiếp tục sử dụng không mở rộng, trồng cây xanh cách ly sử dụng các biện pháp xử lý môi trường để tránh ô nhiễm.

- Dài hạn khu vực nghiên cứu sẽ sử dụng chung nghĩa trang vùng huyện được xác định tại xã Hoàng Xuân có quy mô 10ha (được xác định theo định hướng QH tỉnh Thanh Hóa)

Khuyến khích hình thức hỏa táng theo chủ trương chung của Tỉnh và Nhà nước. (dự kiến đến 2030 tỉ lệ hỏa táng đạt 30%, đến 2045 đạt 50%)

Quy hoạch mới 2 nhà tang lễ cấp đô thị tại bệnh viện đa khoa huyện và ô đất y tế thuộc đô thị Phú Quý.

## CHƯƠNG IX: GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 9.1. Cơ sở pháp lý:

Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ TNMT về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

### 9.2. Xác định các mục tiêu bảo vệ môi trường cho quy hoạch

Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hoá đáp ứng các mục tiêu sau:

- Hạn chế tác động xấu do quá trình phát triển đô thị, các tác động từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt, vui chơi giải trí,... ảnh hưởng đến môi trường; đảm bảo chất lượng môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cảnh quan cây xanh, mặt nước, ngăn chặn tốc độ gia tăng ô nhiễm và từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống;

- Phát triển đô thị theo hướng bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao sức khỏe và chất lượng sống của người dân.

Kiểm soát, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, giảm dần các nguồn gây ô nhiễm môi trường; khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái, tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sống. Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý môi trường, cảnh báo nguy cơ ô nhiễm và sự

cố môi trường. Hình thành và phát triển đô thị xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển đô thị có chất lượng môi trường ở tầm quốc tế.

Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên rừng, nguồn nước, đất đai, tài nguyên biển và cảnh quan thiên nhiên; kiểm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học; tăng cường khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ mức độ gia tăng phát thải khí nhà kính. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện môi trường

Xây dựng các mô hình phát triển không gian đô thị thích ứng với BĐKH như khu đô thị xanh, khu dân cư xanh, khu dân cư ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm nâng cao khả năng chống chịu thiên tai ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu (như lũ lụt, ngập úng, bão, triều, xói lở bờ, sạt lở đất, xâm nhập mặn...). Nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai khẩn cấp, phát triển các công trình quy mô lớn, đa mục tiêu như hồ chứa nước, vùng đệm, vành đai xanh...

### **9.3. Các giải pháp bảo vệ môi trường:**

#### **9.3.1. Giải pháp về kỹ thuật**

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình thực thi quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Hoàng Hoá đến môi trường tự nhiên cần thực hiện các giải pháp về kỹ thuật như sau:

##### **a. Đối với nông nghiệp**

Áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn VietGAP và đẩy mạnh công tác chứng nhận trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

Sử dụng biện pháp canh tác tiết kiệm phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật điều tiết nước và phân bón để hạn chế phát sinh khí nhà kính trên ruộng lúa;

Khuyến khích sử dụng phân hữu cơ (phân lợn, phân gà) vào canh tác lúa và hoa màu;

100% nước thải từ các cơ sở chăn nuôi phải được thu gom xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Nước thải chăn nuôi.

Nước thải nuôi trồng thủy sản phải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

##### **b. Đối với công nghiệp**

Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu kỹ thuật và công nghệ về sản xuất sạch hơn nhằm phòng ngừa ô nhiễm tại nguồn trong các hoạt động sản xuất công nghiệp (tiết kiệm nhiên liệu, nguyên liệu và hạn chế phát sinh chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường các cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Chú trọng các giải pháp kỹ thuật như: đổi mới công nghệ, thiết bị kỹ thuật, ứng dụng và gia tăng hàm lượng công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến; hợp lý hóa quá trình sản xuất; thay thế nguyên, nhiên liệu ô nhiễm bằng nguyên, nhiên liệu sạch hơn.

Khuyến khích nghiên cứu, đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất, nguyên vật liệu theo hướng thân thiện với môi trường đối với các ngành nghề thủ công truyền thống đặc trưng của Hoàng Hóa như: sản xuất bánh phồng, bánh tráng, mít dứa,....

100% nước thải công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

100% chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom xử lý bằng công nghệ phù hợp, thu hồi giá trị của chất thải (thu hồi nhiệt để phát điện, tận dụng chất thải rắn làm vật liệu xây dựng,...)

Khí thải từ các ống khói nhà máy trong và các cụm công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN quy định đối với từng loại hình công nghiệp.

### c. Khu vực đô thị

Tối thiểu 80% nước thải sinh hoạt từ khu vực nội thị phải được thu gom và xử lý phù hợp với QCVN 14:2008/BTNMT – Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường;

Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu vực đô thị Hoàng Hóa và các khu đô thị mới, tận dụng chất thải rắn hữu cơ để sản xuất phân bón vi sinh.

Chất thải rắn được thu gom theo quy định, giai đoạn trước mắt được đưa về xử lý tại nhà máy xử lý rác Đông Nam và Bim Sơn. Nước rỉ rác phải được xử lý đạt QCVN 25:2009/BTNMT – Nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn. Nghiên cứu phương án thu khí bãi rác để đốt nhằm giảm lượng khí CH<sub>4</sub> phát tán ra môi trường.

### + Giao thông

Phát triển dải cây xanh hai bên đường để hạn chế phát tán khí thải từ phương tiện cơ giới ra môi trường;

Các loại tàu, bè, phương tiện đường thủy phải được trang bị thiết bị thu gom, lưu trữ chất thải, thiết bị chứa dầu cặn, nước thải, rác thải, chất thải nguy hại và phải được vận chuyển, xử lý định kỳ.

### **9.3.3. Giải pháp về quản lý**

#### **a. Giải pháp quản lý chung**

Nâng cao năng lực quản lý môi trường của phòng Tài nguyên Môi trường huyện, đáp ứng nhu cầu về máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn;

Tổ chức tập huấn kiến thực môi trường cho bộ máy, cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường đến cấp thôn, xã;

Phối hợp chặt chẽ giữa phòng quản lý về Môi trường huyện Hoàng Hoá với Sở quản lý về Môi trường tỉnh và các địa phương lân cận trong hoạt động bảo vệ nguồn nước sông, hồ liên vùng và quản lý các nguồn phát thải lớn;

Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến môi trường, nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về vấn đề môi trường bức xúc, những tác động môi trường và ý thức bảo vệ môi trường. Giáo dục cho người dân có ý thức và trách nhiệm phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường, có ý thức cảnh giác với nguy cơ, sự cố môi trường, cần có phương án cụ thể về phòng, chống các sự cố và phương án phải được tập luyện thường xuyên để đảm bảo khi có sự cố là có thể chủ động giải quyết tốt, đảm bảo an toàn về tính mạng, tài sản cho nhân dân trong vùng huyện Hoàng Hoá;

#### **a.1. Đối với môi trường nước:**

##### **\* Nước mặt:**

Việc biến đổi khí hậu và quá trình phát triển chuyển đổi sử dụng đất mang lại nhiều thách thức cần giải quyết, đặc biệt là nỗ lực để bảo vệ môi trường nước. Những rủi ro đặc biệt bao gồm diện tích cây xanh mặt nước suy giảm, hệ số mặt phủ và hệ số thấm giảm, sự gia tăng cường độ mưa, sự thay đổi dòng chảy của sông, tần suất hạn hán và nhiệt độ nước (ví dụ như cá hồi, các loài thủy sản khác gặp nguy hiểm, nhiều loài sinh vật tới bờ vực suy giảm số lượng hoặc tuyệt chủng). Cần có các giải pháp để duy trì, bảo vệ và phát huy giá trị từ các công trình cung cấp nước trên địa bàn.

Phục hồi sông Áu, sông Trà Giang, không xây dựng ngoài đê các khu vực sông Cung, sông Tào và sông Mã là một biện pháp quan trọng để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Những con sông bị biến đổi nặng nề thường kém đàn hồi hơn và mất khả năng giữ nước trong cả hạn hán và lũ lụt.

Quản lý những áp lực hiện có đối với môi trường nước là chìa khóa để xây dựng khả năng phục hồi khí hậu. Các ưu tiên trong việc khôi phục dòng sông nhằm đối phó với các điều kiện khí hậu trong tương lai bao gồm việc kết nối lại các dòng nước với vùng đồng bằng ngập lũ để giúp quản lý nguy cơ lũ lụt cũng như hạn hán. Trồng cây ven sông có thể cung cấp bóng mát và giúp quản lý nhiệt độ nước, cải thiện cấu trúc đất và carbon trong đất, giảm khai thác quá mức và quản lý đầu vào dinh dưỡng.

Quá trình chuyển đổi sử dụng đất làm người nông dân ở nhiều vùng phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng tăng từ những người sử dụng phi nông nghiệp do mật độ dân số đô thị tăng và nhu cầu nước từ các ngành năng lượng và công nghiệp. Ngoài ra, chất lượng nước có xu hướng xấu đi ở nhiều khu vực do sự gia tăng của các hoạt động gây ô nhiễm, nhiễm mặn do mực nước biển dâng cao và những thay đổi về nguồn cung cấp nước nêu trên.

Với mục tiêu bảo vệ, cải thiện nguồn nước, cần đưa ra chính sách ở các cấp độ khác nhau, dựa theo các phân vùng phát triển. Một số chính sách như:

+Đề tạo điều kiện chuyển đổi sang một ngành nông nghiệp bền vững và năng suất hơn, có khả năng chống chọi với rủi ro về nước, các cơ quan chức năng nên hành động ở cấp vườn trang trại, lưu vực sông và cấp quốc gia để (1- tăng cường và thực thi các quy định hiện hành về nước), (2- tạo động lực cho nông dân cải thiện việc sử dụng nước và quản lý tốt hơn việc sử dụng các đầu vào nông nghiệp gây ô nhiễm); và (3- xóa bỏ các chính sách hỗ trợ việc sử dụng quá nhiều nước và các hoạt động gây ô nhiễm).

+Kế thừa và phát huy hiệu quả hệ thống tưới Hoàng Hoá, cần giữ vững hệ thống kênh tưới, hạ thấp cao độ đáy kênh, bờ kênh, nắn chỉnh và đấu nối liên thông đồng thời sử dụng các kênh tưới như hành lang xanh cảnh quan (kết hợp cây xanh cùng mặt nước) góp phần vào sự ổn định sinh thái toàn vùng. Bảo vệ kênh tưới sông ngòi, kênh rạch, mạng lưới nước ngầm và nước mặt để bảo vệ đô thị và chính chúng ta.

+Đối với các kênh tưới tiêu đi qua đô thị cần nắn thẳng dòng liên mạch để hạn chế cầu công, tiết kiệm kinh phí xây dựng. Tuy vậy, công tác nắn thẳng sông là một biện pháp phổ biến nhưng chỉ nên áp dụng trong khu dân cư, khu chức năng tập trung mật độ cao để tạo không gian, tăng khả năng thoát nước và tăng khả năng vận chuyển để bảo vệ lũ lụt. Một kênh thẳng thiếu dòng chảy và sự đa dạng của môi trường sống làm nền tảng cho một hệ sinh thái lành mạnh và thường dẫn đến nguy cơ lũ lụt lớn hơn. Việc khôi phục hình thức và chức năng hình thái tự nhiên hơn có



thể đẩy nhanh quá trình phục hồi hệ sinh thái nhưng phù hợp với các khu vực ngoại thị. Trong những tình huống này, các biện pháp phục hồi có thể bị giới hạn ở những cải tiến trong dòng sông. Bao gồm việc tạo ra sự đa dạng bằng cách thêm vật liệu gỗ, thảm thực vật ven bờ hoặc vật liệu làm lệch hướng dòng chảy.

+Đối với các đoạn kênh, sông, rạch chảy ngoài khu xây dựng tập trung cần giữ vững hình thái tự nhiên. Mỗi kế hoạch bảo vệ và phục hồi sông cần phải được điều chỉnh cẩn thận cho phù hợp với địa điểm cụ thể. Phục hồi dòng sông hiệu quả là một nhiệm vụ đa ngành, liên quan đến sinh thái, địa mạo, thủy văn và khoa học xã hội. Sự phức tạp của hệ sinh thái sông ngòi và sự không chắc chắn trong việc dự đoán các phản ứng vật lý và sinh thái đòi hỏi một cách tiếp cận thích ứng, liên tục và không giới hạn để phục hồi dòng sông.

+Duy trì chất lượng các nguồn nước mặt hiện tại từ nguồn cung cấp và phục hồi chất lượng nước các đoạn sông đang bị suy thoái, ô nhiễm. Tăng cường quản lý nguồn nước thải từ phía thượng lưu và trong địa bàn huyện.

+Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất xả thải; Xây dựng hệ thống cảnh báo ô nhiễm môi trường nước.

+Quản lý chặt chẽ việc thu gom, xử lý chất thải, xả thải khu vực đô thị và các đô thị mới cũng như hoạt động sản xuất;

#### \* Nước ngầm:

Khi nguồn nước mặt được cải thiện, tăng cường trồng cây sẽ góp phần tăng trữ lượng nước ngầm. Cần kiểm soát quá trình xây dựng và các hoạt động sản xuất phát triển kinh tế để đảm bảo duy trì được trữ lượng chất lượng nước ngầm

+Thực hiện tốt công tác san nền; Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vật liệu đắp nền, không sử dụng các vật liệu có chứa các chất nguy hại, gây ô nhiễm môi trường nước (như: hóa chất, kim loại nặng, chất dễ cháy, nổ, hữu cơ dễ phân hủy, vật liệu phóng xạ v.v...); Tăng cường sử dụng các vật liệu tự nhiên thân thiện môi trường (gỗ, đá, sỏi, cây liêu...)

+Kiểm soát nước thải tại khu dân cư và các khu chức năng, không ảnh hưởng tới chất lượng nước ngầm, cần đảm bảo đạt các chỉ tiêu môi trường; Xây dựng các điểm quan trắc môi trường nước, giám sát chặt chẽ các thông số môi trường để phát hiện kịp thời ô nhiễm, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời;

+Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nước ngầm trong khu vực; Cần có giải pháp xử lý, trám lấp các giếng không sử dụng theo quy định kỹ thuật, tuân thủ

các tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất;

+Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; Quản lý, giám sát quá trình vận hành của trạm xử lý, đảm bảo nước thải phải được xử lý hoàn toàn, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; Nước thải vệ sinh trước khi vào hệ thống thoát nước đường phố cần xử lý sơ bộ qua bể tự hoại để giảm thiểu hàm lượng các chất ô nhiễm; Nước thải của các nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập trung cần có biện pháp tách dầu mỡ và xử lý sơ bộ trước khi đưa vào mạng lưới thoát nước thải khu vực để đảm bảo hiệu quả hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung;

+Nước thải bệnh viện, công nghiệp cần phải được thu gom, xử lý riêng, đảm bảo đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Công tác thu gom xử lý các loại hình nước thải này cần được giám sát chặt chẽ.

Quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn, nghiêm cấm việc lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, ngòi, kênh, mương, hồ chức năng trong khu vực;

Xây dựng hệ thống cấp nước sạch đảm bảo an toàn vệ sinh cho nhân dân; Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nước ngầm; Bảo vệ tài nguyên nước trong vùng;

Hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất trong canh tác nông nghiệp, chăm sóc và bao vệ cây xanh... trong khu vực;

#### a.2. Đối với môi trường không khí:

- Để ngăn ngừa ô nhiễm không khí trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng đô thị Hoàng Hoá cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đối với hoạt động trồng trọt: Hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng đốt phụ phẩm nông nghiệp (rơm, rạ...) và đốt rác thải bừa bãi;

- Đối với hoạt động giao thông: Tăng cường việc kiểm tra, giám sát đối với các phương tiện quá niên hạn sử dụng;

- Đối với các khu - cụm công nghiệp: ưu tiên tiếp nhận đầu tư những ngành công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường (tiết kiệm điện năng, ít chất thải). Tuân thủ chặt chẽ quy định về việc lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường online đối với ống khói có lưu lượng xả thải lớn;

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

Thực hiện tốt công tác bao che, tưới nước trong khu vực thi công xây dựng để giảm khuyếch tán bụi, tiếng ồn;

Tất cả các phương tiện, thiết bị thi công phải được kiểm tra và đăng ký đảm bảo chất lượng theo quy định, cấm các phương tiện kém chất lượng hoặc quá hạn sử dụng, ưu tiên các phương tiện, thiết bị thi công có mức phát thải ô nhiễm thấp;

Các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải được bao che đảm bảo theo quy định và tắt máy khi dừng, đỗ, bốc dỡ;

Lựa chọn nhà thầu thi công có năng lực, xây dựng công trình đảm bảo an toàn, sử dụng các thiết bị, máy móc hiện đại, ít phát thải chất ô nhiễm và rút ngắn thời gian thi công;

- Giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động giao thông, dịch vụ, du lịch, sinh hoạt sản xuất sau khi dự án hoàn thành, đi vào hoạt động:

Xây dựng mạng lưới giám sát ô nhiễm môi trường không khí cho giao thông trên các tuyến đường chính, khu vực bãi đỗ xe;

Tăng cường hệ thống cây xanh, thảm cỏ tại các dải phân cách, trên hè phố, nút giao thông, bãi đỗ xe, công trình xử lý, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề ... để giảm bụi, tiếng ồn, và điều hòa vi khí hậu; Có giải pháp phòng chống cháy nổ tại các bãi đỗ xe trong khu vực;

Tăng cường hệ thống giao thông công cộng; Khuyến khích sự phát triển các phương tiện sử dụng năng lượng sạch như khí thiên nhiên, khí hóa lỏng, cồn nhiên liệu, Biodiesel, điện...

Đầu tư, trang bị các vật dụng, phương tiện cho các đơn vị vệ sinh môi trường đường phố như: xe quét đường, tưới nước..., kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh đường phố;

Khuyến cáo người dân sử dụng năng lượng sạch trong sinh hoạt, sản xuất;

Giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn, yêu cầu các doanh nghiệp có các giải pháp xử lý ô nhiễm không khí trong quá trình sản xuất; Khuyến cáo áp dụng công nghệ hiện đại, ít phát thải chất ô nhiễm;

a.3. Đối với môi trường đất:

- Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi: Tổ chức thu gom triệt để và xử lý an toàn cỏ bao hóa chất bảo vệ thực vật, đặc biệt là bao bì thuốc trừ sâu và thuốc trừ sâu hết hạn sử dụng.

- Hoạt động công nghiệp: Giám sát chặt chẽ khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh từ các khu - cụm công nghiệp trên địa bàn. Kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp xử lý chất thải, đặc biệt là xử lý chất thải nguy hại để ngăn ngừa việc đổ bỏ, chôn lấp trái phép.

- Hoạt động đô thị: Tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn. Định kỳ thu gom chất thải nguy hại (pin, ắc quy, bóng huỳnh quang,...) có nguồn gốc sinh hoạt để vận chuyển đến nơi xử lý an toàn.

- Có giải pháp quy hoạch, thi công san nền phù hợp, tính toán cân bằng đất hợp lý, hạn chế tối đa đào đắp tập trung, có biện pháp phòng chống sạt lở, lũ lụt, trượt lở đất;

- Thực hiện tốt công tác khoan thăm dò địa chất trong khu vực để có thể phát hiện các biến động địa chất; đưa ra các biện pháp xử lý nền móng và kỹ thuật công trình phù hợp; Các công trình cao tầng nhất thiết phải có giải pháp phòng chống động đất, cháy nổ;

- Khuyến cáo người dân có biện pháp canh tác hợp lý, sử dụng hóa chất và phân hóa học theo đúng quy cách và liều lượng quy định; Áp dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, canh tác; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động buôn bán và sử dụng hóa chất trên địa bàn;

- Thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ du lịch, cơ sở y tế... đảm bảo tiêu chí vệ sinh môi trường;

#### **9.3.4. Phân vùng bảo vệ môi trường**

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình thực thi quy hoạch xây dựng trên địa bàn đô thị Hoàng Hoá đến môi trường tự nhiên phân khu vực bảo vệ môi trường theo 3 tiểu vùng, cần thực hiện các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm bảo vệ môi trường như sau:

##### **a. Tiểu vùng 1: Vùng công nghiệp, đô thị phía Tây Bắc**

- Tổ chức vành đai xanh, hành lang cách ly quanh các khu - cụm công nghiệp nằm trong hành lang công nghiệp nhằm giảm thiểu tác động đến khu vực đô thị khu vực trung tâm và nâng cao khả năng phòng hộ môi trường;

- 100% nước thải công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

- 100% chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom xử lý bằng công nghệ phù hợp, thu hồi giá trị của chất thải (thu hồi nhiệt để phát điện, tận dụng chất thải rắn làm vật liệu xây dựng,...)

- Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu kỹ thuật và công nghệ về sản xuất sạch hơn nhằm phòng ngừa ô nhiễm tại nguồn trong các hoạt động sản xuất công nghiệp (tiết kiệm nhiên liệu, nguyên liệu và hạn chế phát sinh chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường các cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Chú trọng các giải pháp kỹ thuật như: đổi mới công nghệ, thiết bị kỹ thuật, ứng dụng và gia tăng hàm lượng công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến; hợp lý hóa quá trình sản xuất; thay thế nguyên, nhiên liệu ô nhiễm bằng nguyên, nhiên liệu sạch hơn.

- Khí thải từ các ống khói nhà máy trong các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN quy định đối với từng loại hình công nghiệp.

- Tối thiểu 80% nước thải sinh hoạt từ khu vực đô thị phải được thu gom xử lý phù hợp với QCVN 14:2008/BTNMT – Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường;

- Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các khu vực đô thị, tận dụng chất thải rắn hữu cơ để sản xuất phân bón vi sinh;

- Quản lý chặt chẽ việc thu gom, xử lý chất thải, xả thải khu vực công nghiệp – đô thị

b. Tiểu vùng 2: Vùng phát triển đô thị trung tâm (Bút Sơn – Thịnh lộc):

- Tổ chức vành đai xanh, hành lang cách ly đối với khu vực phát triển công nghiệp phía Tây Bắc; các khu vực khu – cụm công nghiệp nằm trong khu vực nội thị phải đảm bảo hành lang cách ly đến các khu vực dân cư.

- Tối thiểu 80% nước thải sinh hoạt từ khu vực nội thị phải được thu gom xử lý phù hợp với QCVN 14:2008/BTNMT – Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường;

- 100% Chất thải rắn sinh hoạt thị được thu gom và phân loại tại nguồn theo quy định

- 100% nước thải công nghiệp phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

- 100% chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom xử lý bằng công nghệ phù hợp, thu hồi giá trị của chất thải (thu hồi nhiệt để phát điện, tận dụng chất thải rắn làm vật liệu xây dựng,...)

- Khuyến khích nghiên cứu, đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất, nguyên vật liệu theo hướng thân thiện với môi trường đối với các ngành nghề thủ công truyền thống đặc trưng của Hoàng Hoá.

- Quản lý chặt chẽ việc thu gom, xử lý chất thải, xả thải khu vực đô thị

- Nghĩa trang quy hoạch mới trong tiểu vùng phải có hệ thống thoát nước thấm từ huyệt mộ riêng với nước mặt, nước thải.

c. Tiểu vùng 3: Tiểu vùng Đô thị - Du lịch và dịch vụ sinh thái ven sông Cung

- Tăng cường trồng cây xanh 2 bên dọc đường giao thông cấp quốc gia và cấp tỉnh để hạn chế ô nhiễm khói, bụi, tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện.

- Các loại tàu, bè, phương tiện đường thủy phải được trang bị thiết bị thu gom, lưu trữ chất thải, thiết bị chứa dầu cặn, nước thải, rác thải, chất thải nguy hại và phải được vận chuyển, xử lý định kỳ.

- Áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn VietGAP và đẩy mạnh công tác chứng nhận trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trong tiểu vùng;

- Sử dụng biện pháp canh tác tiết kiệm phân bón, thuốc trừ sâu, kỹ thuật điều tiết nước và phân bón để hạn chế phát sinh khí nhà kính trên ruộng lúa, khu vực canh tác nông nghiệp;

- Khuyến khích sử dụng phân hữu cơ (phân lợn, phân gà) vào canh tác lúa và hoa màu;

- 100% nước thải từ các cơ sở chăn nuôi phải được thu gom xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Nước thải chăn nuôi.

- Tổ chức thu gom triệt để và xử lý an toàn cỏ, bao hóa chất bảo vệ thực vật, đặc biệt là bao bì thuốc trừ sâu và thuốc trừ sâu hết hạn sử dụng.

- Thông qua hoạt động du lịch, tăng cường công tác truyền thông, phổ biến môi trường, nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về vấn đề môi trường, những tác động môi trường và ý thức bảo vệ môi trường;

- Tăng cường kiểm soát chất lượng phát thải tiểu vùng 3 để tránh trường hợp gây ảnh hưởng đối với các tiểu vùng hạ lưu.

- Khuyến khích các đơn vị khai thác du lịch áp dụng mô hình quản trị tiên tiến của thế giới như ESG, hướng đến tính bền vững về xã hội, môi trường;

#### 9.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

- Quan tâm, đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát môi trường; Xem xét việc tăng cường nhân lực (số lượng, trình độ), vật lực, tài chính ... nếu cần thiết để nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý, giám sát và bảo vệ môi trường;

- Tiếp tục làm tốt công tác giám sát và kiểm soát môi trường; Một trong những công cụ quan trọng để theo dõi, giám sát môi trường là Quan trắc môi trường, cần phải được tăng cường, thực hiện tốt; Ngoài các điểm quan trắc môi trường hiện có, xem xét bố trí thêm các điểm quan trắc môi trường mới, các điểm quan trắc môi trường tự động tại các khu vực nhạy cảm, khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao, khu vực xảy ra các sự cố môi trường... cần theo dõi, giám sát chặt chẽ;

- Dựa trên hiện trạng, xem xét các diễn biến môi trường có thể xảy ra, các đối tượng, thông số và tần suất quan trắc môi trường trong khu vực được xác định như sau:

*Bảng: Quan trắc chất lượng môi trường trong khu vực quy hoạch*

TT	Môi trường	Thông số quan trắc chính	Tần suất quan trắc
1	Nước mặt	- Nhiệt độ, pH, SS, độ đục, động vật đáy, DO, Cl <sup>-</sup> , BOD <sub>5</sub> , COD, SS, SN, SP, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Cr, Pb, As, Hg, Coliform.	Định kỳ 4 lần/năm và bất thường khi có sự cố hoặc rủi ro môi trường xảy ra trong khu vực.
2	Nước ngầm – Nước cấp	- Nhiệt độ, pH, SS, DO, COD, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , độ cứng, Pb, As, Fe, Mn, Cl <sup>-</sup> , Coliform.	Định kỳ 4 lần/năm và bất thường khi có sự cố hoặc rủi ro môi trường xảy ra trong vùng.
3	Không khí - Tiếng ồn	- Bụi tổng cộng, bụi PM10, CO, CO <sub>2</sub> , SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CxHy, VOC. - Cường độ xe, cường độ ồn max, cường độ ồn min.	Định kỳ 4 lần/năm và bất thường khi có sự cố hoặc rủi ro môi trường xảy ra trong vùng.
4	Đất	- Hàm lượng các kim loại nặng: As, Cd, Cu, Pb, Zn... Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật.	Định kỳ 4 lần/năm
5	Nước thải	- Nhiệt độ, pH, SS, độ đục, DO, Cl <sup>-</sup> , BOD <sub>5</sub> , COD, SS, SN, SP, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Cr, Zn, Pb, As, Hg, Coliform...	Tại khu vực xử lý nước thải, các khu vực phát triển công nghiệp; Tần suất theo kế hoạch đăng ký theo dõi và khi có sự cố;

*Ghi chú: Các thông số và tần suất quan trắc được nêu ra trong đồ án mang tính chất định hướng, có thể thay đổi (tăng, giảm) dựa trên điều kiện kinh tế, các diễn biến thực tế trong quá trình phát triển của đô thị, các sự cố môi trường*

### 9.5. Kết luận về kiến nghị bảo vệ môi trường

- Quy hoạch đô thị Hoàng Hoá đem lại nhiều lợi ích cả về kinh tế và xã hội trong khu vực, đặc biệt có sự gắn kết giữa mỹ quan đô thị, hệ thống hạ tầng và các giải pháp môi trường; do đó, việc thực hiện quy hoạch là cần thiết và phải được tuân thủ chặt chẽ;

- Công tác nghiên cứu, quản lý, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai cần được quan tâm hơn nữa, với các chính sách hỗ trợ về kinh tế, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực;

- Cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đã được đề xuất trong phần giải pháp bảo vệ môi trường. Đối với mỗi dự án xây dựng cụ thể trên địa bàn, cần thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

- Quan trọng nhất cần có sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và người dân trong công tác xây dựng, quy hoạch, quản lý và bảo vệ môi trường.

Đánh giá sự thống nhất giữa các mục tiêu, định hướng quy hoạch với các mục tiêu môi trường

Mục tiêu quy hoạch	Mục tiêu môi trường
Xây dựng, phát triển đô thị Hoàng Hoá là đô thị phát triển bền vững, văn minh, thân thiện, với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với các mục tiêu môi trường;</li> <li>- Bảo tồn các giá trị về văn hoá - lịch sử truyền thống của khu vực;</li> <li>- Phát triển khoa học kỹ thuật, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện tại và trong tương lai, đáp ứng yêu cầu về nhân lực chất lượng cao trong điều kiện mới;</li> <li>- Phát triển kinh tế xã hội vừa góp phần phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống của nhân dân; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá bản địa;</li> <li>- Tạo dựng một đô thị sinh thái văn hoá, một đô thị biển gắn liền với du lịch sinh thái tự nhiên</li> <li>- Chinh trang các không gian nhà ở, công viên, bố trí các công trình kiến trúc đẹp ...góp phần tạo bộ mặt hấp dẫn cho khu vực khi nhìn từ biển vào;</li> </ul>
Phát triển công nghiệp dịch vụ du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với các mục tiêu môi trường;</li> <li>- Phát triển công nghiệp sạch ít gây ô nhiễm đến môi trường;</li> <li>- Cần áp dụng các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện...như: lắp đặt các trang thiết bị hạn chế bụi, mùi, tiếng ồn, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...;</li> <li>- Đem lại các tác động tích cực trong phát triển kinh tế, thu hút đầu tư cho Hoàng Hoá nói chung, khu vực vùng trung tâm Thanh Hoá</li> </ul>



	nói riêng và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; - Cần tiến hành thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường: tổ chức thu gom phế thải, giảm thiểu tiếng ồn, bụi.
Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị hiện đại, đồng bộ, đóng vai trò là hạt nhân, đầu mối giao thông quan trọng của cả vùng trung tâm tỉnh Thanh Hoá	- Phù hợp với các mục tiêu môi trường; - Phát triển các đầu mối giao thông đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách ngày càng tăng, tiến tới thỏa mãn nhu cầu vận tải, tăng cường chức năng giao thông cho các loại phương tiện dựa vào việc khuyến khích xây dựng các trục giao thông chính; chia sẻ và kết hợp với các phương thức vận tải, phát triển giao thông vùng ngoài đô thị thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; giảm tác động xấu tới môi trường khu vực gần các trục, hành lang giao thông lớn.

Các mục tiêu quy hoạch cũng phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo:

- 100% các dự án được cấp phép mới đầu tư theo quy hoạch xây dựng hạ tầng dân cư đô thị, các dự án phát triển kinh tế - xã hội tại các đô thị bảo đảm phải có hệ thống thu gom, xử lý triệt để nước thải.

- Bảo vệ nghiêm ngặt môi trường vùng biển và các sông, duy trì và tăng diện tích các khu vực rừng bán ngập cảnh quan tại khu vực ven bờ.

- Chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học tại các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, bảo tồn hệ sinh thái ven sông Cung; cửa Lạch Hói, Lạch Trường và vùng phụ cận. Trọng điểm là tăng cường kiểm soát, quản lý, bảo vệ các khu rừng ngập mặn hiện có tại các vị trí tiếp giáp với các tuyến đường ven biển.

- Hạn chế tối đa việc lấn mặt nước, sông, các kênh tiêu để phát triển đô thị. Các khu đô thị ven biển, quy hoạch xây dựng mới phát triển theo hướng thông minh, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phát triển kinh tế tuần hoàn, giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản.

- Đề xuất phát triển các mô hình khu đô thị, khu dân cư có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu qua việc thực hiện đồng bộ quy hoạch đảm bảo tỷ lệ cây xanh, mặt nước, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu trong từng thành phần.

- Đề xuất phát triển mô hình du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên.

- Cân đối lại sử dụng đất đô thị theo hướng giảm đất phát triển công nghiệp ô nhiễm trong đô thị ; ưu tiên công nghiệp sạch, không phát thải.

- Bảo vệ, phát triển bền vững rừng và các hệ sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ, các hệ sinh thái đất ngập nước, bảo tồn đa dạng sinh học nhằm giảm nhẹ thiên tai, nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH.

- Nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai khẩn cấp, bằng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phát triển các công trình quy mô lớn, đa mục tiêu như hồ chứa nước, vùng đệm, vành đai xanh...

## CHƯƠNG X: ĐỀ XUẤT DANH MỤC QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

### 10.1. Phân kỳ thực hiện quy hoạch

Nguyên tắc xác định các quy hoạch, dự án ưu tiên đầu tư:

- Các quy hoạch phân khu phủ kín khu vực đô thị làm cơ sở quản lý đầu tư, phát triển, nâng cấp các xã, thị trấn lên phường đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 xây dựng đô thị Hoàng Hoá trở thành đô thị loại IV, thành lập thị xã trước năm 2030.

Thực hiện cải tạo chỉnh trang các khu vực đô thị hiện hữu, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng các quỹ đất hiện có; phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị, tuyến giao thông công cộng để tăng cường kết nối giao thông giữa các khu vực

- Dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước (đầu tư công)

Định hướng đầu tư, ưu tiên lựa chọn dự án một số lĩnh vực chủ yếu

+ Dự án giao thông: Ưu tiên dự án kết nối vùng: tuyến nối từ đường Cao Tốc đi Hải Tiến (bao gồm cả nút giao khác mức Hoàng Kim), tuyến đường ven biển; tuyến nối Bút Sơn đi Cao Tốc (Hoàng Đức - Hoàng Xuyên - Hoàng Sơn); đại lộ Bắc sông mã tuyến nhánh, các tuyến đường tạo ra không gian phát triển mới, tuyến kết nối giao thông đối ngoại với vùng, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội địa. Quy hoạch đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối, phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của địa phương như phát triển công nghiệp, đô thị, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, du lịch, vận tải logistic, khu chức năng...

+ Dự án phát triển điện lực: Ưu tiên dự án cấp điện phục vụ sản xuất, trọng tâm là các KCN, CCN mới, các khu vực đang thiếu hụt điện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

+ Dự án cấp nước, thoát nước: Nhà nước chỉ đầu tư các dự án cấp nước sinh hoạt, thu gom xử lý nước thải đối với các khu vực mà doanh nghiệp không tham gia đầu tư.

+ Dự án văn hóa, xã hội: Ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự chủ về đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn...

- Dự án thu hút đầu tư

- Công nghiệp: Chú trọng đến hoàn thiện hạ tầng 2 khu công nghiệp (Bắc Hoàng

Hoá và Phú – Quý) để thu hút doanh nghiệp; quy hoạch, kêu gọi đầu tư 2 khu Logistic để hỗ trợ cho 2 KCN và các cụm công nghiệp trong vùng. Định hướng thu hút phát triển công nghiệp chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu từ nay đến năm 2030. Sau năm 2030 tập trung chuyển mạnh sang chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường.

- Dịch vụ: Dựa trên lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng thế mạnh để phát triển các ngành dịch vụ du lịch có giá trị gia tăng cao hơn. Tập trung vào các sản phẩm dịch vụ du lịch với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa, lịch sử và các dịch vụ đi kèm như khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí, thể thao; dịch vụ logistics. Trong đó chú trọng đến khu du lịch cao cấp kết hợp sân golf Hoàng Yên.

- Về lao động sử dụng: Ưu tiên thu hút đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động qua đào tạo.

- Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Về công nghệ, môi trường: Các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, ít tác động xấu tới môi trường.

### 10.2. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý phát triển đô thị gồm: quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý, quy định ... gắn với xây dựng đề án đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các dự án ưu tiên phải đảm bảo tính thực tiễn, khả thi với khả năng huy động nguồn lực của tỉnh để thực hiện thành công như năng lực hiện có của lực lượng lao động, cơ sở hạ tầng sẵn có hoặc quan hệ đối tác công tư (PPP) mạnh mẽ

Danh mục các chương trình dự án ưu tiên đầu tư:

STT	Tên dự án	Giai đoạn xây dựng	Địa điểm	Nguồn vốn
<b>I</b>	<b>Chương trình, kế hoạch</b>			
1	Lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị và hệ thống các quy định quản lý phát triển đô thị	2025-2026	Trên địa bàn đô thị	Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
2	Lập hệ thống các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các khu vực phát triển đô thị mới, các khu	2025-2026	Trên địa bàn đô thị	Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án

STT	Tên dự án	Giai đoạn xây dựng	Địa điểm	Nguồn vốn
	cụm công nghiệp, khu du lịch, khu thương mại....			
3	Chương trình cải tạo, chỉnh trang các khu đô thị, khu dân cư (cấp phường) theo lộ trình quy hoạch	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
4	Chương trình phát triển hệ thống các dịch vụ, tiện ích công cộng đô thị và du lịch	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
5	Lập đề án và thực hiện lộ trình xây dựng đô thị Thông minh	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
<b>III</b>	<b>Dự án phát triển đô thị</b>			
1	Hoàn thiện các dự án hạ tầng các khu đô thị mới, lấp đầy các quy hoạch hiện có	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Nhu cầu vốn được xác định theo từng dự án
2	Công viên trung tâm đô thị	2025-2030	TT Bút Sơn	Đầu tư công
3	Đề xuất đầu tư Dự án khu đô thị mới ven sông Cung	2025-2030	Các xã ven sông Cung	Tư nhân trong nước, FDI
4	Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, danh lam thắng cảnh	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công
5	Hệ thống giáo dục theo tốc độ phát triển dân số. Nâng cấp cải tạo các trường học hiện có trên địa bàn xã, phường	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Hình thức đầu tư: đầu tư tư; Đầu tư công; kết hợp công - tư
<b>III</b>	<b>Dự án hạ tầng động lực</b>			
1	- Hoàn thiện khung hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại IV (các tuyến 7,5m và 10,5m) đồng bộ với chiếu sáng đô thị	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công
2	- Hoàn thiện hạ tầng tối thiểu 18 xã để thành lập phường trước năm 2030,	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công
3	- Đường nối từ cao tốc đi KDL Hải Tiến (bao gồm Cầu vượt QL 1A - Hoàng Kim)	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công

STT	Tên dự án	Giai đoạn xây dựng	Địa điểm	Nguồn vốn
4	Đường nối từ cao tốc đi nút giao Hoàng Quý (thuộc tuyến Bắc sông Mã – Bắc sông Chu theo QH tỉnh)	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công
5	Đại Lộ Bắc sông Mã (tuyến nhánh: Hoàng Đại – Hoàng Phụ)	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công
6	GPMB lộ giới tuyến đường sắt tốc độ cao (đoạn qua huyện)	2025-2026	Các xã có tuyến đường sắt đi qua	Đầu tư công
7	Tuyến đường nối Bút Sơn với đường cao tốc: Hoàng Sơn xuống Hoàng Xuyên qua sông Tào đến Hoàng Đức nối với đường vành đai 3 TP,	2025-2030	Hoàng Sơn; Hoàng Xuyên; Hoàng Đức	Đầu tư công
8	Xây dựng tuyến đường ven biển từ từ Hoàng Trường đến Hoàng Phụ	2025-2030	Các xã từ Hoàng Trường đến Hoàng Phụ	Đầu tư công
9	Nghiên cứu tổng thể giải pháp chống sạt lở khu vực bãi tắm từ Hoàng Trường đến Hoàng Phụ	2025-2030	Các xã từ Hoàng Trường đến Hoàng Phụ	Đầu tư công
10	Tuyến Thịnh Đông kéo dài đến Hoàng Phụ,	2025-2026	Hoàng Phụ	Đầu tư công
11	Xây dựng nhà tang lễ đô thị	2025-2026	Thị trấn Bút Sơn	Đầu tư công
<b>III</b>	<b>Các dự án kinh tế xã hội</b>			
1	Bổ sung hệ thống hạ tầng thoát nước, khắc phục các điểm ngập lụt trong đô thị	2025-2030	Trên địa bàn đô thị	Đầu tư công
2	Hoàn thiện dự án Tổ hợp Plamingo	2025-2030	Công ty Plamingo Hoàng Trường; Hoàng Thanh; Hoàng Phụ	Quy mô vốn được xác định theo TMĐT của Tập đoàn Plamingo
3	XD khu thiết chế văn hoá công đoàn tại đô thị Phú - Quý (10-15ha)	2025-2030	Hoàng Phú	Đầu tư công
4	Cụm dự án du lịch chuyên đề Hoàng Phụ – Hoàng Phong	2025-2030		Tư nhân trong nước, FDI

STT	Tên dự án	Giai đoạn xây dựng	Địa điểm	Nguồn vốn
5	GPMB; XD hạ tầng và kêu gọi đầu tư các KCN Phú Quý; Bắc Hoàng Hoá	2025-2026	Trên địa bàn đô thị	Tư nhân trong nước, FDI
6	Cụm các dự án Bắc núi Linh Trường: dự án lấn biển; dự án sân Golf; Dự án cảng cá Hoàng Trường	2025-2030	Hoàng Yên; Hoàng Trường	Tư nhân trong nước, FDI
7	Các trung tâm dịch vụ thương mại ven QL 1A tiểu dự án 2	2025-2030	Các xã ven QL 1A tiểu dự án 2 thuộc Hoàng Hoá	Tư nhân trong nước, FDI

### 10.3. Đề xuất nguồn vốn, nguồn lực thực hiện quy hoạch

#### a. Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển đô thị

Đẩy mạnh việc cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh cho phát triển sản xuất, kinh doanh; giải quyết đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu đang có sức cạnh tranh hoặc có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh; chủ động và có lộ trình hợp lý hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Tiếp tục thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Tạo môi trường phát triển sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn cho các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm ổn định phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động và khuyến khích sự đầu tư của các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế tín dụng đầu tư.

Đẩy mạnh xã hội hoá một số ngành, lĩnh vực xã hội (giáo dục-đào tạo, y tế, văn hoá-thông tin và thể dục thể thao) để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển những ngành, lĩnh vực kể trên.

Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và nguồn vốn ODA: cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án được cấp giấy phép đầu tư tiếp tục triển khai và phát triển, mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế-xã hội của tỉnh.

Cải tiến, hài hoà các thủ tục hành chính, tăng cường vận động để thu hút các nguồn vốn ODA cho phát triển kinh tế, xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực năng lượng, cấp thoát nước, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, xoá đói-giảm nghèo và an sinh xã hội. Công khai các thông tin về cơ hội đầu tư, đảm bảo cơ hội

công bằng giữa các nhà đầu tư.

Tạo môi trường mở và thân thiện với các hoạt động sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc bảo vệ môi trường.

Tập trung nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn ngân sách đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế.

Tập trung nguồn lực phát triển đào tạo nhân lực, chuẩn bị đáp ứng cho nhu cầu của các dự án phát triển kinh tế trong thời gian tới. Có các chính sách thu hút nhân tài về/đến làm việc tại Hoàng Hoá, đặc biệt là con em huyện.

Sử dụng nguồn vốn ngân sách vào các dự án có khả năng kích thích các nguồn tài chính khác như: lập quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng bảo vệ môi trường và các công trình không có khả năng thu hồi vốn.

Tăng nguồn thu tự huy động bằng cách nâng mức phí sử dụng để có thể trang trải đầy đủ chi phí cung cấp dịch vụ hạ tầng, trong đó bao gồm một số hoặc tất cả các chi phí vốn (qua triết khấu trong đó có cả các khoản trả nợ).

Giá (quyền sử dụng) đất và các bất động sản tại Hoàng Hoá khi lên đô thị là một nguồn thu tiềm năng mà một vài thành phố của Việt Nam và rất nhiều nước khác trên thế giới đã khai thác để tạo vốn xây dựng đô thị. Cần huy động nguồn lực này thông qua những chế tài kiểm soát nghiêm ngặt.

Đối với các tuyến đường xây dựng mới hoặc mở rộng cần đi kèm dự án phát triển dọc hai bên đường, dùng nguồn kinh phí thu được từ bán đầu giá các quỹ đất hai bên đường này để đầu tư xây dựng đường, hạ tầng kỹ thuật đi kèm, kinh phí để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình phúc lợi công cộng. Cần quy hoạch những khu tái định cư tại những vị trí hợp lý, tạo điều kiện cải thiện nhà ở cho các đối tượng bị giải tỏa.

Khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động tự cải thiện môi trường sống trong khu dân cư theo mô hình “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Người dân tự nguyện giải phóng quỹ đất để xây dựng đường xá, hạ tầng, có thể tự bỏ kinh phí xây dựng đường. Nhà nước bỏ kinh phí đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng của quá trình xây dựng.

#### b. Giải pháp huy động nguồn lực

- Xây dựng các chương trình đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo kế hoạch.

- Chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch, làm tốt công tác tái định cư phục vụ cho



thu hút đầu tư, phát triển các dự án đầu tư xây dựng.

- Tăng cường công tác vận động đầu tư và thu hút các nguồn vốn.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại và đồng bộ, coi trọng việc phát triển kết cấu hạ tầng diện rộng gắn kết với các khu vực lân cận.
- Xây dựng lộ trình tái cấu trúc đô thị, tăng cường sức cạnh tranh của đô thị.
- Coi trọng công tác tư tưởng, chính trị, phát huy dân chủ trong cộng đồng.
- Tăng cường phát triển các mối quan hệ liên vùng, đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế, đặc biệt với vùng thành phố Thanh Hoá và các địa phương lân cận. Nhằm huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển vùng.
- Xây dựng cơ chế đặc thù phát triển đô thị Hoàng Hoá

## KẾT LUẬN và KIẾN NGHỊ

### **Kết luận:**

Đồ án quy hoạch chung đô thị Hoàng Hoá tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, được thực hiện trong bối cảnh các Quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh đã và đang thực hiện, đây là điều kiện khá thuận lợi, trong việc cụ thể hóa các định hướng, chiến lược phát triển theo các quy hoạch cấp trên cho sự phát triển của đô thị Hoàng Hoá một cách bền vững.

Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045 được lập tuân thủ theo quy định của Pháp luật hiện hành, đáp ứng cho yêu cầu xây dựng và phát triển của huyện Hoàng Hóa nói riêng và góp phần hoàn thiện mục tiêu chiến lược phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa nói chung.

Mục tiêu xây dựng Đô thị Hoàng Hoá trở thành một đô thị phát triển “Bền vững, đổi mới sáng tạo, giàu bản sắc”, với các trung tâm chuyên ngành cấp vùng và tỉnh, hỗ trợ phát triển liên vùng; là trung tâm tổng hợp: kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, thể dục thể thao, du lịch; là một trong những cực quan trọng trong mô hình phát triển đa cực của tỉnh Thanh Hoá; đô thị cửa ngõ phía Đông vùng đô thị trung tâm tỉnh, giữ vai trò kết nối quan trọng giữa vùng trung tâm và vùng Bắc bộ; có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, một đô thị có môi trường sống tốt, đặc trưng gắn với cảnh quan thiên nhiên.

Đồ án đã nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển của huyện Hoàng Hoá, xác định các vấn đề cần giải quyết theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy Đồ án quy hoạch chung đô thị Hoàng Hoá đã tập trung vào các chiến lược nhằm phát triển đô thị Hoàng Hoá một cách toàn diện, bền vững trở thành một trong các trung tâm động lực của tỉnh, tạo ra một cơ cấu vững chắc cho sự phát triển chung:

Những chiến lược đưa ra được cân nhắc qua các giải pháp tiếp cận một cách tổng thể nhằm định hướng sử dụng quỹ đất một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Xu hướng phát triển đô thị theo hướng mở, hội nhập kinh tế vùng và đón nhận cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển đô thị với vai trò liên kết phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ, du lịch... với cơ chế chính sách, môi trường đầu tư thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Đô thị Hoàng Hoá được phân thành 06 phân khu đô thị phát triển và quản lý, nhằm phân định rõ các khu vực đô thị trung tâm hiện hữu tập trung cải tạo và nâng

cấp; các khu đô thị mới cần phát triển đồng bộ và thông minh gắn với các trung tâm mới, khu vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ du lịch...; các khu dân cư nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và du lịch. Các khu chức năng được liên kết chặt chẽ với nhau bằng hệ thống giao thông công cộng thông qua các trục, tuyến vành đai và các trục, tuyến hướng tâm kết nối đồng bộ, hiện đại, tạo sự ổn định cho các khu dân cư hiện hữu và các khu vực trung tâm mới.

Phát triển hệ thống trung tâm, trục không gian chính, điểm nhân, công viên, hành lang cây xanh và không gian mở, quảng trường trung tâm cấp đô thị hướng đến một đô thị Công nghiệp – Sinh thái – Hiện đại – Giàu bản sắc trong tương lai một cách bền vững với các chức năng chia sẻ trong vùng, phục vụ đô thị hỗn hợp và hòa hợp cảnh quan thiên nhiên.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như: Giao thông, thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, vv... được nghiên cứu, đề xuất phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của một hệ thống hạ tầng đô thị xanh và thông minh, đủ đáp ứng nhu cầu phát triển cho tương lai. Hệ thống hạ tầng này phù hợp với mô hình, cấu trúc phát triển của đô thị, phù hợp với Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Quốc gia, Quy hoạch tỉnh và các Quy hoạch chuyên ngành, chiến lược, chương trình Quốc gia có liên quan khác.

Với những định hướng mang tính chiến lược trong quy hoạch lần này, đô thị Hoàng Hoá sẽ là hạt nhân động lực, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của toàn vùng đô thị trung tâm tỉnh nói riêng và toàn tỉnh Thanh Hoá nói chung.

### **Kiến nghị:**

Để phát huy tốt thế mạnh đặc thù, phát triển đúng định hướng quy hoạch một cách bền vững, công tác quản lý xây dựng đô thị theo đề án quy hoạch chung. Kiến nghị một số trọng tâm sau:

- Đối với khu vực trung tâm hiện hữu tại khu vực Bút Sơn, các khu vực đã hình thành đô thị: Hải Tiến; Thịnh Lộc; Phú - Quý và khu vực đã quy hoạch các khu đô thị phát triển mới: Hoàn thiện các mặt bằng quy hoạch đã phê duyệt, thu hút đầu tư để phát triển các trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp, trung tâm dịch vụ tổng hợp cao tầng và các khu phố mua sắm.

- Đối với khu vực sông Cung: Kiến nghị giữ các khoảng xanh bán ngập, các không gian xanh, hành lang xanh nhằm không làm ảnh hưởng đến hành lang thoát lũ sông Cung, cản trở các hướng thoát nước & dòng chảy chính tự nhiên, tạo nên sự đa

dạng trong bố cục không gian; sớm hình thành các khu vực đô thị sinh thái, du lịch và công viên vui chơi, giải trí dọc sông.

- Đề xuất tuyến QL 10 (theo QH) đi trên cao đoạn từ giao với đường nối Hải Tiên với Đường Cao tốc đến giao với đại lộ Bắc sông mã. Để kết nối thuận lợi về giao thông, không gian đô thị giữa khu vực trung tâm hiện hữu và khu vực mở rộng phía Đông đô thị.

Kính đề nghị các cấp các ngành có liên quan, phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Thanh Hóa, ngày      tháng      năm 2024